

THAM THIỀN PHỔ THUYẾT
Lai Quả Thiền Sư
Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Duy Lực

--o0o--

LỜI DỊCH GIẢ.

Quyển sách này trích dịch từ "Lai Quả Thiền Sư Ngũ Lục". Ngài Lai Quả 24 tuổi xuất gia, 28 tuổi kiến tánh, tịch năm 1953 thọ 73 tuổi.

Ngài trụ trì chùa Cao Môn hơn 30 năm, chuyên hoằng Tổ Sư Thiền, phàm có gì chướng ngại sự tham thiền, Ngài đều bài bỏ. Khi Ngài mới nhận chức trụ trì, quyết tâm bài bỏ việc ứng phó kinh sách. Có ông triệu phú xin làm một lễ cầu siêu lớn là Đại Thủy Lục (*tức là thí thực cao nhất trong bốn cấp chấn tế*) hứa cúng 40,000 đồng bạc thiệt (*giá trị hơn 40,000 Mỹ kim hiện tại*), trong khi ấy chùa đang thiếu lương thực, đại chúng đều xin Ngài nhận số tiền ấy, nhưng Ngài vẫn nhất quyết từ chối. Do đó biết Ngài trọng sự tu giải thoát như thế nào!

Cuốn ngũ lục này toàn là lời kinh nghiệm trực tiếp của Ngài, đối với việc tham thiền rất có giá trị, nhưng tiếc rằng người biên tập đem ý mình xen vào trong đó thành có nhiều điều nghịch hẳn ý Ngài, như trong đó có một bài nói phải mua giấy vàng bạc để đốt cho người chết. Sự lỗi lầm không thể tưởng tượng được. Nên chúng tôi chỉ dịch những lời chính đúng ý của ngài Lai Quả, những lời nghịch ý Ngài đều lược bỏ.

Ngũ lục của Ngài gồm có 7 quyển:

- Quyển 1 là Giải Báng Phù Tông Thuyết.
- Quyển 2 là Tham Thiền Phổ thuyết.

Hai quyển cộng chung có 200 bài, nhưng chúng tôi chỉ trích dịch 120 bài và dùng chung một đề tựa là Tham Thiền Phổ Thuyết. Lời nói đầu của tác giả trong quyển một và quyển hai, chúng tôi cũng trích dịch ra để làm lời tựa của Ngài. Trong khi dịch có nhiều sơ sót không thể tránh khỏi, xin độc giả hoan hỷ chỉ giáo cho.

LỜI TỰA CỦA NGÀI LAI QUẢ.

Diệu Thọ tôi viết ra sách này là việc cần thiết trước mắt, tỏ bày tình thật chỉ lỗi cho người tu hành. Đầu tiên nêu ra Giải Báng (*để giải tỏa sự phi báng lẫn nhau của các tông phái*) để khử bỏ gai góc trên đường tu tập của các tông như: Thiền Môn, Giáo Môn, Luật Tông, Tịnh Độ Tông. Vì sáng tỏ lý thuyết của các tông, có đề ra một trăm bài, trong đó từ chỗ địa vị phàm phu nói đến địa vị bậc thánh do trải qua nhiều kinh nghiệm sự thực, việc này đối với bậc thượng căn, im lặng vô ngôn cũng có thể ngộ đạo; đối với trung căn ắt phải nhờ lời nói chỉ dẫn, hành đúng rồi, mới ngộ đạo; đối với bậc hạ căn cần phải chỉ đạo nhiều cách, nói tánh, nói tướng, nói đốn, nói tiệm, huân tập lâu ngày mới ngộ đạo. Cũng như lên núi lấy của báu, người căn khí lớn ngay đó quay đầu lấy được, bậc trung căn cứ đi thẳng lên lấy được, bậc hạ căn thì lên rồi tiến thêm nửa tìm tòi mới lấy được. Trong đó cũng có người tìm không thấy bảo vật, đi về bàn tay không, cũng có người vì cầu bảo vật mà xả thân. Căn cơ không phải một thứ, thuyết này (*Tham Thiền Phổ Thuyết*) hợp với mọi căn cơ thượng, trung,

hạ. Nay Lai Quả xin mời độc giả hãy tự mình thí nghiệm một phen xem! Người chưa dụng công cảm thấy dường như vẫn nhiều. Nếu người tiến sâu e trách là nghĩa cạn, chẳng những trách cạn mà còn cho là quá sơ lược. Tôi sáng tác sách này chẳng tránh khỏi sự chê trách, song tôi chẳng nề quê mùa đem hết chỗ thấy của tôi để báo ân Phật. Nhưng ân Phật lớn lao dùng hết vi trần cả hư không, một vi trần là một Lai Quả, tan xương nát thịt cũng khó báo hết. Chỉ có học pháp pháp, đem pháp làm lợi chúng sanh, dẫn cho người nghiệp nặng khổ sâu, tôi ắt chịu cực theo chúng khổ, không kể khổ đến mức nào, tất cả đều là bổn phận của tôi, tôi sẽ chịu hết để đền ơn Phật.

Quốc chu là vua trị nước trị dân. Đức Phật là thầy cứu người, cứu tâm, tăng đồ chúng ta nên dùng mãnh phần khởi hành việc khó hành, nhần việc khó nhần, chịu cái khổ của cứu người cứu tâm, cần phải biết hoàn cảnh của con người, gặp kẻ thân ác nên dùng pháp cải tà qui chánh để khuyến khích họ gặp kẻ tâm ác nên dùng cái đạo bỏ vọng về chơn để gia trì, họ ấy là thiên chức độ người của tăng sĩ phật giáo. Lại cứu thế chẳng bằng cứu người, cứu người chẳng bằng cứu tâm, cái pháp cứu tâm phải trừ gốc chớ không trừ ngọn mới là đại pháp căn bản. Tại sao vậy? Thế giới thiện là do con người thiện, con người thiện là do tâm con người thiện, tâm người thiện thì từ xưa đến nay, đời này đời sau, thế giới này thế giới khác, xưng là mười phương thế giới đều thiện. Nhưng cái thiện của thế giới là chỉ thẳng cái tâm thiện. Tâm này dù thiện nhưng thực chưa trọng thiện, tại sao? Vì tâm là bốn nghiệp của hư không đại địa, tâm là trung tâm của thiên đàng, địa ngục, tâm là nhà vui của phú quý công danh, tâm là thành phố lo âu của nghèo nàn hạ tiện, tâm thiện thì chiêu cảm ở đất thiện, tâm ác thì chiêu cảm sanh nơi đất ác, do đó thiện ác chia thành lối rẽ. Chúng sanh trường kỳ qua lại trong đó mà chẳng tự biết, vì người thế gian đem tâm để làm vui cho ta, nên tạo mê luân bị lưu chuyển mà chẳng thể trở về tự tánh, cái lỗi lầm lớn này là lỗi tại tâm. Hoặc có người hỏi “Con người trong hằng ngày lấy gì làm thiện tâm, lấy gì làm ác tâm?” Đáp rằng “Sát đạo đâm của thân. Vọng ngôn, ý ngữ, ác khẩu, lường thiệt của khẩu. Tham, sân, si của ý. Tạo mười ác nghiệp này là ác tâm, trái lại tức là thiện tâm”. Nay nói thêm cái tâm thiện ác có phải sai lầm chăng? Ước mong các cao nhân đại trí chớ cho buồn giận, mừng vui là tâm, cũng không nên cho trí ngu lợi độn là tâm, những tâm này đều chẳng phải là chân tâm. Nếu cho những tâm kể trên là tâm thì hư không đại địa, mỗi mỗi xứ sở không còn chỗ để cho chúng ta bám dùi. Vậy muốn cầu chẳng bị tâm mê, chẳng bị thế chuyển, chẳng lạc vào lối rẽ, đều chẳng thể được. Nếu người muốn đạt đến nguồn gốc của chân tâm. Kính xin mọi người trước tiên phải kính trọng phật giáo, kẻ tín tăng sĩ. Bởi vì, Phật pháp là pháp cứu tâm, tăng sĩ là người chỉ ra tâm. Không những tự mình tin tam bảo, còn phải khuyên tất cả người cung kính tam bảo. Cái tâm tin tam bảo là cái sơ tâm của thành Phật, người tin tam bảo là người thiện nhân học Phật. Từ một người tin tam bảo cho đến người khắp thế gian tin tam bảo, người khắp thế gian có lòng tin này mới là đi đúng cái đường bỏ vọng về chơn. Vọng đã trở về chơn thì tà đâu có thể còn. Đã về chỗ chơn thì còn gì chánh hơn nữa, nên biết cái công của Phật giáo, cái đức của tăng sĩ, e rằng muôn kiếp cũng không thể kể xiết.

Lai Quả không nhần thấy tâm người bị chìm đắm, tam bảo bị thất lạc, thành thật đem Tham Thiền Phổ Thuyết để cứu tâm, dùng mở mang cho đương cơ. Ước mong người đọc được chuyển niệm trở về với tự tánh, khiến cho cái nhân chẳng thể cứu, cũng nhất định cảm cái quả thành Phật. Kính xin người đọc y

pháp bất nhân, ấy là việc rất may mắn vậy!

Mục Lục:

Lời dịch giả.

Lời tựa của Ngài Lai Quả.

1. Phát tâm học đạo.
2. Nguyên trụ Tông Lâm.
3. Lập hạnh quyết định.
4. Đánh hết khó chịu.
5. Quy củ khó học.
6. Thân tâm bất an.
7. Thiệt thời khó chịu.
8. Tập khí khó trừ.
9. Nhẫn khổ.
10. Lục căn khó nhiếp.
11. Tỉnh cầu khai thị.
12. Chán trụ Tông Lâm.
13. Thích ở núi sâu.
14. Nhẫn nại phiền toái.
15. Chẳng trọng tu huệ.
16. Chẳng muốn thường trụ.
17. Dễ phạm quy củ.
18. Hỷ xả tất cả.
19. Phát tâm dũng mãnh.
20. Thân tâm quen thuộc.
21. Chẳng tin tham thiền.
22. Nghi Pháp.
23. Nghi người.
24. Toan tính thói lui.
25. Biết sám hối.
26. Biết hổ thẹn.
27. Phát khởi lòng tin.
28. Nghe được lãnh hội.
29. Thấy có tương ưng.
30. Tự nguyện dụng công.
31. Quên mệt nhọc.
32. Nghi tình chẳng đắc lực.
33. Thân tâm bức bối.
34. Tâm thôi lui bỗng nổi dậy.
35. Nhận sự khuyến tỉnh của đại chúng.
36. Vọng tâm tạm nghỉ.
37. Ngoài thân tạm quên.
38. Cảm thấy thân khinh an.
39. Trụ chỗ khô tịnh.
40. Bày đặc bày bạ.
41. Ham thích thơ kệ.
42. Chẳng nguyện tiến sâu.
43. Cái dụng đề khởi.
44. Công năng trừ vọng.

45. Công năng trừ ngủ.
46. Lạc đường tự tại.
47. Vọng tự thừa đương.
48. Giới luật sai trái.
49. Tâm pháp đều tịch.
50. Được chút ít cho là đủ.
51. Sanh tâm dụng.
52. Hữu tâm dụng.
53. Tán tâm dụng.
54. Nắm giữ dụng.
55. Đắc lực dụng.
56. Phóng tâm dụng.
57. Thân thiết dụng.
58. Gián đoạn dụng.
59. Tho tâm dụng.
60. Miên mật dụng.
61. Chẳng gián đoạn dụng.
62. Tế tâm dụng.
63. Lìa pháp dụng.
64. Vô tâm dụng.
65. Chân tâm dụng.
66. Chuyển thân dụng.
67. Đồng thể đại bi.
68. Thay chúng chịu khổ.
69. Đại từ tạo vui.
70. Xót thương chúng khổ.
71. Học hạnh Bồ Tát.
72. Bồ thí.
73. Trì giới.
74. Nhẫn nhục.
75. Tinh tấn.
76. Thiền định.
77. Trí huệ.
78. Hỷ xả.
79. Ái ngữ.
80. Lợi hành.
81. Đồng sự.
82. Lập chí hướng thượng.
83. Trừ biếng nhác.
84. Cung kính.
85. Cúng dường.
86. Tán thán.
87. Ẩn giấu điều ác, phô dương điều thiện.
88. Trừ phi báng.
89. Dứt tranh cãi.
90. Ba điều thường không đủ.
91. Khuyến trụ Tông Lâm.
92. Phát tâm làm việc.
93. Thích làm thanh chúng.
94. Tinh nguyện nhận chức hành đơn.

95. Biết nhân biết quả.
96. Phát thệ nguyện lớn.
97. Sự lý dụng.
98. Hóa đạo dụng.
99. Tha thọ dụng.
100. Tự thọ dụng.
101. Thiền pháp.
102. Tu tập hạnh.
103. Cầu thần thông.
104. Hiểu thắng.
105. Dụng công phu ngoại đạo.
106. Hiểu lầm.
107. Công phu chẳng bị thế gian chuyển.
108. Công phu chẳng bị thân chuyển.
109. Công phu chẳng bị tâm chuyển.
110. Công phu chẳng bị hôn trầm chuyển.
111. Làm chủ sanh tử.
112. Đầu sào trăm thước.
113. Trên bờ vực thẳm buông tay.
114. Tuyệt hậu tái tô.
115. Qua sơ quan.
116. Phá trùng quan.
117. Thấu lao quan.
118. Buông Không xuống.
119. Khai tông lâm.
120. Chánh pháp trụ lâu.

1. PHÁT TÂM HỌC ĐẠO.

Chư Tăng cả thế giới có thể thọ giới, có thể hành hương nơi các thánh tích, xong riêng đối với việc tu hành học đạo thì không có thể. Tại sao kỳ quái như thế? Vì từ khi sanh ra đến nay, chịu tập quán của gia đình trời buộc chẳng nghĩ xa lìa, lại thêm sự bức bách của các việc thuận nghịch, sự lấn hiếp của các cảnh khổ vui, thiện căn phát khởi là nhờ nhân lành của những kiếp trước đã chín mùi nên có tâm xuất tục, làm người xuất gia. Vừa vào đạo gặp Thầy truyền cho ứng phó Kinh Sám, lại thêm Phật sự rộng ràng, ngày đêm đọc tụng bỏ ngủ quên ăn vì muốn tinh thông việc này, nghĩ muốn hơn người, mừng có nghề nghiệp nuôi sống trọn đời. Buồn thay! Khổ thay, ai dè đã vào lâm cửa, lở theo bọn ấy, suốt ngày lãng xăng phí thời giờ một cách vô ích. Lại chẳng biết còn có con đường rộng lớn kang trang, Tông Lâm thanh thang, mà cam chịu nhiệm theo thói quen của mấy ông Thầy đắm ở những chùa tư. Khi gặp nghịch cảnh khó khăn, quyết chí tìm thầy học đạo, một khi gặp Thầy, xin dạy niệm Phật, trì chú, giáo môn hoặc tham thiền, tùy theo môn phái của Thầy. Đến nay người xuất gia khổ hạnh ở các am thất, chùa tư phần đông đều gặp cảnh này.

2. NGUYỆN TRỤ TÔNG LÂM.

Trụ Tông Lâm là điều thứ nhất trong 12 điều của hạnh Đầu đà. Tông Lâm, tiếng Phạn (Ấn Độ) gọi là A Lan Nhã, dịch là chỗ yên tịch, còn gọi là Tăng Già Lam là chỗ thánh hiền mười phương tu tập.

Người thọ giới, đầu tiên do bốn sư khai thị dẫn dắt nhiều cách, kể nghe bậc tiền bối ca ngợi sự trụ Thiền đường, rồi phát tâm sửa soạn y áo, mua sắm giày dép, suy nghĩ hồi

thăm toan tính trăm thứ đều không ổn. Muốn học kinh giáo song không đủ trình độ, toan đi hành hương các thánh tích lại thiếu tiền đi đường. Vừa nghe cái tốt của chùa Thiên Ninh, lại nghĩ cái lạ của núi Thiên Mục, thường nghe chùa Kim Sơn việc ngồi thiền đau chân khó chịu, đã biết từ lâu, giờ tọa thiền ở chùa Cao Mân nên hương dài thật khó ngồi. Tông Lâm rất tốt muốn trụ song quy củ quá khó khăn, tiến thoái lưỡng nan, do dự suốt ngày. Chợt gặp vị tăng lân cận chỉ cho con đường chân chánh và chỉ cho hướng đi, mới dám bạo gan cất bước. Vừa đến sơn môn tim đập chân run, bước vào khách đường đỏ mặt ngơ ngác. Vị chức sự gặp thấy, quát lên một tiếng “Sơ tham”, lại quát lên một tiếng nữa “Thằng khốn nạn, bộ chưa nghe nói quy củ nghiêm khắc, điện đường nghiêm tịnh, qua lại không nghe tiếng động, ngồi nằm phải tuân lời dạy hay sao?” Người có chí vì đạo dần dần định tâm, kể bỏ kiến chấp, thứ lớp của quy củ dần dần rõ biết, lòng gan dạ mà tâm khoan dung, việc làm thuần thực mà chí kiên cố. Nếu người không có tâm vì đạo thì như chim bị nhốt vào lồng, thân khó ở yên, chỗ thấy đều chẳng vừa ý, chỗ nghe đều là giựt mình sợ hãi, tránh chỗ này đụng chỗ kia, trời đất đen tối, muốn tìm cách chạy trốn lại càng thấy rất khó. Lúc ngồi xếp bằng, lòng rỗng rang như cái nồi không, thân thẳng đứng như cái bàn. Lúc bào hương đi như nhảy múa. Lúc sống bình thường như phòng giấc. Theo chúng qua ngày chịu khổ chịu cực, đi đến chỗ vắng khóc lén không cho người biết. Mỗi khi nghe tiếng quát của vị chức sự, đứng thẳng ngơ ngác, bỗng được bạn đạo khuyên nhắc, mặt mày vui vẻ. Những người đời trước có gieo nhân của đạo nay gặp duyên này, quả sắp chín mùi, năm ba mươi năm sống như một ngày, hạt giống Bát Nhã, gốc rễ thành Phật càng thêm sâu dày. Còn người đời trước không có gieo nhân của đạo, nay gặp được trợ duyên ở Tông Lâm này cũng giúp cho họ có cái nhân tốt để được quả chín mùi, huân tu rèn luyện ắt sẽ được thành tựu pháp khí lớn. Nay tu thắng nhân, vị lai chắc chắn được thắng quả, con đường sanh tử phải tu, con đường Niết Bàn mới rõ.

Như vậy chẳng trụ Tông Lâm thì chẳng thể vun trồng Phật nhân, chẳng trụ Tông Lâm thì chẳng thể thành tựu Phật quả. Bằng không, nhân địa chẳng chân, gặp quả cong queo. Phải biết Tông Lâm là chủ thể của Tam Bảo, cũng là nền tảng hành đạo. Tông Lâm suy, chánh pháp không làm sao trụ ở đời lâu dài được. Tông Lâm hưng thịnh thì Tam Bảo là phước điền của thế gian. Người xưa nói “Người phát tâm trụ Tông Lâm, năm ba mươi năm chẳng phạm quy củ, người này đủ phước báu lớn, có chánh nhân lớn”. Lại nói “Nếu ở núi sâu một mình hành đạo chẳng bằng ở Tông Lâm ngủ khò”. Thật đúng thay lời này.

Đại khái, người đã trụ qua Tông Lâm, xuất ngoại hành cước nơi xóm làng thành thị, oai nghi tế hạnh cử chỉ nói nín của người ấy khác hơn người thường khiến mọi người sanh lòng kính mến tin cậy, đáng làm mô phạm cho tất cả thiện nam tín nữ vun bồi phước đức, gieo trồng thiện căn vô lượng. Mong những bậc trưởng giả tin Phật tận sức hộ trì chẳng chút kỳ thị, công đức rất lớn.

Người nào sống được trụ Tông Lâm, chết được nhập tháp viện, chẳng những cha mẹ quá khứ siêu thăng Tịnh Độ, cha mẹ hiện tại tăng phước sống lâu và chính mình cũng tiến sâu vào đạo, sở nguyện đầy đủ.

3. LẬP HẠNH QUYẾT ĐỊNH.

Đã vì đạo đến đây, đầu tiên ắt phải lập hạnh. Hạnh lập, đạo ấy tuy hành mà tâm vẫn loạn. Sao vậy? Vì từ vô thủy đến nay tập khí sâu dày, cuộc sống hiện đời khiến thêm thuần thực, suốt ngày bị cuốn theo dòng thế tục lại cảm thấy thuận tâm thích ý, nay đã xuất gia, thói quen thuần thực trước kia đã bị kích thích, lại thêm lập hạnh, hạnh này với thói quen cũ trái nghịch. Trái nghịch như thế nào? Như xưa thích ăn mặn, nay

buộc phải ăn chay, rau cải thiếu dầu lại cơm ăn chẳng no. Mọi việc trái ý bức ngặt nơi tâm, mới biết hạnh lập, tâm tự rối loạn là lẽ tất nhiên, tất cả việc khác theo đó có thể suy ra mà biết.

1. Người lập hạnh, biết trước kia những điều lớn nhỏ mình làm đều không có ý nghĩa, nay có ý lập hạnh cần phải soi xét lại các việc, cái không có lý thì kiểm điểm mà sửa lại, cái có lý rồi thì canh tân cho hợp với hạnh mới lập. Việc làm so với trước có phương hướng, động niệm so với trước có chủ trương, cho đến động tịnh, rồi rảnh bận rộn đều thuận theo hạnh đã lập. Nếu thọ dụng được cái hạnh đã lập thì tâm tự chẳng rối loạn, thân tự chẳng làm càn, việc tự chẳng làm lẩn. Như thế, hạnh hay kiểm chế được việc làm.

2. Thêm một bước nữa là hạnh quyết định. Hạnh đã quyết định thì sống chết cũng chẳng dời đổi. Trời đất có thể lay động, chứ hạnh của ta chẳng lay động, hư không có thể không, chứ hạnh ta chẳng thể không, đây gọi là hạnh quyết định. Bất cứ việc làm nào cùng với hạnh đã lập đều không ngại nhau. Tâm càng loạn hạnh càng chắc, thân càng nguy hạnh càng thiết, việc càng hỏng hạnh càng cao. Hạnh chuyển được tâm ác thành niệm thiện. Hạnh chuyển được thân bệnh thành khỏe mạnh. Hạnh chuyển được hung hiểm thành an ninh. Đây gọi là hạnh quyết định kiểm chế được thân.

3. Hạnh quyết định, tuy nói hạnh kiểm chế được việc khiến cho chẳng rối loạn, hạnh kiểm chế được thân khiến cho an ổn, hạnh kiểm chế được tâm ở một chỗ, đâu bằng không có việc để loạn, không có thân để an, không có tâm để kiểm chế.

Từ chỗ quyết định này buông tay đi thẳng, chợt đến chỗ sơn cùng thủy tận, người và pháp cả hai đều quên, xoay mình lại (ngộ) mới biết ba điều của hạnh quyết định này làm cho thân, tâm, thể giới đều quét sạch (đạt đến chỗ tự do tự tại). Phải biết cái hay của hạnh quyết định là ở Tông Lâm năm ba mươi năm khổ tâm vì đạo, tôi dám bảo đảm kiến tánh.

4. ĐÁNH HẾT KHỔ CHỊU.

Người tu hành có chí thì trước tiên hỏi kỹ hướng đi, kẻ đó nghiên cứu chỗ ở, rồi lại xét kỹ gia phong, sau đó mới theo đạo.

Nên nghĩ cái học của thế gian chẳng ra ngoài lời dạy bao quát của đức Khổng Tử và Bách Gia Chư Tử. Cái học của xuất thế gian phải lìa tình thức, quét thánh phàm, nên trước tiên phải rõ phương pháp lìa tình tuyệt thức. Phải biết tình bởi ái mà có, thức do vọng mà sanh. Hai chữ tình thức là chỗ phân biệt của thánh phàm.

Thật ra vì tình chẳng thể không nên lục phàm luân chuyển, thức chẳng thể liễu nên tứ thánh rõ ràng. Nay đem hai chữ tình thức này nói ra cho thế gian biết để cho bậc anh tài, cao minh giải thích nghĩa lý, thiết lập một phương pháp dứt trừ để làm thử. Nếu có thể trừ được, liễu được thì tôi vui vẻ theo học pháp ấy.

Khắp thế gian đã không ai có cách nào để quét sạch được tình thức, thì ắt phải y theo đạo đánh hết của người xưa mà làm mới chẳng phụ cái chí tu hành. Như vậy quyết tâm trụ tại Tông Lâm, lấy ngộ làm kỳ hạn.

Muốn cầu cái học khử trừ tình thức, ắt phải chịu cái đạo đánh hết (ăn gậy). Phải biết tình liên quan đến giận hờn, yêu mến, thức trói buộc ngộ mê. Người khắp thế gian dễ yêu dễ giận đều vì tình che lấp, chấp mê chấp ngộ cũng do thức buộc ràng. Như vậy, đánh đau một trận, tình bay ra ngoài hư không, giận hờn, yêu mến đâu còn, hết to một tiếng, bóng thức toàn tiêu, ngộ mê đâu có!

Thường thường người mới học đạo chẳng rõ pháp trợ đạo nên nói “Có đạo để học, có tâm để dụng, việc lớn một đời ắt xong, đâu cần hương bản đánh như trẻ con, hét to như dọa con nít. Quy củ khó là cái chướng của dụng tâm, khai thị nhiều làm mất công ngồi nghe”. Những người có kiến giải này chỉ nên ở núi hay ở chùa tư hoặc am thất. Người hiểu lầm như thế, chư Phật nghe qua roi lệ, Tổ sư nghe đến đau lòng, Long Thiên biết rồi dậm chân, Quỷ Thần biết xong đâm ngực. Người học đạo cần phải nghĩ kỹ, đức Thế Tôn tu đạo ở Tuyết Sơn, mỗi ngày ăn một hạt thóc hạt mè, trải qua sáu năm tinh tấn, cực khổ còn hơn cái đau của đánh hét, cái khó của quy củ, cái nhiều của khai thị, đâu chỉ ngàn muôn lần? Nhị Tổ cầu pháp đứng suốt đêm dưới tuyết, tuyết lên đến lưng còn bị quở là tâm khinh mạn, chẳng đáng được nghe đạo. Ngài bèn chặt tay dâng lên mới được nghe Sơ Tổ thuyết pháp, há chẳng hơn sự khổ cực của thiền đường ngàn lần ư?

Ở thế gian, gặp người tiếp vật thuận theo tình cảm, xưng hô lễ phép, ấy là tình. Lời nói vấn đáp, kiến giải hiểu biết, ấy là thức. Chính tình thức làm cho thiền đường suy tẻ. Dầu cho có khả năng đập vỡ hư không cũng chẳng bằng một gậy của thiền đường, một gậy có thể phá tình này. Dầu cho có sức đập chìm quả đất cũng chẳng bằng một tiếng hét của thiền đường, một tiếng hét có thể lia thức này. Cho nên nói “Cây gậy bảy thước khai chánh nhãn, dưới một tiếng hét ngưng cuồng tâm”. Lại nói “Trên đầu hương bản sanh Tổ Sư, trong tiếng hét lớn ra Bồ Tát”. Người có sự nhận thức đúng về pháp pháp cầu Thiện Tri Thức đánh, thỉnh Thiện Tri Thức hét. Một gậy một hét có thể trừ sạch tình thức trong nhiều kiếp. Muốn trụ thiền đường nếu sợ đánh hét thì khó trụ lâu. Nếu có thiền đường nào tạm bỏ đánh hét thì thiền đường ấy chẳng thể tồn tại. Thiền đường là ghe thuyền của thế gian và xuất thế gian. Đánh hét là lợi khí để liễu thoát sanh tử. Muốn thành Phật đạo phải ở thiền đường. Muốn thoát sanh tử phải chịu đánh hét. Đánh hét của thiền đường là mẹ, kiến tánh thành Phật là con. Cho nên chư Phật chỉ quy về thiền đường, chư Tổ đều sanh ra từ Tông này. Há chẳng tin sao?

5. QUY CỬ KHÓ HỌC.

Quy củ là pháp cương lớn nhất của thế gian và xuất thế gian. Quy là sợi dây mực. Củ là cây thước thợ (ê ke). Ngay thẳng chẳng dùng dây mực thì không có tiêu chuẩn. Vuông tròn chẳng dùng thước thợ thì không có khuôn phép. Cho nên, người xưa nói “Chẳng y theo quy củ chẳng thành vuông tròn”. Lại như xẻ cây muốn được ngay thẳng trước tiên phải dùng dây mực rồi mới cưa, cây được ngay thẳng hữu dụng là nhờ công của dây mực. Lại như làm thùng muốn cho nó tròn, trước hết dùng thước thợ làm vuông bốn góc, rồi tám góc, cái thùng tự tròn, cái thùng tròn hữu dụng là nhờ sức của cây thước thợ. Phải biết hư không cao biết bao, dây mực treo nó thẳng, quả đất rộng biết bao, thước thợ đo nó tròn. Một hư không, một quả đất chưa ra khỏi quy củ một bước. Lại như thẳng thì dọc suốt tam thế, quá khứ, hiện tại, vị lai, tròn thì khắp giáp mười phương, phạm vi của quy củ lớn không gì so sánh được.

Người muốn trụ Tông Lâm chẳng y theo quy củ thì chẳng biết đến đây là vì việc gì? Phải biết thân tâm của chúng ta là do nghiệp chướng tạo thành, tập khí huân thành, nên trôi lăn trong lục đạo, cái tên "quy củ" còn chẳng được nghe hưởng là biết có quy củ thật. Vì không biết quy củ nên tùy tâm phóng túng, mặc ý muốn làm, trước không có ngăn cấm, sau không có cản trở, tham dục hoành hành, theo nghiệp thọ báo, trôi lên hụp xuống không biết đến lúc nào mới thôi.

Hôm nay may mắn xuất gia, lại gặp quy củ. Quy củ là nền tảng của Tông Lâm, là chỗ nương tựa của tăng chúng, là bước đầu của học đạo, là thêm bậc của thánh hiền, là thầy lành của xuất thế, là người dẫn đường của sự thành Phật, là bè quý báu của biển

khô, là đèn sáng của đêm tối, là của báu cho người nghèo, là thuốc hay cho người bệnh, là cứu tinh của loài người, là khuôn mẫu của người học. Dầu cho miệng Phật ngợi khen cũng không hết được.

Học đạo ở thiên đường, quy củ lớn, phép tắc nhỏ đều phải y theo đó mà làm. Kẻ phạm là theo nghiệp chướng. Kẻ không phạm là không bị nghiệp lôi. Như vậy quy củ dầu nhiều, phép tắc vi tế dù rất khó học song phải gắng học. Sau khi học thuộc, một ngày học ngàn ngày dùng. Nơi này chốn khác đều tôn là Thượng Tọa.

Nên biết quy củ cùng nghiệp chướng như băng tuyết với than lửa chẳng đồng một lò, phép tắc cùng tập khí như nước với lửa chẳng chung một bình. Nghiệp chướng hiện thì quy củ mất. Tập khí khởi thì phép tắc ẩn. Nghiệp chướng và tập khí khởi lên thì phải luân hồi trong lục đạo. Thử hỏi người học đạo giữ quy củ là phải hay theo nghiệp chướng là phải? Cho nên Hòa Thượng, Ban Thủ, Duy Na, chức sự đều tận tâm lực giữ quy củ nghiêm minh để cho người học mỗi ngày thêm tốt, chẳng kẹt vào lưới trần tục. Lòng từ bi thiết tha rộng lớn, cả thế gian không gì hơn vậy. May thay!

6. THÂN TÂM BẤT AN.

Thân tâm bất an chính là thứ lớp vào đạo. Sao vậy? Thân nếu rảnh rang, hiện nghiệp dễ tạo, tâm nếu an nhàn, tật xấu liền sanh. Nên biết, tâm nương thân mà trụ, dù tâm bất an cũng đâu thể lìa thân một khắc, thân nương đất mà trụ, dù thân bất an cũng đâu thể lìa đất một bước. Nếu hiểu như thế thì đâu còn bất an. Giả sử thân tâm an ở chỗ tham nhiễm, chỗ này tức là nhân khổ, chỗ này tuy an nhưng thuộc về cái an trong chốc lát, vì ác nhân đã gieo ất ắc quả phải đến, thân tâm sau này sẽ bị an ở chỗ địa ngục, ấy tức là ác quả vậy.

Ở thiên đường tuy khó an mà sẽ làm cho đạt đến cái an vĩnh cửu. Trụ ở thiên đường lâu ngày, thân tâm bất an tự an. Phải biết thân tâm chịu sự ràng buộc của thế gian, ràng buộc lâu ngày cũng có thể tự an. Nay đem thân tâm ở lâu ngày nơi thiên đường, ở lâu cũng an, giống như đang ở nhà an ổn, bỗng phạm pháp luật bị bắt bỏ tù thì trong khoảng khắc cũng khó an, nhưng sống trong tù lâu ngày quen rồi lại cảm thấy an, chẳng những không thấy khó chịu mà thậm chí còn muốn chẳng ra khỏi tù, chẳng những thân an mà tâm cũng an. Cái tệ của thân tâm, không luận là ở chỗ nào, ban đầu thật bất an, dần dần hơi an, kể đến có thể an, lâu ngày an luôn, đây là cái bệnh chung của lục đạo.

Than ôi! Thân tâm của người tham thiên trụ tất cả chỗ đều chẳng thể an là lý đương nhiên. Vì tất cả chỗ đều là chỗ trần lao nên chẳng thể an ổn lâu dài được. Nay ở thiên đường là hạnh chánh của người con Phật, là chỗ ở chánh của người hành đạo, nếu chẳng thể an thì nhất định là không thể được. Sao vậy? Vì người tham thiên mang cái thân hành đạo mà ở chỗ chẳng hành đạo thì đạo làm sao hành được, cho đến người có tâm đạo mười phần ở nơi đạo tràng hành đạo, đạo còn khó hành huống là ở chỗ chẳng phải đạo tràng mà có thể hành đạo được ư! Giống như ở ngã tư đường nơi thành thị mà muốn lìa sự huyên náo, dứt sự nhiễu loạn của thế tục có thể được ư!

Điều thiết yếu nhất là đem thân tâm trụ ở thiên đường lâu dài, thà bất an mà chết chứ chẳng chịu rời thiên đường tạm an mà sống. Người học đạo nên xem xét kỹ.

7. THIẾT THỜI KHÓ CHỊU.

Lời này là của người không biết mới nói, chứ người có chút trình độ chắc không nói như thế. Sao vậy? Vì từ dưới chúng sanh lên đến chư Phật, hai chữ "thiết thời" này

không ai tránh khỏi. Tại sao thế? Đức Thế Tôn một hôm khát thực xong, trải tòa thuyết pháp, đang ngồi trang nghiêm trước trăm muôn đại chúng, bỗng có một cô gái ôm bụng bước vào đứng trước mặt đức Phật nói “Ông nay thuyết pháp thân tôi chẳng an, chẳng bao lâu sẽ sanh, sao ông chẳng màng đến!” Lúc ấy đại chúng ngơ ngác hoang mang. Thương thay! Đức Phật của chúng ta đang chịu thiệt thòi nặng nề. Khi ấy các vị vua trời Phạm Thiên sai một thiên nhân hóa làm một con chim ưng bay đến bên cạnh cô gái, mổ đứt sợi dây, trái bầu rơi xuống đất, đại chúng tiêu hết nghi ngờ. Sự thiệt thòi lớn lao có gì hơn điều này.

Lại nữa, một hôm đức Phật dẫn chúng vào thành theo thông lệ khát thực. Lúc ấy vua A Xà Thế cùng Điều Đạt muốn hại Phật và các đại chúng, ra lệnh cả thành cấm cung đường thức ăn, như vậy Phật và đại chúng khát thực liên tiếp bảy ngày cũng không được một hột cơm. Về sau hai người hối cải, để cho dân chúng cúng dường trở lại. Đây là cái thiệt thòi bị bỏ đói, thể gian đâu thể chịu nổi. Lại nữa, một hôm các vị đại A La Hán bận an cư ở nơi xa, chỉ có vài trăm người cùng Phật kiết hạ nơi chân núi. Điều Đạt sai nhiều lực sĩ lên lần đá to từ trên núi xuống, làm Phật bị thương chân. Thương thay! Đức Phật là đại sư của ba cõi, là cha lành của bốn loài, phải chịu sự thiệt thòi lớn như bị làm nhục, bị bỏ đói, bị hãm hại. Phật còn như thế, ta là người thế nào?

Lại như ngài Từ Minh đến thỉnh pháp nơi Phần Dương, mùa đông lạnh lẽo muốn được thân cận, Phần Dương tạt nước đuổi đi. Từ Minh đứng ở góc điện suốt một đêm. Sáng sớm hôm sau, Phần Dương trông thấy lại tạt nước nữa, như vậy hai ba lần. Thương thay cho Từ Minh vẫn vui vẻ nhận lấy, về sau khai ngộ, hiệu là Sư Từ Tây Hà.

Lại nữa, như ông già Kính Sơn (*tức ngài Đại Huệ Tông Cảo*) vì bốn câu kệ mà bị vua đầy đi biên thùy. Về sau hoàng hóa rộng lớn, xa gần đều khâm mộ sùng kính. Đây là sự thiệt thòi lớn không có gì sánh bằng.

Từ xưa chư Phật chư Tổ còn như vậy, nay ta đã ở Tông Lâm, an trụ thiền đường, mặc cho thiệt thòi đủ thứ, nghịch đến thì dùng thuận thọ nhận, đánh đập cũng thọ nhận, giận ghét cũng thọ nhận. Phải biết, chịu được một phần thiệt thòi, tiêu được một phần nghiệp chướng, mở được một phần trí huệ. Dù cho người chặt đầu ta, cắt cụt ta, cũng chẳng màng đến, chỉ cần có thiền đường để trụ, có quy củ để giữ, có đạo để hành là đủ rồi. Ngoài ra, trong thân ngoài thân đều thuộc về việc không quan trọng. Dầu cho sự thiệt thòi to như núi cao, nếu có thể chịu nổi thì mới đáng gọi là bậc đại tượng phu vậy.

8. TẬP KHÍ KHÓ TRỪ.

Chỉ có một mình Phật là trừ sạch được tập khí, ngoài ra Bồ Tát Thanh Văn đều chưa trừ sạch, huống là phàm phu chúng ta ư! Chủ thể của tập khí là ba thứ thân, tâm và thể giới. Tham nhiễm, xả bỏ là tập khí, mặc áo ăn cơm, đi ỉa đi đái là tập khí, nói nín động tịnh, ra vào tới lui là tập khí, khởi tâm động niệm, chấp mê chấp ngộ là tập khí, liễu sanh thoát tử, thành Phật làm Tổ là tập khí, tham thiền học đạo, minh tâm kiến tánh đều là tập khí. Tập khí sâu như thế rất khó trừ, nếu chẳng phải bậc đạt đạo e khó trừ được nó.

Hoặc có người hỏi “Chúng tôi hàng ngày làm theo quy củ, thực hiện công phu tham thiền, chắc chẳng phải tập khí?” Đáp “Đây chẳng những không phải tập khí, lại là pháp trừ tập khí. Nhưng có người ở trong pháp trừ tập khí sanh thêm tập khí. Như

buổi sáng trả nợ một trăm, buổi chiều vay nợ một ngàn, trừ nó thì ít mà thêm nó lại nhiều". Than ôi! Đau đớn thay!

Tập khí lớn lao, lấy gì để trừ khử? Xét kỹ ắt phải nhờ đến thanh quy của thiên đường, phép tắc vi tế hằng ngày, sự giúp đỡ của đánh hét, sự dẫn dắt của thiện tri thức, năm ba mươi năm chẳng xong, nếu kiếp này chưa sạch thì kiếp sau tiếp tục. Dẫu cho tập khí lớn bao nhiêu, chỉ cần lập chí bền chắc thì rốt cuộc ắt phải trừ xong. Nếu như người không có lỗ mũi (*đã ngộ*) thì đối với cái lớn của trời đất, cái cao của hư không, cái tôn quý của Phật Tổ, cái rộng nhiều của chúng sanh, người này đều chẳng màng đến, ngoài ra tất cả các thứ khác cũng không nhiễm một chút. Nếu ông học được như người này thì bảo ông thành Phật cũng chẳng khó. Người này tuy hay, song cần phải lia mê ngộ mới được. Nếu quả ông thấy được thì mới biết hư không có người này, đại địa có người này, hữu tình vô tình đều có người này, động chân gặp ngay người này, hễ miệng cắn nhầm người này. Cái hay của người này không thể lấy gì để thí dụ.

9. NHÃN KHỔ.

Người tham thiền dụng công tham cứu ngày đêm quên mệt, quên ăn cơm, uống trà, chẳng biết có đói khát, khó chịu, có bệnh cũng không màng đến. Dẫu cho chết ngay cũng không bỏ công phu, nếu chết cũng mang công phu theo mà chết. Có người phi báng ta là người xấu, người phá giới, người đại ác, lại càng khiến ta công phu thêm miên mật. Hoặc có người khen ngợi ta, thương mến ta, cung kính, cúng dường ta, ta cũng phòng ngừa không để cho công phu bị đánh mất. Thường thường gặp cảnh nghịch công phu có thể không bị đánh mất, lúc gặp cảnh thuận dễ bị đánh mất. Không bị đánh mất thì không phải vào hầm lửa phiền não, như thế gọi là nhãn được cái khổ ngoài thân.

10. LỤC CĂN KHÓ NHIẾP.

Lục căn là chỉ cho mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Phạm vi của lục căn bắt quá ở trên thân này sao lại nói khó nhiếp? Ông muốn nhiếp, ta thì muốn buông. Vì cố sao? Vì nhiếp để giữ kín nó lại đó là hại lớn. Chẳng bằng thấy có tướng thì buông xả cái thấy, nghe có tiếng thì buông xả cái nghe, bốn căn kia cũng như thế. Người hành đạo trước tiên quên thấy quên nghe, kể đến tịnh thân tâm, chẳng những lục căn lục trần được buông xả mà lục thức theo đó cũng dừng. Thường thấy người trụ Tông Lâm đầu thân tay chân cứng như cây khô, đi như người gỗ, ngồi như ông địa, đây tuy chẳng hay, song so với người phóng đãng thì tốt gấp muôn lần. Như thế, chẳng qua chỉ là mắt nhắm không liếc ngó, nhưng bên trong còn động, hễ con người chợt nhìn liền bị tướng nhiếp; tai dù không nghe, hễ cái đầu bỗng động liền bị tiếng nhiếp. Cách hành như thế thì đâu có nhiếp được các căn.

Cách nhiếp chân chánh ví dụ như một cái phòng xung quanh có sáu cửa sổ, trong đốt một ngọn đèn thì ánh sáng từ sáu cửa chiếu ra ngoài. Muốn trừ bỏ một cửa thì dùng vải bịt che lại ắt một cửa tự tối. Dùng vải che dụ cho giữ con mắt không cho nhìn bên ngoài. Muốn trừ bỏ cửa thứ hai, cũng dùng vải che, vải che tức là giữ cái tai không cho nghe bên ngoài. Bốn cửa kia cũng vậy.

11. THỈNH CẦU KHAI THỊ.

Nói về thỉnh cầu khai thị thì lúc Phật còn tại thế cũng có. Việc này trọng đại, thế gian chẳng thể so sánh được. Như một hôm, ngoại đạo mang hoa đến cúng Phật, thỉnh Phật khai thị.

Phật bảo: Buông hoa xuống.

Ngoại đạo buông hoa xuống.

Phật bảo: Buông tay xuống.

Ngoại đạo buông tay xuống.

Phật bảo: Buông thân xuống.

Ngoại đạo do dự.

Phật quả: Buông chẳng được thì gánh lên đi!

Ngoại đạo ngay đó đại ngộ.

Lợi ích của sự thỉnh cầu khai thị đâu thể kể xiết.

Phật lúc ở nhân địa làm một vị tiên nhân, ở trong núi sâu ngày đêm hành đạo rất là chân thiết. Thiên nhân muốn thử, hóa làm một con quỷ La sát đến bên cửa động nói “Các hạnh vô thường là pháp sanh diệt”. Tiên nhân nghe qua liền bước xuống thiên sàn, ra ngoài xem, thấy một con quỷ hình thù xấu xí, tóc đỏ rối nùi, mặt xanh như chàm, răng đen chia ra như đinh sắt, thân hình to lớn, cái bụng lép xẹp, trông qua đáng sợ.

Tiên nhân hỏi: Hai câu kệ vừa rồi do ông nói phải chăng?

Quỷ La sát đáp: Chính là tôi nói.

Tiên nhân thưa rằng: Xin nói câu kệ tiếp cho tôi nghe, tôi rất cảm tạ.

Quỷ La sát liền nói: Tôi đang đói bụng, không có sức để nói tiếp. Ông có thể xả thân cho tôi ăn, tôi sẽ nói tiếp.

Tiên nhân tự nghĩ “Nếu bỏ thân này cho quỷ ăn thì còn ai được nghe pháp?” Liền bảo quỷ La sát: Viết pháp lên tảng đá, tôi xem rồi liền xả thân.

Quỷ viết tám chữ như vậy: Sanh diệt đã diệt, tịch diệt làm vui.

Tiên nhân liền từ trên vực nhảy xuống, quỷ La sát đỡ lấy thân tiên nhân rồi hiện nguyên hình là Trời Đế Thích khen rằng: Lành thay! Ngài sẽ thành đạo Vô Thượng Bồ Đề. Ngưỡng mong tiên nhân chớ quên độ tôi.

Hãy suy nghĩ xem! Người xưa xả thân cầu pháp vì tám chữ mà bỏ mạng cho quỷ ăn, coi nhẹ thân, kính trọng pháp như thế, e rằng người thời nay khó làm nổi.

Người hành đạo trụ thiên đường dụng tâm chân thiết, muốn công phu thâm nhập nhất định cần phải rộng hỏi bậc Thiện Tri Thức, nên chân thành cung kính năm vóc gieo sát đất, trình bày cái kiến giải trước kia và hiện tại của mình, thành thật thỉnh cầu khai thị.

Nhờ Thiện Tri Thức ấy nhổ đinh tháo chốt, khiến cho đương cơ cảm thấy trời xoay đất chuyển, được quay đầu chuyển nẻo, có người ngay đó đại ngộ. Như đường đi ngàn dặm còn thiếu một bước mới được đến nhà, nhiều người ở chỗ thiếu một bước này, lầm nhận là nhà rồi trụ nơi đó, chẳng muốn tiến lên. Nếu là người trí, ngay đây phải đi thưa hỏi các bậc Thiện Tri Thức, tự suy xét lại có đúng hay không, rồi ngay đó thừa đương thì công phu mới được thâm nhập. Người tin được sự thỉnh cầu khai thị thì

động chân là đến nhà, việc dễ dàng như thế, người học đạo nên lấy đó làm mô phạm.

12. CHÁN TRỤ TÒNG LÂM.

Người trụ Tòng Lâm lâu năm thấy những điều chẳng đúng như pháp, tâm sanh chán nản là lẽ tất nhiên.

Những sự lợi ích lớn lao ở Tòng Lâm, người ta chẳng dễ gì thấy, cho nên tôi đặc biệt chỉ ra. Sinh hoạt hàng ngày ở thiền đường, đi hương tọa hương ngày nào cũng vậy, tháng nào cũng vậy, năm nào cũng vậy. Phép tắc phải làm chẳng thêm chẳng bớt, một ngày làm như thế muôn ngày cũng làm như thế. Đây là dùng cái thân lay động để huân cái thói quen bất động, lâu ngày thân tự tịnh thì tâm cũng tự thanh. Đến chỗ tu sâu này phần nhiều chẳng phải dễ thấy.

Mọi người chỉ thích thay đổi, hôm nay thượng điện, ngày mai tụng niệm, ngày mốt ra ngoài chơi thông thả, một ngày thay đổi hai ba việc càng hợp ý hơn. Nay cứ suốt ngày lạnh băng băng làm cho người ta cảm thấy phiền muộn, không ý vị, không hứng thú, nên chán trụ Tòng Lâm ấy là bệnh lớn bậc nhất.

Nếu người lập chí hành đạo thì đối với các pháp lớn nhỏ của Tòng Lâm cần phải hiểu thấu, như vậy chỗ thấy đều có lợi, chỗ nghe đều có ích, chỗ học đều là đạo, chỗ hành đều là pháp. Từ đó lấy thiền đường làm thân, lấy quy củ làm hạnh, lấy thiền duyệt làm thức ăn, lấy tham thiền làm chánh niệm, cứ vui đầu công phu hai ba mươi năm, như thế chẳng những Diêm La Vương không làm gì được, mà dầu cho Phật Thích Ca cũng không làm gì được. Tự được sự lợi ích to lớn rồi chuyên dạy người khác cũng được sự lợi ích ấy. Được sự lợi ích sâu xa rồi mới rõ biết được nhân quả của sự trụ Tòng Lâm, cảm một cọng cỏ, đốt một nén hương đều là vun bồi đức tánh, nghe một tiếng, thấy một sắc đều là thiền cơ.

Tòng Lâm là chỗ của thập phương tụ hội, là đất an cư của thánh hiền, đại chúng ở chung nương tựa lẫn nhau, một ngôn một hạnh đều có căn cứ, một đồng tiền một hạt gạo đều không lãng phí. Người xưa nói “Tòng Lâm sanh ra lịch đại Tổ Sư, Tòng Lâm sanh ra cổ kim Thánh Hiền”. Cho nên phải tự kính Tòng Lâm như cội Phật, quý tiếc vật thường trụ như vàng ngọc. Tự hận đến trễ, chẳng được trụ sớm hơn. Thà nguyện đời đời kiếp kiếp lấy Tòng Lâm làm nhà ở, lấy quy củ làm sở hành, ngoài ra chùa tư am thất, thâm sơn cùng cốc, quan phòng tịnh thất, quyết chẳng tạm trụ. Xin người trụ Tòng Lâm đọc thuộc đoạn này rồi ghi nhớ để có thể đề phòng sự lầm lạc ở mai sau.

Lại nữa, Phật là vị giáo chủ của thế giới Ta Bà, là người mà Phật tử chúng ta phải dựng điện để thờ. Pháp là ngọn đèn sáng cho thế gian ô trược, cần phải cất lều các đề tàn trừ. Tăng là phước điền của thế gian, cần phải nên cúng dường. Tuy chí thành kính tin Tam Bảo song cũng chẳng bằng cái công to ủng hộ Tòng Lâm. Tam Bảo chẳng nhờ Tòng Lâm thì chẳng còn trụ ở thế gian. Tòng Lâm chẳng nhờ Tam Bảo thì chẳng tồn tại. Nếu muốn chánh pháp trụ lâu ở đời thì cần phải làm cho Tòng Lâm trụ lâu ở thế gian. Tòng Lâm chẳng còn thì chánh pháp làm sao trụ. Cho nên trước có Tòng Lâm rồi sau mới có Tam Bảo.

Mong sao người chán trụ Tòng Lâm đổi lại thành thích trụ Tòng Lâm. Người chán ắt rời Tòng Lâm. Người thích ắt trụ Tòng Lâm. Tiến trình tương lai của người ấy lớn lao chẳng thể ví dụ được.

13. THÍCH Ở NÚI SÂU.

Người thích ở núi đều do đạo niệm không vững chắc. Tâm ưa thích núi chẳng thôi thì cái niệm chán trụ Tòng Lâm càng mạnh. Cũng có người hàng ngày bị những quy củ

lãng xãng, những điều thấy nghe, hay dở làm nhiều loạn tâm. Hoặc đối với tọa hương đi hương sức lực yếu kém không đủ dụng công phu, hoặc vì sự khai thị và điều chúng của Ban Thủ, Duy Na không hợp ý mình, hoặc vì hiềm khích với người nằm bên cạnh, hoặc vì công việc ruộng nương quá nhiều, hoặc vì việc điện đường quá khổ..., chỗ chán quá nhiều, đủ thứ trở ngại thật khó hành đạo, nên muốn trốn đi vì có cái niệm ở núi.

Một khi đến trong núi, có nhà không có giường, có chén không có gạo, có củi không có lửa, đến lúc ấy mới biết phiền toái còn hơn ở Tòng Lâm gấp bội.

Còn có một hạng người rón trụ Tòng Lâm đều là hình thức bề ngoài, hàng ngày mọi việc như treo băng, gõ chuông, châm trà, xách nước, hương bản, trúc bễ, đều âm âm kinh người. Khai thị của Ban Thủ nghe qua nổi giận, quy củ của Duy Na nghe rồi tâm phiền. Suy nghĩ trăm kế không cách nào ổn. Muốn trở về chùa tư, sợ am bên cạnh chê cười, trụ Tòng Lâm khác thì e cũng khó được như ý. Tự nghĩ cái phiền của chùa tư, cái khổ của Tòng Lâm, chẳng bằng lánh vào núi sâu, thế gian ít người nghe thấy. Người ở núi như thế chẳng phải thật vì đạo, ham thích an nhàn, lấy ở núi làm khoái chí. Phải biết, có khả năng ở núi hay không, cần phải có sự căn cứ.

Mấy điều tệ của sự ở núi, người ta chẳng biết:

1. Dẫu cho thấu qua Trùng Quan cũng khó khỏi cái nạn cướp giật, không có người giải cứu. Tôi trước kia sợ nhận chức sự của Tòng Lâm quá phiền phức nên trốn lên núi tịnh dưỡng. Khi đến hang núi ở được mấy ngày bỗng nghe tiếng kêu khóc của am phía trên liền chạy lên xem, thấy một người bị cướp dùng dây trói thân, hình dáng rất thê thảm. Tôi vội mở dây trói cho người ấy, cạy hết đất bùn ra khỏi miệng, kéo hết bông vải ra khỏi lỗ tai rồi vội nấu nước cho uống, người ấy mới thở được. Lại đỡ lấy tay chân, làm cho hoạt động, khiêng để lên giường, gần nửa ngày mới tỉnh. Hỏi lý do, người ấy kể “Trước bị cướp dùng y phục trùm đầu đánh mạnh vào thân, rồi dùng dây trói, phải nằm dưới đất hai ngày đêm”. Tôi đi vào am xem mới biết đồ đạc đều bị cướp sạch, tuy bị đau khổ, song may mắn là chưa chết.
2. Thường có phụ nữ nghèo khổ dưới chân núi lên xin lương thực, khiến cho thánh giới khó giữ.
3. Lương thực không đủ ăn, cần phải xuống núi hóa duyên một cách khổ sở. Người có phước thì đầy bao lớn, người vô phước thì túi nhỏ cũng trống không, có thể bị đòi một phen đến tám, mười ngày, khổ sở biết bao.
4. Có khi cùng với người ở núi lân cận bất hòa, đánh lộn với nhau đến chết cũng không có người cứu.
5. Có bệnh không có thuốc, có thuốc không có người săn sóc bệnh, có khi chết đến sinh thối cũng không ai biết.

Xin người thích ở núi hãy suy nghĩ kỹ!

14. NHÃN NẠI PHIỀN TOÁI.

Người tham thiền cần nên củng cố "hằng tâm" (*tâm luôn luôn không lay động, biến đổi*), chớ nên gặp khó liền thối lui. Phải biết việc tham thiền lớn không gì bằng, cái trọng yếu nhất của các việc thế gian chẳng bằng sự trọng yếu của tham thiền. Tại sao? Vì người thế gian hướng ngoại tìm cầu, người tham thiền thì hướng nội đi thẳng, nhưng đó chẳng phải chân đi, chẳng phải thân đi cũng chẳng phải tâm đi, chỉ đề khởi một câu thoại đầu, tâm tâm tham, khắc khắc tham, miên mật tham. Việc đi đường mỗi bước cách một khoảng còn việc tham thiền miên mật đến nỗi tìm chỗ trống để cắm

một cây kim cũng không có, vì có thì sanh ra thế gian. Chỗ hành của người tham thiền một mảy may gì cũng không cho có, cái hành như thế ắt phải có cái hạnh nhẫn nại phiền toái. Giống như người đi trong rừng nhiều gai gốc hoặc nhiều cọp beo, chưa từng có ai đi qua, nay ta muốn dừng mãin tiến tới, giữ tâm bình tĩnh còn khó đi qua huống là trong tâm cảm thấy khó đi. Ý muốn vội gáp, càng đi càng thấy khó, thật chẳng dám đi cho đến chùn chân thôi bước, nhưng người hành đạo phải mạnh dạn đến độ không đi thì không được.

15. CHĂNG TRỌNG TU HUỆ.

Việc tu huệ rất là trọng đại. Người khắp thế gian chỉ có thể nói là thông minh, chứ không được nói là trí huệ. Sao vậy? Phải biết trí huệ do tâm tu, thông minh từ cảnh được. Từ tâm liễu ngộ tâm thì trí huệ sáng. Từ cảnh nghiên cứu cảnh thì thông minh phát. Chẳng những người đời chưa từng tham cứu tâm mà ngay cả chúng ta trụ ở thiền đường là người mang trách nhiệm tham cứu tâm còn chưa tham cứu tâm, chẳng phải là khó ư!

Phải biết thần thông chẳng bằng trí huệ. Một hôm Phật lên cung trời Đao Lợi vì mẹ thuyết pháp. Các vị đệ tử có thần thông như Mục Liên, Xá Lợi Phất cùng đi theo Phật. Lúc Thiên Vương khai tiệc cúng dường Phật, các vị tôn giả ra ngoài du lãm trở về tìm Phật. Phật cùng Thiên Vương nhập tiệc, các A La Hán chẳng nhìn ra Thế Tôn vì Phật dùng thần lực, tự biến hình giống như Thiên Vương. Mục Liên đến gần nhìn cũng không biết, cho đến Phạm Thiên nhìn cũng không ra. Lại đi đến thế giới phương khác tìm Phật cũng chẳng thấy. Các đại A La Hán bàng hoàng bên tòa không biết phải làm sao. Ngài Xá Lợi Phất là người đã được tôn xưng là trí huệ bậc nhất, bàn với các A La Hán rằng “Mục Liên thần thông bậc nhất còn chẳng thể nhìn ra Phật. Tôi có một cách chắc có thể nhận ra. Phật cùng Thiên Vương thân tướng chẳng khác, chỉ có ánh mắt chẳng đồng. Các ông hãy nhìn thẳng lên xem, mắt Phật không lay động, ung dung hòa nhã, còn mắt của Thiên Vương loạn động, tay chân bối rối. Các A La Hán xem qua như thế mới dám gần Phật, bị Phật quở trách “Dầu cho các ông thần thông quảng đại chẳng bằng trí huệ sáng suốt”. Người chẳng trọng tu huệ nên tự biết hổ thẹn.

Than ôi! Trái giác hợp trần, mê chân theo vọng, nhận quấy làm phải, theo ác bỏ thiện, các thứ khổ não đều do ngu si mà ra. Phải biết trí huệ là lợi khí phá ngu. Ngu thì từ sáng vào tối. Huệ thì từ tối vào sáng. Từ sáng vào tối thì luân hồi trong lục đạo, trả nợ trong tam đồ. Từ tối vào sáng là từ phàm đến thánh, chứng Đại Niết Bàn.

Gần đây người trụ thiền đường lại không có chí liễu thoát sanh tử, cũng không có tâm tu trí huệ, chẳng đau xót ư! Nếu quả là người có chí đối với đạo, quyết định trọn đời này chẳng làm việc khác, chẳng tu pháp khác, chuyên tu tham thiền, lấy ngộ làm kỳ hạn. Đời này chẳng ngộ, tiếp tục ở các đời sau. Cho đến trong cuộc sống hàng ngày không có hai tâm, không có việc gì khác nữa.

Còn có hai điều khẩn yếu là:

1. Đời này năm ba mươi năm hành đạo, chẳng ngộ cũng chẳng hành pháp khác. Bằng không thì tự bỏ dở nửa đường.

2. Tham thiền đến già, già rồi bệnh, bệnh mà chết cũng chẳng quên một niệm tham thiền, dù kiếp này chưa ngộ, kiếp sau chắc chắn là một nghe ngàn ngộ. Như người đi đường đến nhà mới thôi, nấu cơm đến chín mới thôi, ăn cơm đến no mới thôi, vọng tưởng nổi đã mới thôi, ngủ say cho đến tỉnh dậy mới thôi, con người sống đến chết mới thôi, chúng sanh đến thành Phật mới thôi, dụng công đến khai ngộ mới thôi, liễu sanh tử đến chứng Niết Bàn mới thôi.

Thử hỏi “Từ xưa đến nay, mục đích là muốn làm người ở trong tối hay ở trong sáng?” Than ôi! Đau đớn thay! Lại hỏi “Từ lúc sanh ra đến bây giờ xét kỹ xem, lấy thân làm người hay lấy tâm làm người?” Thực đáng thương xót! Quá khứ làm người chẳng biết chỗ nương tựa, hiện tại làm người cũng chẳng biết chỗ nương tựa, cho nên đối với việc làm người ở vị lai cần phải xét kỹ. Chỉ cần siêng năng tham cứu không có kỳ hạn trước sau, một mai triệt ngộ, bốn lai diện mục là người ấy, bốn địa phong quang là chỗ ấy. Từ đây khóc to ba ngày, kêu oan mấy bữa “Khổ thay! Tại sao trước kia mê muội quá vậy!”

Người hành đạo đời đời kiếp kiếp trừ cái tu huệ nghiệp này ra, tất cả đều là hành si nghiệp. Cho nên nói “Tu phước chẳng tu huệ như bạch tượng đeo chuỗi ngọc” là vậy.

16. CHẴNG MUỐN THƯỜNG TRỤ.

Thường trụ (*ở mãi*) thật là khó làm. Như chỗ rạp hát rất là vui vẻ hấp dẫn, ở mười ngày hai mươi ngày còn lưu luyến, chứ ở lâu thì cũng chẳng chịu nổi. Sao vậy? Chỗ không vừa ý, khó trụ là lẽ đương nhiên, tại sao chỗ vừa lòng mà cũng chẳng thể thường trụ? Trong đó có cái việc kỳ đặc mà phàm chẳng thể hiểu, thánh chẳng thể hội. Kỳ đặc ra sao? Một niệm ban đầu của chúng ta y vào gốc vô trụ mà sanh huyền trụ, như chẳng thể thường trụ là chẳng phải hiện tại chẳng thường trụ. Thế giới có tướng thành, trụ, hoại, không, con người có tướng sanh, già, bệnh, chết, tâm có tướng sanh, trụ, diệt, đều chẳng phải tướng thường trụ. Mọi người đều theo tướng này sanh, theo tướng này diệt, chẳng thể nào chạy ra khỏi tướng này một bước. Cho nên nói “Pháp đó trụ ngôi pháp, tướng thể gian thường trụ”. Ngộ được tướng này, tất cả các tướng thấy đều thường trụ.

Người tham thiền trước tiên lập ba hạnh đến chết cũng chẳng đổi dời, tự có thể phát minh sự chân thật thường trụ. Ba hạnh là:

1. Trụ chỗ này thì chỗ này phải là thường trụ.
2. Trì pháp này thì pháp này phải là thường trụ.
3. Chuyên tâm này thì tâm này phải là thường trụ.

Có ba thứ thường trụ này chẳng đổi dời, thật là chuyển sanh diệt thành tịch diệt, chuyển khó trụ thành thường trụ vậy.

Hiện nay, dù trụ lâu thiền đường mà vẫn bất an muốn đi nơi khác, bệnh ở tại chỗ chưa thâu được cái đạo an ổn lâu dài, chẳng muốn thường trụ là lý đương nhiên. Đầu tiên do chỗ khó quá nhiều cho nên chẳng như ý mình, lại thêm quy củ phép tắc phiền toái, thân tâm khổ nhọc, ngủ nghỉ thất thường, ngũ ngôn khó hiểu, bệnh kín phát tác, ban ngày không có thì giờ nghỉ ngơi, ban đêm ngủ không thẳng giấc. Lại nói “Người này đối với tôi không có duyên, người kia đối với tôi có chướng ngại”. Đủ thứ bức bách khiến cho chẳng muốn trụ.

Nếu có thể quày đầu, chịu khó trụ năm ba mươi năm, thân tâm thanh tịnh an vui, càng ngày càng được sự lợi ích của chánh pháp, nhân duyên thuận thực mọi việc tốt lành, niệm hướng ngoại dứt sạch, trong tâm chẳng động. Lúc ấy mới hận trước kia tại sao có niệm muốn bỏ đi, may sao chưa theo vọng tưởng xoay chuyển. Như vậy càng thêm tinh tấn gấp bội, lập nguyện quyết tử tu hành, thà chết chứ không còn vọng động.

Tóm lại, nếu niệm hướng ngoại cho là tốt, lâu ngày tâm ắt cũng hướng ngoại thì cái niệm thường trụ Tông Lâm cũng tự quên. Nếu có thể đem cái việc hướng ngoại cho là xấu, là rất độc, là hãm cầu, là địa ngục, là tạo tội, là phá giới, là hại mình để đối trị thì cái tâm hướng ngoại tự dứt, cái niệm thường trụ tự móng khởi.

Xin những người vọng động hãy nghĩ tất cả phật sự của thiên đường có rất nhiều điều tốt. Nói “Đánh tôi là trừ nghiệp chướng cho tôi. Nạt tôi là dẹp tập khí cho tôi. Dầu cho chịu khổ nhiều hơn nữa cũng đều là trợ giúp đạo niệm cho tôi”. Dù điều tốt hay không tốt cũng đều cho là tốt thì tâm tự an nhiên chẳng còn vọng động. Cách đối trị này rất là trọng yếu.

17. DỄ PHẠM QUY CỬ.

Như người xưa vẽ vòng tròn dưới đất làm ngục tù, nghĩa là người phạm pháp bị quan bắt được, bắt phải đứng một chỗ, vẽ một vòng tròn xung quanh người ấy, chẳng cho người ấy ra ngoài một bước. Tông Lâm lấy quy củ làm vòng tròn, năm ba mươi năm chẳng ra ngoài vòng tròn một bước, cũng là học cách của người xưa. Nếu phạm quy củ sẽ có cái lỗi phạm pháp. Vì sao? Vua Thuận Trị nói “Ra vào nơi cửa sang, qua lại trong Bảo điện, chuông đánh thượng điện, bần gổ quả đường, chẳng cày cấy mà có cơm ăn, chẳng dệt vải mà có áo mặc, mọi thứ sẵn sàng, các điều như ý”. Lại nói “Trăm năm ba vạn sáu ngàn ngày, chẳng bằng ông tăng nửa ngày nhàn”. Đúng thay lời này!

Như vậy thân ở chỗ lìa trần, tâm phan duyên đại pháp. Người đời bận rộn chỉ vì một đời này, chúng ta thanh nhàn đều vì mãi về sau. Người đời cả đời bận rộn là vì người khác, còn chúng ta cả đời bận rộn là vì mình, há chẳng sợ thay! Thọ dụng như thế lại phạm quy củ, nên nói "có lỗi". Mới trụ thiên đường thân tâm chưa quen, quy củ chẳng hiểu, phạm thì có thể răn dạy. Nếu trụ lâu năm, hoặc là hàng lão tham, hoặc đã từng trụ Tông Lâm ở nơi khác mà còn phạm quy củ, thật là người xấu của pháp môn.

Người trụ Tông Lâm giữ quy củ theo chúng hành đạo, nếu phạm quy củ thì chẳng cho nhập vào tăng chúng. Người giữ quy củ thì tâm địa khoan nhân, tất cả tự tại, kẻ phạm quy củ thì thân tâm bất an, gặp việc sanh phiền. Người giữ quy củ, ai thấy cũng hoan hỷ tán thán, làm phép tắc cho Tông Lâm, làm gương mẫu cho Trời người. Kẻ phạm quy củ ai thấy cũng chán ghét, xa lìa, chắc chắn khó trụ lâu, đi đâu cũng bất an. Người giữ quy củ Phật, Tổ vui mừng. Kẻ phạm quy củ quỷ thần tức giận. Người giữ quy củ là pháp khí làm hưng thịnh Tông Lâm. Kẻ phạm quy củ là người xấu phá hoại Tông Lâm.

Phải nghĩ: Người phạm quốc pháp nặng thì bị tử hình, phạm gia pháp nặng thì bị phạt thân, phạm pháp Tông Lâm nặng thì bị trục xuất, đó là lý đương nhiên, không chút sai chạy.

Phải biết chính mình nghiệp nặng, thế nào cũng có cái lỗi trái pháp, cho nên thường lập thế rằng “Thà bị người chặt đầu móc mắt tôi đi, chứ tôi chẳng chịu phạm pháp Tông Lâm”. Nếu quả thật y theo thế này, chẳng những thân mạng được cứu mà huê mạng cũng được cứu, cha mẹ sanh vào ác đạo cũng được cứu. Vậy thì dễ phạm đổi lại thành dễ giữ.

18. HỖ XẢ TẤT CẢ.

Hai chữ Hỷ Xả là việc của Bồ Tát. Người trụ Tông Lâm đối với chữ Xả e rằng thái quá. Sao vậy? Từ khi sanh ra cho đến ngày nay có ruộng vườn đầy đủ, có công danh phú quý, có quan tước phẩm vị, có vợ, có con, tất cả đều đã xa lìa không còn nghĩ đến, mặc đồ tu sĩ thọ giới cụ túc, xả bỏ tục gia, ở trong tăng chúng an trụ chùa chiền hoặc ở hang núi, những sở trường đặc biệt, học thuật hay ho trước kia đều chẳng màng đến, chẳng những đại xả tục gia cho đến tăng tục đều xả. Tăng tục đều xả mới được gọi là xả hết tất cả. Nay nói Hỷ Xả thật là khó hiểu.

Người xưa nói “Chẳng cùng muôn pháp làm bạn là người gì?” Chẳng hiểu người này (*phát nghi*) liền gánh lên đi (*giữ nghi tình*). Người tham thiền như thế nếu được lãnh hội (*ngộ*) mới thật phù hợp với sự đại xả của Thiền tông. Người chẳng được cái xả này thì trong hàng ngày, thượng diện thì xả chân, quả đường thì xả tay, mặc áo thì xả thân, ăn cơm thì xả miệng, bị một gậy đánh thì xả tâm giận, bị một tiếng hét thì xả niệm sợ, nghe tiếng khen thì xả vui mừng, nghe người chê thì xả bực tức, đều gọi là đại xả.

Lại, tham thoại đầu thì xả công phu, bỏ trống qua thì xả thời gian, ở chúng đông thì xả nhiều người, trụ Tòng Lâm thì xả xứ sở, giữ quy củ thì xả người khác, phạm quy củ thì xả chính mình, cũng gọi là đại xả.

Lại nữa, nói hỷ xả là khi chưa vào thiền đường, đối với các thứ mào, nón tốt, các thứ y áo, ngọa cụ, khăn lau tốt, các thứ giày dép tốt, vớ bằng tơ lụa, các thứ đồ trang sức như cà rá vàng, đồng hồ đeo tay, bình trà, bàn chải răng bằng xương, kem đánh răng loại tốt, kem thoa da, ống điều hút thuốc, kịch bản, tiểu thuyết, bạn đánh bài, bạn ăn nhậu đều xả sạch trơn, chỉ lưu lại một nhân cách thanh tịnh, một bộ mặt không lỗi mũi, đến trụ thiền đường mới đúng là Hỷ Xả.

19. PHÁT TÂM DỪNG MÃNH.

Việc phát tâm này là người dẫn đường cho thể gian và xuất thể gian. Bằng không, chẳng những phật đạo khó thành mà địa ngục cũng dễ堕. Sao vậy? Người đời trồng bông vải, trước tiên phải gieo giống, nhổ cỏ, tưới nước sau mới thu hoạch được bông vải, rồi kéo thành chỉ sợi, siêng năng dệt mãi mới thành ra vải. Từ một hạt giống cho đến khi thành một chiếc áo biết bao là khó khăn, qua đó có ba điều quý báu mà người đời không dễ gì biết:

1. Hạt giống lấy ruộng làm quý báu.
2. Vải lấy chỉ sợi làm quý báu.
3. Con người lấy quần áo làm quý báu.

Do ba điều quý báu này làm cho người đời phải dừng mãnh phát tâm. Bằng không thì bỏ dở nửa chừng, một điều quý báu còn khó được hưởng là muốn được cả ba. Vậy không phát tâm thì để thân thể lỗ ló sao?

Cũng vậy, người xuất gia thọ giới cụ túc, cầu thầy hỏi đạo, ở Tòng Lâm, giữ quy củ, tuân lời dạy, bị đánh hương bản, chịu cay đắng, chịu nhẫn nhục, lập đạo niệm, thỉnh pháp yếu, dụng công phu, được chân nghi, khai đại ngộ. Từ một phàm phu thành một thánh nhân, trong đó trải qua muôn phần rèn luyện khó khăn, may mắn được ba điều quý báu cũng không dễ gì biết:

1. Con người lấy tăng làm quý báu.
2. Tòng Lâm lấy quy củ làm quý báu.
3. Triệt ngộ lấy dụng công tham thiền làm quý báu.

Cũng do có ba điều quý báu này mà không thể chẳng dừng mãnh phát tâm. Bằng không thì thành kẻ phạm ngu. Một điều quý báu chẳng được thì chur tăng làm sao tồn tại chốn Tòng Lâm!

Lại, người hành đạo tất cả đều phải tinh tấn. Người bảo hương có vọng tưởng, ta bảo hương có công phu. Người tọa hương có hôn trầm, ta tọa hương không tạp niệm. Người qua lại có nói thì thầm, ta qua lại không có mình người. Người nằm ngủ có

mộng tưởng, ta nằm ngủ không có giường nệm. Người bỏ thời giờ qua sông mà không hay biết, ta bỏ thời giờ qua sông thì thấy hổ thẹn. Người dụng công phu có gián đoạn, ta dụng công không có thân tâm. Người dụng công có biết đông hạ, ta dụng công quên cả tháng ngày. Người dụng công chấp tinh tấn, ta dụng công không biếng nhác. Làm được như thế là đại tinh tấn, là thật phát tâm dũng mãnh, thì làm sao người này chẳng đạt đạo!

20. THÂN TÂM QUEN THUỘC.

Thân tâm vốn không có lạ quen. Lạ quen là do việc của thân làm, cảnh của tâm duyên.

Thân lạ là việc làm của thân chưa được làm nhiều, lâu lâu mới làm thì khó được quen, cho nên gọi là lạ. Từ lạ tập lâu ngày, mài giũa mãi hoài, nhiều cách lựa lọc, nói làm liền làm, tay tự nhiên làm, trước sau nhất như chẳng còn do dự, đây gọi là thân quen.

Tâm lạ là cảnh sở duyên của thức chưa thấm vào tâm, bỗng muốn nhớ lại mà mờ mịt không biết, cũng gọi là lạ. Từ lạ huân tập lâu ngày, nghĩ nhớ sâu xa, lại thêm xét nét, hể tưởng đến liền hiện, nói đến liền biết, đây gọi là tâm quen.

Thân tâm tuy quen, nhưng cũng còn có khi quên, tập cho thêm quen thuộc, trở thành thói quen, trải qua vạn kiếp cũng chẳng quên, ở chỗ muôn ngàn sai biệt cũng chẳng động, nắm được liền dùng, nước đến thì thành dòng. Thân làm đi làm lại không còn sai lầm. Tâm tự lực muôn ngàn không còn sơ sót. Đây gọi là thân tâm quen thuộc.

Như người đến Tông Lâm tham học, mới vào Thiền đường mờ mịt không hiểu quy củ, việc phải làm của thân từ trước đến nay chưa từng thấy qua, bỗng bị ép buộc phải làm thì khó làm được quen. Nếu có thể khổ tâm khổ chí, cẩn thận để tâm tìm hiểu kỹ càng mọi việc, học tập ghi nhớ càng ngày càng tinh thông, thì dần dần từ lạ trở thành quen. Chính ngay lúc học quy củ, phải đem toàn thân để ở trên việc làm, chẳng nên sáng siêng năng chiều lười biếng, lập chí quyết định thà chết chứ chẳng lìa pháp này. Người có chí này, chẳng những việc quen mà thân cũng quen.

Lại, như người mới học tu thiền, từ trước đến nay chưa từng dụng công phu, một khi đề khởi thoại đầu, không biết làm sao hạ thủ. Nếu có thể đối với pháp này lập chí thà chết chứ chẳng lìa, đem hết thân tâm tận lực xông vào, chỉ biết có pháp, chẳng biết có tâm. Như vậy lâu ngày chẳng những pháp quen mà tâm cũng quen.

21. CHẴNG TIN THAM THIỀN.

Chẳng tin có hai:

1. Thường nghe người ta nói Thiền tông quá cao, người trung hạ căn không thể nào tu được. Dầu cho tu được, cũng khó khỏi đền trả nghiệp đời trước đã vay, vẫn phải biến trâu biến ngựa. Ôi! Thật ngu làm sao! Người căn cơ cạn bị cơn gió phi báng này thổi rơi xuống biển, hai chữ Thiền tông còn không dám nói thì việc tham thiền đâu còn ai dám tin.

2. Tự đã quyết chí liễu thoát sanh tử mà đến cửa Thiền tông. Lúc đến thì lặn suối trèo non, dầm sương dãi gió, cay đắng vô vàn cũng cam nhận chịu. Nay trụ Thiền đường, tâm nguyện thỏa mãn, dù trong hàng ngày quy củ chưa quen, thân tâm bứt rứt, lại còn phải chịu la hét, ăn gậy của các chức sự rất là đau đớn. Từ khi trụ Tông Lâm đến nay không để ngày giờ trôi qua vô ích, tự nghĩ chuyên vì hành đạo mà ráng bỏ các duyên ngoài. Đã vì sanh tử, nhân chịu khổ đau, dù đến chỗ chết cũng không từ nan. Đối với việc hạ thủ công phu, thường nghe Thiện Tri Thức nhiều cách chỉ dẫn tham cứu thoại

đầu, khẩn thiết khuyến khích để đi đến đại ngộ. Dụng tâm như vậy cũng khó dấy khởi nghi tình, dù là một câu cũng khó đứng vững, nghiệp chương quá sâu, phải làm thế nào?

Như trong túi áo mặc trên thân có của báu mà chẳng chịu tin, người chẳng tin tham thiền cũng giống như vậy. Nếu tin nơi thân mình có của báu thì dầu cho chết cũng quyết phải tìm cho ra, mới là xong việc. Người xưa nói “Minh châu trong áo tự chẳng tin, đâu cần hướng ngoại khổ công tìm” là vậy.

22. NGHI PHÁP.

Người tu hành chân thật, vì đạo chịu khổ chịu đau đều chẳng màng đến. Đối với pháp môn tham thiền là pháp phải làm suốt ngày, không ngờ một câu thoại đầu một thời gian dài chẳng đề khởi thì dường như cảm thấy khinh an. Vừa đề khởi lên một chút thì phiền não liền nổi dậy, thân tâm khoảnh khắc cũng chẳng yên, khi tịnh thì như ngồi trên đồng lửa, muốn đi ra ngoài giải buồn. Thêm vào đó các vị chức sự thấy cử chỉ oai nghi của ta khiếm khuyết bèn chỉnh lại khiến cho tâm ta như lửa đổ thêm dầu, lập tức phần nộ tràn hồng. Xét kỹ trước sau đều do đề khởi câu thoại đầu mà ra, nên chẳng ngại gì dùng pháp khác để thử. Ngày trước đã tin niệm Phật hoặc tin trì chú bèn đem ra dùng lại thử. Một khi niệm danh hiệu Phật, hoặc trì chú thì như nước tưới vào lửa thật là mát mẻ. Do đây đối với pháp tham thiền này lại càng cảm thấy nghi ngờ khó tin “Đã hết sức tham mà chẳng thể được nhập, đây đúng là lỗi của pháp vậy!”

Thử hỏi: Ông thầy giáo hàng ngày thanh nhàn, thân tâm khỏe khoắn, bỗng phải gánh đồ nặng khổ sở muôn phần.

Có người hỏi ông ta: Sức gánh đồ của ông như thế nào?

Ông đáp: Dạy học không đủ ăn nên phải gánh đồ nặng để sống mà gánh chẳng muốn nổi.

Chính đang lúc trù trừ, bỏ gánh nặng xuống, rồi lại cảm quyền sách như cũ, so với lúc trước cảm thấy khoan khoái gấp bội.

Người có tri thức mới hỏi: Muốn có ăn, không gánh không được, sao chẳng từ từ đun đây lâu ngày cái khó tự hết.

Người nghi pháp hãy suy nghĩ điều này. Nay đặc biệt giải thích một chữ Nghi, bằng không ắt sanh lầm lẫn. Cũng như tham câu "Khi chưa có trời đất ta là cái gì?" chẳng biết mình là cái gì, muốn rõ bốn lai diện mục của mình mà không hiểu được thì phải sanh khởi thắc mắc tại sao muốn hiểu mà hiểu không được. Lúc ấy trong tâm tự nhiên móng khởi nghi tình. Có nghi tình tức là tham thiền vậy. Những đoạn văn sau nói hai chữ công phu tức là nghi tình, chẳng cần lập lại nữa.

Thế nên biết, nghi người, nghi pháp là hồ nghi, còn cái nghi này tức là công phu tham thiền cũng gọi là chánh nghi vậy.

23. NGHI NGƯỜI.

Người dụng tâm ở Thiền đường, ban đầu y theo lời dạy của người, nhận sự chỉ dẫn, nghe người khai thị hiểu được phương pháp, y theo đó mà làm, chẳng dám thiếu sót một chữ, chẳng dám khinh thường một lời, xem đó như pháp bảo, kính đó như Phật sống. Sáng lễ bái chiều nghe dạy, suốt ngày không chút lười mỏi. Sự ân cần kính người, trọng pháp thật khiến cho người tin. Đến khi thực hành lâu ngày pháp đã được trao, tự cảm thấy sự chỉ dạy của người này rất đích xác còn lời giảng của người kia

đường như chẳng đúng. Vì thấy có đúng có sai nên trong tâm sanh ra nghi ngờ chẳng biết người nào đúng người nào sai.

Lại nữa, hoặc lời giảng trước kia, lúc mới dụng công thì đúng, dụng công lâu thành sai. Hoặc pháp của mình dụng công thì phù hợp với kinh Phật, lời Tổ, nghe lời người giảng chẳng những không đúng với chỗ dụng công của mình mà còn rất khác xa với lời Phật Tổ. Do đó, cái niệm nghi người càng sâu, cái tâm tin mình càng lớn.

Lại nghi, nghe người ngoài nói người kia khai đại ngộ rồi, hoặc đã phá bốn tham, hoặc khai tiểu ngộ, đích thân nghe thì trái lại chẳng bằng mình. Hoặc thấy mấy người ấy trong cuộc sống hàng ngày đều không có hành vi khai ngộ mà dường như còn tập khí nhiều. Do đó, đến lúc người ấy khai thị, chẳng phải ho hen ngăn trở thì đổ thừa bận việc chẳng đến nghe. Hoặc nghi người ấy không xứng đáng làm thầy mình, đến giờ người ấy giảng thì trốn tránh ra ngoài chẳng về. Hoặc sợ người ấy khiển trách mà giả bệnh tạ từ. Cái lỗi nghi người thật chẳng phải ít. Thử hỏi: Ông muốn đến nhà ất phải tìm đường về. Sự sai biệt ở giữa đường phải hỏi người đã đi qua. Đã chỉ đường rồi, đi phải do mình. Thiện Tri Thức chỉ có thể chỉ đường chứ chẳng đi giùm mình được. Nay đường chánh chẳng đi mà lại nghi người chỉ đường tầm bậy. Đâu nên như vậy!

24. TOAN TÍNH THỐI LUI.

Người tu hành bị có cái nghi người, nghi pháp, thường thâm giận tức rằng tuy nhiều năm phát nguyện, nhiều năm lưu tâm mà vẫn chưa dám quyết định đến ở Tông Lâm, lại còn nghi mình không đủ sức tọa hương nên ở nhà tập thử trước. Tọa hương dài thì đau chân cảm thấy sợ, tọa hương ngắn mới cảm thấy vui. Khi tập thử xong, dẹp y phục ngày thường, thay áo tay rộng, sửa soạn hành lý, y bát và những vật cần dùng, chọn ngày khởi hành. Bỗng nghe quy củ của Kim Sơn khó, sợ đến đỏ mặt. Lại nghe Cao Môn tọa hương lâu, trong tim đập mạnh. Tiến thoái hoang mang, thật khó quyết định phải đi nơi nào. Nay may mắn đã đến đạo tràng, tu pháp liễu thoát sanh tử, đã học được pháp rồi mà không trọng pháp, lại xem người trên, người khó vừa ý. Nghe pháp thì tâm phiền, nghe tiếng thì niệm động, chẳng những duyên pháp chưa kết mà duyên người cũng không. Muốn trốn đi chỗ khác để thân cận bậc cao nhân, nghĩ đi nghĩ lại cũng khó quyết định.

Tôi nói: Dẫn cho ông chạy đến chân trời, chỉ nhọc công vô ích. Thật ra, nói đến việc cầu cao nhân, người xưa thấy bầy vịt trời liền ngộ đạo, bầy vịt trời tức là cao nhân. Muốn cầu đại pháp, người xưa nghe tiếng chuông liền ngộ đạo, tiếng chuông tức là đại pháp. Cái đại của đại pháp, cái cao của cao nhân chạm mặt đều là nó, đâu nên toan tính thối lui ư!

25. BIẾT SÁM HỐI.

Người hành đạo ở Thiền đường chưa được chân tham, nghi pháp nghi người đều do tự cao tự phụ. Ông chẳng nghe ư? Người thế gian và người xuất thế gian không có ai bằng Phật. Pháp thế gian và xuất thế gian không gì hơn Kinh. Lúc Phật ra đời, người có duyên với Phật đều được Phật độ. Người có duyên với Pháp có thể theo Pháp tu hành. Cái Pháp của Phật đích thân thuyết cần phải tùy thuận nhân duyên. Cho nên Phật có ba điều chẳng làm được là:

1. Định nghiệp chúng sanh chẳng thể chuyển.
2. Chúng sanh không có duyên chẳng thể độ.

3. Số lượng của chúng sanh chẳng thể biết.

Nay ông là người gì? Người còn ở địa vị học đạo mà chẳng biết sám hối tự trách ư? Cái tội khinh pháp, cái lỗi phi báng Thiện Tri Thức, cái ngu thối đạo, ăn năn hối hận đâu kịp. Cần nên ở trước Phật lập lại thệ nguyện, lập chí hướng mới, cái pháp đang hành quyết tử thực hành, người đáng thân cận quyết tử thân cận, cái lỗi thối lui quyết tử sửa đổi. Thà giữ đạo mà chết chứ chẳng nên thối đạo mà sống. Dù cho Phật, Tổ đích thân bảo ta chẳng tin Pháp, bảo ta chẳng tin Thiện Tri Thức, bảo ta thối đạo tâm, làm cho ta nát xương như tro bụi thì được, chứ bảo ta chẳng tin thì không thể được, thì cái đạo biết sám hối được viên mãn vậy.

26. BIẾT HỖ THẸN.

Hỗ là không cô phụ người, thẹn là không cô phụ mình. Cô phụ người là làm cho người thiện mắc cỡ, chê cười người có sở trường, khinh khi người có liêm sỉ, phụ lòng người có ân đức. Phụ mình là làm cái nhân sai lầm, tham cái quả hư vinh, làm hỏng cái thiện của mình, chôn vùi cái khả năng của mình. Nếu người mà bên trong không thẹn với mình bên ngoài không thẹn với người, thì đó là người tự trọng vậy.

Phàm tất cả việc phải hành theo chánh hạnh, phải làm theo trung đạo, xả thân vì người, cứu người nguy khốn. Rộng lượng đối với người, khen người có đức độ, hiển dương điều hay của người, che giấu điều dở của người. Chẳng màng đến điều hại cho mình, chỉ cầu người khác được lợi. Cho đến công phu được nhập chỗ thâm sâu, phải biết ơn dạy bảo khuyến khích của thầy bạn, lấy tan xương nát thịt mà báo đáp. Chẳng những chẳng hổ với người mà thật cũng chẳng thẹn với mình.

Thường thường người không biết hổ thẹn dù được nghe pháp thâm sâu, được sự giáo dục kỹ, được lợi ích rộng lớn, nhận được ân huệ nhiều, ngẫu nhiên thầy có chút không toại lòng mình liền trở mặt phản đối, xem như kẻ thù, âm mưu tìm cách ly gián, xúi dục chống nghịch đến nỗi tổn thương danh dự. Trái lại, chẳng biết ngậm máu phun người, trước dơ miệng mình. Như vậy hủy hoại già lam, ngõ nghịch sư trưởng, tội lỗi lớn lao không gì so bằng. Tất cả đều từ không biết hổ thẹn mà ra.

27. PHÁT KHỞI LÒNG TIN.

Kinh nói “Lòng tin là nguồn đạo, là mẹ công đức, nuôi dưỡng tất cả thiện căn”. Thành Phật làm Tổ, chẳng phải do lòng tin thì khó thành. Biện trâu biện ngựa, chẳng phải do lòng tin thì khó nhập vào bụng trâu bụng ngựa. Lòng tin là cửa của các điều thiện cũng là cửa của các điều ác. Người đời đối với việc tin tâm hiểu lầm chẳng ít. Đã nói tin tâm, trước tiên phải biết nguồn gốc của tâm, lấy gì làm tâm, diện mục thể nào? Tại sao tin tâm? Người cả thế gian chỉ tin tất cả mà xưa nay chưa tin tự tâm. Người thường nói tin tâm, giả sử bị người hỏi “Ông đã tin tâm ắt biết tướng của tâm, thấy nó là vật gì xin nói ra coi!” Người nói tin tâm thành linh bị hỏi, cứng miệng không đáp được. Tâm còn chẳng biết thì lòng tin từ đâu mà có? Sự lầm lạc sâu xa này chẳng phải chỉ mới ngày nay. Hoặc thấy việc nào đó nổi tâm ưa thích, chẳng gọi là tin tâm, chỉ gọi là tin việc. Đem sự tin việc cho là tin tâm, ấy chỉ là giả tin tâm. Chỉ có người của Thiên Tông, chỗ giảng chính là tâm, chỗ tham chính là tâm, chỗ nói chính là tâm, chỗ dụng chính là tâm, chỗ mê chính là tâm, chỗ ngộ chính là tâm.

Trong cuộc sống hàng ngày, bất cứ lúc nào chỗ nào đều chẳng rời tâm, cho đến trực ngộ tánh lý, tâm đã không thì tín tự tịch, tín tịch tức là tâm không, vậy khắp mặt đất đều là tâm, cả hư không đều là tín. Tín tâm bất nhị, quảng quả đất lên phương trên, bất nhị tín tâm, ném hư không xuống phương dưới, người học đạo tin được tâm này

đối với những việc đó đều không đáng kể.

28. NGHE ĐƯỢC LÃNH HỘI.

Người mới trụ Thiền đường, tánh thô tâm cứng, trăm thứ sai biệt, chạp việc gặp người, nghe không vào lỗ tai, thấy cũng không quan tâm.

Kẻ tánh thô thì thân lỗ mãng, ví như đụng té người khác, tự chẳng biết lỗi, hoặc ho khạc, súc miệng, mạnh tay nặng chân tự mình khó nghe thấy. Cần phải theo chúng huân tập lâu ngày, tánh dần bình hòa, thân dần ung dung.

Người tâm cứng thì thông minh lấp bít, thấy tất cả việc khó nhập vào tâm, nghe tất cả tiếng khó để vào tai. Những việc đã nghe từ trước chất đầy trong bụng nên tất cả việc khác một chút cũng khó lãnh hội.

Hoặc người mới trụ Thiền đường, tất cả mọi việc vội vàng chẳng kịp ghi nhớ, dầu có ghi nhớ cũng khó lãnh hội. Thân tâm trụ lâu thì cuộc sống hàng ngày, đối với công việc hoặc lời nói nghe qua có thể hiểu. Huân tu lâu ngày chường thô tự trừ, nghe qua liền lãnh hội được.

Người tâm duyên ngoại cảnh lăng xăng, lỗ tai ngăn cách với tiếng, đối với tiếng chưa nghe quen càng khó tương ưng. Nếu tâm để ý nghe, nghe lâu thành quen nên tiếng vừa chạp vào tai thì âm tự thanh, nghĩa tự rõ. Trong Thiền đường nghe giảng khai thị cũng giống như vậy. Pháp thế gian và xuất thế gian, nếu kẻ nghe không vào lỗ tai thì cũng như không nghe, còn loại người nghe lãnh hội được thì tăng cường tín tâm, về sau có thể khai ngộ. Người xưa có nói “Một nghe ngàn ngộ” là vậy. Lại nói, nghĩa cạn thì dễ biết, lý sâu thì khó hội. Người có thể ở Thiền đường năm ba mươi năm xa lìa trần cấu, đối với Như Lai Thiền, Tổ Sư Thiền chẳng nghe cũng tự có thể lãnh hội.

29. THẤY CÓ TƯƠNG ƯNG.

Tương ưng có hai:

1. Cùng đạo tương ưng.
2. Cùng tình tương ưng.

Cùng tình tương ưng: Một chữ tình phạm vi rất rộng, mười phương Phật, Tổ là hữu tình, loài sâu bọ hàm linh là hữu tình, thiên đường địa ngục là hữu tình, đất đai hư không là hữu tình, sỏi đá gạch ngói là hữu tình, hữu tình vô tình là hữu tình (*có sự tương ưng với vô tình tức là hữu tình*), tứ sanh lục đạo là hữu tình, người và phi người đều là hữu tình.

Cùng đạo tương ưng: Một chữ đạo phạm vi bằng với chữ tình. Tình lớn bao nhiêu thì đạo cũng lớn bấy nhiêu. Cùng đạo tương ưng thì lìa tình, cùng tình tương ưng thì lìa đạo. Tình với đạo đồng như băng lửa. Nay người ở chốn Tòng Lâm dụng công tuy có phân tương ưng, nhưng còn xa với đạo. Sao vậy? Vì giữ quy củ, dụng công phu, khai đại ngộ, liễu sanh tử đều thuộc về tình. Vậy thế nào là đạo? Không thấy có sự tương ưng và chẳng tương ưng mới được gọi là đạo. Người mắt chưa sáng (*chưa ngộ*) hãy chớ nên tự làm tài khôn! Lại nữa, lìa tục gia thì tương ưng với xuất gia, bỏ nghiệp chường thì tương ưng với người hành đạo, bỏ tập khí thì tương ưng với công phu, bỏ phiền não thì tương ưng với thanh tịnh. Những tương ưng này mặc dù là tốt song chẳng bằng không tương ưng còn tốt hơn. Cần phải xét kỹ! (*Tự tánh bất nhị có cái này tương ưng với cái kia là nhị*).

30. TỰ NGUYỆN DỤNG CÔNG.

Dụng công có hai:

1. Người khuyên dụng công.

2. Tự nguyện dụng công.

Người khuyên dụng công: Ban đầu dầu người phát tâm đến trụ Tòng Lâm cũng chỉ mang cái hư danh, chứ chẳng có thực lòng, giả hình thức bề ngoài, chỉ đến xem thử gia phong, tự biết thời gian trụ chẳng lâu mong đi qua nơi khác làm đại nhân vật, nên suốt ngày chẳng màng đến việc khác. Sau này có người đồng đạo khuyên rằng “Làm trụ trì chẳng thể liễu sanh tử, làm Quốc sư chẳng thể liễu sanh tử, trụ danh sơn chẳng thể liễu sanh tử, làm quản chúng chẳng thể liễu sanh tử. Chỉ có tham thoại đầu mới liễu được sanh tử, sao chẳng chịu học tập?” Người ấy được sự khuyến khích liền bỏ tất cả chuyên lo hành đạo. Như vậy đạo niệm vững chắc, dụng công miên mật, hốt nhiên đập vỡ Thiền đường (*ngô*), mới biết là Thiện Tri Thức đều từ dụng công hành đạo mà ra.

Tự nguyện dụng công: Người đã ở Tòng Lâm, trước tiên phải biết những điều phải làm hàng ngày, tất cả quy củ phép tắc, ăn gậy, bị hét, chịu các thứ khổ đều là để thành tựu cho thân tâm người hành đạo. Nếu chẳng hành đạo thì chịu khổ đâu có lợi ích gì! Cho nên biết, chẳng phải hành đạo thì không trụ Tòng Lâm. Như vậy chăm chăm lấy đạo làm niệm, lâu ngày đạo niệm thuần thực, công phu đắc lực, mới biết cái việc hành đạo chẳng phải việc thế gian có thể sánh được. Người chẳng biết hành đạo thì luân hồi trong lục đạo, qua lại trong bốn loài tự chẳng hay biết. Nay đã thấy đến một chữ Đạo này siêu Phật vượt Tổ, tôn quý hơn tất cả pháp, nếu chẳng hết lòng tự nguyện dụng công thì chẳng thể đến được chỗ này.

31. QUÊN MỆT NHỌC.

Quên mệt nhọc có hai:

1. Người xuất gia mà chuyên lo phục vụ thể pháp, ứng phó kinh sám, ham được tiếng khen, để tâm nơi lợi dưỡng, hạnh Phật hoàn toàn thiếu sót, đi sâu vào hạnh thể tục đến chỗ cực điểm, khiến cho quên cả bốn phận làm người, đâu phải là quên mệt nhọc vì hành đạo ư? Thật đáng buồn thay!

2. Thân ở Tòng Lâm, tâm thường lo âu ăn cơm, uống trà lãng phí của thí chủ, nếu chẳng tu hành, nợ này làm sao đền trả. Như vậy, chẳng màng thân tâm, chẳng kể đêm ngày, trước giữ thanh quy, kể kính chức sự, một khi được kêu gọi làm công tác, liền xung phong đi trước, để người khác theo sau, mau mắn như đi rước châu báu. Tự thẹn không có tài năng, nên đem sức bản thân ra đóng góp, chỉ biết có công việc làm chứ không kể đến thân, từ sáng đến chiều, ngày nào cũng thường làm như thế. Lại nữa, thân bận rộn vì phước, tâm tu hành vì huệ, suốt năm rất ít nói chuyện, hàng ngày ít làm sai trái. Oai nghi tế hạnh cử chỉ hơn người. Công phu miên mật chẳng có giờ rảnh. Niệm sanh tử thiết, khổ hạnh càng sâu, ngày chẳng đủ thời giờ phải nói tiếp đến đêm. Áo rách không rảnh may vá, bệnh nặng không dùng thuốc trị. Thường nói “Một hơi thở chẳng hít vào, thân này thuộc về ai?” Thống thiết như thế, ngày đêm quên mệt nhọc, chỉ lo đạo nghiệp khó thành, chẳng lo thân tâm an toàn. Nhân cách người này làm gương mẫu cho hiện tại, là kim chỉ nam cho đời mạt pháp. Mong người học đạo hãy bắt chước theo, chớ nên bắt chước những kẻ giả quên mệt nhọc, sáng siêng năng chiều lười biếng.

32. NGHI TÌNH CHẴNG ĐẮC LỰC.

Đây là bệnh lớn của người dụng tâm, chẳng dễ gì chữa trị. Sao vậy? Như người phạm tội nặng bị phán tử hình. Kẻ phạm biết tánh mạng khó giữ, vội tìm cách thoát nạn. Như vậy, chẳng sợ mất mặt, dập đầu lạy người, chẳng tiếc của cải, cầu người đảm bảo. Lúc nào cũng bồn ba, tất cả chẳng màng, chỉ cần cứu mạng, chẳng từ cực khổ.

Thử hỏi: Kẻ tội phạm này còn có giờ rảnh để xem hát, vui chơi được chăng? E rằng chậm trễ một chút tánh mạng khó giữ.

Chúng ta dụng tâm chẳng đắc lực, nếu y theo cái thí dụ trên đây mà làm thì cái bệnh lớn chẳng đắc lực đó có thể lập tức trừ được. Sao vậy? Đang khi dụng tâm, phải nghĩ mình phạm pháp sanh tử, ắt phải chịu báo, nếu trễ một chút bị Diêm Vương bắt đi, bỏ vào chảo dầu sôi. Người phạm pháp thế gian đang bị đuổi bắt, mình thấy rõ ràng còn có thể lẩn trốn được, hoặc may mắn được miễn xá. Người phạm pháp sanh tử bị đuổi bắt chẳng cho ông thấy, một phen bị bắt rồi tức là thân tiêu, so với việc phạm pháp khác thật là nghiêm khắc, tất khó trốn thoát. Như vậy phải mau mau đem câu thoại đầu để ở trên tâm, quên thân quên mạng mà tham đề liễu sanh tử đi! Việc tham này buộc phải bỏ người bỏ mình, nhanh chóng như lửa nháng điện chớp, đắc lực hay chẳng đắc lực đều chẳng màng đến, mặc áo ăn cơm cũng chẳng màng đến, cái chẳng màng đến cũng chẳng màng, cứ như thế hành đi đâu còn gì chẳng đắc lực ư!

33. THÂN TÂM BỰC BỘI.

Như người đi xa quê hương, sống khó khăn một mình làm việc cực khổ, chẳng những chưa dành dụm được chút tiền mà lúc bình thường bụng cũng khó được no. Tình cảnh khổ sở như thế, nếu chẳng làm thì không có chỗ ở, nếu làm thì đời sống khó khăn. Suy nghĩ trăm cách cũng không giải quyết được, buồn bực vô cùng, tiến thoái lưỡng nan. Chi bằng lấy việc cực khổ làm vui, lấy thân đói miệng khát làm no. Thử nghĩ, nhà giàu sang mùa đông ngồi bên bếp lửa sưởi ấm, kẻ nghèo hèn mùa lạnh xuống nước bắt cá, người ấm mà thêm lửa còn có cái lo sợ lạnh, kẻ mùa lạnh mà xuống nước có cái vui của quên lạnh. So sánh như thế, thì bực bội ở chỗ nào?

Người ở chốn Tông Lâm dụng công để sanh bực bội là tại sao? Vì mới trụ Tông Lâm phát thệ nguyện lớn, lập chí hướng lớn, thề suốt đời ở chốn Tông Lâm, hàng ngày lấy đạo niệm làm thân, chẳng những phát nguyện trước Phật mà còn tuyên bố với người. Nhưng một mai thân bị thiệt thòi, quy củ vượt hơn chí nguyện, hoàn cảnh luôn luôn trái ý, khiến sanh bực bội nên muốn thôi chí. Nhưng có thệ nguyện chứng minh, chẳng dám trái với lời thề, rốt cuộc bực bội càng thêm. Sao chẳng tham thiền để giải muộn, tin lập hạnh để bỏ bực bội. Càng bực bội càng khẩn thiết gia công dồn đến chỗ thân tâm đều không mới biết ngàn Phật muôn Tổ đều được sản xuất từ trong bực bội.

34. TÂM THỐI LUI BỔNG NỒI DẬY.

Người đã trụ Tông Lâm nhiều năm, tham thiền dụng công chẳng phải một ngày, thấy người mới trụ công phu sâu và kiến giải cao, tự nghĩ “Mình tuổi cao hơn họ, tham thiền cũng lâu hơn, họ đã được ngộ, mình vẫn còn mê, họ đảm nhiệm chức thủ lãnh, còn mình vẫn là thanh chúng. Thật là hổ thẹn biết bao!”

Lại nữa, thấy người buông lung thì tâm phiền, thấy người lén trốn đi thì ý động. Các thứ bức bách, đối với hạnh toàn trái, mọi việc để trong lòng, nơi thân làm sao an tịnh? Chẳng bằng tìm một ngôi chùa tư hoặc trụ một cái cốc nhỏ, thân mình tự yên, ý mình

tự nhiên. Nghĩ như thế rồi sanh niệm thối lui, liền lấy hành lý muốn trốn đi mà không dám đi cửa chánh, lại chui lỗ chó mà ra. Vừa gặp vị chức sự trong chùa thì cứng miệng không trả lời được, liền nói “Xin phép đi chữa bệnh”, hoặc nói “Vì công tác mà đi ra ngoài”. Thảm trạng như thế thật đáng buồn thay!

Nếu người thật có chí vì đạo, thiên tham đã lâu, thân tâm thuần thực, thì đối với quy củ chẳng lưu tâm mà tự hợp, đối với thoại đầu chẳng đề khởi mà tự tham. Công phu lão tham như thế thì đâu cam chịu đi học ở nơi khác, cần phải mãnh tĩnh, chớ phụ cái phát tâm ban đầu. Đường đến nhà chẳng còn xa, thời gian thiết thời sắp hết. Một ngày nào đó, ồ lên một tiếng (*ngộ*), chỗ nào cũng là diện mục của ông? Còn chỗ nào để cho ông thối lui nữa?

35. NHẬN SỰ KHUYẾN THỈNH CỦA ĐẠI CHÚNG.

Từ khi đức Thế Tôn mới thành Phật, quán khắp căn cơ chúng sanh thấy không có một ai đặc độ. Phật nói “Chánh pháp này thật chẳng phải hạng chúng sanh đây có thể lãnh thọ”, rồi tính nhập Niết Bàn. Ngay lúc ấy, các vị cõi trời rơi lệ ân cần khổ thỉnh xin Phật trụ thế chuyển pháp luân, cho đến ba bốn lần, Phật mới chịu nhận lời, vì độ chúng sanh mà lưu lại thế gian. Nhận người khuyến thỉnh, Phật, Tổ đều có.

Vậy mà ngày nay ở chốn Tông Lâm có các chức sự như Đường Đầu, Ban Thủ, Hành Đơn hoặc vì việc nhiều hoặc vì thân bệnh hoặc vì trong ngoài bất hòa hoặc vì trên dưới nghi nhau, khi mãn nhiệm kỳ thì muốn từ chức, làm thanh chúng cho thân an nhàn. Thói quen như thế, xưa nay đều có. Phải biết, người được làm thủ lãnh dù khổ thân mình nhưng cao chí mình, làm gương mẫu cho kẻ hậu lai, làm kim chỉ nam cho người hậu học. Nếu được chúng hết lời khuyến thỉnh ở lại, phải nên nhận lãnh. Nghĩ đến Tông Lâm sắp suy, xem thấy đại pháp đang yếu, có thể chẳng đau lòng ư!

Đại chúng lấy thiên đường làm chỗ tu huệ, ngoại liêu làm chỗ bồi phước. Cần thận gìn giữ thanh quy, nghiêm trì giới hạnh, chẳng trái lời dạy răn, chẳng phạm vào lửa mạ. Dầu có duyên khác cũng chẳng bằng trụ nơi thiên đường. Dầu có chỗ tốt cũng chẳng bằng đạo tràng. Cần phải tin lời khuyến thỉnh, đừng nên chấp lấy cái ngu của mình, chuyển được thân tâm thành pháp khí lớn lao, còn gì vui hơn mà chẳng nhận!

36. VỌNG TÂM TẠM NGHỈ.

Như người đời ngày đêm dụng tâm bận rộn công việc gia đình, chẳng từng nói đến tâm thì đâu thể biết được sự thôi nghỉ của nó. Người học đạo hàng ngày bị vọng lôi đi, khởi rồi lại dừng mà chẳng biết chỗ dừng, dừng rồi lại khởi mà chẳng biết chỗ khởi, vì chưa kịp để ý đến chỗ này.

Phải biết, vọng vốn không có nguyên nhân, như sóng đuổi theo nhau, gió dừng thì sóng lặng, khi biển yên sóng lặng quây đầu lại tức là giác. Người đời trong ngoài lay động, biết rồi lại mất, thấy rồi lại dời, làm sắc làm không, hoặc ẩn hoặc hiện, mam mác chẳng thật, nói chung đều là vọng. Đã biết được vọng ắt phải biết chân, nay cho nhiều tâm là vọng, một tâm là chân, đã kiến lập một tâm, ắt phải trừ vọng. Phương pháp trừ vọng, quý ở tham thiền. Hằng ngày có thiền thì tự có thể thôi vọng. Người xưa nói “Cuồng tâm nhưng nghỉ, ngưng nghỉ tức Bồ Đề”, cổ nhân ngay dưới chữ Bồ Đề quở là “thằng chết”, đến đây một tâm cũng bất khả đắc. Đã là Bồ Đề, tại sao nói là “thằng chết”?

Nay thử hỏi: Các ông thích Bồ Đề hay thích thằng chết?

Nếu muốn ngừng nghi vọng tâm, hãy gánh Bò Đề đi! Muốn tiến tới nữa thì hãy trả thằng chết lại cho ta!

Chỗ thấy như vậy, phải hiểu như thế nào? Còn nói “Ông hãy đem vọng tâm ra cho ta xem, ta mới nói với ông” và đừng bắt chước công án của nhị Tổ “Con tìm tâm trọn chẳng thể được. - Ta đã an tâm cho người rồi”.

37. NGOÀI THÂN TẠM QUÊN.

Nói ngoài thân tạm quên, thật trái với đạo. Trong thân quên hết cũng trái với đạo. Ở giữa còn khó rõ thì làm sao nói là trong là ngoài! Người học đạo nếu được quên thân thì trong, ngoài và giữa, ba cái đó còn đặt ở chỗ nào?

Tuy nhiên, người mới dụng tâm đối với vườn tược, ruộng nương, danh lợi, tiền của muốn chẳng để nơi lòng, không chút động niệm cũng chẳng phải việc dễ. Còn kẻ đạo nhân ngày nay dù đã trụ Tông Lâm ba năm, có cơ hội gần gũi thể tục, hoặc lấy có đi cúng mả, hoặc lấy có có việc về quê, một phen thấy mặt thì buồn vui lẫn lộn, thật là kẻ tục trực đầu.

Lúc dụng công đắc lực, việc ở ngoài thân như mặc áo, ăn cơm, đi đại, đi tiểu không chút nhớ đến, chính là quên việc ngoài thân. Cho đến người ta hỏi trên chánh điện thờ bao nhiêu vị Phật, cũng chẳng thể đáp. Lại hỏi mỗi ngày đến trai đường mấy lần, cũng chẳng biết. Phương hướng của cửa chùa cũng chẳng rõ. Nhà cầu tiêu ai ở cũng chẳng biết. Chính ngay lúc công phu tất cả đều chẳng lưu ý. Cái tâm quên việc ngoài thân này chính là gần gũi với đạo. Quên việc ngoài thân mới được thoát thế tục, dần dần trở về đạo. Song cần phải dũng mãnh tinh tấn cho đến lúc cả cái tâm quên cũng chợt vỡ, thân thể nghiệm nhiên, đâu còn gì trong, ngoài nữa!

38. CẢM THẤY THÂN KHINH AN.

Người hành đạo chẳng nên lấy cảnh ngoài thân hơi giảm bớt cho là khinh, lấy tướng trong tâm tạm ẩn cho là an. Nếu cảm thấy thân mình khinh an là điều lầm lớn vậy. Cần phải ở tại nghi tình chân thiết, chỉ đem một câu thoại đầu để ở trong lòng, thối mắc nơi tâm, ngoài tâm cũng là thoại đầu, trong tâm cũng là thoại đầu, chẳng cho gián đoạn trong khoảnh khắc. Ngoài chẳng thấy có cảnh, trong chẳng biết có tướng, chỉ một câu thoại đầu rõ ràng minh bạch. Ngay trên một câu thoại đầu này chẳng huân chẳng gấp, thân bình khí hòa thâm thâm tham cứu. Ngoài có sắc tướng thì thâm nhãn thức. Ngoài có âm thanh thì thâm nhĩ thức. Thấy nghe chẳng quan tâm, sắc thanh tự tịnh. Ngay trong lúc tham, ngoài có thấy nghe thì thức làm sao thâm? Phương pháp thâm thức là cứ một mạch tham đi, chẳng màng đến cái khác thì thức tự thâm. Nếu đạt được đến chỗ tâm duyên bên ngoài chẳng thấy một vật, cũng chẳng phải không vật, tâm duyên bên trong chẳng thấy một niệm, cũng chẳng phải không niệm, đây tức là trong thức không có phan duyên (*đeo đuối*). Như thế mới là chân thật khinh an, tức là trong ngoài và giữa đều khinh an vậy. Một thân khinh an, mười phương thế giới thấy đều khinh an.

39. TRỤ CHỖ KHÔ TỊNH.

Khô như cây chết, nhánh là khô héo, gió thổi chẳng lay động, không có bóng mát. Người thích tịnh, chấp lấy chỗ tịnh, cũng giống như cây khô vậy. Nếu cây tươi tốt, cành lá sum xuê, gió động thì nghe có tiếng, khi bóng người hiện thì thấy có sắc, khiến cho tai mắt không chút tịnh. Đây là chỗ người ưa động chấp lấy.

Nếu người lúc dụng công, đạo tâm kiên cố, nghi tình thân thiết thì bên ngoài chẳng bị trần cảnh làm nhiễu loạn, bên trong chẳng bị thân làm biến đổi, ở giữa chẳng bị thức trối buộc. Trong ngoài thanh u, an nhàn tự tại. Đây tuy do công phu làm đến song chỗ này chẳng nên trụ. Nếu trụ ở chỗ này thì nghi tình bị tịnh cảnh che lấp, công phu ngưng nghỉ chẳng tự biết. Lại còn tham đắm tịnh cảnh, ở chỗ rảnh rang tự cho đó là thù thắng. Chẳng những không biết chỗ khô tịnh là bệnh, trái lại còn cho là tốt. Thật ra là do đánh mất nghi tình, chẳng theo động ắt trụ tịnh. Vậy người học đạo có chí khí phải biết hổ thẹn, một phút không có công phu phải tự thống trách, tự đánh vào mình, tự tát vào mặt, hổ thẹn nói rằng “Người xưa dụng công còn không có thời giờ cắt móng tay. Ta là người gì mà tẻ thế này!” Khóc lóc thấm thiết, ở trước Phật lập thệ “Chẳng đến đại ngộ, dù chết cũng mang câu thoại đầu theo. Sau khi chết cũng chẳng bỏ tham”.

40. BÀY ĐẶT BẬY BẠ.

Tự bày đặt bậy bạ là bệnh lớn đối với Thiền Tông. Người mới vào Thiền đường thấy câu "Niệm Phật là ai?" liền nói: chữ Niệm là tâm, chữ Phật là giác, chữ Là là ta, Ai chẳng hỏi ai. Lại thấy câu Chiếu Cổ Thoại Đầu, liền nói: Chiếu tức là chiếu mà thường tịch, Cổ là chăm chăm không dời, Thoại là trước lời nói tiến thủ, Đầu là trên đầu chồng thêm đầu. Bệnh bày đặt này rất sâu, thuốc của Dược Vương cũng khó trị.

Thấy đến cái bản bằng gỗ gọi là hương bản, tưởng là để cảnh sách cho sự tọa hương. Thấy đến cái bản bằng trúc gọi là trúc bệ, tưởng là đồ dùng của sự đi hương. Lại nói: chuông treo trên là thụ (*đọc*), bản treo dưới là hoành (*ngang*), chẳng phải là "Thụ cùng tam tế, hoành biến thập phương" sao! Còn đối với Ban Thủ thì cho rằng đó là người cầm cái đầu của hương bản. Đối với Duy Na thì cho rằng Duy là duy hộ, Na là na chấp. Tự mình tỷ dụ bậy bạ, bày đặt vô lý. Thật đáng thở than!

Nếu bảo họ ở trên câu thoại đầu tha thiết tham cứu, thì tâm họ lập tức buồn bực, thân họ mệt mỏi, trong lòng bất an. Nhưng nếu trụ lâu ở Thiền đường, cuối cùng sẽ có ngày phát minh đại sự, mới biết sự bày đặt bậy bạ trước kia tức là diệu dụng của sai biệt trí mà thôi.

41. CHUYÊN THÍCH THƠ KỆ.

Tham thiền cực khổ nhiều năm, cảm thấy công phu tự nhiên thâm nhập, thành linh ngay nơi ngôn cú của cổ nhân có chỗ giải ngộ, hoặc ở trên bốn phận công phu cũng có chỗ thú vị. Người trước kia đã biết chữ nghĩa nhiều thì ngâm thơ, người biết chữ nghĩa ít thì làm kệ.

Người biết chữ nghĩa nhiều, thân ở chỗ thanh u, tâm đắm thiền tịch, tình buông thả theo cảnh huyễn, nghĩa vị uyên thâm, ban ngày lấy vịnh thơ làm nghiệp, ban đêm lấy Lý Bạch, Đỗ Phủ làm thầy. Cho đến tọa hương thì thân lay đầu lắc, ngâm thơ cũng có thể thành bài. Người chữ nghĩa ít, chữ nghĩa bị tắc nghẽn thì miệng đọc rồi tâm đuổi theo, kệ mới thành văn. Sao chẳng nghĩ thời giờ rất quý mà nỗ lực trôi sông, nhân duyên lớn được ở Thiền đường mà cũng để luống qua vô ích. Danh hèn của thi tăng sao chẳng tránh, nghiệp xấu của văn tăng sao lại tạo!

Người xưa đại sự sáng tỏ, việc mình đã xong, sau đó mới quán sát căn cơ mà lập giáo, dùng văn để tiếp hàng trí thức, dùng thơ để tiếp người học rộng hiểu sâu. Lấy thơ văn làm phương tiện để dẫn người nhập đạo, đều do lòng từ bi làm lợi ích thế gian, chứ chẳng phải như bọn phù phiếm ưa thích ý vị của văn thơ mà tự xưng là người xong

việc (đã ngộ).

42. CHẲNG NGUYỆN TIẾN SÂU.

Người hành đạo chỉ chưa kiên cố, gặp sự ràng buộc hơi nhiều, chẳng được lợi ích, chẳng nguyện tiến sâu thì có thể đúng. Người đã được lợi ích mà chẳng chịu tiến nữa, ắt có hai thứ chướng. Theo Thiền tông, hai thứ chướng ấy là gì?

1. Thân chướng là cái chướng trong thân, ngoài thân.

2. Tâm chướng là cái chướng trong tâm, ngoài tâm.

Chướng trong thân là lục căn khiếm khuyết, bệnh nặng dây dưa, tuổi già sức yếu, thường sanh bệnh hoạn, chẳng chịu nổi sự ăn uống cực khổ và sự lạnh lẽo.

Chướng ngoài thân là các việc lớn nhỏ phiền rộn, hoặc vì việc khác làm chướng ngại, hoặc vì thói quen từ trước lôi kéo, tuy thân đặt nơi đạo mà bị chướng ngại nên khó tiến sâu.

Chướng trong tâm là đạo niệm đương đi thẳng, công phu thuần tịnh, ngẫu nhiên bị phiền não đến nhiều loạn tâm, khiến cho vọng tâm tương tục sanh khởi, cảm thấy khó dừng nghỉ cho thanh tịnh.

Chướng ngoài tâm là lúc công phu đắc lực, nghe tiếng thì chạy theo tiếng, thấy sắc thì chạy theo sắc. Vì chẳng có thiền sâu, nên thiền lâu cảm thấy hơi động. Tuy phát giác được động đang nhiều loạn nơi tâm, song vì mệt nhọc sức kém nên công phu khó dừng được niệm, ngày lại qua ngày chẳng nguyện tiến sâu, khó mong kiến tánh.

Nếu tất cả chẳng màng, trong ngoài đều sạch, xả thân xông vào, thẳng đến chỗ huyền vi thì mới biết công phu cần phải tiến sâu mãi mãi.

43. CÁI DỤNG ĐỀ KHỞI.

Người tham thiền dụng công đến chỗ tâm cùng lực tận, cảnh lui, thân nhọc, chẳng những công phu khó đề mà cho đến vọng tưởng cũng khó khởi. Nói chuyện với người, hỏi cái này thì đáp cái kia, làm việc trong chúng thì nhớ trước quên sau, như si như ngốc. Người không biết, cho là đạo nhân vô tâm. Người biết thì cho đó là thiền nhân cạn cợt.

Phải biết, công phu hành đạo cũng giống như người đi đường, nếu một ngày siêng mười ngày lười thì ắt bị kẹt ở giữa đường không bao giờ đến nhà được. Nếu biết giữ đường chẳng phải chỗ an thân, chẳng cố gắng thì đâu hy vọng được về đến nhà! Do đó đem công án sẵn sàng, tận sức đề khởi khiến cho quý lười biếng phải giấu hình, ra sức tham cứu cũng như người xa quê dưng mảnh lên đường trở về nhà. Dầu cho trời long đất lở cũng luôn luôn đề khởi, luôn luôn tham cứu, cho đến thân quên, tâm lặng. Người tham thiền dù mười năm lạnh băng băng nhưng có thể một mai lửa phát dậy trong tro lạnh. Cái đạo dưng mảnh đề khởi công ở chỗ huân tập lâu dài, mới tránh khỏi sự lầm lỗi.

44. CÔNG NĂNG TRỪ VỌNG.

Công phu trừ vọng tưởng chẳng phải là chánh hạnh. Vậy muốn trừ vọng phải dùng công phu gì? Nếu lấy trừ vọng làm công phu, thật sai lầm lớn. Sao vậy? Vì đối với vọng tưởng, người chưa liễu ngộ thì không thích, còn người đại ngộ thì không chê.

Tại sao không thích? Vì lúc không dụng công, tâm cảm thấy thanh nhàn, niệm không phiền nhiễu. Công phu vừa khởi thì các vọng chạy đến, việc buồn vui yêu ghét lằng

xăng hiện tiền làm cho nghi tình bị vọng niệm đánh mất. Nghĩ đến giận mà phát khóc, tức nó hận mà rơi lệ, bệnh này nặng thấu xương, chẳng trừ thì không được. Thực ra, đối với việc này nếu giận nó là lắm vậy.

Phải biết, vọng tưởng hay tạo sanh tử mà liễu sanh tử cũng là nó. Vọng tưởng hay làm chúng sanh mà thành Phật cũng là nó. Vọng tưởng hay xuống địa ngục mà lên thiên đường cũng là nó. Sức của vọng tưởng hơn sức Phật. Công của vọng tưởng hơn công Phật. Xin mời các Thiền sư muốn trừ vọng tưởng hãy suy nghĩ kỹ xem! Đáp rằng "Lời này rất đúng, vậy phải dụng công phu như thế nào?" Mau đem cái công phu trừ vọng tưởng đối ra tham câu thoại đầu mới được.

45. CÔNG NĂNG TRỪ NGỦ.

Công phu trừ ngủ này lại cũng lắm nốt. Như sáng là trời sáng, tối là trời tối, trong lúc đi đường, ban ngày đi chẳng đủ, tiếp tục đi luôn cả ban đêm. Lúc thức dụng công phu chẳng đủ, tiếp tục dụng luôn cả lúc ngủ.

Phải biết, niệm có đầy lạng, tâm có thức ngủ, chỉ lo dụng công, chẳng lo thức ngủ. Đi đường như vậy, dụng công cũng như vậy, cùng một cách thức, thì hai chữ Trừ Ngủ đặt ở chỗ nào? Nếu nói ban ngày đi đường thì vui vẻ, ban đêm đi đường thì lo âu, toan muốn tìm cách trừ bỏ đêm tối để thấy trời sáng, có lý này ư? Dụng công cũng vậy, thức ngủ vốn là điều tự nhiên, người ngu thì theo cái niệm đầy lạng, người trí thì thức ngủ đều là lúc dụng công. Thế dụng song song, đâu thức đâu ngủ. Thế dụng bất nhị, tức đầy tức lạng. Đừng lo lúc ngủ không có công phu, chỉ lo lúc thức không có nghi tình. Lại, ngủ là ban đêm, thức là ban ngày, tối sáng qua lại đâu ngại hư không, thức ngủ thay nhau đâu quan hệ gì đến công phu tham thiền. Nếu hiểu được như vậy thì ngủ cũng không ngại gì!

46. LẠC ĐƯỜNG TỰ TẠI.

(Lạc đường là công phu đến thoại đầu).

Trước đã trừ vọng tưởng, kể lại trừ hôn trầm. Công phu "lạc đường" thân tâm tự tại, nếu cảm thấy vui mừng là lắm lớn vậy! Như người mang gánh nặng tính về đến nhà mới buông gánh xuống, nhưng ngất vì thân thể mỏi mệt, sức lực kiệt quệ cần nghỉ ngơi, nên ở giữa đường làm nhà, tự cho là thanh cao, thích thú trụ chỗ vui đó. Nhưng đây là giữa đường đâu phải là nhà. Muốn đi suốt con đường về nhà đâu thể dừng lại ở đây.

Người tham thiền cũng vậy, ban đầu ở trong trần thế hạ thủ công phu, kể ở trong huyền thân hạ thủ công phu, rồi ở trong phiến não hạ thủ công phu, từ thô đến tế thân tâm trải qua đủ thứ cực khổ, như vậy được đến chỗ trần không, thân tịch, tâm tịnh, ý nhàn, nhìn trước không có đường đi, nhìn sau không gì lo âu, gọi là công phu "lạc đường" thân tâm tự tại, lắm tưởng là khổ buông thân an trụ. Phải biết, con đường phía trước rất lớn, lớn hơn núi sông, căn nhà thuở xưa rất rộng, rộng hơn hư không. Hãy bỏ nhà lá, mau lên nhà xưa. Từ đây cúi đầu đi thẳng, chẳng chút quày đầu ngoặt lại, từ "đầu sào trăm thước" (*thoại đầu*) tiến lên một bước liền được kiến tánh.

47. VỌNG TỰ THỪA ĐƯƠNG.

Công phu của người tu hành đã đến thân tâm tự tại, an thân ở chỗ vui, cho rằng không sai lầm. Nếu tiếp tục ở lâu nơi chỗ sai lầm, đương nhiên sẽ nổi lên rất nhiều vọng kiến, tự cho "Đại địa chỉ là con mắt của ta", "Hư không trong nắm tay ta", "Cá dưới đáy biển thò tay bắt được", "Chim ở trên trời gọi nó liền đến", "Tay Phật cùng tay ta

đồng nhau, mặt chó cùng mặt ta chẳng khác", "Nhướng mày là làm phật sự độ người. Trợn mắt là hoàng dương pháp chân truyền của Phật, Tổ", "Tăng hắng thì tiếng vang khắp mười phương, khiến người nghe ngộ đạo. Nhỏ đàm thì tự, tha tánh không, khiến người thấy trở về chân", "Lời nói đều là hiển tánh, nín lặng ngay đó truyền tâm". Buồn thay! Lý luận sai lầm thật là to lớn, ý vọng thật là u mê, mà không biết hổ thẹn! Đâu biết mình cùng với kẻ ăn xin làm bạn, bàn luận về vàng bạc châu báu, một lát nữa đây đói khát cũng y như cũ, vẫn phải đi từng nhà xin ăn. Thật rất là ngu mà không tự phát giác. Vậy cần phải phấn chấn tinh thần. Hề còn một chút chưa liễu ngộ thì cả thân đều sai lầm, chẳng chết trong hầm thường kiến, cũng rơi vào hố đoạn kiến. Hãy mau đem bốn phận công phu ra sức cố gắng đề khởi tham cứu đi, mới có thể đến chỗ không còn lo âu.

48. GIỚI LUẬT SAI TRÁI.

Người dụng công đã thừa đương được tự kỷ, lại có thể ngộ đến người khác, bỗng bị người mất sáng quờ là kẻ ăn xin, mắng là thằng ngốc. Đến đây không biết mình phải làm sao, hoang mang không biết đường tiến thoái. Muốn tiến tới lại trở thành thoái lui. Muốn thoái lui lại sợ trở về quê hương dục vọng, làm cho tiến thoái lưỡng nan. Như vậy, nghiệp cũ nổi lên thì yêu ghét rõ ràng, tâm dâm hơi động hai má đỏ bừng, phần nộ bùng dậy toàn thân tím ngắt, tự mình không biết, lại làm cho người khác sợ hãi chạy trốn. Phải biết, đã quét tâm trần từ lâu mà tro dâm dục vẫn còn, thường lau chùi bụi ý mà sân si chưa sạch, người chân thật cầu đạo đến đây mới biết khi đèn sáng chiếu khắp một căn nhà, quay đầu nhìn lại mình, vẫn là người đen tối, mới rõ tâm thô dù hàng phục mà vọng vi tế còn ẩn sâu, do đó tâm giới bị tổn thương, rất sanh hổ thẹn. Từ đây chuyên tu tế hạnh, không cho mây may ẩn giấu, tiếp tục dụng công, vùi đầu tiến tới. Lại nghĩ “Chẳng nổi tâm nghiệp thì đâu biết được mình quấy”. Cho nên nói "Bất đắc ngư phủ dẫn, chằm đắc kiến ba đào" (*Chẳng nhờ ngư ông dẫn, đâu thể thấy sóng to*).

49. TÂM PHÁP ĐỀU TỊCH.

Người dụng công phu, trước đã tâm pháp đi đôi, không còn đối đãi. Đường đạo xa xôi, từ bước tiến hành, thẳng đến chỗ đường cùng, vắng vẻ, muôn tiếng đều lặng, quày đầu chẳng thấy thôn làng, nhìn quanh không biết xứ sở. Ngước lên nhìn trời, trời chẳng ở trên. Cúi xuống nhìn đất, đất chẳng ở dưới. Thấy vật như ánh sáng trong mặt trăng. Thấy mình như ánh sáng trong mặt trời. Tương tự như thân quang minh ngồi chỗ quang minh trọn không chỗ thấy cũng không chỗ nghe. Kiến giải như vậy rất dễ mê hoặc người. Nên biết, trần hết thì quang minh sanh chẳng phải kỳ lạ, bụi sạch thì ánh sáng hiện ấy là việc bình thường. Tâm và pháp toàn ẩn chưa phải chơn liễu ngộ. Sao vậy? Tịnh niệm hiện tiền thì tâm tự tịch, cầu trần tàm sạch thì pháp tự quên, chớ nên vì chẳng thấy người mà vọng nói là nhân không, chẳng thấy pháp bèn nói là pháp mất. Tâm bị tịch làm mê, chỉ nhận cái tịch mà chẳng thấy tâm, chẳng biết tâm vẫn tồn tại. Pháp do tịnh mà ẩn, chỉ biết cái tịnh mà quên cái pháp, thực ra pháp đâu có mất. Cái đạo tâm pháp đều tịch, chẳng phải là tin tức đến nhà. Người hành đạo cần phải mãnh tỉnh, đối với cảnh giới thâm sâu chớ nên có chút lưu luyến. Tham thiền đến chỗ không có biệt niệm cần phải tiến thêm một bước mới là chánh hạnh. Bằng không, lâu ngày như cầu bỗng dậy trở tay không kịp.

50. ĐƯỢC CHÚT ÍT CHO LÀ ĐỦ.

Công phu dụng đến lúc trần hết thì quang minh sanh, bụi sạch thì ánh sáng hiện, day mặt khạc nhổ đều là tự kỷ, chấp tay cúi đầu đều là phật sự. Mặc dù mỗi bước đều đi

trên đỉnh đầu của tự tánh Phật, mỗi vật đều hiện dưới ánh sáng mặt trời của mình, đến chỗ này chẳng muốn tiến tới chính là được chút ít cho là đủ. Đức Thế Tôn quả hàng Duyên Giác, Thanh Văn rằng trên chẳng học Phật thừa, dưới chẳng độ chúng sanh, tiêu dao ngoài tam giới, tự cho giữa đường là nhà ở, chẳng chịu bỏ Hóa thành để đi đến Bảo sở, trụ nơi Niết Bàn Tiều Thừa, cam làm hạt giống cháy mà chẳng tự phát giác. Sao ngu vậy!

Thử xem: Phật quả La Hán được chút ít cho là đủ, La Hán còn có mười tám thứ thần thông, có thể hiện ở hư không, ẩn dưới đất, hiện ở trong nước, ẩn trong lửa, trên đầu phun nước, dưới chân phun lửa, cộng chung mười tám thần thông mà còn bị nói là "phần ít"! Bị quả trách nặng là trên không có Phật đạo để thành, dưới không có chúng sanh để độ, tự hưởng an lạc, chẳng cầu tiến lên, chán các khổ, chẳng nguyện độ chúng sanh, cho nên nói "chẳng đủ".

Huống chi chúng ta còn là phàm phu, thiền tham chưa thông, đạo chưa tiến sâu, dẫu cho có nhập chút ít nhưng chưa đến cùng tột lại tự ngưng tu. Vậy được chút ít cho là đủ há chẳng hồ thẹn trong hồ thẹn ư? Hãy mau đem cái công của được chút ít đó buông xuống đi, cái đạo của chẳng đủ đó hành lại đi, thì sự lớn lao của tiền đồ, sau này sẽ tự biết.

51. KHỞI TÂM DỤNG.

Đã nhập thiền sâu, tâm pháp đều tịnh, trọn không trở ngại, làm không chỗ làm, muốn dụng tâm nữa lại sợ khó tiến bộ. Chẳng nghĩ tâm dụng công tham thiền chính là pháp tham thoại đầu. Pháp ấy, do nhiều đến một, do một đến chuyên. Tâm ấy, từ loạn đến định, từ định đến thiền. Pháp với tham đều hết, tâm với thiền đều tiêu, còn muốn khởi tu nữa, chính là trên đầu lại chồng thêm đầu. Một chữ Dụng từ đâu hạ thủ?

Như người dụng công hiện nay biết được kẻ nghe tiếng trước mắt, kẻ thấy sắc trước mắt, cho là người chân thật bản lai (*tự tánh*) là sai lầm lớn. Vì một cử một chỉ nếu không có niệm thì không thể động, vì có nói mới có nín đều là tác dụng của vọng tâm, chẳng phải là vọng tâm không sanh khởi. Ấy là cái kiến chấp của tâm đã thâm sâu. Thực ra, bất cứ cử động nào cũng đều từ tâm sanh khởi, nếu chẳng do tâm thì làm sao có lý sanh khởi này? Những việc kể trên đều là tương đối, có tương đối đều thuộc về kiến chấp, có kiến chấp thì làm sao dụng công? Như thế, một bậc nhân tài rất tốt cam làm kẻ lỗ mãng. Cần phải mau đem tất cả những kiến chấp trước kia từ trong xương tủy nhổ ra, trừ sạch, diệt hết, rồi lại như người sơ học dụng tâm (*giữ nghi tình*) cho nó (*cái biết của bộ óc*) chết đi ba mươi năm rồi hãy trở lại gặp ta nói chuyện Phật pháp.

52. HỮU TÂM DỤNG.

Do trước dụng tâm, không có gì để mò nắm, sau thêm tham cứu hình như khó vào cửa, cho nên lập chí bắt chước người sơ tham làm lại từ đầu như người mới học. Lúc ấy dụng công so với lúc sơ tham khó hơn gấp bội, vì trước kia chưa tham, thân tâm thô phù, chỉ là cái cảnh động trước mắt. Nay đã tham lâu năm rồi, tâm pháp đều tịch, lại thêm một lớp tịnh cảnh, do đó lúc dụng công phải lưu tâm nơi động tịnh, phòng ngừa khi chưa phát sanh. Dù là thượng diện quả đường cũng có tâm tham cứu, mặc áo ăn cơm cũng dụng ý kiên trì, đi đường cũng khẩn thiết đề khởi, nói chuyện cũng lưu tâm vì sợ bị đánh mất, toan nằm xuống thiền sàng, lấy công phu làm mền, sáng sớm thức dậy, lấy nghi tình làm áo, dùng câu thoại đầu rửa mặt, đem câu thoại đầu uống trà. Nơi nào cũng có tâm dụng công, ngày nào cũng không có lúc ngưng nghỉ. Ngày kia đập vỡ khối nghi, chẳng những chẳng tham đắm tiểu ngộ mà đại ngộ cũng chẳng chịu trụ. Người hữu tâm dụng cần phải có tâm này.

53. TÁN TÂM DỤNG.

Tán tâm dụng này chẳng phải là tâm tán loạn của người sơ tham dụng. Người tu hành cần phải kỹ lưỡng. Tuy sơ tham với lão tham có khác mà tán loạn vốn đồng, chỉ khác ở chỗ khéo dụng hay chẳng khéo dụng mà thôi.

Sơ tham dụng công, dụng thì có tâm dụng, tán thì không có tâm dụng. Tâm dụng đã không thì công phu làm sao có được, đây gọi là sơ tham. Công phu lão tham, dụng chẳng phải không, nhưng tán cũng vẫn có. Tán tâm đã có thì hữu tâm có thêm, đây gọi là lão tham.

Xét kỹ tán tâm chẳng ra ngoài hai thứ :

1. Tâm nghiệp thức thuần thực.
2. Tâm công phu thuần thực.

Tâm nghiệp thức thuần thực là tâm tán ở nơi nghiệp thức. Tâm công phu thuần thực là tâm tán ở trên công phu. Tâm tán ở nơi nghiệp thức thì tâm ấy khó thu nhiếp. Tâm tán ở trên công phu thì tâm ấy dễ thu nhiếp. Đem câu thoại đầu, một miệng cắn chặt, một chân đè cứng, một tay nắm đứng, nhất tâm ghi nhớ, muôn ngàn sai khác đồng thời tiêu hết, muôn ngàn nhánh lá quét một chổi hoàn toàn sạch trơn. Quý ở chỗ tham cứu thâm sâu chứ không tham luyện công phu đặc lực, một phen ló đầu ra (*ngộ*) thì hiện bậc đại nhân (*tự tánh*).

54. NẮM GIỮ DỤNG.

Dụng công từ tán tâm đến nhất tâm, bỗng từ nhất tâm đổi ra tán loạn, vì không nắm giữ được.

Như người nuôi rắn, ban ngày đem đồ ăn cho nó ăn, ban đêm đem giường cho nó nằm, muốn cho nó tạm ở yên một chỗ cũng chẳng được. Vì rắn sẵn có tánh động, chẳng động chẳng được. Khi đi thì cùng tánh đi, khi ở thì cùng tánh ở, khi ngồi thì cùng tánh ngồi, khi nằm thì cùng tánh nằm, dầu đánh chết vẫn e khó làm cho không động được. Cần phải bắt lại, nắm giữ nó thật chặt mới miễn cưỡng ngưng lại được, dù cho qua lại ra vào cũng chẳng rời chỗ nắm. Cái dụ nắm giữ này, với cái nắm giữ dụng công cũng giống như vậy.

Phải biết, tâm của dụng công còn độc hơn nọc rắn, nó có thể hại người xuống địa ngục, có thể hại người thành Phật, Tổ, có thể hại người trồng gốc phàm, có thể hại người gieo giống Thánh, có thể hại người liễu sanh tử, có thể hại người chứng Niết Bàn (*xem lược giải*). Cái hại của rắn rất lớn, cái độc của rắn rất sâu, nay đã bị ta nắm chặt trong tay, thề rằng “Mi sống ta sống, mi chết ta chết, chẳng phải mi độc làm chết ta, mà là ta nắm chết mi”. Một mai rắn chết, người mất, mới biết kẻ nắm giữ vốn là cái này (*tự tánh*). Hê! Chớ nên nhận lầm!

Lược giải: Phật, Tổ là đối với chúng sanh, Thánh là đối với phàm, Niết Bàn và đối với sanh tử, đều là tương đối, tương đối là nhị, ấy là nghịch với tự tánh vốn bất nhị cho nên nói bị hại.

55. ĐẮC LỰC DỤNG.

Được nắm giữ dụng, đi đứng ngồi nằm ngày đêm không có gián đoạn. Dù biết câu thoại đầu công phu sâu nhưng chẳng biết hết được sự thọ dụng và chẳng biết đặc lực hay không? Công phu như thế nào, nay cần phải xét kỹ xem!

Như thân ngồi ngay thẳng, nghi tình tự khởi, vọng tưởng chẳng thể đến gần, hôn trầm cũng tránh xa, đây là công phu đặc lực. Lúc đi hương, trong tâm nghi tình dù chẳng thân thiết song chánh niệm vẫn còn, nghi tình niệm niệm chẳng gián đoạn, là đặc lực. Lúc cùng người nói chuyện, trước động cái niệm dụng công, sau mới động cái niệm nhân sự, là đặc lực. Lúc ăn cơm, niệm của công phu ở trước, niệm của cầm bát ở sau, là đặc lực. Lúc ngủ, trước tiên biết có công phu, chẳng biết có mừng mền, là đặc lực. Làm mọi việc, biết được cái niệm công phu ở trước, cái niệm làm việc ở sau, dù như thế cũng chỉ là đặc lực được một nửa. Nếu người thật đặc lực thì động tịnh, nhàn vội, thức ngủ, nói nín đều có công phu, cùng với việc làm không trái, cũng không có trước sau, cũng không uổng phí một chút thời giờ, đây là bằng chứng vững chắc của công phu đặc lực.

Người chẳng đặc lực, ban đầu nghi tình được miên mật, bỗng nghe tiếng động hoặc nói chuyện với người liền bị âm thanh và người lôi kéo đi mất, mất rồi không biết đã qua bao lâu quày đầu tự hỏi “Công phu miên mật ở chỗ đặc lực dụng, rốt cuộc bị ngoại cảnh lôi đi”. Xét kỹ như thế mới biết là chẳng đặc lực. Câu thoại đầu vừa đề lên, ngay đó chẳng nghe tiếng, chẳng thấy sắc, bỗng gặp gỡ người quen, chỉ biết nói chuyện nhà, chẳng còn nhớ đến công phu.

Buồn thay! Người dụng công nên lấy chỗ đặc lực làm pháp thực hành mới được.

56. PHÓNG TÂM DỤNG.

Công phu dù có đặc lực, song chưa dám buông tay đi thẳng. Sao vậy? Như công phu thân thiết, khi làm việc sinh sống, một mặt lưu tâm công phu, một mặt lưu tâm làm việc. Nếu việc làm chẳng tốt sợ bị quở trách hoặc đánh hét, trong tâm bất an. Cho nên tạm buông công phu trong giờ khắc làm việc, đợi việc làm xong mới đề lại công phu, há chẳng lợi ích cả hai ư! Nếu người thật nghĩ đến liễu thoát sanh tử thì chẳng phải như vậy. Vì sao? Chúng ta vì liễu sanh tử mà tham thiền, chứ chẳng phải vì làm việc mà tham thiền. Sanh tử chẳng liễu thoát thì bị sanh tử làm chướng, khi đang dụng công tùy thuận sanh tử luân hồi chẳng có kỳ hạn.

Nay cần phải lập thế “Quyết thống thiết dụng tâm, không chút ý lại, thân thân thiết thiết, miên miên mật mật, gặp lúc làm việc, công phu càng thêm mật thiết. Dầu cho việc làm không tốt, bị đánh bị mắng thì được, buông công phu thì không được. Ngày đêm tinh tấn, thế chẳng thay đổi, đem tâm đặt ở trên công phu mà dụng. Thân đến chỗ nào thì dụng cũng theo đến chỗ đó. Khi động, tịnh, nhàn, vội thì ở trong động, tịnh, nhàn, vội dụng công phu. Khi thấy sắc, nghe tiếng thì ở trong thấy sắc, nghe tiếng dụng công phu. Khi nói chuyện, ăn cơm thì ở trong nói chuyện, ăn cơm dụng công phu. Đây gọi là phóng tâm dụng.

57. THÂN THIẾT DỤNG.

Nhân vì trước dụng công nắm giữ đặc lực, dù có thể phóng tâm dụng, song còn chưa tránh khỏi gặp đầu thì chướng ngại đó. Cái tâm của dụng tâm duyên theo một tướng, dù chẳng bị lôi mất, nhưng có thể bị tướng ấy kích động hoặc làm ngăn cách, đầu bằng tịnh cũng như vậy, động cũng như vậy, sắc cũng như vậy, không cũng như vậy. Dầu cho sự vật lớn cũng chẳng thể ngăn cách, nhân sự quen cũng chẳng thể ngăn cách, tiếng của âm thanh, động của tâm, biến đổi, sống chết của thân, cho đến thức ngủ, khen chê đều chẳng thể ngăn cách, luôn cả cái chẳng thể ngăn cách cũng chẳng ngăn cách, chính cái ngăn cách ấy cũng chẳng thể ngăn cách.

Thế giới, thân, tâm, còn mắt, mộng mị đều chẳng ngăn cách gọi là Thân, chân thật làm được gọi là Thiết. Hai chữ Thân Thiết, người chưa liễu ngộ nên theo đó thực hành, còn người dụng công đã đến cùng tốt thì phải diệt trừ cho sạch. Sao vậy? Phải biết, người hành đạo nếu công phu cạn mà thường quên, ấy là chưa hành đến chỗ sâu, thì phải nhờ hai chữ này để hạ thủ công phu mới dễ nhập đạo. Nếu công phu đã đến thoai đầu thì thân thiết hay không thân thiết đều không màng đến mới có thể đi đến kiến tánh. Việc này trong quá trình dụng công cần phải lưu ý.

58. GIÁN ĐOẠN DỤNG.

Công phu dù rất thân thiết, song cũng có lúc gián đoạn mà chẳng tự biết. Vì sao? Chính ngay lúc dụng tâm biết được thanh tịnh tự tại, hoặc biết được rỗng rang an nhàn, hoặc biết nghi tình đặc lực hay chẳng đặc lực, biết chỗ đặc lực là chỗ nào, chỗ chẳng đặc lực là chỗ nào, cũng gọi là gián đoạn. Ngay trên câu thoai đầu tham cứu, biết tham đến chỗ tịnh, tham đến chỗ sáng sủa hoặc tham hiện ra tướng Phật, bảo tháp, núi sông, đất đai, nam nữ, già trẻ, mình người, tất cả đều gọi là gián đoạn.

Sự gián đoạn trên khác hẳn với công phu của người sơ tham. Người sơ tham, đề thì có tham, quên thì hoàn toàn quên, chẳng biết quên ở chỗ nào.

Còn người lão tham, có lúc trong miệng nói chuyện, tâm biết tham thiền, có lúc tâm đang tham thiền, miệng biết nói chuyện. Hoặc thân làm việc, công phu vẫn còn, hoặc lúc dụng công, thân vẫn làm việc. Hoặc công phu với làm việc đều quên, hoặc công phu với làm việc đồng làm. Hoặc lúc ngủ, công phu thân thiết chẳng biết là mộng, đến khi thức giấc mới biết. Hoặc lúc mộng, trước thấy việc khác, sau thấy dụng công phu, do thiền mà tỉnh. Hoặc đang ngủ không công phu, không mộng tưởng giống như ban ngày. Ấy đều là sự gián đoạn của người lão tham.

Người tham thiền phải khéo tự dụng tâm mới được.

59. THÔ TÂM DỤNG.

Tâm có định loạn, thiền có đặc thất, sự gián đoạn đều do thô tâm này gây ra.

Thô tâm là gì? Như gói nhiều đậu nành trong bao, dù để ở đâu, bên trong ắt cũng lỏng lẻo, hở mở bao ra thì đổ vãi đầy đất. Nếu đem bao đậu ngâm nước, đậu nẩy mầm nở ra thì làm bao bị bể. Dụ như thô tâm duyên cảnh, tâm cảnh đồng thô, dù thu lại thành một khối, cũng chưa quên các thức. Hơi có chút giải đãi thì thân tâm tán loạn, nghi tình tiêu mất, tâm thiền cũng tan.

Nếu đem đậu trong bao xay nát hòa với nước nhồi thành một khối, ắt từ bên trong bỏ được đậu, bên ngoài diệt được mầm, chẳng còn sanh ra đậu nữa. Cũng như vậy, các vọng lãng xăng thu về một niệm, ngay ở trên niệm ấy, dùng sức của câu thoai đầu tham cứu quét sạch hết trần lao, cặn cẩu chẳng còn, tham thành một khối, ắt từ bên trong khử vọng, bên ngoài khử trần, tự chẳng phát sanh thô tâm vậy.

60. MIÊN MẬT DỤNG.

Công phu gián đoạn ở trước rõ ràng là do thô tâm làm thành. Đã nói là thô tâm thì cần phải tiến thêm một bước nữa. Công phu miên mật, miên như sợi tơ, mật như vải bố. Do một sợi tơ mà thành miên, từ một đường chỉ mà thành mật. Công phu do một pháp mà thành phiên, từ một niệm mà thành khối.

Cũng như đem tơ dệt thành vải bố, sợi dệt dày (*miên*) chẳng thông gió tức là xuất thế vô lậu, như vải bố dệt kín (*mật*) chẳng lọt mưa tức là thế giới vô lậu. Nếu tham được

đến chỗ pháp thể gian và pháp xuất thể gian cùng câu thoại đầu đồng một pháp, tâm thể gian và tâm xuất thể gian cùng câu thoại đầu đồng một tâm, là cái đạo miên mật sâu vậy.

Người làm được công phu miên mật thì quy củ thuần thực, oai nghi nghiêm túc, cử chỉ đoan chánh, ngữ ngôn giản thiểu, người đời đều tôn là Thượng Tọa.

Xin gửi lời nói với người tham thiền rằng: Chớ nghi tham thiền có nhiều chỗ khó, chỗ vi tế của tham thiền làm cho người ta sợ thế này thế nọ. Than ôi! Nếu có thể như con tằm nhả tơ, bắt đầu từ một sợi cho đến cuối cùng làm thành một kén, khoảng giữa không có gián đoạn, đó là công phu miên mật rõ ràng. Bằng không, há người chẳng bằng vật ư!

61. CHẲNG GIÁN ĐOẠN DỤNG.

Gián đoạn đều là thô tâm. Do miên mật mà thành chẳng gián đoạn. Đó là quá trình dụng công.

Công phu dụng đến chỗ ngoài không có trần cảnh để quên, trong không có thân tâm để giữ. Một câu thoại đầu quên ngày tháng, tuyệt sớm chiều. Từ công phu mà ngủ, từ công phu mà dậy, mộng cũng từ công phu mà thức tỉnh, đây gọi là chẳng gián đoạn.

Người công phu đến chỗ chẳng gián đoạn thì Long Thiên chẳng thấy thân họ, Quỷ Thần chẳng thấy tướng họ. Họ không nghe như người điếc, không thấy như người mù, nghe tiếng mắng mà chẳng biết duyên cớ, bị đánh đập mà chẳng biết đau đớn. Thoại đầu làm cho giận hờn chạy mất, nghi tình làm cho yêu ghét tròn mắt. Bất cứ cái gì hiện trước mắt đều chẳng màng đến. Dù Phật cùng ngồi với họ, họ cũng quên đó là Phật. Phật ma đều chém, phàm thánh đều hất bỏ. Người đầu đồng trán sắt thấy được thì đầu trán cũng bị vỡ, người ba đầu sáu tay nghe được thì tâm ý cũng thành tro. Công phu chẳng gián đoạn thật có sự thần diệu như thế.

62. TẾ TÂM DỤNG.

Công phu chẳng gián đoạn, đầu tiên thần diệu, kể đó toàn chân, dù nói phi phạm song vẫn còn nhiều thô.

Nay nói tế tâm dụng, tất cả pháp dụng tâm trước kia như ném đại địa ra ngoài hư không, như một chổi quét sạch bụi bặm khắp thế giới. Ngược lên chẳng thấy hư không, cúi xuống chẳng thấy đại địa. Công phu của tế tâm có sức như thế, người mộ đạo sao chẳng làm thử!

Người sơ tham thường khi có thô niệm chưa dừng, lúc ấy đối với công phu tế tâm, miễn cưỡng dụng lưu tâm tế, hữu tâm tế, đề nén tế, tạo tác tế. Các tế dụng này đều do toàn thô làm thành. Do thô mà thành thì chẳng phải tế, là chọi với cái chân tế.

Cái tế của người lão tham thì quên thô quên tế, tế đó lại thêm tế.

Mặc dù nói tế mà chẳng gọi là chân tế, vì chân tế tức là vô tế vậy. Người xưa nói "Một niệm bất giác sanh tam tế, cảnh giới làm duyên sanh lục thô" là nghĩa này vậy. Cũng như đem đại địa chia làm bốn phần, bỏ ba phần còn lại một phần, rồi lại chia phần này làm bốn, bỏ ba phần còn lại một, cứ thế tiếp tục chia mãi cho đến thành lân-hư-trần, các trần kia thấy đều bỏ hết. Lân-hư-trần này tức là tế tâm vậy. Cái tế của tế tâm đâu thể tỷ dụ, chỉ khi công phu dụng đến chỗ này mới biết lời tôi chẳng sai.

63. LÌA PHÁP DỤNG.

Trước dụng công phu té tâm còn có một lân-hư-trần, đến đây phải lìa nó, cho nên gọi là lìa pháp dụng. Pháp này tức là pháp tham thoại đầu, tại sao phải lìa nó? Vì tâm tức là pháp, pháp tức là tâm. Ban đầu thì tâm pháp khó được nhất như, kể thì tâm pháp được nhất như. Nay tâm pháp chẳng được nhất như, là vì câu thoại đầu còn lạ. Ra sức tham cứu, từ lạ thành quen, cứ đi thẳng đến chỗ cùng tột cội nguồn, đường về quê cũ sẽ chẳng còn xa. Do đây, dụng pháp của tự tâm, chẳng dụng pháp khác. Nói lìa pháp là lìa cái pháp ở ngoài câu thoại đầu (*lân-hư-trần*), chứ chẳng phải lìa câu thoại đầu. Như tự mình không có tiền, phải mượn tiền người khác dùng, tự mình đã có tiền, phải dùng tiền của mình. Cho nên lìa pháp bên ngoài, dùng pháp tự tâm (*pháp thoại đầu*), chứ chẳng phải lìa pháp mà không có pháp để dùng. Đến đây dù pháp quên mà người chưa quên. Pháp tức là thiền tham, người tức là tâm tham. Chẳng nhờ pháp tham cứu, chỉ dùng tâm tham cứu. Tham thẳng chẳng ngừng, chẳng chút tạm trụ. Khi ấy, Diêm La thấy liền chấp tay, Quỷ Thần thấy bèn quy y. Ngàn Thánh muôn Hiền đều đi đường này mà thành tựu. Công năng của quên pháp làm kinh hãi trời đất, ai chẳng hâm mộ!

64. VÔ TÂM DỤNG.

Người xưa nói “Hữu tâm dụng đến chỗ vô tâm, vô tâm còn cách một lớp rào”. Trước lúc vô tâm thì mưa gió sấm chớp đều ở trong hư không. Sau khi vô tâm thì gạch ngói sỏi đá đều quy về đại địa, đây gọi là chân vô tâm.

Nói vô tâm, chẳng phải không có tự tâm, cũng chẳng phải không có đạo tâm, chỉ là không có tâm muốn thành Phật làm Tổ, không có tâm muốn mình tâm kiến tánh, không có tâm thể gian, xuất thế gian, không có tâm yêu ghét lấy bỏ, không có tâm thể pháp, Phật pháp, không có tâm hữu vi, vô tri, không có hai tâm, không có một tâm, tức là chỉ cái vô tâm dụng này, cũng là chỗ Thiền Tông nói “lìa tâm ý thức tham” vậy.

Cái công của vô tâm có trước khi Phật chưa thành, trước khi chúng sanh chưa sanh. Đạo vô tâm này là pháp Thiền trực tiếp truyền từ Phật Thích Ca, có thể khiến cho người gõ nhảy múa, hồ đá nuốt dế, ẩn thân trong bầy trâu đất, cướp thức ăn trong động rắn sắt. Dầu cho muôn Tổ đồng thanh ngợi khen đạo nhân vô tâm này, mà ngàn Phật ra đời cũng khó thấy được.

65. CHÂN TÂM DỤNG.

Chân tâm cùng với giả tâm đều đồng một dụng. Tới sơ (*ban đầu*) dụng công đến tới hậu (*cuối cùng*) dụng công không có một chút thay đổi. Nên cái pháp sơ hậu đồng nhau, cái tâm sơ hậu chẳng khác, cái dụng sơ hậu cũng vậy. Như người đi đường vạn dặm, bước đầu tiên lên đường và bước cuối cùng đến nhà đều dùng chân đi, chẳng dùng cái khác, thế nên nói sơ hậu đồng nhau. Chẳng qua người căn khí lớn thì một bước đến nhà, dọc đường không bị trở ngại, niệm trước có thể nói là phàm phu, niệm sau có thể nói là bậc thánh. Sự sai biệt của thánh phàm chỉ cách một niệm, đâu nhọc đi xa, đây là thượng căn.

Người căn hơi cạn, sức tin nếu mạnh, tới sơ ôm chặt một câu thoại đầu dù chết chẳng buông, cho đến chỗ tới hậu dụng tâm, dọc đường bị chướng ngại đều không màng đến, đây là trung căn.

Người căn nhỏ hơn nữa, đầu tiên từ trên câu thoại đầu dụng tâm, gặp việc bị trở ngại, cử chỉ trái phạm, biến đổi như gió mây, thay đổi như trời tạnh chuyển mưa, lúc tiến lúc thoái, mất hết ngày giờ. Dù cho ra sức tiến tới, sau cùng đến chỗ đầu sào trăm

thước còn dễ, tiến thêm một bước nữa thì khó. Người tử thủ chỗ này xưa nay rất nhiều.

Chân nghi, nghi là nhân của ngộ, ngộ là quả của nghi. Nhân tiểu nghi khai quả tiểu ngộ. Nhân đại nghi khai quả đại ngộ. Nhân chân nghi khai quả chánh ngộ. Nhân chẳng nghi cảm quả chẳng ngộ. Người phát chân nghi, lúc nghi giống như đi ngồi bất an, không ăn mà quên đói, không tỉnh mà quên ngủ, ngoài như ngu ngốc, trong như người si. Lúc thời tiết đến (*đại ngộ*), kinh thiên động địa, cùng Phật, Tổ sánh vai, cùng chúng sanh bình đẳng, há chẳng vui ư!

66. CHUYỂN THÂN DỤNG.

Như từ đất bằng đi lên núi cao, ngay lúc động chân, bùn đất dính giày, thân thể nhơ nhớp. Người sức tin đầy đủ chẳng màng đến thân. Người sức tin hơi yếu rửa sạch rồi mới đi. Lúc đi đường qua hầm qua hố, bị gai gộc, sỏi đá ngăn trở giữa đường, cất bước khó khăn. Đói khát bức ngặt, cô độc không có bạn bè, trông xa núi cao chót vót mà khiếp đảm chân run. Sức đi đường bằng không nhiều, tâm muốn lên cao lại yếu. Đi lâu ngày đến chân núi, bị cọp sói rắn beo đón đường làm cho kinh sợ. Bước từng bước một, tay chẳng thể buông, chân lại bước nhanh, có người ở giữa đường dừng nghỉ, có người đi thẳng lên trên, hễ gặp tảng đá chặn đường, đường đi chật hẹp, hễ tay buông thì thân lảo nhủn xuống đất bằng. Than ôi! Đau đớn thay! Trở lại y như cũ, uống chực cực khổ mà không tiến được bước nào. Nghĩ đến mà chẳng đau lòng ư! Dù là bước lại dấu cũ cũng rất khó vậy.

Nếu có thể một phen dừng mãi lên núi thẳng đến chót đỉnh, nhìn ra bốn phương không có đường đi, đây gọi là:

Người ngồi tại đầu sào trăm thước,

Mặc dù được nhập chưa phải chân.

Tự nghĩ: Ở lại lâu thì không thể được, ẩn giấu thân cũng không có chỗ, tiến thêm một bước nữa, ngay đó thừa đương, đây gọi là:

Đầu sào trăm thước tiến bước nữa,

Mười phương thế giới hiện toàn thân.

Lại như mang thai đủ tháng, đến lúc lâm bồn, ồ lên một tiếng (*ngộ*) như thùng sơn lũng đáy. Lỗ mũi trước khi chưa sanh cùng diện mục sau khi đã sanh cách nhau chẳng xa. Ngay đây chuyển thân rồi, rất cần lưu ý. Khi chưa chuyển thân là phàm phu, đã chuyển thân rồi thành bậc thánh. Dầu cho đổi phàm thành thánh nhưng vốn là chính mình, chẳng phải người khác.

Hê! Trên đầu còn thiếu ba mươi gậy!

67. ĐỒNG THỂ ĐẠI BI.

Trước khi chưa ngộ cùng là phàm phu mà không biết, sau khi đã ngộ mới biết là chúng sanh. Như Đức Thế Tôn thấy sao mai mọc ngộ đạo, ba lần than rằng “Lạ thay! Tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng Như Lai, đều do vọng tưởng chấp trước mà chẳng thể chứng đắc”! Rồi Ngài tuân theo nguyên tắc độ sanh của chư Phật quá khứ, việc mình đã xong, lấy hoàng pháp lợi sanh làm sự nghiệp.

Ngoài ra không có việc ước mong hàng Bồ Tát từ Sơ địa đến Thập địa quét sạch vô minh, người trong quả La Hán mau hết tập khí, các vị Thiên Vương bỏ thú vui mà cầu ngộ đạo, các loài Tu La bỏ sân hận mà phát thiện tâm. Xin thỉnh tứ Thánh, chư Thiên,

Bát bộ hải chúng, tôi cùng nội người đồng chung một thể phát tâm đại bi cứu khổ chúng sanh gấp chó đẻ huồn.

Lại xin đồng học đại nguyện của chư Phật, hư-không-giới-tận, chúng-sanh-giới không, tâm độ chúng sanh của tôi không có cùng tận. Nếu còn một chúng sanh chưa thành Phật, bi nguyện này của tôi bằng số chúng sanh chưa thành sanh vô biên, nguyện của tôi vô biên. Dù thường đi trong lục đạo, qua lại trong bốn loài, một ngày còn chúng sanh là một ngày còn nguyện của tôi. Xin thỉnh mười phương đại đức sao không vui lòng lái thuyền đại nguyện, cùng dạo biển chúng sanh, há chẳng vui ư!

68. THAY CHÚNG SANH CHỊU KHỔ.

Kinh Phạm võng nói “Tất cả người nam là cha ta, tất cả người nữ là mẹ ta”. Đâu chẳng lo hiếu dưỡng, phải nên thay thế chịu khổ. Đã là cha mẹ, sao lại gọi là chúng sanh.

Phải biết, hai chữ "chúng sanh" là đương nhiên để cho Phật, Bồ Tát gọi. Chúng ta gọi "chúng sanh" dường như chẳng cung kính, vì chúng sanh đều là cha mẹ quá khứ là chư Phật vị lai. Từ nay, về sau, có người đánh ta là cha mẹ quá khứ đánh ta, có người mắng ta là chư Phật vị lai mắng ta. Ta thấy người gánh không nổi cái gánh nặng, ta mau đến gánh giúp. Thấy người đẩy xe không nổi, ta mau đến đẩy giúp. Thấy người giết heo de gà chó, ta khuyên người sát sanh hãy dừng tay. Nếu họ chẳng, dừng ta có tiền thì chuộc con vật, nếu không tiền thì khuyên họ. Khuyên chẳng được thì dùng tâm cung kính quy y cho con vật, tìm mọi phương tiện để cứu độ. Thấy người té xuống sông, mau đem thuyền bè cứu vớt. Thấy người gặp tai nạn mau đem tiền giúp đỡ. Thấy trâu ngựa heo dê, lấy bi tâm truyền giới quy y cho chúng. Thấy con trùng con kiến, mau dùng tâm thông thiết quy y cho chúng. Thấy người phỉ báng Tam Bảo thì dùng lời lành an ủi họ. Thấy người khinh khi Tăng Ni, liền hết sức khuyên giải họ. Lại phát đại nguyện thay người địa ngục để họ thoát khổ sanh lên trời, người, thay thế naga quỷ để chúng hết đói được no, thay thế mọi người chịu khổ để họ được vui. Đây gọi là thay thế chúng sanh chịu khổ.

69. ĐẠI TỪ TẠO VUI.

Phải biết một người dù có làm hết sức mình cũng chẳng dễ gì thực hiện được sự an vui trọn vẹn cho loài người. Sao vậy? Vì gốc của sự an vui chẳng ra ngoài hai con đường đạo và đức. Ngoài đạo đức thì không có biện pháp nào khác. Đạo là lìa sự chống trái của đời. Đức là cảm được người sùng kính tin cậy. Người đủ đạo đức thì đối với người đời bất cứ lúc nào tâm cũng vô trụ (*không bị dính mắc*), nên gặp gì cũng vui.

Lại nữa, nghèo lấy tiền của làm vui, bệnh lấy mạnh làm vui, không có con lấy sanh con làm vui, đắm chìm lấy ra khỏi nước làm vui, bị tù đầy lấy ra khỏi ngục làm vui, đói khát lấy no nê làm vui, xuất gia lấy ngộ đạo làm vui, khổ lấy hết khổ làm vui. Đây là nhu cầu của con người ở thế gian, thật chẳng dễ gì có được cái vui lớn!

Nếu người được chí chân thường lạc, đối với tất cả người thế gian khiến cho bỏ ác làm thiện, tránh sự xảo trá giết hại, cứu giúp kẻ bệnh nghèo, cúng dường Tam Bảo.... Đây là khéo tạo vui cho người vậy.

70. XÓT THƯƠNG CHÚNG KHỔ.

Bạc La Hán và Bồ Tát từ sơ địa đến thập địa còn có cái khổ của sanh tử biến dịch, tất cả Chư Thiên có cái khổ của năm tướng suy, A Tu La có cái khổ của giận hờn tranh

đầu, người khắp thế gian có cái khổ của sanh già bệnh chết, địa ngục có cái khổ của thiêu đốt, ngạ quỷ có cái khổ của đói khát, súc sanh có cái khổ của ăn nuốt lẫn nhau. Cái khổ của chín giới lớn nhỏ bất đồng. Sai biệt của một niệm đưa đến sự thăng trầm riêng khác.

Ở đây chỉ những điều người ta có thể thấy nghe trong loài người và loài súc sanh. Giàu có cái khổ sợ nghèo, nghèo có cái khổ muốn giàu, đi học có cái khổ khó tiến thân, làm ruộng có cái khổ thất mùa, buôn bán có cái khổ bán ế, làm thợ có cái khổ thất nghiệp. Lại, thú rừng có cái khổ bị bắt, gia súc có cái khổ bị vô nòi nước sôi, loài chim bay có cái khổ bị giăng lưới, loài dưới nước có cái khổ ăn nuốt lẫn nhau. Ta nghĩ chúng khổ, ai có thể làm chúng thoát khổ, lòng đau xót rơi lệ đầm dề!

Muốn làm cho tất cả thoát khỏi khổ, trước hết cần phải trị tận gốc. Pháp trị tận gốc là khuyến thỉnh chư Thượng-thiện-nhân tu pháp xuất thế gian, chứng quả xuất thế rồi dạy loài người cùng loài chẳng phải người (*phi nhân*) vượt ra thế gian, đây là thiện pháp tối thượng. Pháp trị ngọn là người có trách nhiệm độ chúng sanh, mắt thấy cái khổ nào cũng hết lòng tìm cách cứu giúp, tai nghe đến cái nạn nào cũng liều mình thay thế cho người được thoát. Khuyến mọi người kính tin Tam Bảo, sau khi quy y trồng nhân xuất thế. Thấy tất cả sinh linh, đem pháp âm của Tam Bảo rót vào tai khiến cho chúng được nghe thì nhân xuất thế cũng trồng sâu dlan. Đây là tận cùng đạo cứu khổ vậy!

71. HỌC HẠNH BỒ TÁT.

Ở địa vị phàm phu cứ lấy tham lam không chán cho là khoái, chẳng lấy "biết đủ" để làm vui. Tham lam là tổn người lợi mình, khoét thịt người để bồi bổ mình, chẳng màng đến người nghèo, chỉ lo ta giàu, cho đến tổn thương mạng người để nuôi dưỡng mạng mình. Do nhân ác này, mình người trả báo lẫn nhau. Nếu suy rộng ra, một xứ như thế, một nước như thế, cho đến phổ biến khắp nơi, khi nhân quả chín mùi, bỗng nổi một niệm hung ác tạo ra tai biến lớn lao, đây là do nhiều đời nhiều kiếp tạo nhân mà thành. Muốn tránh khỏi tai kiếp lớn trước hết phải bỏ tham lam. Cái hành vi tham lam đều do tâm niệm con người phát khởi. Muốn biến tai kiếp thành an vui phải học gương đức Phật ở trong nhân địa, lúc hành đạo Bồ Tát đối với loài người đã xả bỏ đầu mắt não tủy, mặt mũi lưỡi răng để cứu người tai ách. Những trồng con mắt Phật xả bỏ, trải khắp đất của tam thiên đại thiên thế giới đến nỗi chẳng còn chỗ trống để cắm mũi kim.

Đối với loài chim bay, Ngài đã cắt thịt cho chim ưng ăn. Đối với loài thú chạy, Ngài đã xả thân cho cọp đói. Có một đời vì thương loài côn trùng, Ngài biến thành một con ếch để cho bầy kiến bao vây ăn thịt. Lúc ấy, có một con quạ vội quắp con ếch bỏ xuống nước. Con ếch không chịu và nói "Thà tôi chết để cho lũ kiến no. Tôi nếu xuống nước, cả bầy kiến đều chết". Đó là ngài ở trong loài sống dưới nước hành đạo Bồ Tát. Con quạ lúc đó là tiền thân của ngài A Nan. Bầy kiến là tiền thân của chúng La Hán. Con ếch là tiền thân của đức Phật.

Ước mong người học Phật đều ra tay xung phong tiến tới học hạnh Bồ Tát độ các hữu tình. Nếu có thể làm đến hai ngàn Bồ Tát độ một ngàn chúng sanh thì có gì là khó!

72. BỒ THÍ.

Bồ thí là một hạnh trong lục độ. Muốn hành đạo Bồ Tát độ tất cả chúng sanh, trước hết phải độ bằng cách bồ thí.

Phải biết, tâm bệnh của chúng sanh, dù là Phật sống hiện ra ở trước chúng sanh, nếu chúng sanh ấy vô duyên cũng chẳng muốn gặp Phật, dù Phật hiện các thần thông trước chúng sanh, chúng sanh cũng không muốn tin Phật. Sao vậy? Vì họ tưởng rằng đối với gia đình họ vô ích, đối với bản thân họ cũng vô ích. Dầu cho tướng hảo, thần thông của Phật mà gặp chúng sanh vô duyên, họ cũng khó sanh lòng kính tin nên bỏ qua chẳng màng đến. Người hành đạo Bồ Tát đối với kẻ vô duyên thì gieo duyên cho họ, họ không tiền thì cho tiền, họ không vật thì cho vật, họ không áo thì cho áo, họ không có ăn thì cho ăn. Các chúng sanh ấy nhớ đến cái ân đức cứu giúp, chẳng những đời này không quên mà đời đời kiếp kiếp cũng khó quên. Thế nên muốn độ chúng sanh cần phải hành bố thí để gieo duyên.

Người hành đạo Bồ Tát phải dùng Vô Tận Thí:

Như có người hận ta thì bố thí hoan hỷ. Có người phỉ báng ta thì bố thí vui vẻ. Có người trộm cắp của ta thì bố thí tiền của. Có người hại ta thì bố thí thân mạng. Có người đánh mắng ta thì bố thí nhẫn nhục. Thấy người không áo liền cởi áo trên thân mình để bố thí. Thấy người đói liền đem phần cơm mình cho ăn. Thấy người không tiền xe liền đem tiền giúp đỡ. Thấy người đánh nhau bèn vội khuyên can. Thấy cha đánh con liền dùng lời khéo an ủi. Thấy con ngỗ nghịch với cha liền ngăn trở. Thấy mẹ chồng độc ác đánh nàng dâu liền khuyên can ra cho nàng dâu chạy thoát. Thấy nàng dâu hỗn với mẹ chồng liền ngăn cản. Người hành đạo Bồ Tát không phân biệt tăng tục, nam nữ, chỉ cần trong thân ngoài thân đều bố thí hết. Ấy mới là cái hạnh bố thí của đại Bồ Tát.

73. TRÌ GIỚI.

Một chữ Giới chẳng những Tăng ni phải hành mỗi ngày, không được tạm lìa một khắc mà ngay cả mọi người ở thế gian cũng chẳng được tạm lìa. Sao vậy? Người tại gia có giới cờ bạc, có giới hút thuốc, có giới tà dâm, có giới lừa gạt, có giới sát sanh, có giới bất hiếu, có giới bất trinh, có giới uống rượu, có giới bất từ (*bi*), có giới ngỗ nghịch, có giới bất chánh. Một chữ Giới này, đối với người tại gia thông dụng không thiếu, thiếu một điều không Giới, liền thành tệ hại.

Bậc xuất gia chúng ta đã thọ Tam đàn đại giới đàn hoàng, mười điều của Sa Di, hai trăm năm mươi điều của Tỳ Kheo, mười trọng bốn mươi tám khinh của Bồ Tát. Nếu giữ giới kỹ lưỡng, một chữ cũng không sót, không chút vi phạm thì công cũng chưa lớn. Phải từ giới vào định, do định phát huệ, phá ngu si, mở trí huệ, dựng pháp tràng, lập tông chỉ, mới là công lớn của Giới.

Ước mong người học Phật chúng ta mau đem Tam đàn giới bốn ra xem qua nhiều lần, xét nét kỹ lưỡng, nghiên cứu sự quan hệ trong giới, danh nghĩa trong giới tướng, thấu triệt đúng như pháp thì mới biết trong cuộc sống hàng ngày của mình, ngoài việc giữ giới ra không có việc nào hơn nữa. Nếu lỡ phạm thánh giới, phải nói thật là phạm, chẳng nên che giấu. Che giấu ắt phạm thêm một giới vọng ngữ. Người lỡ phạm cũng chẳng nên sợ, chỉ sợ chẳng biết mình phạm hoặc biết mà chẳng sám hối, thì ngàn Phật cũng chẳng thể cứu. Nếu phạm liền sám hối, sám hối rồi vĩnh viễn không còn tái phạm thì sám hối mới diệt được tội. Nếu sám rồi chẳng hối cải, vẫn tạo tội phá giới như cũ thì không cứu được. Phải biết, cái công tự mình trì giới còn là nhỏ, cái công khuyên người trì giới mới là lớn.

74. NHẪN NHỤC.

Người đời thường nói “Chữ Tha Thứ cao không bằng chữ Nhẫn Nhục, chữ Nhẫn Nhục trên tâm như một cái dao”. Lời này thật không sai.

Phạn ngữ Ta Bà, Trung Hoa dịch là Kham nhẫn, nói thẳng tức là thể giới nhẫn nhục. Nếu có thể nhẫn được mọi việc, nhẫn được mọi nơi mọi lúc thì tự có thể từ nhẫn vào đạo, Phật ở nhân địa bị vua Ca Lợi chặt cắt thân thể ra từng mảnh được thành hạnh nhẫn, được gọi là nhẫn nhục tiên nhơn, chứng được hạnh nhẫn nhục trong lục độ. Chúng ta đang hành đạo nhẫn nhục, như muối đậu trên đầu cần ta đau chẳng thể nhẫn, phải nhịn cho nó cần no rồi bay đi, còn sẵn sàng muốn nó đến cần nữa, đó là nhẫn nhục thành. Lúc tọa hương hoặc lạnh hoặc nóng chẳng màng, chỉ muốn nắm chặt công phu không để mất, đó là nhẫn thành. Hoặc người ở đơn bên cạnh hôi nách, mồ hôi chua, thân hôi, miệng thúi, chân hôi, nên xem là mùi hương, nghĩ là hương vị lâu ngày chẳng chán, đó là nhẫn thành. Trụ Tông Lâm, bị các vị chức sự ức hiếp, càng ức hiếp chẳng những thân không vọng động mà ngay cả niệm cũng không vọng động, đó là nhẫn thành. Vị chức sự hoặc đánh ta mắng ta, chẳng những ta chẳng nổi phiền não, lại còn sanh tâm hoan hỷ, một khi qua rồi thì thôi, đó là nhẫn thành. Quần áo, đồ vật bị người ăn cắp, thà mặc áo rách hay ở trần cũng không nổi phiền não, không thấy lỗi người, đó là nhẫn thành. Như tâm dâm nổi dậy mạnh mẽ, liền cắn chặt hàm răng tham thiền, thề rằng:

"Nếu ta dùng tâm dâm dâm dục với người, nguyện sanh xuống địa ngục, hoặc mù hai mắt, hoặc thô huyết mà chết". Lại, hoặc có người muốn phá giới thể của ta, thà đưa đầu cho người ta chặt, chứ ép ta phá giới thì chẳng được, đây gọi là đại nhẫn. Hoặc có người dụ dỗ ta ăn thịt uống rượu, ta thà ăn cứt, uống nước đái chó chẳng ném một chút rượu thịt, đây cũng gọi là chân nhẫn vậy.

75. TINH TẤN.

Hai chữ Tinh Tấn quan hệ rất lớn, tinh tấn của hành đạo, tấn đạo mà hành ắt thành Tứ thánh, thoái đạo mà hành ắt thành lục phàm. Như người đi đường, bắt đầu từ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, côi người, tu la, côi trời, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, mỗi con đường một trăm dặm, mười con đường là một ngàn dặm. Chúng ta ở côi người, trước có sáu trăm dặm, sau có ba trăm dặm, hướng tới trước tinh tấn đi vào chỗ vui, hướng về phía sau tinh tấn đi vào chỗ khổ. Hướng về phía trước hay phía sau đồng một tinh tấn, người tu hành cần phải xét kỹ mới được. Chẳng gắng tinh tấn ắt nhiều biếng nhác. Cái tệ của biếng nhác, không tiến tới thì sẽ thụt lùi, lâu ngày như con thuyền bị nước cuốn trôi xuống phía dưới (*địa ngục*), cho nên cần phải xét đúng sự thật, lựa chọn hành vi.

Chư Tăng chúng ta đối với các việc trái phép, phá giới, chẳng nên làm, việc lợi người giúp vật phải nên làm. Náo loạn Tông Lâm, trái phạm với chức sự chẳng nên làm. Tham thiền sâu, phát khổ hạnh phải nên làm. Điều chẳng nên làm phải răn chữa, điều nên làm phải cố gắng thì đối với hai chữ Tinh Tấn mới chẳng dùng lầm. Bằng không thì đối với giới sát, thấy con rệp chẳng dùng nước sôi dội nó thì cũng dùng dầu lửa để tưới nó, thật là tinh tấn của người phá giới sát. Kẻ tinh tấn phá bốn giới sau, theo đây suy ra thì biết.

Đạo niệm của người tu hành, thể nào là tinh tấn? Thể nào là biếng nhác? Người dụng tâm niệm niệm không gián đoạn, chẳng cho có một mây may tạp niệm, thực hành lâu ngày như thế gọi là chân tinh tấn. Nếu ban đầu đạo niệm kiên cố tinh nhuệ, kế đó lười biếng lơ lửng, rồi đến gián đoạn thôi nghỉ, đây gọi là biếng nhác. Nếu tinh mà chuyên tâm, tấn mà chẳng thôi, tức là tinh tấn vậy.

76. THIÊN ĐỊNH.

Chỉ tu thiên-duyet sanh lên cõi Trời Tứ Thiên, chỉ tu không-định sanh lên cõi Trời Tứ Không, tu cả hai thiên và định sanh lên 18 lớp của cõi trời sắc giới.

Thiên định của Thiên Tông, tiếng Phạn là Thiên Na, Trung Hoa dịch là Tịnh lự. Phải biết, tịnh lự tức là thiên, toàn thiên tức là định. Công của tịnh lự chẳng phải cạn cợt dễ thấy, dễ biết đâu! Cần phải trước tiên trong thân, ngoài thân chẳng khởi tướng động, rồi sau đó trong tâm ngoài tâm chẳng sanh tâm động. Tâm động chẳng sanh, tâm ấy tự tịnh. Tịnh này do thân tịnh tâm tịnh rồi sau đó là tịnh lự, do lự rồi sau mới được định, chẳng phải đình chỉ cái tịnh lự rồi mới thành định, lại cũng chẳng phải thân tâm bất động mới gọi là định. Chân tướng của định này là do công của tịnh lự làm đến. Toàn tịnh lự tức là định, toàn định tức là tịnh lự. Thiên Tối Thượng Thừa của Tổ Đạt Ma và Lục Tổ nói là thiên này vậy.

Thế nên người tham thiên chẳng được ngưng niệm, ngưng niệm tức đồng quán chiếu. Công phu của quán chiếu là không cho một niệm khởi. Công phu của tham thiên là không cho một niệm ngưng (*giữ nghi tình*).

Phải biết, một chữ Thiên như cha sanh ra Phật, Tổ, một chữ Định như mẹ sanh ra Phật, Tổ, cho nên Kinh nói “Mười phương chư Phật huệ đều do thiên định sanh” là vậy. Kẻ bàng quan nhìn thấy người khắp thế gian trần lao lẫn lộn, nghiệp thức mê mang, làm sao cho nó hết được? Nếu có thể quây đầu, ngay đó liền giác (*phá Sơ Quan*) thì mới là nhập vào biên giới của thiên định. Lại giác nữa (*phá Trùng Quan*) ắt biết việc làm trước kia đều quấy, ngày nay đều phải. Nếu mọi người nếm được một chút ý vị của thiên định thì e không muốn làm người thế gian nữa!

77. TRÍ HUỆ.

Trí hay phá ngu, huệ hay phá si. Ngu tức là tâm của người, si tức là thân của người. Trí như mặt trời, huệ như ánh sáng. Trí là cái thể mặt trời, huệ là cái dụng ánh sáng. Hai chữ Trí Huệ, đem đồng vàng bạc thất bảo đầy cả hư không đổi nó cũng chẳng thể được. Trí huệ tuy quý hơn thất bảo đầy cả hư không, song chỉ có một mình Phật có thể nói là đầy đủ, ngoài ra ai cũng kém hơn. Đạo của trí huệ cố nhiên người đời chẳng so bằng. Hàng chư tăng chúng ta là những người phải tu huệ nghiệp mà còn chẳng biết trí huệ là vật gì, thật chẳng đáng than thở ư!

Phải biết, trí huệ này hư không chẳng thể bao bọc nó, đại địa không thể chứa đựng nó, nhà cửa không thể nhốt nó, cơm ăn áo mặc không thể nuôi nó. Dầu cho hư không có thể treo một hạt bụi, trí huệ cũng chẳng dính một vật nào. Ở đây hai chữ Trí Huệ là mượn làm đề mục để lập ngôn, ngoài ra, thiên đường, địa ngục, các loài sống dưới nước, trên đất, trong hư không, hữu tình, vô tình, đều là mê trí huệ, theo ngu si, tùy nghiệp tạo thành, vốn không có căn cứ chân thật, cho nên Phật nói “Nếu người phát chân quy nguyên (*kiến tánh*) thì mười phương hư không thấy đều tiêu mất”. Thử hỏi “Hư không còn phải tiêu mất, tất cả các thứ đặt để ở chỗ nào?”

Muốn biết cội nguồn của trí huệ, thực không thể chỉ ra vì da mặt lỗ mũi của ta, xương của con chó, đuôi của con bò, lỗ tai của Phật, cho đến gạch ngói sỏi đá đều là chỗ ẩn thân của trí huệ, muôn mòng rận rệp đều là chỗ cội nguồn của trí huệ. Người ngộ trí huệ thành chư Phật, kẻ mê trí huệ thành chúng sanh. Người còn ở địa vị học đạo cần phải chú ý.

78. HỖ XẢ.

Hỷ xả là một trong Tứ-nhiếp-pháp (*bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự*) của Bồ Tát. Xả cần phải hỷ xả, nếu xả mà chẳng hỷ, chẳng gọi là chân xả, nếu hỷ mà chẳng xả, cũng chẳng gọi là hỷ xả.

Người hành đạo Bồ Tát, như có người muốn xin một tròng con mắt ta để làm thuốc, ta liền vui mừng móc tròng con mắt ra, dùng giấy gói lại, hai tay đưa cho họ, chẳng thấy đau đớn, còn an ủi họ rằng “Nếu ông cần thêm xin hãy đến, ta sẽ biếu ông một tròng nữa”. Khi ấy, dù thí hai con mắt mà xem như việc bình thường, không tỏ ra một chút tướng khổ hay khó chịu đối với họ. Lại chẳng nên nói với họ là ta học đạo Bồ Tát. Tự hành cũng dạy người hành, dần dần dạy khắp người thế gian hành. Có thể làm đến mức người thí mất nhiều, người xin mất ít, như thế thì chúng sanh khắp mười phương thế giới có hy vọng độ hết.

Pháp xả của hỷ xả tròng con mắt như vậy, pháp xả tất cả các căn cũng như vậy. Ta xả như thế, ước mong tất cả Phật tử cũng xả như thế.

Phải biết, chúng sanh dù vô biên nhưng chẳng ở ngoài hư không, chúng sanh nhiều đến mức nào chúng chỉ ở trong một hư không, nếu thêm một người xả tròng con mắt thì bớt đi một chúng sanh, thêm ngàn người xả tròng con mắt thì bớt đi ngàn chúng sanh, lâu ngày sẽ bớt đến hết vậy.

79. ÁI NGỮ.

Ái ngữ là đạo của Bồ Tát phát tâm mang hình thức của các loài để độ chúng sanh. Thật ra khẩu nghiệp của con người có bốn thứ đều đưa mình xuống địa ngục. Bốn thứ này là: Vọng ngôn (*nói láo*). Ý ngữ (*thêu dệt*). Ác khẩu (*chửi mắng*). Lưỡng thiệt (*chia rẽ*). Bốn thứ này ở trong loài người không thiếu một thứ nào. Cho nên Bồ Tát muốn cho tất cả chúng sanh trồng hạt giống lành của Phật, thường dùng lời từ ái để lợi ích hữu tình. Cuộc đời làm việc của chúng ta thành công ít mà thất bại nhiều đều do không có ái ngữ. Như người học thỉnh khai thị không có ái ngữ, lạy ba lạy xong, nói “Thầy hãy nói cho tôi nghe cách dụng công phu”. Lời này chẳng cung kính, làm động niệm Thiện tri thức. Người có ái ngữ sẽ nói “Xin Hòa Thượng từ bi con là kẻ hậu học khổ não chẳng biết dụng công, thỉnh Hòa Thượng dạy bảo”. Đây là ái ngữ, là lời cung kính thỉnh pháp.

Bậc trên đối với cấp dưới không có ái ngữ, dụ như có người xông vào liêu phòng, thấy mặt liền mắng “Cái thằng này làm loạn liêu phòng, bắt gặp mi một lần nữa, ta đánh cho một trận”. Lời lẽ thô ác, tướng mạo hung hăng, làm cho người phạm lỗi sợ hãi chạy trốn.

Nếu người có ái ngữ, thấy người xông vào liêu phòng, sẽ nói "Ông nên ở lại liêu phòng mình dụng công, siêng năng học tập, chớ phạm quy củ, lần sau không nên xông lạn vào liêu phòng người khác nữa". Lời lẽ ôn hòa tiếng nói êm tai khiến cho người phạm lỗi nghe qua vừa buồn vừa ửng, tự biết hổ thẹn.

Đạo của ái ngữ, chẳng phải ái ngữ của tình dục thế gian có thể so sánh. Người học đạo chớ nên hiểu lầm.

80. LỢI HÀNH.

Lợi hành là đạo của Bồ Tát làm việc lợi ích chúng sanh. Người ngộ đạo là Bồ Tát, người chưa ngộ đạo mà làm cái hạnh đồng với hạnh Bồ Tát cũng được Bồ Tát. Theo thứ lớp, đầu tiên hỷ xả, dùng tài vật để kết duyên, kế dùng ái ngữ để kết duyên, rồi dùng lợi hành để kết duyên.

Lợi hành có hai thứ :

1. Trợ giúp người hành đạo là lợi hành.

2. Lợi tất cả người là lợi hành.

Trợ giúp người hành đạo: như người muốn ở Tòng Lâm, không có y áo, không có lộ phí, thiếu giới điệp, thiếu hành trang, Bồ Tát tìm cách cho họ áo chăn của mình, bán y bát của mình cho họ làm lộ phí, đem giới điệp của mình cho họ dùng, đem cả gánh hành lý của mình cho họ. Chỉ lo cho người ấy đầy đủ, chẳng màng đến sự cần dùng của mình, thành tựu cho người ấy đầy đủ hành lý vật dụng không chút bòn xén. Nếu có người khác cũng phát tâm ở Tòng Lâm thì cũng thành tựu cho họ giống người trước không có một niệm chán nản.

Lợi tất cả người: Bồ Tát vì lợi tất cả chúng sanh khiến cho mọi người hoan hỷ an vui, lấy cái lợi của mình để làm lợi cho người, lấy cái pháp của mình đã ngộ đem dạy người, lấy cái hạnh của mình làm tập cho người làm. Người có trái đạo, khuyên họ hồi cải. Người có biếng nhác, khuyến khích họ siêng năng. Người có phá giới, an ủi họ giữ giới. người có lui sụt, khuyên họ tiến tới. Gặp người chán đời thì khuyên giải họ, khuyên người làm con hiếu thảo, khuyên người hiếu sắc giới sắc khuyên người phản nghịch quy chánh.

Phải biết, tự mình hành đạo là công nhỏ, khuyên người hành đạo là công to, thế nên cái đạo lợi hành vô tận vậy.

81. ĐỒNG SỰ.

Bồ Tát muốn độ tất cả chúng sanh phải dùng Tứ nhiếp pháp để nhiếp họ.

Đồng sự có hai:

1. Tự làm việc độ chúng sanh và giáo hóa người khác làm việc độ chúng sanh, đồng là một sự.

2. Dùng pháp giáo hóa mà chúng sanh chẳng nhận thì phải tùy hình hóa độ tùy vật hóa độ, đồng là một sự.

Cũng như muốn độ người ăn xin thì phải cùng người ấy làm nghề ăn xin để độ họ, muốn độ người làm nghề hạ tiện thì phải cùng người ấy làm nghề hạ tiện để độ họ, cho đến muốn độ con heo thì cũng đầu thai làm con heo để độ.... gọi là đồng sự nhiếp. Ngoài ra, những việc độ chúng sanh khác, theo đây suy ra mà biết.

82. LẬP CHÍ HƯỚNG THƯỢNG.

Chí hướng thượng của người đời chẳng qua đi học sách thánh hiền. Chí hướng thượng của sự đi học chẳng qua được làm quan. Chí hướng thượng của làm quan chẳng qua được lên chức. Đây nói hướng thượng, chẳng nên hướng hạ vì hướng hạ không có con đường tiến thân.

Lại như người đi xin cơm nếu có chí hướng thượng thì thà chết đói bên đường chứ chẳng chịu ăn trộm ăn cắp. Do có chí này nên tự nhủ “Ta học hành vì của người tốt, thà chết đói dọc đường chứ không xin cơm”. Người đời thấy gã nghèo cùng này tâm niệm chánh đại, thân không làm bậy ắt thuê làm công, dần dần tiến lên, chẳng bao lâu thành người giàu sang. Sao vậy? Vì tuy là kẻ nghèo đi xin cơm nuôi sống nhưng có chí hướng hơn người, nên có sự quang vinh này. Nếu hướng hạ thì tệ hại không thể tưởng.

Hàng tăng sĩ chúng ta nếu hàng ngày chỉ biết ứng phó kinh sám, đến lúc làm Phật sự một chút cũng không biết bị người chủ trì cảm thước đập mạnh xuống bàn, liếc mắt một cái thì người ấy biết rằng cái chùa nhỏ này không ở lâu được, rồi liền lập chí quyết định đầu chết chẳng những không làm kinh sám, mà cả mao Tỳ Lư cũng chẳng còn muốn đội nữa. Thà ở Tòng Lâm mà chết, chứ chẳng ở chùa tư mà sống, đây là chí hướng thượng vậy.

Lại có người trụ Tòng Lâm suốt ngày để thời gian trôi qua, lâu ngày đạo niệm mỗi ngày một giảm, tập khí mỗi ngày một tăng. Kẻ tiểu căn khi nghiệp thức nổi lên thì tối trời đen đất, nên phạm quy củ, liền bị đuổi ra, nghĩ lại sao mà ngu quá, hận mình không có chí hướng thượng. Người đại căn ở lâu ngày thấy đối với mình vô ích, với đạo toàn trái, một mai mạnh mẽ lập chí xung thiên, nhờ một chén cơm của Tòng Lâm nuôi ta tu đạo. Như vậy, dù chết cũng chẳng theo tập khí lưu chuyển, triệt để sửa lỗi, suốt ngày lấy đạo làm niệm. Bằng không cứ ý lại Tòng Lâm nuôi thân mình mà không có chút đạo niệm, thành kẻ hướng hạ. Nay quyết tử vì đạo, đó là lập chí hướng thượng.

83. TRỪ BIẾNG NHÁC.

Trừ biếng nhác là điều thế gian xuất thế gian đều phải có. Biếng nhác là chất độc của thành công. Muôn việc ở đời nếu dính nhăm hai chữ Biếng Nhác thì việc làm đó giả sử có thành công cũng nhất định là không tốt đẹp, người ta thường nói là chưa đạt đến mức hoàn mỹ.

Lại như lên núi lấy ngọc báu, phần chần tinh thần còn chẳng phải dễ đến, giả sử có biếng nhác chẳng những của báu thuộc về tay người mà tánh mạng cũng bị vùi chôn dưới núi, đâu có cái kho nào bằng! Phải biết hai chữ Biếng Nhác là vật độc ác hơn hết của thế gian. Làm việc gì, hễ có biếng nhác kề cận thì chắc chắn việc ấy hỏng.

Chúng ta học hành đạo Bồ Tát, ở trên việc lợi sanh chịu khổ giống như trên thân bị giao nhỏ cắt thịt hằng ngày, mỗi việc đau đớn, mỗi ngày đau đớn còn chẳng chán sự khổ não, đầy đủ tinh thần chẳng màng đến thân, làm cho người vui, khiến cho người tin. Hơi có đáng lười mỗi chẳng những việc độ người chẳng được mà tâm độ sanh cũng khó phát khởi.

Việc tham thiền cũng vậy lúc mới bắt đầu, sức tin chân thiết, sức thân hùng tráng, ngày ăn một bữa, đêm không nằm ngủ, trải qua ba năm lại kết bạn cùng quỷ biếng nhác, tự mình làm chứng ngại mình. Chẳng nói “Đạo chẳng phải là việc một ngày”, thì cũng nói “Phải đều thân cho tắt rồi thùng thăng hành đạo cũng được”. Lại nghĩ rằng “Còn thời gian dài ba mươi năm lo gì chẳng xong”. Chẳng dè đã bị quỷ Biếng Nhác làm mê, tự chẳng hay biết, trái lại còn cho cái tư tưởng thôi đạo là phải. Đâu chẳng nghe sách Nho nói “Đạo, chốc lát cũng không thể rời, rời được thì chẳng phải đạo”. Thử hỏi “Người tham thiền nên biếng nhác ư? Nên tinh tấn ư?” Cổ Đức nói “Sáng siêng năng, chiều biếng nhác, chẳng những đạo chẳng thành mà người cũng bị cuốn theo dòng thể tục”.

84. CUNG KÍNH.

Cung là lễ phép với người, Kính là trọng lời người dạy, ấy gọi là Cung Kính. Người đời không có cung kính thì không có lễ độ. Lễ độ thiếu thì luân thường ắt rồi loạn. Hai chữ Cung Kính là cái chìa khóa rất lớn trên thế giới, an nhân tâm, chẳng nên có khoảnh khắc lơ lửng. Chúng ta phải gắng sức thực hành hai chữ Cung Kính, chẳng nên bỏ qua. Sao vậy? Người xưa nói “Chúng sanh khắp mười phương đều là cha mẹ

quá khứ của ta, cũng là chư Phật vị lai, ta lại là cha mẹ quá khứ của họ, là chư Phật vị lai của họ". Người biết được ái lý làm cha mẹ lẫn nhau, làm chư Phật lẫn nhau thì thế giới này thành thế giới Phật, đâu có kiếp nạn chiến tranh, nước lửa xoay vần, lại đâu có tội lớn sát sanh, trộm cắp, dâm dục, vọng ngữ để tạo. Nếu ai cũng nhận định mọi chúng sanh đều là cha mẹ của ta, đều là chư Phật vị lai thì đời nào mà chẳng thiện, người nào mà chẳng tốt.

Chúng ta là người học hạnh Bồ Tát, cần phải học gương của đức Thích Ca lúc ở nhân địa làm Bồ Tát Thường Bất Khinh, thấy người đang bắn chim, ngài liền lễ bái nói "Tôi chẳng dám khinh ông, ông sẽ thành Phật". Chư Phật, Ngài nói rất to tiếng. Người săn bắn thấy ngay lại mình, khâu súng bắn chẳng trúng đích, giận thấu xương tủy, xua đuổi vị Bồ Tát này. Con chim nghe tiếng súng bay đi mất, như vậy cứu được hai mạng. Vì sao? Người săn bắn nghe được tiếng Phật thì huệ mạng được cứu, con chim nghe tiếng súng bay đi nơi khác, thì thân mạng được cứu. Lại gặp có nhiều người đánh lộn, Bồ Tát liền nhảy đến ôm, nói "Xin các ông hãy đánh tôi". Những người đánh lộn nghe nói như thế bèn giải tán. Nếu có người đánh Ngài, Ngài đập đầu lại nói "Tôi chẳng dám khinh ông, ông sẽ thành Phật". Nếu có người dùng đá ném Ngài, Ngài cũng nói "Tôi chẳng dám khinh các ngài, các ngài sẽ thành Phật". Người khắp thế gian học được hạnh của vị Bồ Tát này thì đạo cung kính thông đạt vậy.

85. CÚNG DƯỜNG.

Cung phụng thức ăn nuôi dưỡng thân tâm cho nên gọi là cúng dường. Lúc Phật tại thế, Ngài giảng sanh dưới cây Vô Ưu, thành đạo dưới cội Bồ Đề, thị tịch ở giữa hai cây Sa La, tiêu biểu một đời thành Phật chưa từng ở quá phòng tư của mình, giảng đường, tịnh xá đều do vua quan cúng dường. Mỗi ngày vào thành khát thực hiện thị một đời thành Phật tự mình chẳng dự bị bếp núc, mà đều do cư sĩ, Bà La Môn cúng dường. Tự chẳng cất nhà ở, chẳng trồng trọt ăn, chẳng dệt vải mặc, mà đều để cho người cúng dường cầu phước huệ.

Chúng ta là người học hạnh Bồ Tát phải cúng dường như thế nào? Người không có cơm áo, giảng cho họ biết về báo ứng của không có cơm áo, ấy là chân cúng dường. Người chết yểu hoặc nhiều bệnh khổ, giảng cho họ biết về nhân duyên giết hại. Người nhiều nghèo nàn khốn khổ, giảng cho họ biết về nhân duyên tham lam bòn xén. Người nhiều ái dục giảng cho họ biết về quả báo thân thể xấu xí. Người nhiều tai nạn nước lửa giảng cho họ biết về quả báo giận hờn. Người phỉ báng Tam Bảo, giảng cho họ biết về quả báo đọa địa ngục. Người tin xuất gia, giảng cho họ biết về nhân duyên tam thế (*quá khứ, hiện tại, vị lai*). Người chẳng tin trụ Tông Lâm, giảng cho họ biết về nhân duyên bỏ mất cơ hội. Người nhiều niềm tin trụ Tông Lâm, giảng cho họ biết về nhân duyên Phật pháp.

Đã nói chân cúng dường, sao chẳng dạy người xả thân cúng dường, hoặc lóc thịt cúng dường. Phải biết, trong các sự cúng dường, pháp cúng dường là hơn hết. Thân cúng dường chỉ đem lại cái vui nhất thời, còn pháp cúng dường khiến thành Phật đạo. Lại, La Hán thần thông rộng lớn vô cùng mà chẳng thể làm cho người liễu sanh tử, thoát luân hồi. Thế nên, thần thông chỉ có thể lợi mình mà chẳng thể lợi người. Bồ Tát thuyết pháp, đã có thể lợi người, lại có thể lợi mình, mình người đều lợi, đây là chân cúng dường vậy.

86. TÁN THÁN.

Tán là ca tụng công, Thán là ngợi khen đức, ấy gọi là Tán Thán. Công của tán thán lớn không gì so bằng. Sao vậy? Như Phật xuất hiện trên đời, người nêu chẳng tin, làm

sao chịu cho Phật độ. Vì thế cần phải có người ca tụng công đức của ngài, khiến cho người tin thì mới được độ. Dù Phật phải khổ hạnh trải qua ba đại A Tăng Kỳ kiếp cho đến thành Phật, người đời cũng chẳng biết Phật là ai, làm sự nghiệp gì. Cho nên cần phải nhờ Chư Thiên và loài người tán dương ca tụng, người đời mới biết tướng Phật tốt, tiếng Phật hay, do đó tin phục, rồi sau Phật chuyển pháp luân, những người có duyên mới được độ thoát.

Như hai người đi ra ngoài hóa duyên, đến chỗ dân cư đông đúc, phải có một người khen đạo của người này, đức của người này, sau đó mọi người mới quy y, kính tin, cúng dường, lễ bái. Lại như Tông Lâm hưng thịnh cũng phải nhờ người mà thành, ví như có nhiều người khen lịch sử Tông Lâm rất tốt, người trụ trì giỏi, dẫu cho có người muốn khuấy phá nhưng đương nghe qua những điều hay đó ắt sanh chút lòng tin, phải ngưng ý xấu thì Tông Lâm ắt được bảo toàn, đây đều do công tán thán.

Lại như chỗ dở của người kia như thế nào không biết, mà có người khen rằng “Người đó tốt như thế này, tốt như thế nọ”. Người ác nào nghe nói người kia, dù một điều tốt, thì việc ác của họ ắt bỏ, tâm ác ắt đổi. Dù nói vậy, nhưng hai chữ tán thán không phải đùng ai cũng dùng, người có công thì tán thán, người có lỗi thì im lặng, chẳng nên đều tán thán. Như người muốn phá giới, làm ác, chẳng nên tán thán, chỉ nên can ngăn, chẳng nên chê bai, vì chê bai thì mình cũng có lỗi vậy.

87. ẨN GIẤU ĐIỀU ÁC, PHÔ DƯƠNG ĐIỀU THIỆN.

Ẩn giấu điều ác, phô dương điều thiện là thành tựu cái đức hạnh cao tốt cho người. Duy có một mình Phật là người đại thiện, kể đến Bồ Tát, rồi La Hán còn những người khác dù tận thiện mà chẳng thể tận nỹ.

Như người có tâm ác, vội đem tâm ác ẩn giấu lâu ngày không cho nó động, hễ động đều là niệm thiện.

Một người như vậy, người khắp mười phương cũng như vậy, thì đâu có người ác. Nếu một người có việc ác, mọi người thấy đều giấu cho, mọi người nghe đều ẩn cho lâu ngày thì chỗ người ta thấy đều là việc thiện, chỗ người ta nghe đều là tiếng lành. Một người như vậy, mọi người cũng như vậy thì đâu có việc ác. Việc ác của một người được người khác ẩn giấu thì việc ác của mọi người đều được ẩn dấu lẫn nhau, khắp thế gian chẳng thấy có một việc ác. Cái thiện của thế gian chẳng phải tự nó thiện mà trước tiên phải từ tâm người chuyển tâm ác thành tâm thiện, hóa việc ác thành việc thiện, do đó khắp thiên hạ đều được thiện vậy.

Chúng ta là người học hạnh Bồ Tát, như có người muốn bắt kẻ giết heo để định tội, người thân của mình để báo thù, kẻ giết heo trốn ở chỗ Bồ Tát. Người đi bắt hỏi “Có kẻ giết heo trốn ở đây chăng?” Bồ Tát đáp “Không”. Rồi hỏi “Giết heo phạm tội gì? Bắt hẩn để làm gì?” Người đi bắt đáp “Giết heo quá nhiều, cho nên định tội”. Bồ Tát đáp “Tội giết nhiều heo thì nhỏ, tội giết một người thì lớn. Tôi khuyên ông chẳng nên bắt hẩn thì mới khỏi có người khác bắt ông”. Bồ Tát khuyên giải hai người như thế khiến họ hối cải xuất gia tu đạo. Đây là đại Phật sự ẩn giấu điều ác, phô dương điều thiện.

Người ở chốn Tông Lâm thấy người có tập khí xấu, ẩn giấu đi mà chẳng nhớ. Dẫu cho có người hỏi cũng chẳng nói. Người nếu trách thì cũng cứ ẩn giấu điều ác của người kia, mà chỉ phô dương điều thiện. Như vậy, người trên phô dương điều thiện của kẻ dưới, kẻ dưới ẩn giấu điều ác của người trên. Ẩn giấu lẫn nhau, phô dương lẫn nhau chẳng những đạo thành, Tông Lâm hưng thịnh, mà đạo Bồ Tát được thực hành mãi. Lại thường nói “Muốn được Phật pháp hưng thịnh thì tăng phải tán thán tăng”.

Đây là yếu tố khiến cho Tam Bảo trụ lâu ở đời.

88. TRỪ PHỈ BÁNG.

Phỉ báng là điều bất thiện hơn hết. Đề Bà Đạt Đa phỉ báng Phật, chưa chết mà bị đọa địa ngục A Tỳ, tỳ kheo Vô Văn phỉ báng pháp đang sống mà bị đọa địa ngục, vua Lưu Ly hại tăng chưa chết mà bị đọa xuống hầm lửa, tỳ kheo ni Bửu Liên phỉ báng giới, chưa chết mà bị đọa địa ngục A Tỳ. Chưa chết mà bị đọa nghĩa là việc ác vừa làm xong, hoặc lời nói ác vừa nói xong thì ngay chỗ đang đứng đất nứt ra, rơi xuống đáy sâu vô biên, toàn thân xuống thẳng địa ngục A Tỳ như quả cân rơi xuống biển một mạch thẳng đến đáy.

Luận về mức nặng nhẹ của sự phỉ báng, như thấy người thật có vi phạm cấm giới của Phật, hoặc làm việc trái nhân quả, thấy rồi lại thấy, nghe rồi lại nghe, nhiều lần chỗ thấy nghe không chút lầm lẫn, im lặng chẳng nói thì không có lỗi. Nếu phỉ báng cũng chẳng phạm tội đọa, chỉ phạm tội phá hòa hợp tăng, tội này nhẹ hơn tội đọa A Tỳ. Nếu người thật không vi phạm mà phỉ báng họ thì người phỉ báng ấy nhất định bị đọa địa ngục.

Phật pháp hiện thời mọi người đều tán thán còn có chỗ âm thầm lo lắng, hướng là phỉ báng mù quáng, khiến cho mình trong tương lai không có đất an thân. Xin người ưa phỉ báng hãy mau tỉnh ngộ.

89. DỨT TRANH CẢI.

Dứt tranh cãi là việc làm cần kíp trước mắt. Hiện tại cách Phật sau hai ngàn năm trăm năm, chính là lúc mở đầu cho thời kỳ đấu tranh gay gắt, làm cho thế giới cùng thế giới tranh, người với người tranh, tranh lâu ắt loạn. Xét tận gốc của nó chẳng ngoài tự tâm, do vì tâm đạo đức càng kém, tâm nhân ngã càng to. Nếu có thể xem việc đời như mây trong hư không lúc tụ thì có, khi tán thì không, quán mình, người như hoa mùa xuân, mới nở thì đẹp đẽ, tàn rụng thì như bùn nhơ, hễ đối xử người như mây như hoa thì người nào chẳng nhường nhịn được, việc nào chẳng bỏ qua được. Đến đây, có được bậc thượng sĩ xuất sắc khéo hòa giải đấu tranh, thấy người cãi cọ đánh nhau, dịu dàng khuyên giải. Hoặc người vu oan ta quấy, ta phải tùy họ để xử trí. Người cả đời chẳng thích đấu tranh, nếu người khác muốn tranh thì cho hết phần mình để họ khỏi đấu tranh. Người nói ta tốt, chẳng thấy vui, người nói ta xấu chẳng thấy buồn. Người chê bai ta, ta chẳng chê bai người. Người tìm ta đấu, ta chẳng tìm người đấu. Như vậy, danh tiếng lợi dưỡng đều nhường cho người, ta chẳng tranh giành. Danh tiếng lợi dưỡng của ta có, người muốn tranh với ta, ta đều cho họ. Hai bên nhường nhau, làm gì có tranh!

Người nói ta phá giới, ta chẳng đỏ mặt cũng chẳng giải thích, trái lại coi người ấy là bạn tốt giúp tăng đạo niệm cho ta. Người muốn y bát đồ đạc của ta, ta lượng sức xả cho. Người muốn tánh mạng ta, ta xả cho họ, nếu không thể xả thì cũng không động niệm. Buồn thay! Do vì chấp ta nên mới chấp người, giả sử người tranh, ta cũng tranh, ắt bị thế gian chuyển. Người tranh ta không tranh thì chuyển được thế gian. Muốn đập vỡ sự tranh cãi, trước tiên phải vô ngã. Thử hỏi: Ngã làm sao mà vô? Thực ra, chẳng phải diệt ngã rồi thành vô, mà chỉ cần xem mọi người như ruột thịt, nguyện người hữu ta vô, người giàu ta nghèo thì tâm ta mới. Ngã là cái nhà của đấu tranh. Vô ngã là then chốt để dứt đấu tranh. Mọi người đều vô ngã thì đấu tranh làm sao có? Người làm được như thế đến chết không thay đổi thì đến giai đoạn làm được như thế đến chết không thay đổi thì đến giai đoạn cuối của thời mạt pháp, trở lại thế gian này dùng Phật pháp giáo hóa khắp nơi, dầu thời thế như thế nào cũng chẳng bị chuyển.

Thật là đứa con ngoan của Phật Thích Ca.

90. BA ĐIỀU THƯỜNG KHÔNG ĐỦ.

Ba điều thường không đủ là: Mặc không đủ, ăn không đủ. Ba điều này thường sung túc thì trái với đạo. Ba điều này thường không đủ thì tương ưng với đạo.

Người tham mặc đẹp là trọng thân, yêu thân. Cái thói quen thích đẹp mắt xưa nay chẳng thay đổi là cái tập khí căn bản. Thử nghĩ: Thời thượng cổ lấy vỏ cây, lá cây làm quần áo, mọi người đều như vậy, đối với thân sao mà nhẹ thê, đối với dục sao mà khinh thê! Dầu cho kiếp giảm, thân người yếu đuối cũng chỉ nên giữ cho thân chẳng bị lạnh nóng là đủ rồi. Như vậy chẳng những hợp với đạo mà cũng ít tốn tiền, tốn công thế gian. Chẳng nghĩ, ta mặc đồ đẹp người thấy ta mừng, mừng rồi thì ra sao? Ta mặc đồ xấu, người thấy, ta buồn, buồn rồi thì thế nào? Buồn thay! Con người thường tình chỉ biết cái vui trước mắt mà chẳng biết sau khi vui rồi ra sao? Thật là một sự đau khổ lớn lao ở trong tương lai mà họ không hiểu. Nếu quả mượn thân này tạm dùng để lo hành đạo thì đâu có ưa mặc đồ tốt!

Ăn chẳng đủ, chúng ta ở chỗ chẳng cây trồng mà có ăn thì phải nghĩ đến chỗ sản xuất. Người xưa nói:

Hạt gạo của thí chủ,
Lớn bằng núi Tu Di.
Nếu người không liễu thoát,
Mang lông đội sừng trả.

Việc này rất đáng sợ hãi. Nghĩ đến đó, chẳng những không ăn đồ ngon mà đồ dở cũng chẳng dám ăn nhiều. Sao vậy? Ăn nhiều ắt phải trả nợ nhiều. Người hành đạo suốt ngày chuyên tâm khắc khổ tham cứu, lấy đạo làm niệm, người xưa nói “Tắc hương (*tọa hương, đi hương*) tiêu được đầu vàng” cũng chẳng hư dối. Bằng không thì máy may hệ niệm là nghiệp nhân của tam đồ (*địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*). Than ôi!

Ngủ chẳng đủ, chính là phòng theo quy củ thiền đường. Từ khởi nén hương dường tức đến khai đại tịnh là đầu hôm, chẳng được ngủ. Từ sau khai đại tịnh đến đánh bốn bản là giữa đêm, được ngủ. Từ thời tụng niệm sáng sớm đến nén hương báo đã sáng là cuối đêm, chẳng được ngủ. Giữa đêm ngủ say một giấc, bằng không thì ngày đêm chẳng phân sẽ làm chướng đạo. Nếu đúng lúc ngủ mà chẳng ngủ thì thân thể bị lao nhọc. Chẳng phải lúc ngủ mà ngủ là chướng đạo. Cho nên ngủ phải đúng giờ mới hợp với quy củ, nếu trái phạm thì một giấc ngủ một ngàn năm cũng chẳng nghe được danh hiệu Phật. Buồn thay!

91. KHUYẾN DỤ TÒNG LÂM.

Tăng sĩ khắp thế gian lên đến lưu lạc không có chỗ ở cố định, thật đáng thương xót! Phải biết, Tòng Lâm là hàng pháp hoằng đạo lợi sanh, là đạo tràng của mình tâm kiến tánh, như áo có bầu, như lưới có giềng. Thân tâm an lạc, ăn uống đều hòa, người có đạo thì khuyến khích họ, dụng công sâu thêm, người không có đạo thì cảnh sách họ tiến lên như tre đầy rừng, tranh nhau mọc cao, như từng của rừng lớn, thì nhau hùng dũng vương lên, chẳng phụ bốn ân, làm quan vinh ba cõi, thật là đất tăng bảo của tăng sĩ vậy.

Lý do khuyến chúng ta nên trụ lâu ở Tòng Lâm như sau :

Người tham thiền ở Tông Lâm cùng chúng tăng làm bạn đồng tham, giúp ích lẫn nhau, khuyến khích lẫn nhau, một mai ngộ đạo, biết ta đã lìa thế gian khổ não. Do thế gian khổ trợ giúp ta khai ngộ, nên ta chẳng bỏ Ta Bà. Ta lìa được khổ não là nhờ người khổ não giúp ta minh tâm, cho nên ta chẳng bỏ tất cả chúng sanh khổ não. Sau đó, lấy thế giới này làm chỗ hoằng đạo, lấy loài người này làm chúng hóa độ. Chúng sanh ở thế giới mười phương thì nhiều, chỉ cho dùng một chữ nhiều chữ không có số nào khác để nói. Trong Thiên đường chúng ta, nếu một người minh tâm làm giáo chủ một thế giới, độ người của một thế giới, nếu hai người minh tâm, làm giáo chủ hai thế giới, độ người của hai thế giới. Thế giới nhiều, giáo chủ nhiều, cuối cùng phải tiến đến mức giáo chủ nhiều mà thế giới ít, thì muốn độ hết chúng sanh trong mười phương thế giới cũng chẳng khó.

Sự trọng yếu của Tông Lâm rất sâu, rất lớn, là ngọn đèn sáng của đời ô trược, là chỗ trụ của Tam Bảo. Đại chúng tăng lữ ở đó tu hành, tuân theo quy củ Tông Lâm, tất cả chức sự và thanh chúng quên lao nhọc thích hành đạo, người nào cũng có thể tu đến kiến tánh thành Phật, các chùa tư không thể so bằng, thật là cột trụ vững chắc của dòng đời ô trược vậy.

92. PHÁT TÂM LÀM VIỆC.

Làm việc tức là nhận lấy chức sự. Chức sự ở Tông Lâm tổng cộng có 48 đơn vị. Mỗi đơn vị đều có phạm vi riêng biệt, không được vượt qua phạm vi người khác. Làm mọi việc trong chúng, cần phải bảo hộ Tông Lâm như nhà mình, coi vật nhà chùa như vật nhà mình, xem đại chúng như ruột thịt. Người có chí này, ai chịu làm người tán gia bại sản. Mọi người đều có tri thức này thì Tông Lâm ngày càng hưng thịnh, nhiều nhân tài giỏi cộng sự giúp nhau thì lo gì không có đạo!

Điều khẩn yếu nhất là việc làm phải y theo pháp Tông Lâm mà làm, lời giảng nói cũng phải y theo pháp Tông Lâm mà giảng nói, chẳng nên nói chuyện thể tục, bàn về chính trị. Cảnh tỉnh chúng như vỗ con thỏ, điều phục chúng nghiêm khắc như Diêm Vương. Dùng tâm Bồ Tát thương cái khổ của người, dùng mặt La Sát phá cái ngu của người. Trong tâm tròn mà ngoài mặt vuông, tâm hiền từ mà lời nói dữ mới có thể dứt việc, yên người, để khỏi trái phép, loạn chúng. Oai nghi tề chỉnh, tế hạnh tinh nghiêm, nói nín làm người kính sợ, ngôn từ hòa nhã hay đẹp, lời nói ra đều đúng theo quy củ, thưởng phạt công bằng không có thiên vị. Đại chúng thấy đó sợ mà kính mến. Nếu tất cả người thường trụ đều vui vẻ cho chức sự là quý báu, như thế, lâu ngày sẽ có nhân tài xuất sắc của pháp môn vậy.

93. THÍCH LÀM THANH CHÚNG.

Người không làm chức sự nào trong Tông Lâm gọi là thanh chúng. Thường thường người lập chí cao thượng phải phát tâm chẳng rời Tông Lâm, lấy ngộ làm kỳ hạn, do đó trước tiên xả bỏ quần áo dư, rồi xả bỏ túi bát, tiền bạc để khỏi bận lòng, giảm trừ sự chướng ngại của vọng động. Quét một cái sạch hết, muôn thứ lo nghĩ đều không, nương thân nơi Thiên đường, buông tâm ở trên đạo. Dù cho trời xoay đất chuyển cũng không dính dáng gì đến ta. Quên ngày tháng, quên âm lạnh, đặt thế thái nhân tình ra ngoài thế giới. Lúc tỉnh tấn thì không nhân không ngã, đâu biết đói khát. Lúc hơi biếng nhác thì có người sách tấn, đâu có lui sụt mà phải ăn năn. Dầu sanh lên cõi Trời Tam Thiên cũng chẳng bằng một niệm chuyên tham. Thiền tham tới vô lậu, thân quên đất mà đất quên trời. Giữ được nghi tĩnh thì tâm tự đúng như lý, lý tự đúng như sự. Mắt không rảnh để thấy người, đâu phân người đẹp người xấu. Tai không rảnh để nghe chuyện thì đâu biết chuyện dở chuyện hay. Xem chức sự như Phật sống, xem

người bên cạnh như ruột thịt. Cái đạo đại-vong (*quên hết*) hiện tiền, cái công Tiểu ngộ chẳng kể. Thẳng đến đánh mất mặt mũi mẹ sanh (*kiến tánh*), trâu trắng sờ sờ (*tự tánh*) chẳng từ người khác mà được. Ngộ rồi dụng pháp tràng làm giáo chủ ở thế giới phương khác độ chúng sanh khiến cho đức Phật vui cười ở trong Thường Tịch Quang.

94. TÌNH NGUYỆN NHẬN CHỨC HÀNH ĐƠN.

(Người phục vụ việc ăn uống cho tăng chúng)

Trách nhiệm hành đơn thật là việc của Bồ Tát. Trách nhiệm nặng trong Tông Lâm là chức hành đơn. Người hành đơn trước hết phải rõ cái đạo bồi phước, kể đến giữ cái tâm yêu vật. Chánh pháp trụ lâu dài, công ở hành đơn. Tông Lâm an ổn lâu dài, đức quy về hành đơn. Người ta thường nói “Kẻ vô phước bồi phước, kẻ có phước cần phải bồi thêm nữa”. Sao vậy? Chỗ tụ tập của tất cả Thánh hiền trong mười phương pháp giới mất trần chẳng thấy, chứ chẳng chút dối nhau. Xưa có Phổ Hiền làm hành đơn, Di Lặc làm đại hóa (*đun bếp*), Quan Âm làm phạn đầu (*nấu cơm*), Văn Thù lượm giấy vụn, còn Qui Sơn thì làm thái đầu (*rửa cái*), Tuyết Phong làm phạn đầu, Lâm Tế làm viên đầu (*trồng rau cái*), Mã Tổ quét tước, Bá Trượng thị giả. Các vị hành đơn đều là Bồ Tát, các vị chức sự đều là Tổ Sư, phát tâm làm việc, ra sức chịu khổ đều là cúng dường mười phương chư Phật, chúng Tăng Hiền thánh.

Điều khẩn yếu nhất, muốn hành hạnh này, trước tiên phải dứt tâm giận hờn thì đồng sự với người mới hòa thuận được. Kẻ diệt trừ biếng nhác thì việc của nhà chùa mới có thể làm hoàn chỉnh được. Dù làm hỏng việc bị chỉ trích, phải quy lỗi về mình, chẳng nên đổ lỗi cho người. Ba mươi năm bồi phước, công lao lớn, khổ hạnh cao, thân tâm thuần thực, một mai vo gạo, chụm lửa hoặc thái rau, nấu nước, bồng chạm nhắm cái này (*kiến tánh*) mới biết hành đơn không chừng ngại tham thiền.

Nói chung, tất cả Tổ Sư đều từ khổ hạnh mà ra, tất cả Bồ Tát đều do khổ hạnh mà vào. Nhận chức hành đơn cũng chẳng khoái ư!

95. BIẾT NHÂN BIẾT QUẢ.

Hai chữ Nhân Quả, mười pháp giới đồng nhau. Bất cứ nơi nào lúc nào, người nào, việc gì đều chẳng ra ngoài nhân quả. Như cái nhân tham thiền quyết định cảm cái quả đại ngộ. Nhân niệm Phật quyết định cảm cái quả vắng sanh Tây phương. Tạo nhân phá giới quyết định cảm quả địa ngục. Tu nhân trì giới quyết định cảm quả sanh lên Trời. Nhân trồng mè quyết định cảm quả mè, nhân trồng đậu quyết định cảm quả đậu. Tu nhân Tông Lâm cảm quả ngồi đạo tràng. Tu nhân khổ hạnh cảm quả phước đức. Tu nhân thiền định cảm quả trí huệ. Làm nghiệp nhân chúng sanh cảm quả chúng sanh. Tu nhân giải thoát cảm quả chư Phật. Muốn biết nhân đời trước thì xem chỗ hưởng thụ của đời này. Muốn biết quả đời sau thì xem việc làm của đời này. Tiền nhân hậu quả đều tự nơi mình, thay đầu đổi mặt đều do nhân quả. Một lời nói, một việc làm cần phải xét lợi hại, nhất cử nhất động đều chẳng ngoài nhân quả. Hễ có động niệm cho đến làm việc đều là tạo nhân, có gieo nhân thì phải gặt quả. Kẻ mang quả tu nhân thì nhân gồm biến quả. Kẻ tu nhân cảm quả thì quả suốt nguồn nhân. Ngàn Thánh muôn Phật cũng chẳng thể ra khỏi nhân quả. Thường có người chấp "khoát-đạt-không" (*chấp cái không của tuyệt diệt*) bác bỏ nhân quả, ấy là người mù dẫn cả bọn mù cùng vào hầm lửa. Sự bác bỏ nhân quả thật nguy hiểm thay!

96. PHÁT THỆ NGUYỆN LỚN.

Thế gian và xuất thế gian đều có phát thệ nguyện lớn. Hai người tranh giành đất đai, người nào cũng cầu thắng, Bồ Tát ắt làm mãn nguyện cho người có đạo đức thành tâm tin Phật. Nếu người có đạo đức lại bại, người không đạo đức lại thắng, cũng là do cảm ứng của nhân quả chẳng đồng mà xảy ra như thế.

Chúng ta là người trụ Tông Lâm, trước phát nguyện lớn quyết liễu sanh tử, kể phát nguyện lớn quyết thành Phật đạo, lại phát nguyện lớn độ hết chúng sanh. Hoàng nguyện này là thường khóa hàng ngày chẳng chút gián đoạn ngừng nghỉ. Nếu ngừng nghỉ một chút, có thể bị đọa địa ngục, đây gọi là thệ. Đã lập thệ nguyện, thì không thể trái nguyện một chữ mới là đủ cả hạnh nguyện, lời nói việc làm phù hợp với nhau. Chỉ nói ăn mà chẳng từng nếm thì chẳng thể no, đây là nói suông. Như phát nguyện mà chẳng hành thì chẳng hành thì chẳng thể đến, đây là nguyện suông, bất quá chỉ tu cái nhân phát nguyện mà thôi. Người tu hành chẳng nên chỉ tu cái nhân phát nguyện mà nhất định cần phải hành cái việc của phát nguyện mới đúng.

Lại, nguyện có tà chánh, cũng có lớn nhỏ. Thế nào là nguyện tà? Như phát nguyện cầu tài, tham sắc, học Tiên đắc đạo, đây gọi là nguyện tà. Phát nguyện chánh là phát nguyện độ chúng sanh, phát nguyện liễu sanh tử, phát nguyện học kinh giáo, phát nguyện thành Phật đạo, đây gọi là nguyện chánh. Nguyện lớn là chẳng vì tự độ, phải độ tất cả chúng sanh trên khắp quả đất, chẳng độ một loài mà phải độ tất cả chúng sanh trong lục đạo, chẳng độ chúng sanh trong một thế giới mà phải độ chúng sanh khắp mười phương thế giới, đây gọi là nguyện lớn. Nguyện nhỏ là phát nguyện độ chính mình, chẳng nguyện độ người khác, phát nguyện độ chúng sanh địa ngục, chẳng nguyện độ loài súc sanh, phát nguyện độ cha mẹ mình, chẳng nguyện độ cha mẹ người khác, đây gọi là nguyện nhỏ.

Chúng ta phát nguyện muốn độ chúng sanh, trước hết cần phải có đủ tài năng độ chúng sanh mới có thể làm như lời nguyện. Muốn có tài năng này mà chẳng trụ lâu ở Thiền đường cho đến khai đại ngộ, liễu thoát sanh tử, thì chẳng thể hoàn thành công tác lớn này được. Thế nên, phát nguyện lớn độ chúng sanh, trước tiên phải độ mình. Chỗ để độ mình, nhất định là phải trụ Tông Lâm, ở tại đạo tràng ban ngày dụng công tham thiền, ban đêm dùng đại nguyện huân tu, thì chúng sanh của tự tánh sẽ liễu hết, chúng sanh của đại địa có ngày độ xong. Xin mời chư Thiền đức ở các nơi tập nập kéo về cùng vào lò to (*Tông Lâm*) rèn luyện thân tâm, một mai phát minh đại sự, dạo chơi trong biển đại nguyện. Ngày cuối cùng của chúng sanh sắp hết giờ thành Phật đã đến.

Lành thay! Phật sự viên mãn, đến đây thường giác chẳng mê.

97. SỰ LÝ DỤNG.

Sau khi liễu ngộ như trẻ sơ sanh thân thể trần trụi không có một vật, đói không có ăn, lạnh không có mặc, lục căn dù chưa dùng được nên cần phải có đồ vật để nuôi thân, có người để săn sóc. Cũng như kinh nói “Lý thì đồn ngộ, sự phải tiệm tu”, cho nên cần phải trải qua sự bảo nhiệm để dứt tập khí. Sự bảo nhiệm này cũng giống như việc săn sóc nuôi dưỡng thân thể trẻ sơ sanh vậy. Cho nên người có đạo như ngu như ngốc. Tại sao như thế? Nói ra một lời ắt từ trong tự tánh lưu xuất, làm ra một Sự ắt cùng với Lý không trái. Cảnh duyên thuận nghịch đều từ quyền (*phương tiện tạm thời*) mà đạt biến (*tùy cơ ứng vật*). Hình thái mừng giận cũng từ vuông vào tròn. Mặc dù tâm rộng rãi nhưng cũng không ra ngoài pháp lý. Hằng ngày việc dù nhiều mà đều theo đúng quy củ. Trì Phật giới thì làm cho cái dụng của tự tánh khắp cùng vô biên thế giới. Giữ oai nghi thì làm cho Phật pháp được quảng bá khắp nơi. Hễ niệm thì

niệm Phật tánh, Hề tri chú thì tri tâm chú. Bất cứ pháp môn nào cũng đều quy về tự tánh, tất cả Phật sự đều nhập vào quy củ, khiến cho sự lý nhất như, tánh tướng bất nhị.

Điều thiết yếu là chẳng nên chấp Lý bỏ Sự, Thiên Tông quở là "kẻ vác bản". Cũng chẳng nên chấp Dụng mà quên Thể, bị mắng là "kẻ lỗ mãng". Thiên về tánh thì chỉ chứng Nhị thừa, thiên về tướng lại thành phàm phu. Cần phải tánh tướng song hành, sự lý vô ngại, mới được gọi là pháp thân trang nghiêm vậy.

98. HÓA ĐẠO DỤNG.

Tự mình đã phát minh đại sự liễu sanh thoát tử, cái lớn của việc này cả thế gian không gì so bằng. Người đời chẳng những chẳng biết việc này mà còn chẳng biết việc này là việc của chính mình. Vì vậy, ngàn Phật ra đời cũng vì một việc này, muôn Tổ hiện thân cũng vì một việc này.

Muốn làm việc này, thâm sơn cùng cốc, chùa tự, am thất đều chẳng thể làm được chỉ có Tông Lâm mới có thể đảm nhiệm việc này vì Tông Lâm mới có thể tiếp đại cơ, hiển đại dụng, chuyên hoằng đồn giáo, chỉ đạo thiên giả dụng công phu để phòng lạc lối. Nếu không ai chỉ đạo, đi bậy, chẳng phải làm nam là bắc thì cũng cho tây là đông, cho nên muốn lên núi, trước phải hỏi người xuống núi. Pháp tắc của Tông Lâm rất là chánh đại, rất hợp với người tu hành, có đạo để hành, có người để hỏi. Kẻ biếng nhác thì dùng quy củ nghiêm khắc cấm chế ngay. Kẻ muốn thối lui thì cảnh sách khuyến khích an ủi. Mặc áo ăn cơm có người lo dùm chẳng cần quan tâm, chỉ cần lo việc tham thiền của tự mình. Phải biết, làm việc của chính mình, trừ Tông Lâm của Thiên tông ra thì người đủ căn khí lớn mới có thể tùy chỗ mà tu được.

99. THA THỌ DỤNG.

Tha là chỉ tất cả loài hữu tình trong mười phương pháp giới. Thọ dụng là thọ dụng pháp tham thiền. Muốn thọ dụng ắt phải rõ tự tánh.

Than ôi! Cái mê do bất giác làm thay đầu đổi mặt khiến cho Diệu Thọ (*pháp danh của Ngài Lai Quả*) tôi đâm ngực đâm chân đau lòng khóc to, nguyện đem giọt nước mắt này tưới khắp thân tâm của chúng sanh trong lục đạo hóa thành nước cam lồ khử mê.

Tôi thường nghĩ: Pháp của Thiên Tông là một đại pháp hiếm có, một tâm pháp rất quý. Nếu tự bỏ đi tu pháp khác, thì cũng như là người toàn thân đều là của báu lại bỏ của mình mà cầu báu của người khác. Thiên Tông tham thiền tức là tìm của báu nơi chính mình, một mai tìm được, thành Phật còn có dư thừa. Cho nên một pháp này, người đạt đạo bảo tôi chẳng thành Phật thì có thể được, chứ bảo tôi chẳng hoằng đạo này thì chẳng được. Sao vậy? Kẻ nghiệp nhẹ thì phí thời giờ ít. Kẻ nghiệp nặng cần phải tu thời giờ nhiều, cuối cùng là con ba ba trong lu chẳng thể chạy mất. Người hóa đạo cần phải đem cái sở hữu của mình chia cho các loài hữu tình. Tự mình đã được thọ dụng cũng phải khiến tất cả chúng sanh đồng được thọ dụng, cho nên gọi là tha thọ dụng.

100. TỰ THỌ DỤNG.

Mười phương hư không, tất cả vi trần số đồng hư không, trong mười phương thế giới có tất cả chúng sanh, tất cả các địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh muốn thọ nhận sự giáo hóa của pháp tôi, trước tiên ăn thịt thân tôi. Nếu có một chúng sanh chẳng thọ sự giáo hóa của pháp tôi, chẳng ăn thịt của thân tôi, tôi thế chẳng thành Phật. Cho nên ở trong nhân địa hỷ xả tất cả, chỉ biết có chúng sanh, chẳng biết có mình.

Tự nguyện dắt người mù qua cầu, thế người què mang đồ vật, thay người điếc truyền ngôn ngữ, nói chuyện với người câm. Thấy kinh Phật và giấy chữ bỏ bầy dưới đất, lược đem cất và quý trọng, thấy sách vở thế gian rơi rớt giữa đường, lược cất và kính trọng, đừng cho đó là những việc nhỏ mọn phiền phức, công thu dù nhỏ, tích nhỏ thành to. Người xưa nói “Ngộ đại thừa, hành tiểu thừa. Mỗi bước tiểu thừa tức Đại thừa”. Đến nay thấy người trong một thế giới thì dùng thân người trong nhiều thế giới để cúng dường. Thấy người của một hư không, dùng thân người của hai hư không cúng dường. Người ăn thịt tôi sẽ tin pháp tôi. Người ăn thịt tôi là nuôi dưỡng chúng sanh của tôi. Xả bỏ thịt nhiều chừng nào thì độ chúng sanh rộng chừng nấy khiến cho hư không giới tận, chúng sanh giới không độ tha viên tròn tự độ cũng xong gọi là tự thọ dụng vậy.

Đức Phật có nói rằng “Theo quán nhập vào chỗ quyền diệu chỉ thú sâu xa”. Cho nên được ý phải quên lời. Lịch Đại Tổ Sư truyền ý chỉ Thiền tông, Như Lai tiếp căn khí bậc đến. Nay gặp thời mạt pháp như lá rụng mùa thu, ngay lúc này phải có cách nào làm cho Phật pháp hưng thịnh như cá lội dưới ao xuân. Tuy Phật giáo có theo thời gian mà thay đổi, nhưng tự tâm xưa nay không khác. Mặc cho tội lỗi bị phiêu bạt như cánh hoa trôi cũng chỉ là diễn sự, phù trầm. Thấy trắng lẫn trắng mọc cũng đều là việc qua lại mà thôi. Nghĩ vật trong thân tựa như vô hình, động niệm thì khiến thân tạo tác. Xem ngoại cảnh kia như dương diệm (*sự huyền hóa không thật*), nhắm mắt khoanh tay quy về ẩn tàng. Lửa giận bốc cháy trời Sơ thiên thành than. Sông ái vọt ra đất Nhị thiên sẽ chìm lĩm.

Than ôi! Thích ở tha hương, địa ngục, thiên đường như ở khách sạn, lại quên quê nhà. Súc sanh, ngựa quý mà khen là bạn lành. Đi khắp lục đạo không sót một chỗ, ở trong tứ sanh không có lúc dừng. Vì vậy kiếp này thọ thân này, kiếp khác thọ thân khác, liên quên thân hình của địa ngục, thay đầu đổi mặt khó nhớ cái tướng của ngựa quý. Mở mắt nhìn ra, buồn thấy sanh linh đầy đất. Chỉ một loài trâu thôi, thăm trạng cũng khó nói hết, sừng dài trên đầu mà quên hình dạng xấu xí, đuôi ở sau đít thích xua đuổi muỗi mòng, bị đánh một roi, hai mắt rơi lệ, bước thiếu nửa bước, thân bị đòn đau. Đừng nói biến thành trâu là khổ, chưa bằng cái khổ địa ngục đâu! Ôi! Đau đớn thay! Khổ vui muôn ngàn sai khác toàn do một niệm, phạm thánh khác xa đều tại chính mình. Đến hôm nay trụ quả tu nhân từ thân phạm mà huân nghiệp thánh. Đến hôm nay trụ quả tu nhân, tu thân phạm mà huân nghiệp thánh. Mang nhân tu quả, ngộ tâm địa mà quét cảnh duyên.

Diệu Thọ tôi trước tác sanh này là việc cần kíp trước mắt, tỏ bày tình thật chỉ lỗi cho người tu hành. Đầu tiên nêu Giải Báng khử bỏ gai góc bên đường. Kể nói Phù Tông chỉ con đường về bằng phẳng. Người đi đường chỉ cầu đến nhà thì đâu ngại đường xa. Người xem sách này chỉ cầu chánh đạo thì đâu sợ phiền phức. Môn Giải Báng chia Tông, Giáo, Luật, Tịnh (1), Phù Tông Thuyết (2) định một trăm quy điều. Chẳng nên thấy mệnh mông mà vội thôi, xem toàn quyền ngại nhiều, nếu chấp như vậy thì đâu bằng nửa trang kinh trong Đại Tạng. Thử hỏi: Từ Nam kinh đến Bắc kinh, một con đường có cái phiền của hành trình, cái rộng của trạm nghỉ, cái nghiêm của đồ ải, cái nặng của lương thực. Chẳng ngại gì đem việc đi đường này cẩn thận viết thành một quyển sách, thì số câu văn, số pho quyển so với Thuyết này chắc chắn là còn nhiều hơn.

Buồn thay! Từ hạng phạm phu của chúng ta nói đến địa vị Thánh nhân, trong đó sự thật trải qua, đối với bậc thượng căn im lặng vô ngôn có thể ngộ đạo; đối với hàng trung căn phải nhờ lời nói, hành rồi mới ngộ đạo; đối với bọn hạ căn cần phải chỉ đạo nhiều cách, nói tánh nói tướng, nói đốn nói tiệm, lâu lắm mới ngộ đạo. Như lên núi

lấy của báu, người căn khí lớn ngay tại chỗ chuyển thân lấy liền; người căn khí bậc hạ một phen đi lên, lại đi lên, lên mãi mới lấy được. Trong số đó, cũng có người đi tay không trở về, có người tìm chẳng thấy của báu, có người bỏ mạng vì cầu của báu. Căn cơ không phải một thứ, thuyết này hợp với mọi căn cơ thượng, trung, hạ.

Thường thường, người không tin sách này, bệnh ở chỗ là sợ ngôn cú nhiều, đường đi rắc rối, tự nhận mình là kẻ độn căn. Tại sao vậy? Vì pháp môn khác, một câu Phật hiệu, hoặc một câu chú, trì trọn đời xong việc, không có gì thêm nữa. Tại sao Thiền tông nói quá tỷ mỹ phiền toái mà hạnh thì thô tạp. Chẳng tin thì được, còn tin thì bực bội cau mày. Buồn thay!

Xin mời người đọc hãy thử nghiệm một phen xem! Người chưa dụng công cảm thấy dường như vẫn nhiều. Nếu người tiến sâu e trách là nghĩa cạn, chẳng những trách cạn mà còn cho là quá sơ lược. Tôi trước tác sách này chẳng tránh khỏi sự chê trách, song tôi chẳng nệ què mùa đem hết chỗ thấy của tôi để báo ân Phật. Nhưng ân Phật, dùng hư không vi trần, một vi trần là một Lai Quả tan xương nát thịt cũng khó báo hết. Chỉ có học Phật pháp, đem pháp làm lợi chúng sanh, dẫn người nghiệp dày, người khổ sâu, tôi ắt chịu cực theo chúng khổ, khổ đến ngoài mười pháp giới, quày đầu tìm một mảy may bùn đất bất khả đắc, thật là quy về vô sở đắc vậy.

101. THIỀN PHÁP. (*Tổ Sư Thiền*)

Điều quan trọng nhất của người tham thiền là trước tiên phải rõ tông chỉ của Thiền, kẻ đó hiểu cách tham.

Trong cuộc sống hàng ngày của chúng ta, chư Phật và chúng sanh chỉ cách một cái vọng tưởng, hữu tâm thì thành chúng sanh, ly tâm thì thành chư Phật. Thiền này chính là ở sau tâm chư Phật, trước tâm chúng sanh. Chư Phật và chúng sanh chỉ cách một chữ Thiền, Thiền ở giữa Phật và chúng sanh. Cửa ải Thiền này chưa mở thì là chúng sanh giới, mười phương hữu tình vô tình bị một cửa ải Thiền này nhốt chặt. Cửa ải Thiền này bị đập vỡ thì thành cảnh giới chư Phật, mười phương chư Phật, Bồ Tát, Tổ Sư một vai chung gánh, một thể thừa đương. Cho nên Thiền Tông lấy câu thoại đầu làm viên ngói gỗ cửa, đời này chẳng mở, đời này gỗ, đời sau chẳng mở, đời sau gỗ, đời đời kiếp kiếp chẳng làm việc thể gian, chẳng hành pháp thứ hai, chuyên môn từ thủ cái cửa ải Thiền này. Gỗ tới một ngày nào cửa ải mở (*ngộ*) thì ông già Thích Ca và Long Thiên Hộ Pháp đều vui mừng khôn xiết, nhớ lại thuở trước rơi lệ khóc to, buồn vui lẫn lộn.

Lại, Thiền là một tờ giấy mỏng giữa định và loạn. Thiền là một mây bụi giữa mê và ngộ. Thiền là một điểm nhỏ giữa Phật và chúng sanh. Thiền là một miếng giẻ lau giữa sạch và nhơ. Thiền là một thanh kiếm báu giữa Phật và ma. Thiền là chiếc thuyền Từ trong biển khổ. Thiền là thuốc hay cho người bệnh. Thiền là cây đuốc sáng trong con đường tối tăm. Thiền là pháp lớn để liễu thoát sanh tử. Thiền đoạt lấy cái ổ Niết Bàn. Thiền là con đường lớn thành Phật. Thiền là cái búa bèn đập phá hư không. Thiền là tảng đá nặng đè chìm đại địa. Thiền diệt tham sân si. Thiền quét kiến chấp nhân ngã. Thiền sanh mười phương Phật. Thiền nói pháp nhiều như vi trần. Thiền nuôi dưỡng thanh tịnh Tăng.

Phải biết, tam thể chư Phật, chư đại Bồ Tát, lịch đại Tổ Sư, Thiện tri thức xưa nay đều từ Thiền này sanh. Người mê Thiền này thì thành chúng sanh. Người ngộ Thiền này thì thành chư Phật. Lại, Tổ Đông Độ Tây Thiên trụ trong Thiền này. Mười phương đại địa trụ trong Thiền này. Mười phương pháp giới trụ trong Thiền này. Mười phương hư không trụ trong Thiền này. Sum la vạn tượng trụ trong Thiền này. Sự lớn lao của

Thiền bao trùm hư không. Thiền là nhà ở của Phật, Tổ và chúng sanh. Người nghe được một chữ Thiền, thấy một chữ Thiền, nói một chữ Thiền đều gieo trồng hạt giống Phật. Cho nên kinh nói “Xưng một tiếng Nam Mô Phật đều đã thành Phật đạo” tức là nghĩa này vậy.

102. TU TẬP HẠNH.

Người tham thiền giữ chắc một môn làm công phu. Chuyên tham thiền này hết một đời còn chưa dễ gì làm xong, đâu nên nay làm việc này mai làm việc khác. Phải như con chuột gặm quan tài, chỉ gặm một chỗ, hôm nay cũng gặm, ngày mai cũng gặm, đời này cũng gặm, đời sau cũng gặm, chịu khó lâu dài, một mai gặm lũng, được thọ dụng như ăn đồ ngon, như vậy mới là tay tài giỏi. Nếu gặm bên đông chẳng lũng, liền qua bên tây, gặm dưới đáy chẳng lũng, lại hướng lên trên nóc gặm, dầu cho ông gặm ba mươi năm vẫn là một cái quan tài không lũng mà chỉ bị nát vỏ mà thôi. Ngay lúc gặm nếu tâm tư phiền não thì dầu cho nhịn đói chịu khát, bỏ tới mà gặm, giống đất mà gặm, gặm đến chóng mặt tròn chẳng thể lũng, sau mà ngu si khổ não như thế! Như nghe người nói lạy Phật hay, liền lạy Phật, nghe người nói niệm Phật hay, liền niệm Phật, nghe người nói xem kinh tốt, liền xem kinh, nghe người nói tham thiền tốt, liền tham thiền, nghe người nói đi hành hương tốt, liền đi hành hương, rốt cuộc là bị chuyển theo lời của người, chỉ làm uổng phí thời giờ, hỗn loạn pháp môn.

Như thế nào mới chẳng uổng phí thời giờ, chẳng hỗn loạn pháp môn? Thử hỏi “Lạy Phật là ai?” biết chăng? “Xem kinh là ai?”, “Niệm Phật là ai?”, “Tham thiền là ai?”, “Đi hành hương là ai?” biết chăng? Ngộ được người lạy Phật, ngộ được người xem kinh, ngộ được người niệm Phật, ngộ được người tham thiền, ngộ được người hành hương, chỗ hành như thế chuyển được tất cả, chẳng bị tất cả chuyển. Đây gọi là chẳng uổng phí thời giờ, cũng gọi là chẳng hỗn loạn pháp môn.

Nếu tu tất cả tạp hạnh, cần phải ngộ tâm tu, chẳng nên mê tâm tu. Ngộ tâm tu tạp hạnh thành lục độ vạn hạnh. Mê tâm tu tạp hạnh thành luân hồi sanh tử. Nếu ngộ tâm tu thì chẳng cần hỏi. Nếu mê tâm tu thì phải mau mau chạy vào cửa Thiền Tông đem tâm tu ngộ, rồi mới có thể tu tạp hạnh.

Có người hỏi “Thế nào là mê tâm? Thế nào là ngộ tâm?”

Đáp “Hễ hữu tâm đều gọi là mê tâm. Tâm vốn vô sanh, mới gọi là ngộ tâm. Người tu hành cần phải xét kỹ!

103. CẦU THẦN THÔNG.

Người tham thiền tham thẳng chẳng nghĩ, tham thông tự liễu ngộ. Ngay lúc tham, chẳng được có tâm chờ ngộ, chẳng được cầu huyền diệu, chẳng được chê pháp chẳng linh, chẳng được sanh phiền não, chẳng được sanh hoan hỷ, chẳng được sanh sợ hãi, chẳng được cầu thần thông.

Thường thường, người học pháp cầu thần thông tính học thần thông rồi có thể bảo hộ quốc gia, gìn giữ phú quý, có thể dạo chơi phương khác, có thể báo oán cừu, có thể được trường thọ, có thể làm phát đạt, có thể mưu sự nghiệp, có thể khỏi bị người hiếp đáp. Như thế đều bị gọi là kiến giải của kẻ ngu. Sao vậy? Quỷ thần ở khắp nơi đều có, hễ cầu thì có thể được thần thông, song rốt cuộc chẳng phải của mình có.

Như đời Đường có ngài Tam Tạng Đại Nhĩ đến Kinh, tự xưng có thần thông. Nam Dương Huệ Trung quốc sư lúc đó ở tại triều, liền hỏi Tam Tạng Đại Nhĩ: Nghe nói Tam Tạng có thần thông phải chăng?

Vị Tam Tạng này đáp: Phải.

Xin hỏi ông: Tâm tôi ở tại chỗ nào?

Đại sư là thầy của một nước, đâu nên ở trên cầu Thiên Tâm xem hát xiếc.

Quốc sư có nghĩ như thế, nên đáp: Đúng.

Rồi Quốc sư nhập Na-già định, hỏi Tam Tạng.

Tam Tạng câm miệng, không đáp được.

Quốc sư quở rằng: Ông đã hồ tinh (*con chồn hoang*) này đến làm loạn Đường triều.

Bèn đuổi ra.

Thử hỏi: Người đã có thần thông còn bị trục xuất, chúng ta là người tu mù luyện đui, cầu thần thông đã nuốt bao nhiêu khổ, đã tốn bao nhiêu tiền còn khó có lúc đến tay. Dầu cho thần thông đến tay còn chẳng bảo đảm được sự lâu dài của nó. Nghĩ như thế rồi, hãy mau mau tham thiền, đem cái công phu cùng vốn liếng cầu thần thông để cầu tham thiền thì tương lại rất có triển vọng.

Lại nói, người khai đại ngộ đáng lẽ phải có thần thông, thần thông lộ bên ngoài không có, thần thông thâm bên trong cũng phải có. Nếu thật không có thần thông mà nói khai đại ngộ thì người ta không tin. Thử hỏi: Thế gian lấy pháp lợi sanh, chưa nghe nói lấy thần thông lợi sanh. La Hán có thần thông còn chẳng trụ thế. Bồ Tát lấy pháp lợi sanh thường trụ thế gian. Lại, Chư Tổ đời trước đa số có thần thông, chỉ tự chẳng nói tôi có thần thông. Người Đại thừa cho thần thông là đồ bán ế đương cơ.

Người Tiểu thừa thì cho thần thông là kỳ đặc, hy hữu. Thật là chưa biết chỗ trọng yếu của cơ giáo vậy.

104. HIẾU THẮNG.

Người tham thiền chỉ lo chân thật tham thiền, nỗ lực công phu. Lúc đánh mất công phu, lấy đầu đập vào cột, hoặc đập đầu xuống đất, nước mắt tuôn đầm dề trên má, mới có tư cách tham thiền.

Nếu chẳng ở trên bồn tham gấp lo dụng công phu mà chuyển ở ngoài công phu khoe tài, tôi cao, ông thấp, tôi làm được, ông không làm được. Như vậy, thật là uổng phí thời giờ, như tọa hương, người ngồi hôn trầm, ta ngồi tỉnh táo. Người bảo hương cúi đầu, ta bảo hương ngay thẳng. Người đứng dậm chân, ta đứng thẳng như tường vách. Người ngủ duỗi chân, ta nằm kiết tường. Người suốt ngày nói chuyện, ta suốt ngày không mở miệng. Người đi đường quay đầu, ta đi đường oai nghi. Người phạm quy củ bị phạt, ta giữ quy củ tu hành. người gặp người chào hỏi, ta gặp người đụng phải mà không biết (*có nghi tình*). Người thỉnh khai thị nhiều, ta chưa từng thỉnh một lần. Người ngủ mê, ta chẳng nằm. Mỗi ngày người ăn bốn bữa, ta ăn ba bữa. Người thích ra ngoài làm ruộng, ta thích tịnh tọa. Người này nhân cách tuy cường tráng, song chẳng phải tư cách của đạo nhân. Tâm hiếu thắng này, có người ở trên đạo tâm muốn thanh cao, có người ở trên nhân ngã dành hơn thua, cũng chẳng hoàn toàn là phải, cũng chẳng hoàn toàn là quấy. Nếu hoàn toàn là phải thì không có cơ hội khai ngộ. Nếu hoàn toàn là quấy thì tuy hiếu thắng cũng là hiếu thắng ở trong đạo tràng, ở trong chúng tu hành. Cho nên chỉ cho "hiếu tham thiền" chứ không cho hiếu thắng, mới là người chân thật hiếu thắng.

Phải biết, lớn nhất trên trời, không ai bằng Thiên Vương, Thiên Vương lớn nhất cũng không qua khỏi cái chết. Điều lớn nhất của con người là sống. Điều lớn nhất của sống

chẳng qua được cái chết. Dẫu cho người cường thắng nhất, anh hùng nhất của cõi trời cõi người rốt cuộc chẳng lớn hơn sanh tử. Đã biết sự trọng đại của hai chữ Sanh Tử siêu cõi người cõi trời, nếu ở tại cõi trời cõi người giành cường giành thắng thì chẳng phải bậc thượng phụ xuất cách. Cần phải trụ Tông Lâm chuyên lo việc lớn sanh tử. Một mai việc lớn này làm xong, thật là thế gian không thể sánh được. Việc sanh tử này, dù ông tu pháp môn nào, muốn liễu sanh tử chỉ là gián tiếp, chỉ có một pháp tham thiền hợp cơ bậc nhất, rất là trực tiếp. Pháp tham thiền không có đại dụng nào khác hơn là minh tâm kiến tánh, liễu sanh tử, thành Phật Tổ, độ chúng sanh đó là chánh dụng của tham thiền. Bỏ pháp tham thiền này ra, đều là pháp môn hàng nhì.

105. DỤNG CÔNG PHU NGOẠI ĐẠO.

Người tham thiền cần phải quyết tử giữ chặt pháp thiền. Người chẳng biết tham, chẳng chịu tham, chẳng thể tham, chẳng nguyện tham, cũng chẳng bao giờ rời bỏ tham.

Thế nào là bỏn tham?

Bỏn tham, người đời có cái tham này, tăng sĩ có cái tham này, người nguyện tham có cái tham này, người chẳng nguyện tham có cái tham này. Thật vì mọi người vốn sẵn cái tham này (*ngộ tình*) nên mỗi người chưa từng rời cái tham này. Người không tham cũng có bỏn tham, người tham cũng có bỏn tham, chưa ngộ là bỏn tham, ngộ rồi cũng bỏn tham, sơ tham là bỏn tham, lão tham cũng là bỏn tham, đều do mọi người vốn đủ tâm này, vốn đủ tánh này, cho nên người hành đạo thiền chính là có đủ bỏn tham. Tâm của mỗi người như vậy, nghĩa của bỏn tham cũng như vậy, đây gọi là cội gốc của sự tham thiền.

Lúc gần đây, có người thu thiền biết rõ tham thiền là pháp môn bậc thượng, là hơn hết các thừa, tự cảm thấy không đủ sức tham thiền, trở lại dụng công phu ngoại đạo của lúc trước, thật đáng thương xót! Tự bỏ Đại thừa, lược Tiểu thừa, bỏ nhân địa Phật, lấy nhân địa thế gian. Người tham thiền tại sao có cái làm này? Do người tham thiền chẳng biết cội gốc của tham thiền, cho nên chẳng dám dụng công sâu học Phật, vì càng học càng không. Hôm nay thấy được cái không này lại sanh hoảng sợ, vì nhớ lại lúc ở tục gia thường nghe người ta nói: Xuất gia là vào cửa không mà chẳng biết nghĩa không là gì? Ta hôm nay nếu dụng công phu theo thế tục cảm thấy dường như có sức mạnh, lại còn cảm thấy có mùi vị nữa. Nếu dụng công tham thiền, cái này cũng quét sạch, cái kia cũng quăng hết, khiến cho sắc thân một chút cũng chẳng trụ, vọng tâm một chút cũng chẳng dính mới thật là vào cửa không, chẳng bằng dùng công phu ngoại đạo của mình trước kia mới thực là đúng đắn. Người ấy nghĩ như vậy bỏ chánh đạo theo ngoại đạo. Tu theo ngoại đạo được sanh lên cõi Trời, lúc tuổi thọ ở cõi Trời hết trở lại đầu thai vào thân người, thân heo dê. Chánh đạo thì thành Phật, vĩnh viễn ra khỏi sanh tử luân hồi. Ước mong người dụng công phu ngoại đạo hãy so sánh lại thử xem! Lại nữa, công phu của ngoại đạo, người thế tục dụng có công, tăng sĩ dụng có lỗi. Vì sao có lỗi? Xuất gia tham thiền là để liễu thoát sanh tử, công phu của ngoại đạo thêm sanh tử, chẳng phải lỗi là gì?

106. HIỂU LÀM.

Người tham thiền hoặc do trong đời quá khứ tạo nghiệp ác nặng, nghiệp thiện nhẹ hoặc chưa gieo duyên với Phật hoặc chưa tu tập Bát Nhã, dù được xuất gia, nhưng khó nhập đạo, một phen gặp nghiệp duyên đời trước, chẳng phải tâm cuồng thí thân cũng loạn. Như người đi lạc đường bỗng gặp đồng vàng, hoang mang không biết phải

làm sao, lợm thì chẳng được, bỏ thì thấy tiếc. Lợm thì sợ bị phạm pháp, bỏ thì sợ người khác lấy. Suy nghĩ trăm mưu ngàn kế cũng chưa biết phải làm sao, lâu ngày kết nối tâm dần dần thành ra bệnh nặng. Việc khác cũng lấy đây suy ra mà biết. Do đó, thân điên cuồng, tâm rối loạn, người có ý bài xích Thiên Tông, thấy người đó dường như nhập ma, dường như bệnh tâm thần, vội gán tội cho Thiên Tông, do tham thiền mà có chứng bệnh này. Kỳ thật là do họ không có tri kiến chân chánh về Phật pháp, mù quáng tạo nghiệp địa ngục A Tỳ mà chẳng tự biết. Có bọn người tu đại thừa. Cho nên Chứng Đạo Ca nói “Văn thuyết Như Lai đốn giáo môn, hận bất diệt trừ như ngã toái” nghĩa là “Nghe người nói môn đốn giáo của Như Lai (tức là Tổ Sư Thiền), hận thù muốn đập tan nát như gói bẻ”. Vừa nghe có người muốn tham thiền, vội nói “Tham thiền e sợ nhập ma”, chặn đầu đốn một nhát, khiến người nghe liền đổi pháp tu, như vậy cứ bài xích cái pháp khác mình. Cái tội phá pháp không có cái tội nào lớn hơn tội phỉ báng Thiên Tông.

Nhưng bệnh này do hai nhân duyên phát khởi:

1. Trong tiền kiếp, tâm nhiễm yêu ghét quá sâu, tu hành tà đạo hoặc ngộ nghịch với cha mẹ, hoặc phỉ báng Thánh Hiền, hoặc làm nhơ uế già lam, hoặc phá giới luật, xứng ý thì vui như điên, nghịch ý thì giận phát cuồng, khiến cho thân tâm thác loạn, đều do thức hôn mê thân vô chủ lạc mất chánh niệm, đuổi theo ác cảnh làm những hành vi trái lý, tục gọi là bệnh tâm thần, Tăng gọi là nhập ma. Những việc này với việc tham thiền thật chẳng có mấy may dính dáng.

Thường thường, có người sợ nói “Tham thiền dù tốt, nhưng sợ nhập ma”. Lời này thốt ra khỏi miệng, nhất định bị dọa địa ngục không cứu được. Sao vậy? Tự mình lìa đại pháp tham thiền lại dạy người lìa đại pháp tham thiền như thấy người té xuống nước, tự mình chẳng chịu cứu, còn bảo người khác đừng cứu. Tội ấy thế nào? Hãy nghĩ xem!

Lại như tự mình chẳng hành Phật đạo, nói Phật đạo sai, cũng khuyên người khác đừng hành Phật đạo, nghiệp ác này cảm hai thứ báo:

a)- Tự phỉ báng chánh pháp, bị dọa địa ngục A Tỳ một đại kiếp mới ra, còn phải chịu ở địa ngục hàn băng.

b)- Đoạn hạt giống thiện của người khác khiến cho người sanh phỉ báng, phải dọa địa ngục A Tỳ bốn đại kiếp, ra khỏi địa ngục này rồi còn phải chịu các địa ngục khác nữa.

Sao chẳng nghĩ đến điều đó! Chương nặng đời trước chất chứa tới đời này đến nỗi thân tâm lúc nào cũng cuồng loạn, lạc mất chánh niệm, gánh chịu khổ sở. Nếu biết phải tự trách lấy mình, đâu dám phỉ báng chánh pháp. Cái bệnh nặng này chỉ có tham thiền mới có thể trị, không có pháp nào khác để cứu, sao lại đặt điều vu khống là tham thiền sanh ra cái bệnh nặng này? Đây dù là lời nói không có căn cứ mà đã tạo tội lớn. Vì sao? Người thế tục dù không tham thiền cũng có bệnh tâm thần, có bệnh điên cuồng, nên các nơi đều có nhà thương điên để trị liệu, sao lại gán tội cho tham thiền. Người phỉ báng tham thiền không có nhà thương nào trị được.

2. Cần phải biết rằng thường thường người mắc chứng bệnh này, vì trong đời trước tạo nghiệp quá thuần thực chưa kịp chịu cái quả báo khổ kịch liệt. Do nhân cảm quả, nay bỗng gặp nhau khiến cho thân tâm đều tối, mờ mịt chẳng tự biết. Vì tạo nhân này nên cảm báo này, như sứt môi là do phỉ báng Tam Bảo, phỉ báng Thiện tri thức, lại như lúc còn ở thế tục lén làm tổn thương người vô tội, trộm vật của chúng tăng, dâm với người có đạo, lừa gạt vật quý, phạm các thánh giới căn bản của Phật, nhẹ thì thổ huyết mà chết, nặng thì nhập ma mà chết, có người bị mù mắt, có người bị chết bất đắc kỳ tử. Phạm tội thì phải chịu lấy quả báo, theo lý thì thọ báo đời sau, nhưng vì

nghiệp ác quá nặng nên hiện đời bị giảm thọ. Có người nghiệp ác nặng hơn nên ngay nơi thân đang sống này bị đọa địa ngục.

Người ta thường nói “Nhập ma là ma nhập tâm khiến cho tâm cuồng loạn”. Điều đó chẳng đúng.

Trong kinh Đại Bát Nhã có đoạn Xá Lợi Phất hỏi Ngài Văn Thù: Sức ma rất lớn hay nhập vào tâm phủ của người đang làm chủ phải chăng?

Ngài Văn Thù đáp: Chẳng phải vậy. Nay Xá Lợi Phất! Phật, Bồ Tát có thể nhập vào tâm của ma, ma chẳng thể nhập vào tâm của Phật, Bồ Tát và người tham thiền.

Lúc ấy, ma tính nhập vào tâm Tỳ Kheo mà không nhập được. Bồ Tát Văn Thù nhập vào trong tâm ma, liền hiện ra ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, thuyết pháp Bát Nhã, Trời, người nghe pháp ngộ đạo rất đông. Sau khi ra khỏi tâm ma, mà ma chẳng biết vừa rồi là Bồ Tát Văn Thù khiến ma làm Phật thuyết pháp, Trời người khai ngộ cũng có, tỳ kheo đắc quả cũng có. Ngài Văn Thù lại nhập vào tâm của Xá Lợi Phất làm Phật thuyết pháp như trước. Thế nên biết rõ ràng ma chẳng thể nhập vào tâm người. Tất cả Thánh hiền có thể nhập vào tâm ma khiến ma cuồng loạn, khiến ma già nua cũng có.

Ước mong mọi người hoặc niệm ác hoặc niệm thiện sau khi thọ quả báo thiện hoặc ác rồi đều có hy vọng liễu thoát sanh tử luân hồi. Nếu miệng nói một chữ Ma, tâm nghĩ một niệm Ma, là lia giòong giống Phật, dần dần thành quyến thuộc Ma vương. Phật tử chẳng làm việc ma, làm thì thành con của ma. Tôi thống thiết khuyên quý vị Tăng tục là phải làm Phật tử chân chánh.

Thế nào là người Phật tử chân chánh? Trì cấm giới của Phật, hành chánh hạnh của Phật, nói lời của Phật, ăn thức ăn của Phật, mặc y của Phật, làm hạnh của Phật, ở chỗ của Phật, ngôi tòa của Phật, nằm giường của Phật, đây là việc lục độ vạn hạnh của người Phật tử chân chánh vậy.

Pháp tham thiền được coi là trên hết, tất cả pháp phạm phu ngoại đạo thì mê tâm, pháp tham thiền thì ngộ tâm. Mặc cho thân bệnh, tâm bệnh, bệnh điên, một phen trị liền lành, khôi phục lại nguồn tâm, thuốc đến bệnh trừ, hiểu lầm đổi thành liễu ngộ. Người phi báng tham thiền, gán tội cho tham thiền là nhập ma, đâu biết bệnh ma ở thế gian chỉ có tham thiền mới trị được. Kẻ phi báng tham thiền chẳng phải là ma, là cái gì? Nhưng cái bệnh phi báng tham thiền, dù phương pháp nào cũng chẳng trị được, rốt cuộc thành ra bị đọa địa ngục.

107. CÔNG PHU CHẴNG BỊ THẾ GIAN CHUYỂN.

Người tham thiền dụng công phu đến chỗ chẳng bị tất cả chuyển, chẳng bị thế gian chuyển, chẳng lẽ không ăn cơm thế gian, không uống trà thế gian? Thực chẳng phải vậy.

Đã biết thế giới vô thường, các hành chẳng phải trường cửu, dù ở thế gian mà thường lia thế gian, chỉ ở đất thế gian mà chẳng nhiễm tình thế gian. Vì sao nói chỉ ở đất thế gian? Phải biết, đất là chỗ sanh là đồ dinh dưỡng con người, đất là chỗ chúng sanh tạo nghiệp, đất là chỗ chư Phật thực hành việc giáo hóa, đất là chỗ Bồ Tát hành đạo, đất là chỗ nhân gian tạo ra vật dụng, đất là chỗ loài người và chúng sanh đứng chân. Ba tai nạn lớn đến thì quả đất bị hủy diệt. Người tu hành chí đạo, cho đất là nhà lửa, cho đất là biển khổ. Cái hại của đất rất lớn mà cái lợi của đất cũng rất lớn. Người có sanh lão bệnh tử, đất có thành trụ hoại diệt. Đại tử của người, đại không của đất, đất cùng người đồng một bản tánh, đất cùng người chung một thứ sanh. Người tham thiền ở

nhờ nơi đất, vì đất cho người ở là trong bốn phận, chẳng phải là ngoài bốn phận, nên dù ở mà không có lỗi.

Tình thế gian là tất cả sự thấy nghe, thủ xả, cảm tình yêu ghét, nhân ngã thị phi, phiền não vô minh, quả báo thiện ác, thiên đường, địa ngục, nga quý, súc sanh, tham sân, thập ác, ngũ nghịch, bất thiện, cho đến tất cả hành vi trong cuộc sống hàng ngày.... Nay chúng ta dụng công phu tham thiền có ngày đập vỡ Lao Quan thì chẳng những tình thế gian không mà đất thế gian cũng không, vật ngoài bốn phận chẳng trụ mà vật trong bốn phận cũng chẳng trụ.

Hôm nay công phu chẳng bị thế gian chuyển là vì luôn luôn chuyên tâm nhất trí dụng công phu, không có mây may dính mắc ngoại cảnh, nên ngược lên chẳng thấy bầu trời, chẳng những chẳng thấy mà cái niệm ngược lên còn bất khả đắc thì đâu có bầu trời để thấy, cúi xuống không thấy mặt đất, chẳng những không thấy mà cái kê hờ để cúi xuống cũng bất khả đắc thì đâu có mặt đất để thấy. Thậm chí đi chẳng biết mình đi, ngồi chẳng biết mình ngồi, đứng chẳng biết mình đứng, nằm chẳng biết mình nằm, đều là quên thế gian. Các thứ của thế gian đã quên được sạch hết, ấy là công phu tham thiền đã lìa thế gian. Nay còn ở thế gian là vì nuôi dưỡng tham thiền, thân dù trụ ở thế gian bất quá là do nghiệp báo của thân tạo từ đời trước. Nghiệp báo còn một ngày thì thân trụ một ngày, lúc nghiệp báo hết thì thân trở về đất. Đất nuôi dưỡng thân ta, thân ta trụ ở trên đất. Cảm cái ơn của đất và nước vun bồi đạo niệm cho ta. Cảm cái đức của thế gian làm cho ta ngộ pháp thân. Mấy mươi năm công phu chỉ lo tham thiền, ăn của thế gian, uống của thế gian mà chưa làm việc cho thế gian, nay mượn hương hoa thế gian để vun bồi phước huệ cho mình. Một mai công phu làm đến nơi đến chốn thì chuyển được thế gian. Đó là:

Tương thử thân tâm phụng trần sát,

Thị tắc danh vi báo Phật ân.

Cũng gọi là tổng báo tứ ân (*ân Phật, ân sư trưởng, ân cha mẹ, ân chúng sanh*) vậy.

108. CÔNG PHU CHẲNG BỊ THÂN CHUYỂN.

Người tham thiền làm được đến chỗ chẳng bị thế gian chuyển là công phu có tiến bộ rồi.

Thế nào là chẳng bị thế gian chuyển? Như ngay lúc tham thiền, bên ngoài có sắc tướng đẹp, không có tâm ngó ngang tới, đây gọi là chẳng bị thế gian chuyển.

Chẳng bị thân chuyển: Thân là gốc của các khổ, thân là kẻ đầy tớ của thế giới, thân là nhang đèn của thiên đường, thân là hòn sắt nóng của địa ngục, thân là rượu ngon của Tu La, thân là yết hầu của nga quý, thân là lông vẩy của súc sanh, thân là túi phần của loài người, thân là thiền định của nhị thừa, thân là hóa thân của Bồ Tát, thân là sự nghiệp của chư Phật, thân là tâm can của Tổ sư. Một chữ Thân khổ phi thường mà vui cũng phi thường. Thân là dụng cụ của việc ác cũng là dụng cụ của việc thiện. Phải biết thân vốn vô tình, bị hữu tình sai khiến tạo nên thế giới, tạo nên nhân gian, cho nên chẳng có thân thì không tạo được. Ngày nay, tham thiền chính là cần phải đập vỡ cái dụng cụ tạo nghiệp này. Sao nói là dụng cụ? Thân dù vô tình, nếu bị người ác chi phối thì người ác làm chủ thân này, người ác muốn ăn cơm, sai khiến cái thân mau mau đi làm cơm, muốn tà dâm, sai cái thân mau mau làm việc xấu. Do đó, thân là người gỗ, người gỗ cho nên là dụng cụ của người ác.

Người tham thiền ngay lúc dụng tâm nếu tùy thân (*dụng cụ*) chuyển động thì lúc đó công phu tham thiền dễ dàng bị thân chuyển. Há chẳng thẹn ư? Nếu thấy sắc đẹp thì

xả con mắt, nghe tiếng hay thì xả lỗ tai, ngửi mùi thơm thì xả lỗ mũi, nếm vị ngon thì xả cái lưỡi, xúc giác êm ái thì xả thân căn, biết pháp hay thì xả ý căn. Thân dụng cụ tạo nghiệp này hoàn toàn xả được hết tức là chẳng bị thân chuyển. Nếu không có sức để xả hoàn toàn, chỉ xả một hai chỗ, rốt cuộc cũng bị toàn thân chuyển. Sắc thân này rất là lợi hại, như người bị con mắt chuyển thì công phu tham thiền bị đánh đổ, tham cái vui chốc lát của thể gian, muốn quay đầu dụng công lại thì tâm vẫn bị chi phối, dù dụng công thế nào đều chẳng nhập tâm như cách lớp giày gãi ngứa. Từ đây về sau uổng chịu khổ một đại kiếp, thân bị lửa đốt thành đồng lửa, vào đất không cửa, kêu trời chẳng thấu. Lúc này phải chịu đau khổ dài lâu, chỉ vì lúc trước thích vui chốc lát, bây giờ chịu khổ tâm nào nhớ đến công phu. Vì thế, người tham thiền hận cái thân này đến thấu xương, vội lo tham thiền, chẳng cho có một niệm nhỏ duyên ở trên thân. Một phen bị chuyển đi rồi khó mà trở lại, dù cho có trở lại cũng chỉ là một bộ mặt giả. Sao vậy? Sau khi bị thân chuyển thì thân liền thọ quả báo hiện tại, vị lai ở nhân gian. Vì thế, dù thân có ngứa, có đau, có nhơ, có sạch cũng đừng màng đến nó là tốt nhất. Vừa để ý đến thân là bị thân chuyển. Ngay lúc bị thân chuyển, phải mau quở lấy mình, mới có thể cứu được.

109. CÔNG PHU CHẲNG BỊ TÂM CHUYỂN.

Người tham thiền dụng tâm, trên tâm là thiền, trên thiền có tham. Có cả ba: tâm, thiền, tham, mới là chánh tham. Người chẳng chánh tham, chẳng biết tâm là vật gì, chẳng biết thiền là vật gì, cũng chẳng biết tham là vật gì. Nếu biết được tâm là gốc vô minh, vọng là gốc của biến đổi, nếu tâm vô sở trụ thì vọng chẳng có chỗ dựa, do đó phàm có tâm chỉ là một lời nói, phàm có vọng chỉ là thể hư vô. Nếu ở nơi tâm chẳng biết vọng, nơi vọng chẳng biết tâm, tâm và vọng đều chẳng biết gọi là nghi tình, dùng nghi tình này mà tham thiền ắt sẽ thành Phật. Sao vậy? Chư Phật ngộ tâm này thành Phật, chúng sanh mê tâm này thành chúng sanh, người tham thiền ở giữa cửa mê ngộ của tâm này giống như tay trái nắm quyền chúng sanh, tay phải nắm quyền chư Phật. Người tham thiền, tâm là thiền, thiền là tâm, có thiền tức tâm, có tâm tức tham. Ba chữ thiền, tâm, tham, vốn là một, vì phương tiện mới phân thành ba. Tâm dụ cho tội của người huỷ. Thiền dụ cho vật của người huỷ. Tham dụ cho tay của người huỷ. Dùng tay người huỷ cầm vật huỷ để phá hoại thân huỷ, thật là lấy huỷ trừ huỷ. Phải biết, tội của người huỷ lớn hơn hư không, tội của người huỷ lớn hơn đại địa, tội của người huỷ lớn hơn nghiệp chúng sanh, tội của người huỷ lớn hơn phước chư Phật. Người tội huỷ này ban đầu chẳng tin mình có tội, tự hỏi "Tôi có tội gì?" Sau này sống lâu trong thế gian, chịu sự bức bách của hoàn cảnh, rồi được người chỉ dạy mới biết thấy một chữ Thấy là gốc tội lớn, nghe một chữ Nghe là gốc tội lớn, giác một chữ Giác (*cảm giác đau ngứa*) là gốc tội lớn, biết một chữ Biết là gốc tội lớn. Tội trạng của tâm, sơ lược có bốn điều là Thấy Nghe Giác Biết, rộng thì vô cùng vô tận. Muốn tránh những tội lớn kể trên thì phải an trụ nơi tâm. Sinh sống nơi tâm thì không gì sánh bằng, vì:

Chẳng vinh nhục, cũng chẳng thân sơ,

Chẳng có ngày đêm và sáng tối.

Đầu đội Phật, đôi chân đạp Phật,

Mỗi tiếng trong miệng đều là Phật.

Ngoài Phật ra, thì chẳng gì khác,

Tâm là cõi Phật Thường Tịch Quang.

Thiền tâm chẳng vỡ khăn thiết tham,

Tham thấu thiền tâm ngộ bản lai.
Bản lai vốn tự không tu chứng,
Tu chứng đâu ngại gì bản lai.
Chính người này, mới là thực chân,
Không đầu không chân không lục căn.
Không nhờ siêng năng khổ tham thiền,
Khó tránh lầm lỗi nhận khía căn.
Dặn dò người chưa phá Thiền quan,
Chẳng nên nhận giặc cho là con.
Đã quyết tham thiền phá Thiền quan,
Chưa đến Thiền quan cần khổ tham.
Khổ tham quên lời lại quên thân,
Cái đạo quên thân chưa phải chân.
Phải mau nhận rõ cái người quên,
Một tay nắm ngã người dụng tâm.
Tâm tức người, thì người tức tâm,
Sau khi quên tâm chẳng sợ thân,
Thẳng đến cội Phật Thường Tịch Quang.

110. CÔNG PHU CHẴNG BỊ HÔN TRẦM CHUYỂN.

Người tham thiền dụng thẳng xương sống, để tay trên đùi, cổ dựa bầu áo, chẳng chút lơ lửng. Công phu đề khởi câu thoại đầu mỗi chữ rõ ràng, niệm niệm sáng sủa, chẳng gấp chẳng huờn, buông cũng chẳng xuống, đề cũng chẳng lên. Nói buông chẳng xuống là vì công phu thuần thực như vọng tưởng, vọng tưởng không đề khởi mà tự khởi, thoại đầu muốn buông mà chẳng thể buông giống như dòng nước sông Dương Tử ngày đêm chảy mãi muốn ngưng nghỉ chẳng thể được. Nói đề chẳng khởi là công phu miên mật, sức tham dừng mãnh không một chút gián đoạn. Không có gián đoạn thì công phu liên tiếp chẳng ngừng, nếu ngừng tức là buông xuống. Buông xuống rồi đề khởi lại thì công phu không khẩn thiết. Tóm lại, không thôi nghỉ thì không buông xuống, không buông xuống thì không đề khởi, vì công phu chưa bị đánh mất thì đề khởi cái gì? Nên nói đề chẳng khởi là vậy.

Nói hôn trầm là hể hôn liền đen tối khiến cho đánh mất công phu, hể trầm thì liền chìm mất khiến cho ngủ gật không hay. Hôn trầm có hai nghĩa:

Thân hôn trầm, là ở trong thế giới này ngày đêm hướng ra ngoài tìm cầu, tùy dòng thế tục sâu vào dòng thế tục không chút hay biết. Chẳng biết thân ta tồn tại không lâu, chẳng những không biết tồn tại không lâu luôn cái chẳng tạm có cũng không biết, giống như mở mắt chiêm bao thì lâu hay chậm, biết hay không biết đều chẳng thật.

Tâm hôn trầm: Bản thể của tâm cùng khắp không gian và thời gian, con người ứng dụng hàng ngày mà chẳng tự biết. Dẫn cho biết nó lại lầm cho thân là sở hữu của tâm, và chẳng có người nào không màng đến thân. Cho việc làm của tâm là chủ của thân,

thân hôn bất động thì liền chìm nơi giường chõng, cũng là do tâm hôn làm nên. Than ôi! Đại địa hôn hôn, nhân tâm hôn hôn, nghiệp thức hôn hôn, đợi đến lúc nào mới tỉnh. Đau đớn thay!

Chúng ta là người tham thiền biết rõ tâm là huyền hóa, thân là bóng bọt, đều bị hôn trầm ràng buộc. Tự ta tham thiền đắc lực, thân chẳng bị hôn trầm chuyển, tâm cũng chẳng bị hôn trầm chuyển. Thẳng đến chỗ sâu kín của Thiền, chẳng những thân tâm chẳng trụ hôn trầm mà dầu cho chỗ thanh tịnh sáng sủa cũng chẳng thêm trụ. Lực lượng của công phu này chẳng bị hôn trầm chuyển. Dầu cho chuyển đến chỗ nào thì ngay chỗ đó tiếp tục công phu. Lâu ngày, ở trong công phu, chẳng biết có hôn trầm, trong hôn trầm có công phu đắc lực. Công phu cùng hôn trầm lập thành một khối, mới cho là công phu chẳng bị hôn trầm chuyển, chuyển đi cũng có công phu.

111. LÀM CHỦ SANH TỬ.

Người tham thiền tham đến thân bất khả đắc, tâm bất khả đắc, thân tâm đều bất khả đắc thì người nào tạo sanh, người nào tạo tử? Nếu sanh tử không ai tạo thì sanh tử vốn không, như thế tức là nghĩa vô thủy vô sanh. Tâm đã vô sanh thì sanh tử đâu có? Có tức là sanh, có sanh ắt có diệt, niệm niệm sanh diệt chẳng ngừng thì đâu phải là công phu vô tâm. Nếu cái tâm tham thiền đến chỗ vô tâm thì chẳng cho có một tâm, cũng chẳng cho có hai tâm.

Có người hỏi: Ngay lúc tham thiền, nói hai tâm chẳng cho có thì đúng, tại sao một tâm cũng chẳng cho có?

Đáp: Nếu biết có một tâm thì có năng biết sở biết, tức thành hai tâm. Do hai tâm này đã bất khả đắc nên một tâm đương nhiên cũng bất khả đắc. Sao vậy? Trong Tín Tâm Minh nói "Nhị do nhất hữu, nhất diệt mạc thủ" (*hai do một mà có, một cũng chẳng trụ*), đó mới là thật một tâm, là thật lìa sanh diệt, là thật lìa sanh tử. Phải biết, sanh diệt là nhân, sanh tử là quả. Trước liễu cái nhân sanh diệt, sau diệt cái quả sanh tử. Tại sao có người tâm diệt mà thân chưa diệt, có người thân diệt mà tâm chưa diệt. Ý ấy thế nào? Tham thiền đến chỗ Không tịch, vô niệm vô sanh, gọi là tâm diệt. Nhờ cái thân hữu tận (*tạm có*) này hành cái hạnh vô lậu, đây gọi là thân chưa diệt. Có người thân diệt mà tâm chưa diệt, thân này là do cảm quả báo đời trước chịu các khổ vui, báo khổ vui hết thì thân diệt vong, đây gọi là thân diệt. Nhờ cái nhân thiện ác mà cảm cái quả thiện ác, đây gọi là tâm chưa diệt. Tâm diệt, thân diệt lại có hai nghĩa:

1. Tâm diệt thì sanh cũng diệt, hễ có sanh thì mỗi mỗi đều sanh. Than ôi! Có sanh thì có luân hồi, có tánh mạng, có sanh tử, có thế giới. Hễ diệt được cái sơ sanh tử vô thủy thì đủ thứ sanh liền diệt.

2. Tâm diệt thì thân cũng diệt, hễ tâm sanh thì đủ thứ thân sanh. Buồn thay! Thân thiên nhân, thân tu la, thân loài người, thân địa ngục, thân tất cả các loài chim bay thú chạy, nếu làm cho cái sơ tâm từ vô thủy này diệt thì đủ thứ thân liền diệt vậy. Tham thiền dừng mảnh một mạch tham thẳng chẳng ngừng nghỉ, dầu cho Phật khuyên ta đừng tham ta cũng chẳng tin, ma buộc ta đừng tham ta cũng chẳng nghe.

Đến đây chẳng những được làm chủ sanh tử mà cũng được làm chủ sanh diệt, thủ phạm của sanh diệt bị cái đắc lực của tham thiền bắt được. Vui mừng biết bao! Người tu hành dụng công phu phải làm chủ sanh tử mới cho là công phu liễu sanh thoát tử, mới cho là công phu minh tâm kiến tánh, mới cho là công phu đại triệt đại ngộ, mới cho là công phu thành Phật làm Tổ. Nói tóm lại, chỉ có công phu tham thiền mới có thể khiến mọi người làm chủ sanh tử. Cảm tạ Phật, Tổ và đại chúng.

112. ĐÀU SÀO TRĂM THUỐC.

Người tham thiền nghĩ thế gian vô thường, quán thân rất khổ, tại sao ở chỗ khổ chịu cái thân khổ này? Thật người tu giống như người đời. Đó là ông khổ, tôi khổ, toàn thân là khổ, cả thế giới là khổ, há chẳng thành cái biển khổ sao! Người ta thường nói “Biển khổ mênh mông, ngày nào dứt. Sanh đến từ đi, bao giờ thôi”. Do đây tức tôi trần hông, dùng mảnh lập chí lớn xuất trần, một chân nhảy ra khỏi cũi lồng phàm phu, xuất gia thọ giới, cầu thầy học đạo, chịu khổ tham thiền ngày đêm không gián đoạn, không rảnh ăn cơm, đâu dám ngủ nghỉ, thu nhiếp thấy nghe, nỗ lực tham thiền, dùng mảnh chẳng màng tất cả, quyết chí muốn thấu tam quan, tế tâm truy cứu cang vi tế đến chỗ vô tâm, sau khi quên vô tâm thì chẳng sanh cái sanh. Cái sanh chẳng sanh, ấy là dụng tâm chân chánh. Chỗ dụng tâm được toàn chân.

“Chân tâm dụng, tuyệt sơ thân,

Chư Phật chẳng thể gần,

Chúng sanh chẳng thể biết,

Tự bước lên quan ai, đến đầu sào trăm thước,

Chưa đến nơi, chớ do dự, trên đường đầu sào nhiều lối rẽ.

Chân trước sinh, chân sau bùn, dù bước khó khăn không thấy mệt,

Bắt đầu đông, dần dần ít, đến chỗ vắng người khó hỏi đường.

Chẳng sợ quỷ, chẳng sợ thần, từng bước từng bước thẳng tiến lên, đường thiền trơn trượt cứ đi mãi,

Qua đất bằng, đến chân núi, chân trái dụng nhằm cạp, chân phải dẫm nhằm rấn.

Núi khó leo, đường khó đi, gai góc rậm rạp tổn thương người,

Đi một bước, giở một chân, tay nắm chẳng kịp thân liền ngã.

Trong bụng đói, mắt rơi lệ, dùng mảnh chạy thẳng lên một mạch, hễ tay buông lỏng mất mạng ngay,

Chân dụng đá, chân dụng mây, nhân ngã chẳng màng còn ai.

Chẳng thấy trời, chẳng thấy người, chư Phật chư Tổ chẳng quan tâm, Bồ Tát cũng khó độ thân ta.

Phóng mắt nhìn, không một trần, hoát nhiên vượt qua lên đường hết lối, leo đến đầu sào cần tiến tới,

Từ chỗ này, tiến một bước, mười phương thể giới hiện toàn thân”.

113. TRÊN BỜ VỰC THÂM BUÔNG TAY.

Người tham thiền cần phải đến chỗ tuyệt đỉnh của thiền. Ước mong sư tăng trong Thiền Tông và tất cả người đời hãy tìm đường tiến lên, chân bước vào cửa mới được khen là bậc cao nhân cái thế. Nếu ở mãi trong trần ai bị bụi đóng khói xông thì chẳng phải là thượng sách của người tham thiền.

Người có chút tri thức nghĩ trần thế như đôi dép rách, tướng danh lợi như bùn dính chân, thế gian là lao ngục, gia đình là gông xiềng, con cái là quỷ đòi nợ, vợ chồng là

kẻ báo thù. Xem kỹ thế gian không có một cái gì là phải, sao chẳng quày đầu tự hỏi lấy mình. Hỏi rằng “Cái gì là ta?” Đáp “Trừ cái đây da thúi này ra, hãy truy vấn thật sâu, hỏi đến miệng ăn cơm mà chưa nhai một hạt gạo, thân mặc áo mà chưa dính một tấc tơ”. Lại xét kỹ thêm, bậc căn khí lớn một bước lên núi, đã đến đánh núi, đều thiết yếu là chớ màng đến mình và người, chẳng nên nhìn các núi ở bốn phía. Cuộc sống trên núi cũng chẳng phải việc của mình huống là việc khác. Theo sự hiểu lầm của người đời, cho “Pháp tham thiền là việc phiền toái, nào là lên núi, nào là đến đánh, nào là khởi nghi, nào là thâm nhập. Sao chẳng một ngày, hai ngày, một khắc làm xong, khỏi bị kéo tới kéo lui, cảm thấy đường như quá khó, khiến cho người nghe sợ mà lại ngán”. Thật là lầm lớn vậy!

Phải biết: Thân ông sẵn có một vị Phật sống, chẳng ở ngoài thân, chẳng ở trong thân, chẳng ở chặng giữa của thân, chưa lìa thân ông một chân, nửa bước. Ông nghĩ có biện pháp nào để thấy được vị Phật sống này? Ông hãy suy xét kỹ lưỡng xem! Nếu chẳng màng đến thì cô phụ tánh linh, chôn mất chính mình, chìm mãi trong lục đạo, không có ngày thoát khổ, có thể nào nhận tâm chẳng màng đến nó chẳng?

Hôm nay đã giảng đến “trên đầu sào tiến thêm một bước”, rất là trọng yếu, tại sao lại đem mấy lời thế tục này nói để làm gì? Chính ngay khi nói, xin hỏi, người đã đến tuyệt đỉnh núi, lên núi không lối, xuống núi không đường, chính là chỗ miệng chẳng thể bàn, tâm chẳng thể nghĩ thì đâu có ngôn thuyết, đâu có tâm tư. Phải biết chỗ cùng tột của Thiền Tông là đường ngôn ngữ dứt, chỗ tâm hành diệt, không thể nghĩ suy. Nay nói “trên bờ vực thăm buông tay” là chẳng phải việc thế gian và xuất thế gian có thể so sánh. Tôi hôm nay giảng đến chỗ này đều chưa nói rõ. Tại sao vậy? Ước mong người đọc chớ hiểu lầm mà trách rằng “Cái cảnh giới của khai ngộ sao chẳng thố lộ ra hết”. E tai hại cho tiền trình của người học, nên tôi y theo người xưa nói “Nếu ta nói trắng ra cho ông nghe, đến khi khai ngộ, ông sẽ mắng ta”. Bởi vậy, tôi chẳng muốn bị thiên hạ mắng.

114. TUYỆT HẬU TÁI TÔ. *(Chết rồi sống lại)*

Người tham thiền, trước tiên học tử thể, rồi học tử thân, lại học tử tâm. Thể có thể chết, thân chẳng thể chết. Thân có thể chết, tâm chẳng thể chết. Phải biết, tử thể tức là chết cái sắc không của thể gian. Tử thân tức là chết cái nghiệp tướng của thân. Tử tâm tức là chết cái mê chương của tâm. Thực ra chẳng phải tử thể vì tử thể thì không còn xứ sở, cũng chẳng phải tử thân vì tử thân thì không còn thể gian, lại chẳng phải tử tâm vì tử tâm thì không còn thân thể.

Từ địa vị phàm phu cho đến kiến tánh thành Phật không có chút kỳ lạ, chỉ là lìa hết tất cả sự tương đối của thể gian như sắc không, sáng tối, lấy bỏ, yêu ghét.... Vậy thân, tâm, thể giới, cả ba đều lìa sạch hết, tịch diệt không còn, luôn cả cái không còn cũng chẳng còn, ấy là đại tử (*tuyệt hậu*), rồi đại hoạt (*sống*) trở lại (*tái tô*). Khi ấy mới có thể chân đại địa, động chư Thiên, mới có thể liễu sanh tử, mới có thể thành Phật, Tổ. Nay khuyên mọi người hãy làm con người này, hãy hành cái việc này, hãy tu cái nhân này, thì quyết định cảm cái quả này.

Hỏi: Người phàm phu chết rồi sống lại được gọi là Thánh nhân, từ đâu hạ thủ công phu? Người thế gian có thể hành thử, nếu hành chẳng đến thì thân người phàm vẫn còn nguyên, nếu hành đến được thì trở thành Thánh nhân, tốt biết bao!

Đáp: Ông ngay chỗ Thân, Tâm, Thể mà hạ thủ công phu, vậy làm sao liễu được thể? Làm sao quên được thân? Làm sao không cái tâm? Những việc này đều là việc nhỏ, dù trình độ thấp kém cũng chẳng cần phí nhiều công phu, chẳng tốn nhiều tiền bạc,

vai chẳng gánh nửa cân, tay chẳng xách bốn lạng, chỉ ôm chặt câu thoại đầu, hôm nay cũng tham, ngày mai cũng tham, năm nay cũng tham, năm tới cũng tham, lâu ngày thuần thực tự có ngày đạt đến mục đích. Điều khẩn yếu là dù sống dù chết cũng chỉ hành pháp này, chẳng hành pháp khác, dù nguy dù vong chỉ một tâm này, chẳng sanh tâm khác. Nơi một tâm một pháp khai ngộ thì chắc chắn sẽ được kiến tánh dễ như ẩm cơm uống nước vậy. Nếu nhiều tâm nhiều pháp thì khó như mò kim dưới đáy biển. Khó dễ đều do mình. Người tuyệt hậu tái tô chân thật, gặp người mắt sáng (*người đã ngộ*) giờ tay hạp chuông, cử chỉ nói nín, cơ phong qua lại đều ăn khớp nhau. Nếu lúc ở trên bờ vực thăm vừa sanh lo nghĩ liền thành người đọa thân tử hán (*thằng chết*), nghĩa là người nửa chết nửa sống. Người này gặp Thiện tri thức ngữ ngôn vẫn đáp thì đồ mặt tía tai, nếu bị hỏi nữa, tâm sanh hoang mang. Học nhân chẳng nên học người này.

115. QUA SƠ QUAN.

Người tham thiền căn khí lớn nhỏ bất đồng. Sức lớn thấu thẳng ba quan, sức nhỏ thấu hai quan, sức nhỏ hơn chỉ thấu Sơ Quan. Để thấu Sơ Quan, thật đã phải chịu biết bao gay go, nếm biết bao gian khổ mới tiến qua quan này. Một phen tiến qua quan này mới biết từ vô lượng kiếp làm thiện tạo ác, sanh tử luân hồi đều là một trường mê mộng. Nay tỉnh lại rồi, rất sanh hổ thẹn, có người buồn vui lẫn lộn, có người rơi lệ khóc to. Từ đây thay đầu đổi mặt chuyên làm công việc bảo nhậm, ba thứ ác nghiệp nơi thân, bốn thứ ác nghiệp nơi khẩu, ba thứ ác nghiệp nơi ý sẽ dần dần tự sạch hết, còn tập khí căn bản sâu nặng cũng sẽ từ từ tẩy sạch. Đối với bốn ác nghiệp khẩu, ba ác nghiệp ý từ xưa đến nay cử tâm tức lầm, động niệm tức trái, sức của Phật Tổ, cũng chẳng thể trừ giúp ta được, Bồ Tát nguyện lớn cũng chẳng thể cứu ta được. Diêm Vương ác lớn cũng chẳng thể diệt giúp ta được. Phật, Tổ nếu trừ được tham sân si cho ta thì cũng trừ được cho người khác, ắt mọi người trong thiên hạ đều được độ hết. Bồ Tát chẳng cứu được ta thì ta làm sao được cứu. Nếu ta được cứu thì người thế gian cũng đều được cứu, vậy cả thầy đều vô ngã, vô ngã rồi thì làm sao có thế gian! Diêm Vương nếu diệt được cho ta thì địa ngục, tam đồ sẽ không có người đến, hạt giống địa ngục cũng không thì còn ai làm Diêm Vương! Tham sân si của tâm là hạt giống của thế giới, hạt giống của pháp giới, hạt giống của lục đạo, hạt giống của cõi u minh. Muôn bứng cây, phải nhổ gốc. Hạt giống là cái gì? Là tâm của chúng ta. Hôm nay tiến vào quan khẩu câu thoại đầu của Tổ sư thiết lập rồi, chẳng những tiến vào quan mà ở ngoài quan này nghỉ ngơi cũng được vô cùng thọ dụng. Sao vậy? Vì thân nghiệp bất tịnh, khẩu nghiệp bất tịnh, ý nghiệp bất tịnh đâu thể đạt đến biên giới của Sơ Quan. Người nào có thể nói ra một câu chuyển ngữ (*lời nói vô sở trụ*) thì đã qua Sơ Quan, cũng gọi là chứng ngộ. Người chưa chứng ngộ cần phải ba nghiệp trong sạch, rồi mới nói đến việc tiến vào Sơ Quan. Đến đây thì thành Phật chẳng xa. Chỗ tôi giảng đây đều là trình tự công phu, chứ chẳng phải chỗ thấy. Chỗ thấy, người đến tự biết, chẳng cần tôi giảng. Tôi giảng thành quấy.

116. PHÁ TRỪNG QUAN.

Người tham thiền cần phải nỗ lực tham, đừng có một chút do dự, vì do dự ắt ngừng nghỉ khó tiến. Người đã qua Sơ Quan thấy đến việc dưới cửa Tổ sư, biết được cái tâm độ thế của Tổ sư. Dù ở trong cửa mà lần quần ở góc điện. Người chưa nhập vào chỗ sâu kín trong nhà thì có tình hình như thế. Có người còn chưa thấy đến tim phổi của Tổ sư, chỗ sâu kín bên trong, vì thế sau khi ngộ lại phải nghi nữa, là ý này vậy. Người xưa nói “Trước khi chưa ngộ như mất cha nẹ, sau khi đại ngộ lại như mất mẹ cha”.

Đây là sau khi phá Sơ Quan lại khởi nghi tình mạnh mẽ cầu tiến lên. Sau khi ngộ, dụng công có hai con đường: Một con đường vẫn y theo đường cũ tiến tới tức là con đường dụng công ban đầu. Đây là công phu của bậc đại nhân. Nếu sau khi ngộ tu hành, chỉ là tu mà vô tu, vô tu mà tu, có thể gọi là công phu bảo nhậm. Đây là kiến địa chẳng trụ mà trụ. Nếu cầu chân trụ cần phải chân hành, đến chỗ phải tiến qua một lớp cửa nữa, chân hành chẳng hành, chân trụ chẳng trụ, đến đây cái quan ải của Tổ sư thiết lập không ngăn trở được. Cái đại nghi sau khi đại ngộ so với người sơ học còn mãnh liệt hơn, vì chẳng cầu ngộ, chẳng cầu mê, chẳng thành Phật, chẳng độ chúng sanh, tâm tham, ý cũng tham, thức cũng tham, thể cũng tham, thân cũng tham, tình tán cũng tham, biếng nhác cũng tham, có giới cũng tham, không giới cũng tham, định cũng tham, loạn cũng tham, ngu cũng tham, trí cũng tham, hôn trầm cũng tham, vọng cũng tham, mê cũng tham, tỉnh cũng tham, đây gọi là đại tham sau khi ngộ. Đại tham tức là trùng nghi (*ngộ rồi nghi lại*) vậy. Có công phu trùng nghi chắc chắn sẽ phá Trùng Quan. Người tiêu căn mặc dù sanh tử có thể liễu, luân hồi có thể ngừng, đây chỉ là nửa đường mà họ chẳng chịu tự bỏ để tiến lên, vì chẳng tự bỏ tức là có sở trụ rồi. Phải dũng mãnh tiến lên đến chỗ chẳng nghi thì Trùng Quan thật chẳng còn xa. Đợi khi công phu miên mật, người và pháp đều quên, phàm thánh chẳng khác, dần dần thấu qua Trùng Quan.

Ba quan của Thiền Tông chỉ nói chỗ hành, chẳng nói chỗ thấy. Chỗ thấy như người uống nước lạnh nóng tự biết. Chẳng phải tôi không nói, chớ nghi tôi không lời, mọi người đến đây rồi tự biết.

117. THẤU LAO QUAN.

Người tham thiền sau khi phá Trùng Quan, cần nhất không nên lìa công phu bước đầu. Như người dùng chân đi đường, chẳng phải tàu thủy, chẳng phải xe lửa, thí dụ dùng chân đi đến địa phận Trấn Giang dự cho phá Sơ Quan. Người sức nhỏ dừng lại lưu luyến mấy ngày hoặc trụ luôn ở đó. Đây là chỗ hành của người qua Sơ Quan. Người sức lớn biết chỗ này chẳng phải là tin tức đến nhà liền bỏ đi, trên đường không có gai góc sỏi đá, đại lộ bằng phẳng, dự cho sau khi phá Sơ Quan không còn chút trở ngại, vung tay đi thẳng, lại đến Nam Kinh (*Trùng Quan*) phạm vi rộng lớn hơn, nhãn giới mở mang, đa số người muốn trụ ở đây. Suy nghĩ thêm nữa, phía trước còn có đường đi nên tiếp tục tiến tới, càng đi càng thấy thù thắng hơn. Phật pháp vốn chỉ một thừa, phương tiện mà nói thành ba. Thiền Tông vốn một pháp ngộ, vì con người căn khí có lớn nhỏ, nên phương tiện nói có ba quan. Nhưng ba quan này có người sơ tham dừng mãi truy cứu thẳng phá Lao Quan. Có người sơ tham thẳng phá Trùng Quan, về sau chịu khổ tu hành lâu ngày cũng phá Lao Quan. Lại có người sơ tham hạnh chẳng tinh nhuệ, sức chẳng dũng mãnh, song cũng ráng sức qua Sơ Quan. Người sức lớn như voi qua sông, chân đạp đến đáy. Người sức trung bình như nai qua sông, chân ở giữa chừng. Người sức nhỏ như thỏ qua sông, nổi trên mặt nước. Giả sử đều là bậc thượng căn tham thiền thì cùng nhau đến Mạt Hậu Lao Quan, đồng thời đập vỡ, ra khỏi Lao Quan. Tình trạng sau khi ra khỏi Lao Quan dù tất cả kinh giáo của chư Phật, ngữ lục của Tổ sư, sự nghiệp độ sanh của Bồ Tát, pháp giới, hư không giới, thật tế giới, Chân Như giới, Niết Bàn giới, bất cứ cảnh giới Phật Thánh nào, đều nhất thời siêu việt. Ví như tất cả chư Phật và chúng sanh chưa ra ngoài hư không một bước, Lao Quan chính là ở ngoài hư không. Ra khỏi hư không tức là ra khỏi Lao Quan, nếu lầy hư không dự cho Lao Quan, vậy ai là người ra được cái Quan này? Chỉ có người tham thiền mới chẳng nhọc nửa bước mà chắc chắn ra được cái Quan này.

Người đọc hỏi: Nghĩa chánh sao chưa nói rõ?

Đáp: Chẳng phải vậy. Nghĩa chánh của một quan còn chưa nói, huống là ba quan ư!

118. BUÔNG KHÔNG XUỐNG.

Người tham thiền đối với thế giới thân tâm buông không xuống. Thân ở trong Tông Lâm mà tâm ở ngoài thế gian. Tu không lợi ích, không chút tiến bộ, phải biết là do tâm bị nghiệp thức nhốt chặt, thức bị ý mê hoặc nhốt chặt, ý bị tướng trần nhốt chặt, tướng bị thân thể nhốt chặt, thân bị gia đình nhốt chặt, gia đình bị sơn hà nhốt chặt, sơn hà bị đại địa nhốt chặt, đại địa bị hư không nhốt chặt, hư không bị vô minh nhốt chặt, vô minh bị bất giác nhốt chặt, bất giác bị chúng sanh nhốt chặt, chúng sanh bị mê luân (*bánh xe mê lầm*) nhốt chặt.

Cái quan ải lớn của mê luân này từ xưa đến nay chẳng biết đã nhốt biết bao nhiêu hữu tình vô tình như thiên địa, nhật nguyệt, người và phi người, nhà cửa, cây cối, cầm thú, nam nữ.... Quá khứ đã nhốt trải qua vô lượng kiếp, rồi hiện tại cho đến vị lai cùng tột vô lượng kiếp chẳng biết nhốt đến khi nào mới thôi. Than ôi, đau đớn thay! Xem đi xét lại đều do ba chữ Buông Không Xuống mà ra, làm cho hồ đồ hỗn loạn. Nếu thức buông xuống suy lường, thân buông xuống vọng tưởng, hư không buông xuống đại địa, gạch ngói buông xuống đất sinh, như thế, thức buông suy lường rồi thì tâm bất khả đắc, thân buông vọng tưởng rồi thì thân bất khả đắc, hư không buông đại địa rồi thì thế gian bất khả đắc, vậy ba thứ thân, tâm, thế hoàn toàn buông xuống thì muốn tìm một chúng sanh cũng không ra. Phải biết ba chữ Buông Không Xuống bản lãnh rất lớn. Nó khiến "bất giác" thành chúng sanh, khiến vọng tưởng thành thân thể, khiến hư không thành đại địa, khiến thân xác nằm núi hoang, khiến đầu xanh thành đầu trắng, khiến đi bị ngồi, khiến chạy bị ngưng, ấy đều là sức lớn của mê luân. Nếu ta muốn có đủ sức làm cho cái mê luân được ngộ thì phải tìm ra một phương pháp buông xuống được. Phương pháp đó tức là pháp tham thiền. Hãy mau mau ôm chặt câu thoại đầu tham mãi, dầu cho phải chịu khổ năm ba mươi năm cũng phải đập vỡ cái mê luân này mới được đến chỗ thôi nghỉ của việc tham thiền. Nay tôi dặn thêm một lời "Thôi nghỉ thì được, chỗ thôi nghỉ thì chẳng thể được".

119. KHAI TÔNG LÂM.

Người tham thiền sau khi ngộ rồi, tự lợi đã xong ắt phải độ người. Cái pháp độ người lợi nhất, lớn nhất chẳng bằng mở Tông Lâm dựng đạo tràng. Phật ra đời cứu thế, sáng lập rừng Cấp Cô Độc, Thiên Đà La, núi Kỳ Xà Quật, Linh Thứu Sơn. Chư Tổ đời sau thì sáng lập đại tông lâm để cho mười phương chúng sanh có chỗ yên tâm tu tập. Chỗ này là chỗ của tất cả hiền thánh huân tập, có Long Thiên, thần Già Lam hộ trì, dung nạp nhiều chúng, rộng độ nhiều người, quy củ trang nghiêm, so với các pháp môn khác không gì sánh bằng. Chư Phật chư Tổ đã như thế, ta cũng như thế, đây chính là thay Phật tuyên dương, giúp Phật hoằng hóa.

Muốn sáng lập Tông Lâm ắt phải y theo cổ pháp. Cổ pháp có hai:

Một là chánh pháp trụ lâu ở thế gian, chỗ hoằng pháp độ sanh đều là Tông Lâm. Hai là sau đời Đường Trung Quốc, Mã Tổ khai Tông Lâm, Bá Trượng thiết lập Thanh Quy như lò rèn lớn, như lò đúc tượng đúc ra tượng Phật, đúc ra tượng Tổ. Nếu người trụ trì giữ đúng pháp Tông Lâm thì tất cả chúng giữ quy củ. Trong Tông Lâm, trụ trì tham thiền thì tất cả chúng đều tham thiền, trụ trì phạm pháp thì tất cả chúng phạm quy củ. Vậy muốn sáng lập Tông Lâm việc trọng yếu nhất trước tiên là phải được nơi chốn thích hợp, kế phải được người thích hợp, có được cả hai mới thành tựu cơ sở để hoằng pháp. Muốn hoằng đại pháp phải nhờ đại nhân, có đại nhân hoằng đại pháp mới được gọi là cơ sở hoằng đại pháp. Thế nào là đại pháp? Nay các ông hãy tận sức suy

nghĩ thử xem cái nào là đại cái nào là đại pháp. Hãy suy đi xét lại thì mới biết cái đại của thế gian chẳng qua nơi tâm. Tâm trùm khắp hư không, bao hàm đại địa. Tâm đại chẳng bằng pháp đại của đại tâm, ấy là cái đại pháp bậc nhất, đại pháp này chính là tham thiền. Có đất lập Tông Lâm đề cho người tham thiền ở, hành cái pháp tham thiền mới cho là bậc đại nhân ở đại Tông Lâm hoàng hóa đại pháp. Nếu sáng lập được Tông Lâm khắp đại địa cho mọi người an cư, phổ biến học đại pháp, ấy mới là chân khai sáng Tông Lâm, là chơn trụ trì Tông Lâm, là chơn hoàng đại pháp tham thiền. Nguyên tăng hành như thế, tục cũng hành như thế mới không cô phụ lòng ta.

120. CHÁNH PHÁP TRỤ LÂU.

Người tham thiền nên nghĩ pháp đã cứu ta vậy phải làm sao cho pháp cứu được người. Dùng cái pháp cứu ta để cứu người mới không cô phụ người lập pháp, cũng không trái ý của đại pháp. Pháp lợi người này chẳng phải pháp thế gian có thể sánh bằng. Tại sao? Vì học pháp thế gian thì thành thế gian. Pháp này chẳng những thành thế gian còn muốn độ thế gian. Làm sao độ thế gian? Phải biết mọi người có tâm, mọi người có pháp.

Hỏi rằng: Không biết ta có tâm gì, có pháp nào?

Đáp: Người có đi đường chẳng, nói chuyện, ăn cơm, giao thiệp chẳng?

Người hỏi nói: Những việc này ta thường làm đâu thể nói là tâm pháp.

Đáp: Lúc người ngủ tại sao không làm, lúc chết tại sao không làm, ngủ cũng có ta, khi chết cái thân ở trên đất cũng còn ta, tại sao không nói chuyện, không đi đường....

Người hỏi vừa nghe lời này con mắt ngơ ngác không thể hỏi nữa. Thật rất đáng thương xót, ấy là ứng dụng hằng ngày mà chẳng tự biết vậy. Người khắp thế gian chỉ biết có ta, chẳng biết có tâm nên cứ luân hồi mãi trong tứ sanh lục đạo.

Phật ra đời vì cái khổ của chúng sanh chẳng liễu tự tâm nên lập đại pháp để cứu tâm người. Đại pháp dù có ở Tông Lâm, nhưng muốn trụ lâu dài thì phải trụ trong tâm của người tham thiền. Cái tâm tham thiền tức là đại pháp. Một người tham thiền thì đại pháp trụ trong tâm một người, mười người tham thiền thì đại pháp trụ trong tâm mười người, người khắp thế giới tham thiền thì đại pháp trụ trong tâm người khắp thế giới, pháp đồng như tâm, tâm đồng như pháp, người ắt có tâm, tâm ắt có pháp. Nếu người vô tâm thì không có pháp này.

Hôm nay mới được phát minh chỗ chánh pháp được trụ lâu. Tại sao? Cái lâu nhất của thế gian chẳng bằng cái tâm lâu của con người, cái chánh nhất của thế gian chẳng bằng cái pháp chánh của con người, thế gian có thể hoại, tâm người chẳng thể hoại, pháp cũng như thế, thế gian có thể không, tâm người chẳng thể không, pháp cũng như thế, nên muốn chánh pháp trụ lâu cần phải có đất để trụ lâu, đất đó tức là tâm địa của con người vậy. Người hoàng dương đại pháp cần phải tự xét.

Người tu hành nên trừ sạch tập khí thiện ác của tự thân, tẩy sạch cấu bần chơn vọng của tự tâm, tướng đi hình dạng như thần, tướng đứng như cây cột trụ, ngồi như chuông, nằm như cung, mới là có tướng tốt hoàng đại pháp.

Tham Thiên Phổ Thuyết – Quyền Hạ

Thiền Sư Lai Quả

Viết Dịch: HT Thích Duy Lực

Đức Phật ngộ đạo ở Tuyết Sơn xong, Ngài khai diễn chân kinh của ngũ thời bát giáo Tổ Ca Diếp kế thừa được truyền tâm ở núi Linh Thứu để ấn định tông thể của 28 vị Tổ Ấn Độ, 6 vị Tổ Trung Hoa. Tổ Đạt Ma ở Thiếu Lâm phó pháp cho Nhị Tổ, Lục Tổ Đại Giác ở Tào Khê ngưng truyền y. Các Tổ nối nhau ứng hóa đều và vâng lời dạy của Phật “Tự hành hóa tha” được coi là chánh hạnh.

Mừng thay! Đức Như Lai là giáo chủ của trời người, là cha lành của bốn loại, là đại sư của ba cõi, cũng như quốc chủ là vị vua trị nước, trị dân, thì Đức Phật là vị chủ cứu người, cứu tâm.

Có người gặp hoàn cảnh lôi cuốn thân làm điều ác, ta phải mau tìm cách khuyên can điều dắt họ cái tà qui chánh. Có người tâm bị nhiễm điều ác, ta phải gấp dùng đạo “Phản vọng quy chân” cứu giúp họ. Đây là Phật dạy Tăng Sĩ phải làm hết thiên chức độ người.

Cứu thế chẳng gì bằng cứu người. Cứu người, chẳng gì bằng cứu tâm. Pháp cứu tâm là đại pháp căn bản như rút củi dưới đáy nồi. Sao vậy? Thế giới thiện do người thiện. Người thiện do tâm thiện. Tâm thiện thì xưa nay cho đến đời sau, chỗ này nơi khác được gọi là thế giới thiện khắp cả mười phương. Vậy cái thiện của thế giới chỉ thẳng vào tâm thiện. Tâm này tuy thiện mà thật ra chưa tận thiện. Vì sao? Vì tâm là bồn nghiệp của hư không, đại địa, tâm là trung tâm của thiên đường, địa ngục, tâm là chỗ vui của phú quý công danh, tâm là chỗ lo của nghèo cùng hèn hạ. Tâm thiện thì cảm trụ ở chỗ thiện, tâm ác thì cảm sanh ở chỗ ác. Do đây mà qua lại không ngừng trong hai đường thiện ác. Người đời nhận lầm tâm là ta cho nên bị mê luân hồi, không biết đường trở lại. Sự lầm lẫn lớn lao như thế là lỗi tại tâm.

Có người hỏi: Hằng ngày chúng ta lấy gì làm tâm thiện, lấy gì làm tâm ác?

Đáp: Thân làm việc sát sanh, trộm cắp, tà dâm, miệng nói lời thêu dệt, nói lời dối trá, nói lời chia rẽ, nói lời ác độc, ý khởi tham, sân, si là tâm ác. Trái với đây là tâm thiện.

Nay còn nói tâm thiện, tâm ác, phải chăng cũng là chưa đúng. Xin những người sáng suốt đừng chỉ khối thịt trong lòng ngực là tâm, cũng đừng cho kiến văn giác tri là tâm, cũng đừng cho mừng giận buồn vui là tâm, cũng đừng cho hiền ngu lợi độn là tâm. Những tâm này đều chẳng phải tâm. Nếu cho những tâm này là tâm, thì có hư không đại địa, các thứ chỗ nơi, ấy là đất cắm dùi của chúng ta vậy. Người muốn chẳng bị tâm mê, chẳng bị thế gian chuyển, chẳng kẹt vào các cảnh, muốn biết tâm tính, đạt bản nguyên, thì trước tiên mỗi người phải kính Phật giáo, phải tin Sư Tăng vì Phật giáo là pháp cứu tâm, Sư Tăng là người chỉ tâm. Chẳng những tự mình tin Tam Bảo mà còn khuyên mọi người cung kính Tam Bảo. Tuy biết tâm tin Tam Bảo là sơ tâm của

thành Phật, nhưng người tin Tam Bảo là người thiện của học Phật. Mở rộng ra đến toàn thế giới, cả thế giới có người này, cả thế giới có tâm này mới là công phu bước đầu của niềm tin.

Đã tin tâm rồi, còn phải tìm cách truy cứu tâm ấy là con đường tắt “Phản vọng quy chân” vọng đã có thể phản được thì tà đâu còn, chân có chỗ quy về thì hẳn là chánh vậy. Thế nên biết công của Phật giáo. Đức của Sư Tăng dẫn cho có nói đến muôn đời cũng không hết được.

Thế gian có cứu được chìm đắm, yên được sóng gió, chánh nhân tâm bồi đạo đức đẹp thế giới, vui nhân dân, chính là do đạo này vậy.

Quý vị hãy bình tâm tự hỏi: Tam Bảo trụ ở thế gian có công hay có tội? Nếu Tam Bảo hại thế gian thì làm sao Tam Bảo còn tồn tại đến ngày nay. Nếu Tam Bảo lợi thế gian thì phải nên tôn Tam Bảo lên cao, Tam Bảo là y vương của thế gian, Tam Bảo là người hướng dẫn nhân dân, Tam Bảo là thuyền bè quý báu trong biển khổ, Tam Bảo là ngọn đèn sáng lớn trong đêm đen, Tam Bảo là con mắt của nhân dân, Tam Bảo là phước điền của thế giới. Tam Bảo trọng yếu như thế đó, há chẳng bỏ gia tài to tát như Tạ Thái Phó biến nhà thành chùa Thiên Ninh ở Dương Châu, Vương An Thạch đổi nhà thành chùa Hương Lâm ở Nam Kinh để làm cơ sở hoàng pháp lợi sanh ư! Tôi ước mong mọi người đều noi theo gương ấy.

Người được thấy một hình tượng Phật, nghe một danh hiệu Phật đều vun trồng hạt giống Phật nhiều đời. Có người thấy chùa hư mà tu bổ, có người nghe tiếng khổ mà cứu giúp, đây cũng đều là hạt giống chân thật để thành Phật. Trái lại cũng có người không biết nhân quả lợi hại, người hung dữ không kể đạo đức chẳng kính Phật lại khinh Phật chẳng tin Tăng lại chê Tăng thậm chí phá chùa đuổi Tăng, họ vun trồng hạt giống chìm đắm đọa lạc. Những việc như thế đâu khỏi tự làm tự chịu.

Phải biết, cha mẹ có thể ngộ nghịch, chứ Phật giáo chẳng thể hủy báng, anh em có thể nhục mạ chứ Sư Tăng không thể khinh khi, bỏ điều này thì mê gốc theo ngọn, bỏ thiện theo ác, chẳng những nhân tâm đi xuống mà e rằng bản thân cũng bị luân hồi trải qua nhiều kiếp.

LAI QUẢ tôi chẳng nỡ nhìn thấy nhân tâm chìm đắm, Tam Bảo suy vi nên đem THAM THIỀN CỨU TÂM PHỔ THUYẾT để khai thị đương cơ, ước mong người thấy liền chuyển đổi tâm niệm, người nghe liền quày đầu, để khiến cho cái nhân không cứu nhất định cảm nên cái quả thành Phật. Xin đừng vì người mà bỏ lời là hân hạnh lắm vậy.

1. THAM THIỀN

Pháp tham thiền này chẳng phải pháp thế gian, xuất thế gian có thể so sánh được. Đây là tông chỉ bất lập văn tự. Trực chỉ nhân tâm kiến tánh thành Phật của “Tổ Đạt Ma, là đốn pháp truyền ngoài giáo điển, Tam thân, Tứ trí, Thập địa, Tam thừa tất cả kinh Phật lời Tổ, hữu tình, vô tình đều bị thiền ấy gồm hết.

Chư Phật Đại Giác, chúng sanh bất giác, Thiền này ở sau bất giác, ở giữa vô minh. Người đại lực lượng tham thấu thiền này thì trên tỏ rõ Chư Phật bốn giác, dưới thông cả tam tế, lục thô. Đây gọi là hướng thượng quay đầu, cũng gọi là tối thượng thượng thừa thiền, còn gọi là xuất thế gian thiền, cũng gọi là thượng diệu thâm thiền, cũng gọi là Tổ Sư Thiền. Người tham được thiền này trải qua 42 vị, 10 đại của pháp thân đại sĩ, và 55 vị chân Bồ Đề Lộ, 37 phẩm trợ đạo v.v... Các pháp tiệm thứ đều nhất siêu trực nhập liền ở trên tất cả pháp môn. Bởi vì dùng niệm phàm phu ngộ tâm chư Phật nên thật là pháp môn bất nhị.

Ngoài thiền này ra còn có các loại thiền khác như: Sơ thiền chứng ly - sanh hỷ - lạc địa gọi là sơ thiền thiên. Nhị thiền chứng định sanh hỷ lạc địa gọi là nhị thiền thiên. Tam thiền chứng ly hỷ diệu lạc địa gọi là tam thiền thiên. Tứ thiền chứng xả niệm thanh tịnh địa gọi là tứ thiền thiên. Tứ thiền thiên trở lên tu không xứ định, chứng không xứ thiên, tu thức xứ định, chứng thức xứ thiên, tu vô sở hữu xứ định chứng vô sở hữu xứ thiên, tu phi phi tưởng định chứng phi tưởng phi phi tưởng thiên, đây gọi là tứ định. Trước tứ thiền gồm tứ định, cho nên gọi là tứ thiền bát định.

Từ nhân gian đến Tha hóa thiên, gọi là dục giới thiên. Từ phạm chúng thiên đến sắc cứu cánh thiên gọi là sắc giới thiên. Từ không xứ thiên đến phi phi tưởng xứ thiên gọi là vô sắc giới thiên. Người trong tam giới cùng một sanh tử, đồng một khổ luân. Có vị trời Đế Thích ở dục giới thiên bị cái khổ đầu thai vào bụng lừa. Có Tỳ Kheo Vô Văn ở sắc giới thiên bị cái khổ đọa địa ngục A tỳ. Có ông Uất Đầu Lam Phát ở vô sắc giới thiên bị cái khổ đọa làm thân con trùng trên cổ con trâu. Do đó, đủ biết tam giới không an, khác chi nhà lửa.

Tóm lại, tham thiền tông môn thì thành Phật cùng chúng vô sanh, tu thiền thế gian thì sanh lên trời đồng chúng hữu sanh. Còn các thứ thiền khác của ngoại đạo không thể kể hết. Điều trọng yếu nhất là người hành đạo phải cẩn thận đường lối tu hành giải thoát đúng đắn.

2. CỨU TÂM

Tâm tại sao nói cứu? Bởi do hằng ngày chúng ta chỉ biết có thân, chẳng biết có tâm, luôn luôn nói tâm tức là thân, thân tức là tâm, nhận lầm thân tâm là một. Lại chẳng biết có chân tâm, vọng tâm, cho nên bất cứ ở đâu cũng dám quên tánh mạng để bắt tâm làm cho thân được thể diện, được cao sang, muốn cho thân được thích ý, chỗ nào cũng nói thân là ta. Trái lại chẳng biết là đang đem cái tâm Phật đời đời kiếp kiếp chẳng lìa ta vùi vào trong khối thịt của thân, cái tâm đáng thương của ta từ lâu rồi chẳng được nhận biết diện mục của nó như thế nào? Là vật gì? Thật đáng thông hận biết bao!

Sao chẳng nghĩ cứu cánh là người nào gánh dùm ông một khối thịt nặng mấy chục ký lô đi đứng ngồi nằm, làm việc này, làm việc nọ, thích ý thì để tâm hoan hỷ hiện lên mặt, không vừa lòng thì để tâm buồn giận ở trong bụng. Bận rộn hết ngày đến đêm, hết đêm đến ngày, chỉ lo bận rộn mà chưa từng quày đầu lại xem là ai bận rộn? Thậm chí muốn để cho tâm nghỉ một chút cũng không được. Thân có bệnh, tâm lo tìm thầy thuốc. Thân có tội, tâm tìm cách cứu chữa giải thoát. Thân

có vinh diệu, tâm mừng rỡ thích thú. Thân sắp chết, tâm lo tìm nơi chôn, chỗ thiêu, lo sắp đặt việc nhà. Lúc thân còn sống thì cứ lo thân ta là ta, chưa có phút giây nào cho tâm là ta. Chết đi xuống âm ty Diêm Vương không cần cái thân nữa, mà cần tâm. Nói tắt cả nghiệp là do tâm tạo, chứ không dính líu tới thân. Nghe nói như thế càng thêm uất hận, nào dè đến bây giờ mới biết tâm ta bị cái thân lừa gạt. Thân kia lừa tâm ta rồi hoặc đem chôn thành đất, hoặc đem thiêu thành tro. Thân làm đủ thứ chuyện khiến cho hôm nay ta bị đọa địa ngục đau khổ khôn kể xiết. Hối hận buổi đầu sao chẳng tự lo, sao chẳng biết quý, để đến bây giờ làm sao khỏi lên thiên đường xuống địa ngục, vào thai lừa, bụng ngựa, ngựa quý, súc sanh?

Suy nghĩ kỹ, thân người còn do tâm ta tạo, thì các thứ thân khác của tứ sanh lục đạo chẳng lẽ lừa được tâm ta sao? Tâm ta đã bị thân người và thân của loài chẳng phải người (*phi nhân*) gạt rồi lại gạt, gạt mãi đến bao giờ mới thôi. Thương thay! Tôi chỉ thành cầu xin chư Đại Đức hãy cứu tâm.

3. KHÔNG HIỂU

Không hiểu là câu nói quen miệng của người tham Tổ Sư Thiền. Tất cả những pháp có tướng của thế giới này, đưa ra một việc gì ban đầu không hiểu rồi từ từ cũng có thể hiểu. Vì có tướng để thấy, thấy thì có thể biết, chỗ không hiểu lâu ngày có thể hiểu.

Như Tông Môn hỏi: Con chó có Phật tánh hay không?

Hỏi:

- Cây bách trước sân có thể là Phật pháp chăng?
- Cục cục khô là ý Tổ sư từ Ấn Độ sang chăng?
- Trên đầu trăm cỏ là Tổ Sư Thiền chăng?
- Vạn pháp quy về một, một quy về chỗ nào?
- Trước khi cha mẹ chưa sanh, cái gì là bồn lai diện mục của ta? Hiểu chăng?

Các công án của Cổ Đức hỏi ông hiểu chăng? Nếu thật không hiểu, cũng không đáng trách. Trước không hiểu thế pháp, kẻ không hiểu Phật pháp khiến cho tháo mồ hôi lưng không còn cách nào mở miệng, thật đáng hổ thẹn.

Lại hỏi: Hiện bây giờ đi đường là ai? Ăn cơm là ai? Nếu hiểu được thì đâu cứng họng như đứa ngốc.

Lại hỏi: Nói chuyện là ai? Bật cười là ai? Hỏi đến con mắt trợn dọc. Lại hỏi nữa: muốn giữ thể diện là ai? Có bản lãnh là ai? Thật ra rõ ràng là ta không dám thừa nhận là ta. Khó quá!

Mấy câu trên tại sao không hiểu, tức muốn chết đi!

Lại hỏi: thấy yêu sanh mừng là ai? thấy ghét sanh giận là ai? Càng thêm không hiểu. Tức lắm!

Lại đặc biệt chỉ ra, trong hàng ngày mỗi người cử chỉ động tịnh, vận chuyển làm việc, nói nín, hôn trầm, tán loạn, ngay lúc một mình nó lộ bày chính là lúc nhận lấy tự kỷ, tại sao lại dùng hai chữ không hiểu để đáp tôi. Lạ thật! Mầu nhiệm chẳng thể nói vậy.

Lại muốn cho người hiểu sâu đại pháp, mọi người đang niệm Phật hãy ngưng niệm một chút, cho tôi hỏi một câu: “Câu Phật vừa niệm đó là ai niệm?” Lại hỏi nữa: “Cứu cánh là người nào niệm Phật?” Tiếp tục hỏi nữa: “Đáo đê là người nào niệm Phật?” Chẳng lẽ người khác thể ông niệm Phật! Thật lạ quá! Rõ ràng niệm Phật, rõ ràng chẳng biết ai niệm, thật làm cho người ta không hiểu lại càng không hiểu. Nếu biết mà không hiểu thì không cần phải nói. Nếu không biết mà không hiểu thì quyết định phải truy vấn đến thật hiểu mới thôi.

4. BUÔNG BỎ ĐƯỢC

Người tham thiền cần nhất phải buông bỏ cho được thì mới có thiền để tham, có tâm để dụng. Việc thế gian buông bỏ được thì cứ mặc cho tiền để dành của ta lúc còn ở thế tục bị người ta gạt lấy, mặc cho ruộng của ta bị người ta chiếm, nhà của ta bị người ta phá, vợ ta đi theo người khác, con cái đi theo người ta. Nghĩ rằng bỏ hết càng tốt, như thế không có chuyện gì dính líu tới ta. Người xưa nói: “Xuất gia không nhà, động tướng loạn không mê”. Nếu thật buông bỏ được thì mới thấy rõ thế giới tất cả đều không, không có một cái gì thật cả.

Nay ta được may mắn, được ly trần thoát tục, lấy đạo niệm làm gia đình, lấy tham thiền làm sự nghiệp, chẳng những việc thế gian chẳng chuyển được ta, mà ta có khả năng chuyển được thế gian. Một ngày nào đó, phát minh đại sự còn có thể đem Phật giáo hóa độ thế gian. Đây là buông bỏ được việc thế gian vậy.

Tuy vậy, còn cần phải lập chí xuất cách dự phòng niệm thế tục nổi dậy trở lại. Bất cứ lúc nào, nếu có móng khởi niệm thế tục mà buông bỏ không được, thì phải cắn chặt hàm răng, đập đầu vào cột, tự đánh mình một trận như tử, để cho cái niệm thế tục bỗng dung nổi dậy ấy tiêu tan. Mau đến trước Phật đốt hương phát nguyện “Thà chết chứ không bao giờ trở lại thế tục”.

Nguyện này cần phải nhớ mãi, nếu có giây phút nào quên thì thật đáng hổ thẹn. Vừa rồi tham thiền, niệm thế tục liền nổi dậy, vì thế nên biết tham thiền là đại pháp của ta bỏ thế tục để thành Phật. Dù cho tan xương nát thịt cũng chưa báo đền được cái ân của pháp này trong muôn một. Đây là buông bỏ được niệm thế tục.

Buông bỏ được thân, là phải biết thân này do tứ đại hợp thành, từ tinh huyết cha mẹ cấu tạo. Người ta thường yêu quý thân như vật báu, mà không biết thân này hôi thúi chịu không nổi, bất cứ vật hôi thúi nào ở thế gian cũng không hôi thúi bằng thân. Chín lỗ thường chảy ra đồ nhơ, toàn thân là nguồn hôi thúi. Thật đáng chán ghét, làm sao yêu cho nổi. Ngày nay đã nhờ cái đẩy da hôi thúi này để hành Phật đạo chính là mượn giả tu chân, sao không làm như vậy

Điều thiết yếu nhất, trụ Tông Lâm là thượng sách. Trụ Tông Lâm là hạnh đầu đà thứ nhất, chấp sự cắt bỏ tập khí cho ta, ban thủ chỉ chỗ sai lầm cho ta. Có hương bản đánh vào thân, ta phải dập đầu cảm tạ. Có tiếng quát điếc lỗ tai chính là khai mở trí tuệ cho ta. Muốn được mau tiêu nghiệp thử bỏ cầu nhiễm phiền não sâu, tự nguyện thỉnh chấp sự ban bố cho nhiều đánh mắng. Đó chính là tự mình không đủ sức dứt trừ tập khí, phải nhờ người khác giúp cho. Những ức hiếp nơi thân như thế khiến cho thân hành pháp khí xin đừng hiểu lầm, hiểu lầm thì tội lỗi lớn lắm! Sao vậy? Người trợ giúp ta thành đạo đáng lẽ phải cảm ơn người, trái lại còn oán trách người, thì thật là ngu lắm! Do đó cần phải sửa lại lỗi trước, thống thiết tự trách lấy mình, giữ đúng quy củ, cẩn thận hành đạo mới khỏi được cái lỗi này.

Lại nghĩ rằng: Ở Tông Lâm hành đạo một ngày còn hơn ở núi mười năm, cho nên người xưa thường nói “Thà ở Tông Lâm ngủ, chớ ở trong núi sâu hành đạo”. Tuy nhiên như vậy, còn cần phải vận duyên buông bỏ mới được.

5. BUÔNG CHẴNG ĐƯỢC

Người tham thiền buông thể giới, thân, tâm chẳng được, người ở trong thất mà tâm ở ngoài đời chỉ tăng thêm sự tẻ lậu, không tiến được chút nào!

Phải biết tâm bị nghiệp thức nhốt chặt, thức bị ý hoặc nhốt chặt, ý bị tướng trần nhốt chặt, tướng bị thân thể nhốt chặt. Thân bị gia đình nhốt chặt. Gia đình bị núi sông nhốt chặt. Núi sông bị đại địa nhốt chặt. Đại địa bị hư không nhốt chặt. Hư không bị vô minh nhốt chặt. Vô minh bị bất giác nhốt chặt. Bất giác bị chúng sanh nhốt chặt. Chúng sanh bị cái vòng mê nhốt chặt. Cái vòng mê này là một cái cửa lớn từ xưa đến nay chẳng biết đã nhốt chặt bao nhiêu là trái đất, nhật nguyệt, người cùng loài chẳng phải người (*phi nhân*), đại không thái không, sỏi đá ngói gạch, rau xanh, củ cải, cục bùn, khúc gỗ, con rùa, con tép, nam nữ cõi trời v.v... Nó nhốt chặt ở quá khứ vô lượng kiếp nhốt chặt ở hiện tại vô lượng kiếp, lại nhốt chặt ở vị lai vô lượng kiếp. Tận đến thuở vị lai, chẳng biết còn nhốt chặt đến lúc nào mới thôi. Buồn thay!

Song xét kỹ đều do ba chữ BUÔNG CHẴNG ĐƯỢC mà ra khiến cho đen tối mịt mù ngu si không biết gì hết. Tại sao thế? Thức buông bỏ được suy lường, thân buông bỏ được vọng tưởng, hư không buông bỏ được đại địa, cục gạch buông bỏ được khỏi bùn. Xét kỹ lường lại, thức buông bỏ được suy lường thì tâm bất khả đắc, vọng buông bỏ được tướng trần thì thân bất khả đắc, hư không buông bỏ được đại địa thì thế giới bất khả đắc. Như thế thân, tâm, thế giới, cả 3 hoàn toàn bỏ được thì e rằng đốt lồng đèn đi kiếm một chúng sanh cũng không làm sao có được!

Thế nên biết ba chữ BUÔNG CHẴNG ĐƯỢC này có bản lãnh rất to có thể khiến cho bất giác thành chúng sanh, khiến cho vọng tưởng thành thân thể, khiến cho hư không thành đại địa, khiến cho các thân thịt này thành núi hoang, khiến cho đầu xanh biến thành đầu bạc, đang đi khiến cho ngồi, đang chạy khiến cho đứng. Ôi! Há chẳng phải cái vòng mê quá lớn sao? Còn có thể làm cho ngộ chăng? Nếu người có lực lượng lớn phải tìm phương pháp buông bỏ cho được, đó là

tham thiền. Hãy mau mau tham câu thoại đầu dù phải trải qua 30 năm, 50 năm đến chừng nào đập vỡ được cái vòng mê mới là chỗ ta nghỉ tham. Xin nói thêm một câu: Thôi nghỉ khả đắc, chỗ thôi nghỉ bất khả đắc.

6. ĐỪNG VỘI GẤP

Người tham thiền học đại pháp thành Phật, cần phải lập chí cao thượng, phát nguyện rộng lớn. Ta nay may mắn được vào đạo tràng học Phật đã trễ 30 năm, sao chẳng bắt đầu sớm hơn 30 năm về trước. Nghĩ rằng đã trễ quá rồi, đối với đại pháp này phải dự thảo kế hoạch. Suy nghĩ kỹ càng thấy rằng sau khi được vào thiền đường phải cần bao nhiêu năm mới rành quy củ và ngồi quen chân, phải cần bao nhiêu năm thân tâm mới thuần thực, phải cần bao nhiêu năm mới biết dụng công, phải cần bao nhiêu năm công phu mới thành thực, phải cần bao nhiêu năm mới khai tiểu ngộ, phải cần bao nhiêu năm mới khai đại ngộ.

Từ khi mới vào thiền đường tính cho đến khai ngộ phải mất 30 năm mới có thể làm đến. Giả sử thời gian không đủ thì thêm 30 năm nữa. Làm như thế mới có thể không vội gấp, không sanh phiền, không thối chí.

Thời gian gần đây, có những thiền khách nghe nói môn đỉnh tọa hương chuyên môn liễu thoát sanh tử, thành Phật Tổ. Liên phát tâm lâu dài, lập chí cao thượng đến Tông Lâm tham Thượng Thừa Thiền. Do vì tánh tình vội gấp, hôm nay mới xin ở, ngày mai muốn vào thiền đường. Hơi chậm một chút thì nóng nảy nói: “Chẳng cho vào thiền đường thì đi chỗ khác nhập hạ hoặc đi chỗ nọ qua mùa Đông”. Chạy ra chạy vô, trong tâm bất an, ở một chút liền chạy. Cái tính nóng nảy vội gấp này phát tác khiến cho một nhân cách tốt, một tấm lòng tốt này y như cũ bị hôn mê.

Nếu như người không vội gấp cứ an tâm chờ đợi, đã đến đạo tràng, thân tâm giao cho thường trụ, nhà chùa, tánh mạng giao cho Long Thiên, nói sao cũng được hết... Với nhân cách này, tấm lòng này hiện tại là đứa con ngoan của pháp môn, về sau làm bậc cao nhân trong hàng Tăng Sĩ, bất quá là gấp việc mà không vội gấp được đến cái quả to lớn là tương lai thành Phật làm Tổ.

Ba chữ KHÔNG VỘI GẤP có thể làm nên đại sự thành Phật, xin khuyên quý Ngài có làm việc gì, có phát tâm gì cũng phải tính từ từ thì sau đó mới thành công. Bằng không thì không được kết quả tốt đâu.

Có người tham thiền lâu năm mà không khai ngộ nên nôn nóng. Thấy người ta làm chấp sự, còn mình làm thanh chúng nên nôn nóng. Không biết đến ngày nào mới đến ta làm chấp sự, nên nôn nóng. Phải biết hai chữ nôn nóng (*vội gấp*) này là quý đời mạng, là cắt đứt cái nhân thành Phật. Chẳng thận trọng ư?

7. TÂM LÂU DÀI

Người tham thiền trước hết phải biết thiền pháp chẳng phải pháp thế gian có thể sánh được, pháp thế gian có tướng, thiền pháp không hình tướng. Pháp có tướng còn phải mất 3 năm, 5 năm còn e rằng khó thấu triệt, dù cho học được nghề khéo cũng chỉ mưu sống được một đời. Thiền không có hình tướng, đâu có dễ gì học, nó không có chỗ hạ thủ, không có chỗ mò nắm, không có chỗ động chân, không có chỗ tìm kiếm. Người học pháp này hãy suy nghĩ xem: người có trí thức vượt bậc biết rõ pháp này ngàn Phật, muôn Tổ đều do pháp này mà ngộ, còn ta là người gì?

Ngay đây, liền lập chí kiên cố, dụng tâm sắt đá, pháp này tham chẳng sáng tỏ, cứ liều chết mà tham, chết thân này chuyển qua thân sau tham nữa. Điều thiết yếu là tham thiền không định thời gian, không lập kỳ hạn. Người xưa nói: “Tham lâu có thiền, trụ lâu có duyên”. Ý như thế nào? Con đường tham thiền sâu xa, hôm nay chịu khó tham từ trong sự chịu khó ấy, duyên bên ngoài, vọng bên trong dần dần ngưng nghỉ. Ngày mai cũng chịu khó tham, cũng từ trong sự chịu khó ấy, vô minh phiền não tự nhiên giảm bớt mà ban đầu mình không biết nổi. Giả sử năm nay tham như thế sang năm cũng tham như thế thì nghiệp chướng từ vô lượng kiếp đến nay, ví dụ tham một giờ bớt đi một kiếp, tham một ngày bớt đi mười kiếp, tham một năm bớt đi một trăm kiếp, tham suốt cuộc đời này thì nghiệp chướng dẫu nhiều cũng không phải là khó hết. Vì chịu khó tham lâu năm dần dần đi sâu vào thiền, duyên Bát Nhã thuần thực vậy.

Như mặt gương có bụi, dùng miếng giẻ lau, lau chậm cũng sạch bụi, lau nhanh cũng sạch bụi. Miếng giẻ để trên mặt gương không động đây, tuy không lau được bụi, nhưng bụi cũng không đóng thêm vào gương. Sao vậy? Gương tâm chúng ta không lớn không nhỏ, lớn có thể chiếu soi cả hư không, nhỏ có thể để ở trong một hạt bụi cực nhỏ (*lân hư trần*). Nay dùng miếng giẻ “thoại đầu” lớn hơn hư không, nhỏ hơn hạt bụi, đặt miếng giẻ này lên mặt gương, lau nhanh thì sạch bụi nhanh, lau chậm thì sạch bụi chậm, không lau mà chỉ để miếng giẻ này lên mặt gương, bụi bên ngoài cũng không bám vào mặt gương được và bên trong cũng không sạch như bản. Sự lợi ích của không lau còn chẳng cùng tận huống là của cái công lau mau, lau chậm ư? Đó là ví cho chúng ta biết tham, mãnh liệt tham, không biết tham, chậm rãi tham. Cho đến chẳng biết tham, lâu ngày đề khởi đứng sừng một chỗ, cũng là niệm tham. Vì sao? Vì chưa từng rời cái gương một chút. Đến đây không phải tâm lâu dài thì làm không đến. Phải là tâm lâu dài mới làm đến được.

8. TÂM KHÔNG LÂU DÀI

Người tham thiền tâm không lâu dài hãy tự xét tâm mình trong một lát xem có phải là hết nghĩ chuyện này lại đến chuyện kia không biết bao nhiêu là chuyện chẳng? Thế nên biết tâm như dòng nước chảy ngày đêm chẳng dừng. Làm cho dòng nước sông Trường Giang dừng còn có thể làm được, chứ muốn vọng tâm dừng lại trong khoảnh khắc, thật không thể làm nổi. Sao vậy? Người có sức mạnh có thể làm khô nước biển, ngăn được nước sông, vì nó có tướng thấy được, có cách để làm được hẳn không phải là việc khó.

Vọng tâm không có hình tướng, sanh hoạt không nhất định như con khi hái đào chuyên bên này nhảy bên kia. Lại như cây chuối, lột một lớp này còn một lớp khác, lột hết đến trong ruột trống không thì tìm cây chuối ở chỗ nào? Lại như đũa ngu si mò trăng đáy nước, mò đến chết cũng không nắm được mặt trăng. Thế nên biết, tâm này đã là bất thiện còn khó tạm dừng thì làm sao có thể kéo dài được. Các thí dụ trên chính là để sánh với cái vọng tâm ở trong bụng mỗi người đây.

Xin quý vị hãy bỏ hết mọi việc khẩn cấp của quý vị đi, mà ngồi yên suy nghĩ kỹ. Hỏi: Vừa ngồi yên đó là ai?

- Cái suy nghĩ đó lại là cái gì? không minh bạch, không hiểu được. Hãy ghi nhớ, đừng quên cái niệm không minh bạch, không hiểu này. Nhất định phải tham hoài, hỏi hoài thì mới có thể ở trong cái tâm hư vọng bắt sống được cái “Bồn Lai diện mục” của ta. Nhưng cần phải có tâm rất lâu dài mới làm đến được. Nếu tâm truy cứu không dài, thì bị cái không dài chuyên đi. Tâm tham cứu này đã không dài thì bị rơi vào trong cái ổ của vọng tâm không dài. Nghĩ rằng: Luân hồi vạn kiếp biến trâu, biến ngựa, địa ngục, thiên đường trải qua bao kiếp mới được làm người, lại qua bao kiếp rồi biến thành gà, chẳng lẽ không phải là do tâm không lâu dài làm ra hay sao? Nay hãy đem cái tâm không lâu dài này, nắm nó lại để hành đạo, tham thiền. Nếu nắm chẳng đứng, rồi cứ để cho nó chạy nhảy tự do tự tại, thì không được. Phải nghĩ rằng: Ta chịu sanh tử từ vô lượng kiếp đến nay là do nó tạo ra Phật giáo có cái thiện pháp là tham câu thoại đầu. Thiện pháp này chẳng những nắm đứng được cái tâm không lâu dài, mà cho đến cái tâm lâu dài cũng tiêu mất không còn. Câu thoại đầu rất lợi hại, mọi người hãy thử tham xem!

9. ỨNG CÓ ĐIỀU CÓ

Người tham thiền hơi biến trở là trong hăng ngày để thời giờ trôi qua vô ích, hoặc giận, hoặc mừng, hoàn toàn không để ý đến, cũng chẳng biết quấy. Biết quấy liền sửa đổi, mới không có lỗi lớn.

Phải biết, tâm này đều thuộc cuồng tâm. Tướng mạo của cuồng tâm là biết lý là vọng, phi lý cuồng, vốn không có chỗ nơi, cũng không có đầu mối, tự không mà chẳng phải không, tự có mà chẳng phải có. Sức của nó lớn vô biên, tánh của nó cuồng vô cùng, từ xưa đến nay nó là vô địch đầu cho ngàn Phật xuất thế giáo hóa nó cũng không nhúc nhích. La Hán thần thông lồi nó cũng chẳng động. Lên thiên đường, xuống địa ngục, chỗ nào nó cũng không từ. Biến thành bò vàng, rùa đen, tự do tự tại. Nó có khả năng gặp duyên liền ứng, có cái thuật tàng hình ẩn tị, ứng có thì đều có, không có gì không đủ. Sao vậy? Vì cuồng tâm đã có cái công thành Phật làm Tổ có cái sức làm nên hư không, đại địa. Nó tùy theo loại hiện thân, đồng trần ứng vật như loài người cùng loài chẳng phải người (*phi nhân*) của hữu tình, cỏ cây gạch đá của loài vô tình. Lớn cùng không chướng ngại, mà nhỏ cũng có thể ở trong đó. Có lúc thành hư không, có lúc biến đại địa. Lịch sử kinh doanh của nó dài, thời gian nhẫn nại của nó lâu. Thân của hư không tuy lớn nhưng không

lớn hơn cuồng tâm. Tuổi thọ của đại địa tuy lớn nhưng không lớn hơn cuồng tâm. Cảnh giới của cuồng tâm thật rộng, bản lãnh của cuồng tâm thật lớn.

Có người không phục hỏi: Có trình độ như thế sao gọi là cuồng tâm. Danh từ này thật khó nghe. Tôi thật không muốn nghe xin hãy nói ra cho rõ một chút. Đáp: Đó là tâm của ông.

Người hỏi không hiểu, liền cau mày tức giận hỏi: Tại sao ông biết là tâm của tôi?

Đáp: Vì là cuồng tâm nên mới không phục mà hỏi tôi. Phải biết không phục mà hỏi tôi tức là cuồng tâm vậy. Nếu tâm chẳng cuồng thì không cần hỏi tôi.

Lại hỏi: - Thế nào là tâm chẳng cuồng?

Đáp: - Điều này tôi không biết hết. Ông nếu muốn biết thì tốt hơn hết là đến dưới cửa Thiền Tông, tìm người tham thiền mà hỏi, tự có thể biết.

Người hỏi liền y theo lời chỉ dẫn mà đến sơn môn. Vừa vào cửa ngược lên nhìn liền thấy tám chữ: “Cuồng tâm ngưng nghỉ, nghỉ tức Bồ Đề”. Ngay khi ấy hoát nhiên như thùng lủng đáy tức thời chuyển cuồng tâm thành chánh niệm, mới biết từ vô lượng kiếp cuồng đến ngày nay. Hôm nay mới biết cuồng tâm là ta. Người thừa nhận cuồng là ta này nghĩ rằng: “Tâm cuồng chẳng tự biết được. Chỉ có pháp tham thiền của Tông môn mới biết được tâm cuồng. Chính là phù hợp với căn cơ của ta. Ta hãy thí nghiệm xem!”

Người ấy liền vào thiền môn, dưới một tiếng hét như sấm nổ, dưới một cái đánh như núi lở, hàng ngày trời đen đất, vào đất không có cửa, kêu trời không có ứng. Đến đây, chẳng những cuồng tâm bay đi đâu mất ra ngoài trời xanh, mà cho đến một chút xíu tâm cuồng cũng sợ hãi đến không có chỗ ẩn thân.

Phải biết, mọi người tâm không được quán thúc, muốn đông thì đông, muốn tây thì tây, tính như con ngựa hoang suốt ngày không biết. Hôm nay biết là cuồng tâm, mà chẳng tham thiền, chẳng ngộ đạo thì chẳng phải cuồng là gì!

10. CHỈ THĂNG PHÁP NÀY

Người tham thiền là người có nhân cách thanh cao tối ưu thắng không thể lấy gì so sánh được. Sao vậy? Vì cả thế gian loài người cùng loài chẳng phải người (*phi nhân*), cỏ cây, rừng rậm, gạch ngói sỏi đá đều đủ Phật tâm. Người có khả năng nói chuyện, súc sanh có thể động đậy, cỏ cây hay sanh trưởng, gạch đá hay bất động đều là Phật tâm. Nó bao quát tất cả hữu tình, vô tình, tất cả các tâm từ lâu đã ở trong Như Lai Tạng. Cho nên người xưa nói: “Hư không có tận, nguyện của tôi vô cùng, tình cùng vô tình đồng tròn chung trí”.

Người đời bất cứ cái gì cũng tin được, chỉ riêng không tin tự tâm, bất cứ cái gì cũng hiểu biết được, chỉ riêng không biết tham thiền. Thế nên biết, tâm của mỗi người là cái bệnh lớn bậc nhất

thế gian. Bất cứ phương pháp nào cũng không thể trị, bất cứ thuốc men nào cũng không thể chữa lành. Duy có một pháp tham thiền của Thiền Tông đặc biệt chữa tâm bệnh của con người.

Thiền Tông truyền ngoài giáo điều này đứng lên trên tám vạn bốn ngàn pháp môn. Như thế gian đen tối, dầu cho người có bản lãnh nghiêng trời cũng chẳng thể làm hết tối. Dầu cho có mười tám thần thông biến hóa cũng chẳng thể làm cho hết tối. Dầu cho ông có đốt đèn chiếu soi, thì chỉ có thể chiếu soi người khác, chứ không thể chiếu soi tự kỷ được. Dù cho ông thỉnh người niệm Phật tụng kinh đến vạn kiếp cũng không thể cầu cho nó sáng được. Chỉ có một vầng mặt trời tròn sáng hiển lộ ra thì chẳng cần cầu ở người khác, chẳng cần đốt đèn, chẳng dụng thần thông, mà ngay đó liền sáng.

Lại không dùng ánh sáng này, muốn cầu cho tối thì biện pháp cũng giống như trên, trọn chẳng thể khử bỏ ánh sáng, chỉ cần một phiến đen tối là có thể phá được ánh sáng. Phải biết, bệnh tối dùng thuốc sáng để trị, bệnh sáng dùng thuốc tối để trị, bệnh hỏa dùng thuốc thủy để trị, bệnh đố dùng thuốc côm để trị, bệnh lạnh dùng thuốc quần áo để trị, bệnh nghèo dùng thuốc giàu để trị, bệnh khổ dùng thuốc vui để trị, bệnh thân dùng thuốc thế gian để trị, bệnh tâm dùng thuốc Thiền để trị. Điều quan trọng nhất là xem bệnh phát thuốc mới có thể dùng thuốc bệnh được lành.

Thế nên biết, tâm bệnh của con người bất cứ thuốc nào cũng chẳng trị được, chỉ có một thứ diệu được (*thuốc hay*) tham thiền này hề trị liền lành. Người đời thật đáng thương, tâm bệnh mỗi ngày một nặng, chẳng những không chữa trị mà còn làm cho bệnh nặng thêm.

Biết nói làm sao cho người ta chịu dùng thứ diệu được (*thuốc hay*) tham thiền này!

Đến đây mới biết người tham thiền là người có nhân cách rất cao thượng rất thanh tịnh, thế gian đâu thể sánh được!

Buồn thay! Tôi được phương thuốc nhiệm mầu trị tâm bệnh lại mong muốn thiên hạ đều dùng phương thuốc thánh trị tâm bệnh này, nó không đáng, không chua đâu! Xin hãy ném thử xem!

11. CHỈ THĂNG TÂM NÀY

Người mới tham thiền được người khác nhắc nhở dụng tâm, bèn nói: “Tôi không thấy được tâm là cái gì thì làm sao mà dụng. Phải có tâm thì mới có thể dụng tâm chứ!”

Lại nhắc nữa: “Phải khéo dụng tâm mới đúng”, người mới tham thiền nghe nói như thế tức giận dậm chân nói: “Tôi chỉ biết ăn cơm mặc áo, ngoài ra không có việc gì khác. Phải dụng tâm là gì, chẳng dụng tâm cũng không sao”.

Người mới tham thiền thường có chung một tâm lý như thế.

Phải biết, Đức Phật vì một đại sự nhân duyên xuất hiện ở thế gian là khai thị ngộ nhập Phật tri kiến cho chúng sanh.

Lời này của Phật nói, ai dám không tin. Ông nếu chỉ biết mặc áo, ăn cơm không còn có việc gì khác, thì đức Phật xuất thế vô ích đối với chúng sanh hay sao?

Người chỉ dạy nói: “Ông hãy nghĩ xem: Mặc áo là ai? Ăn cơm là ai? Chẳng thích tham thiền là ai?”

Người mới tham thiền này liền gãi đầu nói: “Cái đó tôi không biết”.

Người chỉ dạy nói: “Nói không biết là cái gì?”

Người mới tham thiền nói: “Chẳng lẽ là tâm tôi”

Người chỉ dạy nói: “Chẳng những đó là tâm ông mà thân của ông cũng là tâm ông. Ông làm việc tốt cũng là tâm ông, ông làm việc xấu cũng là tâm ông. Ông ăn cơm cũng là tâm ông, mặc áo cũng là tâm ông, nói chuyện cũng là tâm ông, mỉm cười cũng là tâm ông, muốn coi cho đẹp cũng là tâm ông, sanh cũng là tâm ông, tử cũng là tâm ông, bệnh cũng là tâm ông, già cũng là tâm ông, chơi đùa cũng là tâm ông, buồn lung cũng là tâm ông, ba má cũng là tâm ông, anh em cũng là tâm ông.

Người mới tham thiền này nói: Đâu có lẽ như thế? Mặc áo, ăn cơm ở trong thân tôi, nói là tâm tôi, tuy không rõ ràng, nhưng còn có thể tin được. Chứ nói ba má, anh em là tâm tôi, đến chết tôi cũng không tin được.

Người chỉ dạy nói: “Chẳng tin những cái ấy, tôi chỉ tâm cho ông nghe. Thiên đường, địa ngục là tâm ông, sum la vạn tượng là tâm ông, con ruồi, con kiến là tâm ông, con giòi trong hầm cầu là tâm ông.

Người mới tham thiền này đỏ mặt nói: Hồng rồi! Bậy rồi! Tôi không tin đâu!

Người chỉ dạy mới lớn tiếng nói: “Con giòi trong cầu tiêu chẳng những là tâm ông mà cũng chính là tâm tôi. Ông có biết chăng?”

Người mới tham thiền nói: “Điều này tôi chẳng cần biết”.

Người chỉ dạy nói: “Ông có rất nhiều tâm mà ông còn không tin, tôi chỉ nói chút ít đó thôi”.

Người mới tham thiền này tức giận muốn khóc.

Người chỉ dạy nói: “Ông chẳng nghe Phật lúc mới ngộ đạo nói: Tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng Như Lai, do vì vọng tưởng chấp trước mà không chứng được”. Về sau Phật lại nói: “Loài hữu tình và vô tình đều có Phật tánh” chẳng lẽ ông không có Phật tánh sao?

Người mới tham thiền hỏi: “Phật tánh là gì?”

Người chỉ dạy nói: “Phật tánh chính là tâm ông”.

Người mới tham thiền nghe nói như thế, mừng rỡ nói: “Tôi cũng có Phật tánh” Bỗng giác ngộ nói: “Chẳng lẽ tôi không tin cái tâm tham thiền này sao?”

Người chỉ dạy nói: “Tôi mừng cho ông đấy! Đúng vậy! Đúng vậy! Cho đến ngày nay mới tin cái tâm tham thiền là Phật tánh. Lòng mừng biết bao!

12. SAO CHẲNG TIN TÂM

Người tham thiền chẳng tin người tham thiền khai ngộ, chẳng tin mình có Phật tâm, lại chẳng tin tâm là tâm của ai.

Tự nghĩ rằng: “Nếu ta có tâm thì tâm ấy ở ngoài thân hay ở trong thân, hay ở giữa thân. Nếu có một cái thân riêng, một cái tâm riêng thì há không phải là phân thành hai đó sao!

Lại nghĩ rằng: tâm ở trong thì người nào biết được việc ở bên ngoài. Tâm ở trong lâu ngày sao không buồn! Nếu tâm ở ngoài lo làm việc này, việc nọ dường như có hình tướng, nếu trong bụng đau thì cái gì biết. Chẳng lẽ lo bên ngoài lại lo bên trong. Đã ở bên ngoài thì từ đâu nổi lên lo cho bên trong, lại từ đâu nổi lên lo cho bên ngoài. Cái nghĩa trong thân, ngoài thân, thật là khó hiểu. Chẳng lẽ cái tâm này trụ ở bên trong lo cho bên trong, bên ngoài có việc thì lo cho bên ngoài, máu thịt gân xương ở giữa thân cũng có khi đau nhức thì người nào nổi lên ở trong thịt xương để biết đau nhức?

Như một cái nhà chỉ có một người ở, lo việc bên trong nhà, lo việc bên ngoài nhà, ở giữa tám vách tường của cái nhà là gạch làm nền. Vậy người nào từ trong lỗ vách tường nổi lên, từ giữa tám vách tường chạy ra chạy vô, không có việc thì nghỉ trong tám vách. Cái tâm này của chúng ta chẳng lẽ lấy giữa tám vách ấy làm chỗ an thân sao? Thật khó hiểu quá!

Thường thường nghe người ta nói: “Ông làm việc phải lưu tâm hoặc ông hãy để tâm tư vào chỗ này”. Căn cứ theo đây thì nhất định phải có một cái tâm, không dám không thừa nhận không có tâm. Nếu nói về ý nghĩ của tâm này thì thật không biết. Do không biết nên chỉ biết ngồi nằm theo người khác, nói có thì có, nói không thì không. Suy nghĩ kỹ, thật không có biện pháp, thật là một chuyện đáng giận.

Từ khi tìm nắm không được cái này, không còn nghe hỏi đến nữa. Thật đáng thương xót!

Nay đến cái nguồn gốc của tâm ra nói một thí dụ: Tâm như nước, nghiệp như khí lạnh, thân như băng (*nước đá*). Muốn khử bỏ thân, trước phải bỏ nghiệp, nghiệp bỏ được rồi thì tâm quên vậy. Cũng như muốn trừ khử băng, trước phải trừ bỏ khí lạnh, khí lạnh trừ bỏ được rồi thì nước tự thành. Cũng như ánh sáng, có củi ắt có lửa, có lửa ắt có ánh sáng. Muốn khử bỏ ánh sáng thì trước hết phải khử bỏ củi, củi bỏ đi rồi thì lửa tắt. Thế nên biết, ba thứ thân, tâm, nghiệp, không có trong ngoài ở giữa. Loài người cùng loài chẳng phải người (*phi nhân*) cùng đồng một thể.

Lại như không có vô minh thì chẳng thành hư không. Không có hư không chẳng thành đại địa. Muốn khử bỏ hư không, trước phải trừ khử vô minh, vô minh khử được rồi thì đại địa tự khử. Hữu tình vô tình do nhân duyên sanh, do nhân duyên diệt đó là định luật của hữu tình và vô tình.

Người mắt sáng nhìn thấy người khờ bỏ được hay không cho là việc kỳ đặc, ắt than rằng: “Giả sử lúc ban đầu (*tối sơ*) không bị động chuyển thì đâu có tới chuyện rất hoang uổng ngày nay. Thật đáng tiếc, đáng thẹn!

13. CHẴNG NHẬN ĐƯỢC TA

Người tham thiền gót chân chưa từng chấm đất mà tham, cứ luôn luôn ở trên đầu cửa trình cơ phong, làm ồn náo, trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ mở mắt thì nổi vọng tưởng, nhắm mắt thì nổi mộng tưởng. Lúc nổi vọng tưởng thì nổi đốm hoa trời tuông rải, đất vớt sen vàng cũng chẳng quan hệ gì đến việc của thân. Chỉ biết nghĩ người chẳng bằng ta, nghĩ ta hơn người khác. Ngay lúc vọng tưởng đến chỗ có thú vị, dù người ta có kêu gọi cái thân này, cái vọng tưởng ấy cũng chẳng thêm đến, và lúc vọng tưởng đến chỗ thú vị thật nồng nàn thì vọng tưởng bỏ thân qua một bên không còn màng đến. Mong người đời hãy nghiên cứu chỗ này xem. Tâm đã là thân, lý đáng thân tâm đồng một cử chỉ tại sao kêu gọi thân mà thân không nhứt nhích, giống thứ thẳng góc, chẳng lẽ cần phải vừa gọi vừa lòi, xúc động đến cái lỗ tai của người quản lý ở bên trong này mới làm cho con mắt trên thân mở ra, cái miệng thay cho thân nói chuyện với người.

Chính cái vọng tưởng đến lúc thú vị nồng nàn này thật ra cùng với sự tham thiền của tông môn tham đến chỗ quên thân không hay, không khác. Tôi muốn người đời hãy nghiên cứu kỹ cái chỗ thú vị này. Một mai đại sự đến thân liền tìm ở trong thân ông cái vị quản lý ở bên trong này cùng thân đồng đi, đồng ngồi, đồng nằm, đồng ngủ, thương lượng với hần một khắc. Đáng thương có tám thân này có một biện pháp giải thoát trọng đại mà cả thiên hạ không có người nào quày đầu lại hỏi. “Thân ta được vui, cảm tạ người phỉ tâm cực khổ. Thân ta gặp nạn, thì e rằng chính người, người quản lý bên trong này, không biết làm việc nên khiến cho thân ta bị đòn”.

Từ xưa đến nay, bất cứ cái việc kỳ đặc xảo diệu nào cũng đều có người làm, mà không ai biết cái người làm việc tốt, làm việc xấu này toàn là cái người quản lý nằm ở trong bụng ta. Nếu thương lượng được ổn thỏa với hần rồi thì cái thân khổ não này mới dám động, mới dám hành. Bằng không, hễ có chút mạo muội, vị quản lý bên trong này nổi giận thì thật đáng thương cho thân ta không có đất để ở. Vọng tưởng này tức là vị quản lý bên trong của mỗi người. Cho đến lúc mệt mỏi ngủ một giấc vị quản lý bên trong này trở về nhà củ thanh tra những điều đã làm của kiếp trước, đời này. Đang lúc mộng tưởng nồng nàn bỗng thân này hết mệt, tỉnh dậy thì hần lại làm sinh hoạt của nhục thân. Vọng tưởng, mộng tưởng chuyên tạo sự nghiệp cho nhục thân, lo chỗ ở cho nhục thân. Người sáng suốt hãy suy nghĩ xem!

14. BÁC KHÔNG NHÂN QUẢ

Người tham thiền, vì trong hằng ngày chưa từng thiết thực dụng tâm, chưa từng buông bỏ thân tâm nhân ngã. Chẳng biết tham là người nào? Thiền là vật gì? Có một bọn tham thiền ngã mạn cùng với người đời phỉ báng Phật dối bày ra sự thật không phải quả Phật, mắng Tổ thì cũng là

đổi tự cho là chứng, nói: “Phật là đồ bày đặt ra, Pháp là ngoa truyền, Tăng là bọn vô lại” Mình cũng tự hủy hoại chính mình cùng với bọn người không hiểu Phật pháp, cộng thêm với người tham thiền chưa thấu đều mang ác kiến này trong lòng, có thể chơi bời, ăn nhậu thỏa thích, không còn màng đến cái gì cả. Như thế chính là khinh Phật, khinh Tổ, hại mình hại người.

Nói: “Phật là đồ bày đặt ra” tức là hủy hoại cái nhân của chính mình. Nói: “Pháp là ngoa truyền” tức là diệt cái quả của chính mình. Sao vậy? Vì trong nhân của chúng ta có chánh nhân Phật, duyên nhân Phật, liễu nhân Phật, ba Phật ở chung. Đã bác chánh nhân Phật, tức là hủy hoại Pháp, Thân Phật, báo thân Phật, hóa thân Phật ở trên quả. Lại bác chánh nhân Pháp tức là hủy hoại Pháp thân pháp, báo thân pháp, hóa thân pháp ở trên quả. Nhân quả của Phật của Pháp đã bác phá, thì đâu có quả Tăng.

Buồn thay! Tự mình làm vậy bác không nhân quả, hại mình, hại người sẽ thành cái nhân không cứu được. E rằng lại còn khuyến dụ người khác làm vậy, hoặc như khuyến dụ người ở trong chùa làm chuyện phá hoại Tam Bảo chẳng hạn.

Phải biết, thấy một hình tượng Phật, nghe một danh hiệu Phật và Tam Bảo, sanh chút hoan hỷ thì cái tâm thích Phật trồng sâu giống Phật, lâu ngày nảy mầm thành cây sanh ra nhánh lá rồi kết thành quả Phật. Trái lại với đây là không có tâm Phật, không có hạt giống Phật thì sanh ra giống ác, nảy mầm ác, sanh cây ác, nhánh ác, lá ác kết thành quả ác, địa ngục A Tỳ và tam đồ vậy.

Chẳng những Tăng Sĩ không hiểu Phật Pháp bác không nhân quả, mà người thế gian đối với trời đất, cha mẹ, bậc trưởng thượng và người đạo đức đều phải cung kính, hiếu thuận. Từ cái nhân vui này sẽ cảm cái quả vui. Ban đầu tin thiện, kế đó kính Phật. Đối với trời đất, cha mẹ, bậc trưởng thượng, hễ sanh ra một chút thiện tâm có một chút hiếu thuận thì cảm thành cái nhân phước, rồi cuộc ắt cảm quả Phật. Vì Phật cùng với thiện đồng, thiện cùng với người đồng. Bằng không, thì nếu không tin tất cả, thậm chí chửi rủa trời đất, ngỗ nghịch với cha mẹ thì tội ác cũng đồng với bác không nhân quả vậy.

15. LÀM ĐẠI NHÂN QUẢ

Người tham thiền chấp vào sự tịnh tọa thì không có huệ, chẳng chịu khổ thì không có phước. Không có phước thì không thể thành Phật. Không có huệ thì không có thể độ chúng sanh.

Người đại lực lượng phải nên tu phước mà thường tịnh tọa tham thiền, chân thật tu huệ là lúc rảnh thường tu phước. Có cái nhân phước này cộng thêm hạt giống huệ này thì mới thật là sự nghiệp vĩ đại thành Phật độ chúng sanh.

Kẻ ngu không biết tham thiền, lúc ngồi nhắm mắt bỗng chợt thấy ánh sáng của nghiệp thức lóe lên như đá nháng điện chớp liền la lên “TÔI NGỘ”. Lại thêm trong mộng theo nghiệp thức nổi lên hoặc thấy có người nói bên lỗ tai “Đại quang minh tạng từ tự tâm sanh”. Rồi dối cho rằng: “Từ đây đại sự đã xong, tâm địa đã sáng” hoặc thấy tướng Phật, thấy bảo tháp, thấy Bồ-tát hoặc

thấy chính mình thành Phật thuyết pháp, bay lên hư không v.v... Rất tiếc không có người mắt sáng chứng minh tự cho là phải, chưa ngộ nói ngộ, chưa chứng nói chứng, chưa đắc nói đắc, chưa có nói có, lấy hư làm thật, thành tội đại vọng ngữ bị đọa địa ngục A Tỳ. Thế gian, lớn như không gì hơn Phật Nhân, sâu nhất không gì hơn Phật Quả. Pháp của Phật nói ra là đại pháp thành Phật. Việc của Phật làm ra là đại sự thành Phật. Như chúng ta nghe đại pháp của Phật, làm đại sự của Phật, đã cảm cái nhân Phật, được thành cái quả Phật, không sai lạc một chút nào! Tu nhân như vậy, cảm quả như vậy. Không ngờ người ngu đem cái tâm ngu làm cái việc ngu, dấu biết là ngộ giả, một lời thốt ra thành tội đại vọng ngữ. Lại đem lời này ra dạy mọi người thành ra kẻ đại ác.

Hỏi người ngộ thật thì thành Phật, người ngộ giả thì bị đọa địa ngục. Lợi hại chỗ nào?

Đáp: Phật dùng đại pháp làm cho người ta thành Phật. Người chưa ngộ dối lấy sự ngộ giả tự làm làm mình, làm người, do đây cô phụ tâm chư Phật. Làm mù mắt trời người, khiến cho một người mù dẫn cả bọn mù kéo nhau vào hầm lửa. Hầm lửa tức là địa ngục A Tỳ.

Người tham thiền chịu khó tham suốt một đời hoặc sanh ra đời sau tiếp tục tham nữa, chẳng những tiểu ngộ không trụ, mà đại ngộ lại càng không trụ, mới đáng gọi là khí lượng của bậc đại nhân. Ta có chân tham thật ngộ dù cường đạo cướp cũng không mất, nước lửa cướp cũng không được, mục không được, nát không được. Người thật ngộ này có ngày được long thiên mời ra vì pháp, vì người.

Có người hỏi: Ngài là bậc đại triệt đại ngộ, hãy đề bạt tôi đi!

Người hoàng pháp ấy nói: Tôi thật khổ não, thiền còn chưa vào cửa, đâu dám ngộ. Thật đúng vậy.

16. LÀM TIỂU NHÂN QUẢ

Người tham thiền đã biết vi phạm giới của Phật Pháp Tăng và thánh hiền thế gian đều bị gọi là làm đại nhân quả.

Như người thế gian không giảng nhân quả thì họ không biết nhân quả là vật gì? Chẳng cần phải luận.

Người tham thiền hành đạo điều quan trọng nhất là lưu tâm đến nhân quả. Xưa, có một Tỳ-kheo trẻ cười vị Tỳ-kheo già tụng kinh tiếng như chó sủa. Vị Tỳ-kheo già ấy nói với thầy Tỳ-kheo trẻ kia rằng: “Người cười ta tụng kinh tiếng như chó sủa, ta tha cho người khỏi bị đọa địa ngục, nhưng đọa làm thân chó cò (*chó lông màu trắng*) thì người phải chịu. Vị Tỳ-kheo trẻ khóc lóc cầu cứu. Vị Tỳ-kheo già nói: Ta đã tha người, người khỏi bị đọa địa ngục nhưng quả báo làm chó cò, ta không có năng lực miễn cho người. Bấy ngày sau, vị Tỳ-kheo trẻ chết thảm, sanh làm thân chó cò, trải qua nhiều kiếp xương chất cao như núi. Một hôm chó cò theo người lái buôn, đi dọc đường con chó ăn vụng một miếng thịt, bị người lái buôn ấy đánh gãy bốn chân đem quăng ra

đồng. Tôn già Xá Lợi Phất mang bát đi ngang, thấy vậy lấy cơm cho chó ăn. Bảy ngày sau con chó chết sanh vào nhà ông đại phú trưởng giả thành đứa bé con, thấy Ngài Xá Lợi Phất đến nó vui mừng vô hạn liền xin xuất gia vào đạo tên là Quân Đề.

Lại có một Tỳ-kheo thỉnh khai thị hỏi: Người đại tu hành có rơi vào nhân quả chăng? Vị trưởng lão đáp: “Không rơi vào nhân quả” Tỳ-kheo kia liền phóng túng phá trai phạm giới, không điều ác nào không dám làm, về sau bị đọa địa ngục. Vị trưởng lão vì đáp lầm một chữ mà bị đọa làm thân chồn năm trăm đời.

Ác nhất không gì hơn lỗ miệng, một lời nói đưa người ta xuống địa ngục, một lời nói làm cho người ta liễu thoát sanh tử. Muốn khỏi cái lỗi của miệng, phải thường tu phước huệ. Người trụ lâu nơi thiền đường tôi dám bảo đảm suốt đời không tạo lỗi nơi cửa miệng. Thiền đường rất thanh tịnh, rất thuần hậu, rất nghiêm khắc, rất công chính, không cho nói chuyện riêng trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Thiệ tri thức giúp cho đề phòng nghiêm nhặt các lỗi của thân, của miệng, của ý. Phật là đất Phật của ba nghiệp thanh tịnh.

Tiểu nhân quả là móng tâm tức là nhân, việc thành tức là quả. Niệm trước tức là nhân, niệm sau tức là quả. Phải biết niệm niệm nhân, niệm niệm quả, cho nên ở nhân gian không nên để làm một chút về tiểu nhân quả. Lúc làm chẳng biết, đến lúc chịu quả báo mới biết, vì thế các ông phải đề ý đề phòng trước khi làm lỗi chưa sanh.

Người xưa nói: “Dè dặt trong lời nói, cẩn thận trong việc làm thì mới có phần tương ưng”. Lại nói: “Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm”. Niệm khởi liền giác, giác tức không có lỗi. Nếu làm được như thế, chẳng những tiểu nhân quả không còn làm mà lâu ngày còn biết được nhân, biết được quả nữa.

17. SỢ LÀM NHÂN QUẢ

Người tham thiền đã biết người thế gian và người xuất thế gian đều sợ làm nhân quả. Câu này có nhiều người nói, nhưng thật sự làm đến chỗ sợ làm nhân quả này thì chẳng những người thế gian đương nhiên làm không đến, mà cho đến hàng tăng sĩ chúng ta là người không nên làm nhân quả vậy mà cũng e rằng thường ở trong sự làm nhân quả. Người xưa nói: “*Khởi tâm liền làm, động niệm liền trái*”. Câu nói quý báu này, người tham thiền chúng ta đại đa số chẳng những chưa mang nổi trách nhiệm, mà còn e rằng không biết nguyên do của nó nữa, mà lại nói “Sợ làm nhân quả” thì thật là vô căn cứ vậy.

Như thí chủ cúng tiền mua ngôi để lợp nhà đang dột. Người không sợ làm nhân quả, tự ý đem tiền thí chủ cúng mua ngôi đi mua gạch, lại tính rằng: “Mua gạch, mua ngôi gì cũng đều là làm công đức cho thí chủ”. Hoặc cho rằng: “Tiền vào cửa chùa, phước thuộc về thí chủ”. Hoặc cho rằng: “Đều dùng vào việc trong chùa, chứ đâu bỏ vào túi riêng của tôi”. Để nói rằng mình không làm nhân quả, bèn viện ra nhiều lý do để lấy tiền mua ngôi đem ra mua gạch. Ông thầy mua gạch

này chưa thấy đến ý của thí chủ. Nhân quả lắm rồi, mà còn đem đạo lý ra để bao che. Thật là làm lớn!

Người có chút hiểu biết nói: Chẳng nên mua gạch, nếu thí chủ tra ra thì ông sẽ bị chỉ trích và nói: Thí chủ đưa tiền mua ngói ắt có dụng ý, không nên dùng lẫn lộn, phải biết sợ nhân quả báo ứng.

Ông thầy chịu trách nhiệm việc này, nếu không có tiền mua gạch thì bớt đi vài bữa cơm để dành tiền ra mua gạch. Nếu làm việc cho người ta mà để cho mình làm nhân quả, bị quả báo ác thì thật là ngu dốt.

Người thật sự sợ làm nhân quả, như sách nho dạy: “Giữ miệng như giữ bình kín, phòng ý như phòng giữ cấm thành”. Từ đầu chí cuối không chút thay đổi, chứ không phải như lúc thái bình vô sự thì tâm ý vui vẻ nói đạo đức, sợ nhân quả, song đến khi bị oan ức đến thân hoặc bị người khinh hoặc bị người gạt, hoặc bị người chê bai, hoặc bị người hại thì giận đỏ mặt quơ tay múa chân đấm đá, bầm mình sưng mặt chạy đi kiếm thầy, kiếm thuốc. Như thế đó, được gọi là: “Dè dặt lời nói, cẩn thận việc làm” sao? gọi là “Sợ làm nhân quả” sao?

Lúc bình thường nói cao mà làm không được, sẽ có cái nhân ác cảm cái quả ác theo sau.

18. KHÔNG LÀM NHÂN QUẢ

Người tham thiền làm được đến chỗ không làm nhân quả là việc lớn đã hoàn tất rồi vậy.

Thật ra vì nhân làm nên quả tự làm. Phải biết, cái nhân ban đầu của mỗi người ở trước lúc bắt giác đã làm rồi. Đã là cái nhân làm ắt cảm cái quả làm. Tại sao nói: Ngày nay không làm nhân quả? E rằng cũng đã do làm nhân quả mà ra. Sao vậy? Hữu tình vô tình đồng một nhân quả, đồng một nghiệp tách tạo thành cái nhân địa của sắc thân. Tạo nhân người, thọ quả người, tạo nhân trời tạo quả trời, tạo nhân Phật tạo quả Phật, tạo nhân địa ngục tạo quả địa ngục, tạo nhân quỷ chịu quả nạ quỷ, tạo nhân súc sanh chịu quả súc sanh, tạo nhân tham thiền chịu quả khai ngộ. Cho nên nói: “Nhân như thế, quả như thế”. Dẫn cho núi sông đất đai, người nam, người nữ v.v... hễ thích làm một hạnh này thì cảm lấy quả của một hạnh này, thích làm một hạnh kia thì cảm lấy quả của một hạnh kia. Vậy làm hạnh gì mà cảm lấy xác thân này? Thật do một niệm bất giác đầu tiên làm qua. Biết bao thủ tục mới thọ được thân người này ở trong loài người. Tâm thích việc thiện, thích rồi lại thích khiến cho nhân thiện thuần thực, ở trong tâm thiện càng huân tập thêm khiến cho nghiệp thiện thành thực. Nhân vì tâm thiện là tâm vui vẻ, là tâm hỷ lạc nên cảm báo sanh lên cõi trời. Ngoài ra, sanh trong tứ sanh, lục đạo, từ đây suy ra mà biết.

Muốn được thực sự không làm nhân quả, chắc chắn không làm nhân quả chỉ có người tham thiền của Thiền Tông, trong suốt hai mươi bốn giờ đồng hồ thân không ngừng tham, tâm không ngừng tham, pháp không ngừng tham. Dù tham chưa thấu đi nữa, nhưng ngay trong lúc chân tham, thể gian, xuất thể gian, hư không đại địa, hữu tình, vô tình đã tuyệt diệt không còn. Nếu còn một chút thì bị một chút đó chuyển.

Người cả thế gian ở trong hư không, nhìn cảnh sắc ở đây đã rồi, muốn đi du lịch đến một nơi xinh đẹp khác để xem chơi. Dù là thế giới lưu ly ở phương đông, thế giới cực lạc ở phương tây, xem chơi đã rồi cũng chán. Sao vậy? Vì hai thế giới này đồng ở hư không, cùng trụ trong đại địa. Cũng như đẹp như là Thượng Hải, kế đó là Dương Châu. Phải biết Thượng Hải Dương Châu cùng với đông phương, tây phương đồng một cục đất. Đâu bằng chân cảnh của Thiền Tông Môn chẳng có thí dụ nào sánh được. Nếu nghi, thì cứ làm thử xem!

19. NHÂN TRƯỚC QUẢ SAU

Người tham thiền không biết nhân trước quả sau, tuy nỗ lực tinh chuyên tham thiền song cuối cùng cũng khó làm xong việc ấy.

Như người đi đường vạn dặm mới đến nhà, hễ thiếu một bước cũng không thể vào cửa. Cho đến đời sau vừa trời đầu ra đứng nhắm, chạm phải liền khai đại ngộ. Thường thường, người ta cho đó là lợi căn. Thật ra chẳng phải. Do vì đời trước đã đi vạn dặm, trên đường đến nhà chỉ còn thiếu một bước, qua đến đời này mới có cái việc “Một nghe ngàn ngộ” hoặc “Không tham mà ngộ”. Ví như đủ một bước này liền tới nhà.

Trên con đường vạn dặm đến nhà, ngày hôm nay chúng ta mới bắt đầu đi, đi qua mười năm vẫn chưa tới nhà, đi hai mươi năm cũng chưa khai ngộ. Không ngộ dù chết cũng tiếp tục đi, thì người này cuối cùng sẽ được đến nhà.

Có người ngày nay tham thiền, ngày mai muốn khai ngộ, năm nay tham thiền, sang năm muốn khai ngộ. Nếu không khai ngộ thì đi làm việc khác để khỏi mất thì giờ ở thiền đường vô ích, hoặc làm hành đơn (*chức hành đường*) hoặc đi hành hương các thánh tích v.v... Chao ôi! Không nên tham câu thoại đầu, vì nó làm cho đầu óc người ta tối mò, không có một chút sáng suốt! Một pháp này sợ không có duyên với ta. Còn chấp sự ở trong thiền đường thì quá ngu xuẩn. Than ôi! Người như thế thật đáng thương xót vậy. Con đường vạn dặm có người chưa đi phân nửa đã thôi lui, có người mới động chân đã thôi lui, có người đi ba mươi năm mươi dặm thôi lui, có người đi tám đến chín ngàn dặm thôi lui. Có người thiếu một bước nửa bước thôi lui. Than ôi! Thiếu nửa bước đường còn khó tới nhà, thiếu một bước đường thì làm sao tới nhà được?

Như người tại gia đời trước làm ác trước, làm thiện sau, thì cảm lấy quả báo đời này gia đình con cái trước phải chịu điều không được như ý, rồi sau mới được việc tốt. Đời trước làm ác trước, đời này thọ báo ác trước. Đời trước làm thiện sau, đời này thọ báo thiện sau. Nếu đời trước làm ác trước, đời này muốn được quả báo tốt trước thì không thể được. Đời trước làm thiện sau, đời này muốn thọ quả báo thiện trước, cũng không thể được. Đời này tin Phật cũng không giảm được quả báo của đời trước. Đời trước⁽¹⁾ làm ác cũng không thể làm giảm được quả báo thiện của đời này, cho nên “Nhân như vậy, quả như vậy”. Lại nói: “Trồng mè được mè, trồng đậu được đậu”. Muốn biết nhân đời trước, thì hãy nhìn vào sự hưởng thọ của đời này. Muốn biết quả báo đời sau, hãy xem những việc làm của đời này. Hoặc có nhân thiện cảm quả ác, cũng có nhân ác cảm

quả thiện. Hai chữ nhân quả chẳng phải người tham thiền khai ngộ thì không thể biết được chút ít. Than ôi! Một lời nói ác còn phải đợi sừng, một tiếng hại người còn phải mang đuôi (*ý nói bị đọa vào loài súc sanh*), vậy mà không ai tin. Thật đau đớn thay!

⁽¹⁾ Nhân thiện, ác không thể bù trừ cho nhau.

20. KHÔNG NẪM

Người tham thiền phần phát đạo tâm cố gắng dụng công mà không được đắc lực, nên gấp rút ngồi dụng công. Ngồi ít chưa đủ, phải ngồi hoài. Lúc ngồi mãi, thân không nằm, không ngủ chỉ chuyên ngồi dụng công, đó là bất chúc Đức Thế Tôn tịch tọa sáu năm trong núi Tuyết, đây không phải là chuyện thường vậy.

Chúng ta thống thiết nghĩ đến sanh tử, không dám để thời giờ trôi qua vô ích, đã vào cửa thiền để làm cái việc lớn này đâu dám tham tiếc thân mạng để đánh mất duyên lành. Do đó phải nỗ lực tinh tham, ban ngày không đủ thời giờ phải tiếp nối đến ban đêm, hơi có một chút đánh mất câu thoại đầu thì đi không đủ thời giờ tham phải tiếp nối đến ngồi tham. Nếu công phu có thể chẳng bị vọng tưởng lôi, suốt trong hai mươi bốn giờ đồng hồ kéo dài không gián đoạn, thân tâm bền bỉ rèn luyện thuần thực, trong tất cả mọi hành vi đi đứng tự nhiên tâm không sanh phiền, thân không bức bối. Biết rõ rằng: Thân bị nghiệp lôi, tâm bị thế gian chuyển đã không phải một đời một kiếp, nếu không có tâm thường hằng thì đến bao giờ mới lìa được cảnh khổ. Do đó, càng không cho thân tâm vọng động. Vọng động tức là nghiệp nhân.

Nay đã thấy suốt thể thái nhân tình, biết rõ cái nhân trước kia thì mạnh mẽ kiên trì đại pháp tham thoại đầu của Tông Môn. Có đại pháp liễu sanh thoát tử này, chẳng những đời này chuyên tu, lìa bỏ các tạp hạnh, mà cho đời đời sau trải số kiếp nhiều như cát bụi trắng đến thành Phật cũng quyết dùng pháp này làm tông thể thành Phật độ chúng sanh. Sau khi thành Phật cũng đem đại pháp này làm phương tiện để đời đời thành Phật, kiếp kiếp độ chúng sanh. Thế nên biết pháp tham thoại đầu này là pháp gốc của chư Phật thành Phật độ chúng sanh. Ta là người gì mà không biết hổ thẹn?

Không nằm có ba trường hợp:

- 1- Có người lập hạnh ba năm, mười năm không nằm.
- 2- Có người sợ ác niệm, ác mộng hoặc sợ thân buông lung nên không nằm.
- 3- Có người công phu tham thiền đến chỗ sâu xa quên cả đi, cả ngồi. Một phen ngồi đến ba năm, năm năm. Nếu như công phu đắc lực, đã chẳng biết có đi, thì làm sao biết có ngồi. Nếu biết có ngồi thì chẳng phải chánh tọa (*chân thật ngồi*).

Lục Tổ nói: “Lúc sống ngồi không nằm, khi chết nằm không ngồi. Một đồng xương hơi thúy, đầu thể làm công khóa”. Ý Lục Tổ muốn nói là lia cả ngồi lẫn nằm.

Trong mười hai hạnh đầu đà, hạnh ngồi hoài không nằm là hạnh thứ mười hai vậy.

21. SỢ ĐỘNG

Người tham thiền lúc công phu đặc lực như mang gánh nặng ngàn cân, sức khó chịu nổi, tự nhủ: “Phải rán một hơi cho tới nhà”. Người khác cũng sách tấn: “Hãy dụng công phu kiên trì đừng biếng trễ, biếng trễ ắt sanh ra mâu thuẫn”. Do sự sách tấn của chính mình và của người khác, mà cố gắng quá sức mình chỉ đợi buông gánh xuống là không còn dám gánh lại. Thậm chí buông xuống rồi còn không dám mở miệng nói tới cái gánh này nữa. Phần đông người đều như thế, từ đây mưu tìm một con đường khác. Có người suốt đời không nghe hỏi đến việc này nữa. Có người nói là bị pháp này làm mất thời giờ vô ích. Có người phi báng pháp này chẳng phải là chánh pháp. Những người này thật đáng thương vì họ giống như người có bệnh đi cầu thuốc, thuốc sắp đến tay, lại chê thuốc không linh, tự phải mang bệnh mà chết. Lại như có người lên núi tìm của báu, lặn suối trèo non vất vả đến nơi, của báu vào tay mà nghi là đá, bèn vứt bỏ đi.

Do vì lúc dụng công đặc lực không thể nhẫn nại tiến tới mãi mà lại nghỉ ở giữa đường, cho nên lúc đặc lực mà không tính tiến tới nữa thì không còn sức để tiến tới. Phải biết, công phu đặc lực chính là lúc cần phải dùng mãnh siêng năng chịu khó động dụng tham cứu thì mới có phần đặc lực, bất quá là tinh thành tham cứu lâu dài chứ không phải khí lực làm nhọc thân.

Nay đã sợ động, động lực của tham thiền liền ngưng thì không phải là người tham thiền. Chính không sợ động mới là công phu đặc lực. Nếu sợ động công phu liền ngưng nghỉ. Biết rõ ràng sợ động đều do quá động mà có. Tuy biết quá động nhưng nhờ quá động mới có hy vọng đến nhà, sợ động thì đừng nghỉ ở giữa đường. Giữa đường này chẳng phải là chỗ của Nhị Thừa, Thanh Văn, Duyên Giác, mà là chỗ của bọn phàm phu bạc phước vô duyên.

Phải biết, dầu là vô minh duyên hành. Hành tức là hành động, chẳng phải động thì không hành. Dụng công tham thiền, tâm tâm tham, nỗ lực tham, đây gọi là thân tâm đại động, chẳng phải đại động thì không thể đạt đến cái hành động đầu tiên. Đây cũng gọi là lấy động dẹp động, lấy chót tháo chót, lấy vọng trừ vọng, lấy chân trừ chân. Thật do công động của tham thiền mà đạt đến mục đích ban đầu, cửa ải sau rốt.

22. CẦU TỊNH

Người tham thiền cầu tịnh chẳng phải là chân thật tham thiền. Sao vậy? Lúc công phu đặc lực, tịnh bất khả đặc thì cầu tịnh là ai?

Nghi tịnh tinh tham, ngoài quên thế giới, trong quên thân tâm. Thân, tâm, thế giới đều quên thì ai động, ai tịnh? Nếu như chẳng tịnh lại muốn cầu tịnh thì chẳng phải là chánh hạnh tham thiền.

Phải biết, thiền đường chẳng những ngăn động mà còn phải ngăn tịnh. Ngăn động thì động không quan hệ đến thân. Ngăn tịnh thì tịnh không quan hệ đến tâm. Tâm đã không quan hệ thì quên cả động tịnh, như da đã không còn thì lông dựa vào đâu để mọc.

Ngay lúc tham thiền, có động có tịnh đều lấy thân tâm làm chỗ nương tựa. Sao vậy? Công phu đắc lực, thì tịnh giới nghiêm trì, định luật kiên cố, huệ tự nhiên sanh. Chẳng nghĩ trì giới mà đại giới tự trì, vô tâm tu định mà tâm chẳng loạn, chẳng mong phát huệ mà huệ lực sâu xa. Thế nên biết thiền chân thật tức là giới định huệ. Ngăn dứt trần cảnh tức là giới, quên tâm tán loạn tức là định, không nhiễm tất cả tức là huệ.

Người trụ thiền đường không hạ quyết tâm liễu chết tham thiền, cứ sinh hoạt ở trên kiến văn thủ xả, một mai thối tâm trở lại chỗ ngu si tăm tối, tức là chán huyên não, cầu tịch tịnh. Phải biết ghét huyên não, sợ nhân sự tức là trồng sâu hạt giống Nhị Thừa, bỏ Tòng Lâm đi ở nơi cô tịch cam vào cửa của bọn hạt giống chấy. Than ôi! Đau đớn thay!

Nếu người không hiểu rõ và không trừ sạch cái tâm cầu tịnh này thì trên thiếu một hạt giống thành Phật, dưới thiếu một người độ chúng sanh. Vì thế chư Phật thống hận Bồ-tát thương tâm. Một bậc anh tài của Phật giáo mà cam làm hạt giống thúi của pháp môn. Con đường duyên giác là do cầu tịnh mà đi, người thanh văn là do từ sợ động mà sanh ra.

Xin khuyên người tham thiền hãy nắm chặt câu thoại đầu, động cũng tham như vậy, tịnh cũng tham như vậy, sống cũng tham như vậy, chết cũng tham như vậy, tham hoài không bỏ, mới không rơi vào hang ổ Nhị Thừa. Nếu làm được như thế, chư Phật sanh hoan hỷ. Thiên Long giáng kiết tường. Sướng thay!

23. THÍCH ĐẠM BẠC

Người tham thiền, thân tâm không nên phù hoa, không nên kiêu sa, không nên ngã mạn. Như ăn thì mỗi ngày hai bữa cháo, một bữa cơm, mặc thì không đủ ấm. Sách nho dạy: “Người quân tử ăn chẳng cầu no, ở chẳng cầu yên”. Người xưa nói: “No ấm nghĩ đến chuyện dâm dục, đói lạnh phát đạo tâm”. Người tham thiền có đạo lực, trừ y bát ra, chỉ có vài bộ đồ rách, một chiếc mền mỏng, một cái bồ đoàn, ở Tòng Lâm cũng tiện, đi hành cước cũng tiện. Tóm lại, nhiều thêm một vật thì nhiều thêm một tâm, bớt đi một vật thì bớt đi một niệm, bớt đến mức một vật không còn, một tâm không sanh mới thật là pháp khí (*người xứng đáng của pháp môn*), mới thật là đạo nhân.

Ngày gần đây, có người mới học tham thiền, vừa thọ tam đàn đại giới xong, mua sắm đủ thứ, chứa nhiều đồ tốt, như bàn chải đánh răng loại tốt, kem thoa da làm cho thân miệng thơm tho, ném bồ đoàn, cầm thuốc hút, tay cầm chuỗi, miệng ngâm nga, áo tràng đen, áo trong trắng làm động lòng ái nhiễm của người. Áo quần hơi dính mồ hôi như liền đổi thay đồ mới, đi đường thì ngó liếc người chung quanh, ngồi thiền thì lo ngủ gật, dùng trà điểm tâm thường lệ buổi sáng thì

để tâm phan duyên vào sự tiếp đãi. Đến lúc được nghe nhắc: “Xuất gia như vậy uống phí một đời, thời giờ quý báu trôi sông vô ích”. Liền cố gắng sửa đổi lại khiến cho đạo duyên tốt đẹp, thật sự không là không tất cả. Một mai Diêm Vương thấy người có đạo thì đưa thẳng về trời, người không có đạo thì vùi sâu xuống địa phủ. Diêm Vương tuy ác cũng khó bắt tội người vô tội, người to gan lớn mật giải quyết xong đại sự thì đâu có sợ con đường âm phủ.

Thế nên biết, phù hoa, kiêu sa, ngã mạn, hoàn toàn bị người tham thiền đấm bạt đuổi đi. Dù cho vật chất đầy đủ suốt đời cũng không bằng một đời đấm bạt!

24. KHÔNG CÁT TIỀN

Người tham thiền, trước tiên đã biết chỉ là một chiếc thân đi không bạn lữ, tuyệt nhân tình, không thân sơ, bất nhân ngã. Như thế thân mới có thể an nhàn, tâm được tự tại. Lấy thiền duyệt làm cơm nước, lấy pháp hỷ làm no đủ. Chẳng những cơm cháo, y phục của nhân gian không cầu ở người khác mà tự mình có pháp bảo vô giá là chân thiền thọ dụng không hết, thì còn “cát chứa nhiều vàng bạc và đồ vật xinh đẹp đáng yêu” nữa để làm gì. Nếu người cát chứa vàng bạc nắm giữ chẳng bỏ, đều cũng là tham luyến như người thế tục thì thiền làm sao tham? Đạo làm sao hành? Lâu ngày ắt không khác gì bọn thầy chạy theo thế tục. Tình trạng như thế càng ngày càng đi xuống dù có muốn khôi phục lại tư cách của một vị tăng sĩ cũng không thể được!

Người tu hành nếu không có thiền sâu thì phải cẩn trọng tuân theo lời Phật dạy: Ba y, bình bát, trụ lâu ở Tòng Lâm, từ cạn vào sâu, từ thô đến tế, dần dần bước lên thánh địa. Như vậy, cần phải lập đại hạnh thân không cát tiền, tay không cầm tiền, mới có thể trì được giới “Cát chứa tiền”, mới có thể giữ thanh quy, hành khổ hạnh. Thân như đũa ngọc, tâm như con Phật. Sao vậy? Vì đã trì giới “Cát chứa tiền” lại giữ thanh quy, không còn sắm quần áo tốt, giày vớ tốt, dù phải chịu khổ đến đáo để cũng không có một chút xê xích. Chẳng những tự mình giữ theo lời Phật dạy mà cũng dạy người khác làm y như vậy. Làm được như thế, thì mọi người ở thế gian đều phải le lưỡi nói: “Thời này còn có vị sư tăng tốt như thế, thật là Phật sống ứng thế vậy”.

Làm được như thế thì Phật giáo có thể huy hoàng, tăng chúng dần dần có khởi sắc, tiền đồ của Tam Bảo tự nhiên xán lạn.

Mong sau mọi người hãy bỏ xa hoa mà hành hạnh Phật, y theo Phật học, lâu ngày không dòi dỏ, suốt đời trước sau như một, thì thật là vị cứu tinh của pháp môn, là người hướng đạo của thời mạt pháp. Từ chỗ nghèo khổ thâm nhập thiền na. Nếu phát minh được Phật pháp vốn sẵn có thì cũng từ khổ hạnh mà được.

Ước mong có người như thế trụ lâu ở đời, vì người đó thật là đứa con quý của Tam Bảo vậy.

25. THANH KHIẾT

Người tham thiền trước nhứt cần phải ba nghiệp thanh tịnh, kể đến tu hành đúng như Pháp. Nếu không kiểm điểm thân tâm thì rốt cuộc đắc mà lại thất.

THÂN NGHIỆP: Đã thật sự tham thiền thì thân còn không phải của ta, thì còn có cái gì của ta nữa. Đắt còn bất khả đắc thì khí cụ sát sanh để ở chỗ nào? Trì giới như thế, gọi là vô tác thánh giới.

KHẨU NGHIỆP: Miệng hoàn toàn sạch hết bốn lỗi (*nói dối, nói thêu dệt, nói chia rẽ, nói lời thô ác*). Đồ ngũ tân như hành tỏi không còn nghe, tôm cá trứng gà trứng vịt chưa từng nếm, củ cải rau xanh là đồ ăn quý, rau dưa sơ xài là món ăn ngon. Như thế là miệng được thanh khiết vậy.

Ý NGHIỆP: Ý như ngựa hoang dong ruổi, tâm như khí vượn leo trèo. Ba nghiệp lóng trong, lại thêm thanh khiết thì ánh sáng của lý Nhất thừa càng thêm hiển hiện. Sự thanh khiết là chân thật thanh khiết của sự thành Phật vậy.

Người thời gần đây ăn chay cũng gọi là ăn uống thanh khiết. Ăn chay thật là một điều thiện lớn. Trong số những người ăn chay vì hoàn nguyện, có người ăn chay đến già. Có người bắt chước ăn chay, có người được chỉ dạy cho ăn chay, rốt cuộc quả báo được sanh lên cõi trời, hoặc sanh làm người giàu có. Người ăn chay đúng đắn trước tiên phải quy y Tam Bảo, kế đó nghiêm trì ngũ giới. Đây là vun bồi dần dần hạt giống Phật, trồng sâu nhân xuất thế.

Người ăn chay nếu nhập vào các bản môn như Tiên Thiên Đạo, Vô vi môn, Diêu trì môn, Thanh tịnh môn, Đại thừa môn, Tam bôi trà, Ngũ chi hương, Cửu công đạo v.v... Tu học rất tốt cũng đủ làm cho người thiện ở thế gian. Bên trong họ có hạnh tu bí mật không tiện công khai. Cũng có người in sách dạy đời, có người nhân sự cung kính, vì mua cá phóng sanh, nhưng họ đều không chịu thay đổi đường lối. Các thứ ngoại đạo này phần nhiều phỉ báng Phật Giáo, khinh khi Tam Bảo, thật là một điều đáng tiếc!

Có những tín sĩ ăn chay của các môn, các đạo phỉ báng Phật giáo nặng nề như: “Làm Hòa Thượng vào cửa không, Phật giáo không bằng đạo của ta”.

Như thế đều do người lãnh đạo giáo phái chưa từng xem kinh Phật, chưa biết nghĩa lý đạo Phật, không biết mình là ngoại đạo, lại nghi Phật là cửa không.

Nếu các môn, các đạo không phỉ báng Phật, không khinh khi Tăng, thêm kính Tam Bảo thì chuyển ngoại đạo thành ra đạo hữu của Phật môn.

Kính khuyên, quý vị lãnh đạo của các đạo hãy mau tỉnh ngộ để có thể làm thuyền bè quý báu cho nhân gian.

26. TRÌ GIỚI

Người tham thiền đã biết, Phật sắp diệt độ, Ngài A Nan thưa: “Lúc Phật tại thế, lấy Phật làm thầy. Sau Phật diệt độ, lấy gì làm thầy?” Phật bảo A Nan: “Sau khi ta diệt độ, các ông lấy giới làm thầy”

Thế nên biết, thánh giới là lời di chúc của chính miệng Phật nói ra, Phật tử chúng ta đều phải nghiêm trì tịnh giới, giữ kỷ thanh quy. Giữ thanh quy thì siêu thăng, phạm giới thì đọa lạc.

Giới có hai thứ là: BẠCH Y GIỚI (*giới tại gia*) và NHIỄM Y GIỚI (*giới xuất gia*).

BẠCH Y GIỚI là các thứ y phục đều là màu sắc chính, hoặc nhiều màu, đó là theo thói quen tham thân thích đẹp mà chế ra, cho nên hai chúng tại gia mặc đồ này gọi là Bạch y giới.

NHIỄM Y GIỚI là y áo nhuộm các màu hoại sắc như: vàng, hoặc đà, hoặc xám tro, đó là những màu người thế tục không thích. Hai chúng xuất gia mặc đồ đó gọi là hợp đạo.

Thời gian gần đây có sự lộn xộn vì phạm thánh giới: Cư sĩ tại gia mặc áo hoại sắc, Tỷ-kheo xuất gia lại mặc y phục màu trắng. Màu trắng là màu y phục thế tục, tăng sĩ sao lại dám mặc, đó là cam chịu, làm đũa con ngỗ nghịch của Phật môn, thật là quyến thuộc của Ma Vương Ba tuần vậy.

Lúc Phật còn tại thế, Ma Vương nói với Phật: “Ngài còn tại thế, tôi không có cách nào phá hoại chánh pháp của Ngài. Sau Phật diệt độ, năm trăm năm, Ma Vương tôi sẽ đem con trai, con gái ma của tôi vào trong đời mật pháp phá hoại chánh pháp của Phật bằng cách xuất gia trong hàng ngũ chư Tăng, bên ngoài hiện hình tướng Tăng, bên trong làm hạnh thế tục. Bạch y thuyết pháp, Tỷ-kheo nghe Kinh. Tỷ kheo mặc y phục bạch y cho đó là y phục của Tăng. Cư sĩ mặc y phục của Tăng cho đó là của bạch y. Phật nghe Ma Vương thế muốn phá hoại chánh pháp của Phật mà Phật rơi lệ.

LAI QUẢ tôi cúi xin quý vị Sư Tăng hãy nghiêm chỉnh giữ đúng quy chế của Phật, đừng để trúng kế của ma. Hãy đổi y phục màu trắng ra màu hoại sắc, sửa phá pháp thành ra hộ pháp. Xin quý vị hãy lập thế “Tự hành cũng như dạy người mặc áo thô hoại sắc, ăn uống đạm bạc, lấy Tòng Lâm làm nhà, lấy giới luật làm hạnh, lấy việc giáo hóa người học Phật làm sự nghiệp, lấy sự tự răn cấm mình kiêu sa làm hạnh tu hàng ngày. Lại nguyện: “Đồng hộ chánh pháp Như Lai, cùng giữ giới luật của Phật. Trên thân không mang một tấc vải trắng, nơi miệng thường nói giữ giới của Phật, nơi ý không nghĩ đến đồ bạch y tốt đẹp”. Ba nghiệp thanh tịnh mới đích thực là con của Phật vậy.

27. OAI NGHI

Người tham thiền hành đạo hết ba ngàn oai nghi, tám vạn tế hạnh mới đáng được gọi là vị Tăng sĩ tốt. Sách nho nói: “Lễ nghi có ba trăm, oai nghi có ba ngàn”. Huống thay là Tăng sĩ?

Oai nghi cũng là sự giáo hóa chúng sanh mà không dùng đến lời nói, tất cả chúng sanh thấy nghe đều sanh hoan hỷ, sanh lòng tin tưởng, trông được thiện căn lớn.

Thời gần đây có người tu hành không giữ oai nghi, không trì cấm giới của Phật, đi đường thường ngó đông ngó tây, cười nói ồn ào, hoặc có người áo vắt vai, tay cầm thuốc hút, đội mũ lệch, mặc áo mỏng. Cờ bạc là điều mất oai nghi bậc nhất, tham dâm là cửa đạo lạc nặng nề. Qui chế của Phật bỏ qua chẳng màng đến, chỉ lo phá thánh giới, dù có nghe nói đến tam đồ (*địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh*) thống khổ, nghe cũng như không nghe, cứ đua nhau đi vào chốn khổ.

Tăng sĩ phá giới sao chẳng quày đầu, tình nguyện vào chốn Tông Lâm, thường đem nước pháp tẩy rửa lỗi lầm, dùng mãnh phấn phát đạo tâm để cởi mở tội nặng. Tội ác trước kia lớn bằng trời, một pháp tham thiền không đủ khỏi tội. Cho nên biết mình có lỗi tự chữa còn phải khuyên người khác nữa. Không nên chỉ lo trừ lỗi của mình, mà không lo đến người khác tạo ác. Đạo Bồ-tát lấy tự lợi lợi tha làm bản hạnh hàng ngày. Nếu làm được như thế mới là gương tốt của đời mạt pháp, là con mắt của Trời người, chư Phật hoan hỷ, Thiên long giáng kiết tường, cha mẹ chín đời đều được siêu thăng, quyến thuộc hiện đời nhờ ân này được phước.

Oai nghi là một Phật sự lớn, người hành được thì giáo hóa trời người, người không hành được bị gọi là người tồi tệ.

Xưa, có hai thầy Tỳ-kheo đồng đi khát thực. Người có oai nghi thường được no đủ, người không oai nghi thì bị đói khát. Hai người cùng đến nhà thí chủ. Người có oai nghi thì mắt nhìn thẳng thân tâm tịch tịnh, không nói không nghe. Cả nhà thí chủ đều đánh lễ kính như Phật sống, người không oai nghi thì đầu lúc lắc, mắt lảo liên, ngồi gát chân, đứng dựa vách bị thí chủ đuổi ra nói: “Thầy hãy đi nơi khác nhà tôi chỉ muốn cúng dường Phật sống”. Vị Sư này tức giận lắm nói rằng: “Ông kia với tôi cùng đi khát thực, tại sao lại cúng dường ông ta như Phật sống, còn tôi thì lại đuổi đi. Tôi bất quá thiếu chút oai nghi, mà bỏ đói tôi, chẳng những tôi đói muốn chết mà còn thêm tức muốn chết. Điều đó chứng minh rõ ràng: Người có oai nghi đi đâu cũng được người cung kính.

28. TẾ HẠNH

Người tham thiền quan trọng nhất là tế hạnh, thiếu tế hạnh khó nhập đại định. Đầy đủ tế hạnh thì động cũng là định.

Chúng ta do một niệm bất giác mới có vô minh. Vô minh chỉ hành tế hạnh, chưa nhập vào danh sách. Nay đã trở lại cái gốc tế hạnh thế nên biết còn cách nguồn tâm chẳng xa.

Người mới học không biết tế hạnh là vật gì? Tâm thô, một lời ăn nói nặng nề làm tổn thương hòa khí, đều do không có tế hạnh mà ra.

Lúc đi chân không có tiếng là tế hạnh. Lúc đứng hai tay buông thẳng với thân bất động là tế hạnh. Lúc ngồi thì ngay thẳng không dựa nghiêng là tế hạnh. Lúc ngủ thì nằm theo thế kiết

tường, không nằm ngửa, không nằm sấp, không nằm nghiêng bên trái, tay hữu gối đầu, tay tả để xuôi trên thân mình là tể hạnh. Khi nói chuyện với người thì nhìn ngay ngực người, nói không vắng nước miếng, nói năng dịu dàng là tể hạnh. Làm việc thì tay chân nhẹ nhàng sẽ là tể hạnh. Xa lìa thô hạnh của thập ác, siêng làm tể hạnh của thập thiện. Lúc nói chuyện không nên chưa nói đã cười là tể hạnh. Có việc không nên sợ đầu sợ đuôi là tể hạnh. Trì giới được thanh tịnh là tể hạnh. Đầy đủ được oai nghi là tể hạnh. Người khác tham thiền khó tiến bộ, người tể hạnh vừa tham liền tiến bộ. Con kiến kêu cứu mạng, người thô tâm chẳng thể nghe, người tể tâm nghe được và cứu được. Tứ Tổ nghe con rệp bị Lại Dung thiền sư ném xuống đất gãy chân rên la là tể hạnh. Một hôm tôi đang ngủ trên quảng đơn (*giường ngủ tập thể*) bỗng nghe tiếng kêu khóc tôi xuống đơn tìm kiếm, thấy một con rệp không có chân đang lăn lộn, vì tâm tể hạnh nghe được, chứ không phải chuyện lạ.

Lúc Phật còn tại thế, một hôm có việc Phật lên cung trời Đao Lợi. Trời Đế Thích thiết tiệc khoản đãi, Phật hóa là Đế Thích, thân giống Đế Thích. Các vị A-la-Hán tùy tùng như Mục Liên, Xá Lợi Phất, Ca Diếp, Tu Bồ Đề mắc lo du ngoạn thiên cung. Lúc trở về mới hay Phật đang dự tiệc mà không biết ai là Phật ai là Đế Thích. Mục Liên kinh hãi bay lên trời Phạm Thiên tìm cũng không thấy ai là Phật, bay đi xa đến chín trăm chín mươi hăng xa cõi Phật tìm Phật cũng không thấy, mới hỏi Ngài Xá Lợi Phất. Ngài Xá Lợi Phất bảo: “Các ngài A-la-Hán hãy nhìn trên tòa, người nào có tể hạnh, con mắt không động, chắc chắn là Đức Thế Tôn. Chúng A-la-Hán nhìn ra mới dám đến trước Phật. Phật quở: “Thần thông chẳng bằng trí huệ. Mục Liên thô tâm, chẳng bằng Xá Lợi Phất tể hạnh”.

Tể hạnh là do tham thiền mà có.

29. THANH QUY

Người tham thiền cần nhứt phải giữ thanh quy mới có thể tham thiền.

Thanh quy là mô phạm công chánh thanh nghiêm. Công hay trừ được những điều tội tệ riêng tư, chánh hay trừ được cấu nhiễm tà vạy. Thanh hay trừ được cấu bẩn nhơ uế. Nghiêm hay trừ được thói quen biếng nhác. Cho nên dùng thanh quy để kiến lập Tông Lâm, dùng thanh quy để sửa trị nhân cách, dùng thanh quy để lợi ích nhân thế, dùng thanh quy để thành Phật Tổ.

Quy củ chẳng thanh nghiêm thì con người theo đó mà biếng nhác. Quy củ chẳng công chánh thì con người dễ thành ra tệ lậu. Thế nên biết, công chánh thanh nghiêm là gốc của Tông Lâm. Làm nền của Phật Tổ, làm con đường cho người tham thiền, làm con thuyền của biển khổ, người giữ được thanh quy thì thân chịu được khổ, tâm chịu được nhọc. Thà chết với thanh quy chứ không sống với uế trước. Chúng ta vốn rất mờ tối, theo nghiệp lỗi cuốn thì cảm thấy thích ý. Có chút bó buộc của quy củ thì thấy khó chịu. Như thế có nên chăng?

Người trụ Tòng Lâm: Phải biết giữ quy củ là trừ tập khí ác cho mình, là cất bỏ nghiệp chướng cho mình, cho nên phải giữ cho nghiêm chặt không nên sao lãng. Quy củ là khuôn pháp làm cho người ta trở thành người tốt. Thế nên biết, người muốn giữ thanh quy mà nghiệp chướng không chịu giữ thanh quy.

Thường thường người ta nói: “Tôi rất khổ sở, tôi muốn giữ thanh quy để làm người tốt, mà nghiệp chướng không chịu. Ôi! Chẳng lẽ thành ra hai người. Lại nghĩ rằng: “Tôi muốn đông, nghiệp chướng muốn tây, tôi muốn ăn cơm, nghiệp chướng muốn uống trà. Như vậy, quả thực nghiệp không làm chủ được. Mỗi người hãy hỏi kỹ lại tâm mình xem. Ta muốn xem Kinh, liền xem kinh, ta muốn lạy Phật, liền lạy Phật, đâu có chút gì ngăn cản. Bảo ông giữ thanh quy, tại sao lại đổ thừa oan cho nghiệp chướng không cho giữ thanh quy. Nghiệp chướng nếu nói chuyện được, mà nghe ta nói do nghiệp chướng không làm chủ được thì nghiệp chướng sẽ kêu oan rằng: “Ông chủ đã làm oan ức nghiệp chướng của tôi rồi!”. Gặp việc chẳng làm, rõ ràng là tại ông không chịu làm, lại đổ thừa cho nghiệp chướng tôi không chịu làm. Đâu có lý nào nghiệp không làm chủ được. Người chủ nhân này tỉnh ngộ nói: “A! Liều tức nghiệp chướng bỗng lại không, chưa liễu tình nguyện giữ quy củ”. Từ nay lập đại hạnh, phát đại nguyện thề từ thủ thanh quy quyết định chẳng theo nghiệp chướng chuyển. Thật sự do ta chứ không dính líu gì đến nghiệp chướng cả.

30. CHỊU KHÓ

Người tham thiền cần phải có tâm thường hằng kiên cố, không được đung nhăm việc khó thối lui. Phải biết việc tham thiền này lớn lao không có gì sánh bằng. Tất cả những việc vô cùng trọng yếu của thế gian cũng không trọng yếu bằng tham thiền. Sao vậy? Người cả thế gian hướng ra ngoài tìm cầu, còn người tham thiền đi vào bên trong. Nhưng sự đi này không phải chân đi, không phải thân đi, không phải tâm đi mà là đề khởi một câu thoại đầu, tâm tâm tham, khắc khắc tham, miên mật tham. Tham thiền miên mật? Một kẻ hờ bằng đầu mũi kim cũng không có, có thì việc thế gian sanh. Một chút xú của cái có cũng không thể có, đó là chỗ hành của tham thiền. Hành như thế ắt phải chịu khó mới hành được. Vì sao? Như người đi đến trong rừng gai góc, trong đám hổ báo, trong đồng phân cứt, trong đám người nữ, chỗ này hồi đó đến giờ chưa từng đi cũng chưa từng đến qua, nay đã mạnh dạn đi qua, dù trong tâm bình tĩnh cũng khó mà đi thẳng. Thế nên biết, cái khó của đường đi bên ngoài, cái gấp của tâm bên trong là cho lừa giận bùng bùng, phần nộ không dứt. Con đường như thế lại thêm phải đi như thế, thật là không dám đi, không còn muốn đi nữa. Người hành đạo phải làm đến chỗ không hành không được, trong đó sự khéo léo là trước tiên phải rõ chỗ thích của tâm là tiêu dao, là thích ý, là tự tại, là sung sướng, vì thế hang ổ của lục đạo luân hồi đều ở chỗ đó.

Ngày nay đi con đường cũ, tham luyện chẳng bỏ nhân thế, đã chẳng phải mới ngày nay đâu! Thẳng đến hôm nay chỉ là đi qua một lần mà chưa trở lại một lần nào. Mọi người hãy xem, ngày nay tính theo con đường cũ trở về, con đường cũ xa xôi không tự thấy. Thế nên biết, con đường

này tuy đã đi qua một lần, trải qua thời gian quá lâu, bây giờ hoàn toàn quên mất, nay muốn trở về không biết đường đi. Có một pháp hay là câu thoại đầu, có một khổ hạnh là hai chữ CHỈU KHÓ. Chúng ta ngày nay muốn trở về nhà, cứ ôm chặt một câu NHẪN NẠI, nhẫn nại lâu ngày thuần thực, chịu khó lâu ngày thành tập quán, bảo nó làm việc khác nó không biết, chỉ biết một việc CHỈU KHÓ càng ngày càng quen thuộc. Chỗ hành như thế đại địa không đủ để hành, hư không cũng không đủ để hành. Hễ hành liền liễu (*ngộ*). Trước dùng nhẫn nại hành, sau dùng tâm hành, rồi dùng pháp hành. Đến đây một tay đập vỡ vô minh, một chân đá nhào ỏ thức. Từ đây gia đình không rời đại lộ, đại lộ đều là gia đình. Sung sướng biết bao!

31. GIỚI THAM

Người tham thiền đến tu giới định huệ, tức là diệt tham sân si và cũng không lìa tham thiền mà từ bỏ các tập khí tham sân si.

Người đạo nhân chân chính quần áo trên thân không thay, hàng ngày ăn uống không đủ, vớ lủng, giày rách, áo tràng vá chùng nhiều lớp, mũ rách te tua, ở xa nhìn tưởng là kẻ ăn mày, đến gần mới hay là người tham thiền. Người này là của báu trong chúng Tăng, là bậc tôn quý trong loài người. Nếu suốt đời thân đạm bạc, chí kiên cố đến già cũng không thay đổi, chỉ có tiền chó không lùi, chỉ rỗng không, không có gì hết, vô tâm nơi sự, vô tâm nơi lý, mới đích thật là tâm đạo nhân.

Thời gần đây, người học đạo thích bỏ đoàn tốt, tọa cụ đẹp để có thể gói đầu, làm nệm để nằm, bình bát chề là xấu, giới điệp chề là mỏng. Con mắt sáng như minh châu mà mang mắt kiếng trắng. Lại sắm khăn lông, giày da thứ tốt, kem đánh răng thượng hạng v.v... Xức dầu thơm cho thân hôi thúi, cạo râu nhẵn nhụi cho đẹp trai. Tham cái đẹp của thân như thế mà đâu biết thân này do cúrt thành. Nếu như thấy rõ được thân này bất tịnh, không màng đến nó nữa thì mới là bậc đại trượng phu.

Người thật có tâm với đạo, người có thiền để tham biết rõ tâm ta lâu nay bị trần nhiễm cho nên phải có thân hình. Nay đã xuất gia đâu dám theo thân chuyển nữa. Bằng không thì thai trâu bụng ngựa phải qua vạn năm, địa ngục thiên đường bị mê ràng buộc, biết đến ngày nào mới được thoát ra. Phải mau bỏ đi những đồ vật làm mê thân, đem bỏ đoàn tốt cho người, liệng đi tọa cụ đẹp, bình bát, giới điệp là đồ tùy thân tốt xấu chẳng màng, mắt kiếng, khăn lông hãy mau đem cho kẻ tục. Kem đánh răng, xà bông thơm hãy ném vào hầm phân. Thân thúi mồ hôi chẳng cần biết, làm ông Tăng nghèo nàn cũng không màng, quần áo hoại sắc thì mặc, cốt thoát ly tập quán thế tục, cắt bỏ phù hoa. Từ nay về sau, trừ hạt giống tham rồi, thì gốc rễ đâu có sanh. Một vai mang gói hành lý rách rưới, hai chân đi thẳng vào Tông Lâm. Trừ thiền đường rồi, nhớ lại chuyện xưa hổ thẹn nói rằng: “Ngày nay được đến chỗ này là nơi an thân lập mạng của ta. Ngay đầu bữa một nhát, quý tham chết ngắt. Quày đầu lại làm người tốt, được người đời gọi là người hữu đạo. Sao mà không làm như thế?”

32. GIỚI SÂN

Người tham thiền đã biết giận hờn là điều làm tổn thương thân mạng và làm hỏng việc lớn. Thấy người đem lại sự bất lợi cho ta, hoặc nghe nói người có hại cho ta thì liền nổi sân lên trợn mắt đỏ mặt thốt ra lời hung dữ. Có người thì cãi cọ, có người đâm đá, có người kéo đến cửa quan, có người kết hận với nhau. Lửa sân này một phen nổi dậy thì làm cho ngày đêm không yên, cho đến nằm chiêm bao cũng thấy đánh lộn. Đáng thương, nó còn làm lụy đến đời sau nữa. Người tâm ác độc thì trong bụng nghĩ hễ gặp kẻ thù thì giết chết. Người tâm nhu nhược thì sợ người hại mình mà trốn tránh. Hai người này đến đời sau, người ác như con mèo, người yếu như con chuột, gặp mèo liền chết. Lại như con thỏ gặp chó liền chết, như con dê gặp cọp liền chết, như con trùng gặp chim liền chết, như tôm cá gặp người liền chết, như con heo vừa lớn liền chết, như kẻ thù gặp kẻ hại thì chết. Thật đáng thương tâm!

Một đời người có mấy mươi năm mà thế nào cũng có một lần cãi cọ, một lần xô đẩy, một lần đánh lộn, một lần chưởi mắng, lửa sân nổi lên đỏ mặt tía tai, tạo nên vô biên nghiệp ác. Đời này không biết ăn năn sám hối thì đến đời sau thù oán giết hại lẫn nhau.

Than ôi! Tạo nghiệp hơi lớn đọa vào loài súc sanh ngã quý vạn kiếp, tạo nghiệp lớn hơn nữa thì đọa địa ngục A Tỳ biết đến ngày nào mới được ra khỏi.

Tôi xin khuyên quý ngài hãy coi mọi người và loài chẳng phải người (*phi nhân*) đều là cha mẹ quá khứ của ta, đều là chư Phật vị lai. Quý ngài tin biện pháp này của tôi khuyên thì tôi dám đảm bảo quý ngài không có lỗi. Từ đây về sau hễ thấy kẻ thù phải mau mau dập đầu lạy kẻ thù, nghe người đến hại ta thì mau khóc lóc với người ấy rằng: “Tôi là đứa con ngỗ nghịch của người, xin người là cha mẹ của tôi tha tội cho tôi một phen, tôi xin chừa lỗi”.

Làm như thế, người hại ta thấy ta khóc chẳng còn muốn hại ta nữa. Từ đây đến đời sau lại càng thân mật hơn. Biện pháp căn bản để trừ sân là đối với oán thân hiểu như cha mẹ, kính như chư Phật.

Phải biết sân giận là mũi tên độc hại người, sân giận là cây dao cắt đứt huệ mạng người, sân giận là búa bén giết người, sân giận là bánh xe lửa của địa ngục. Thật muốn trừ sân chỉ có tham thiền, như biện pháp rút củi dưới đáy nồi, ngoài pháp này ra, đều là quây nước để ngưng sôi mà thôi.

33. GIỚI DÂM

Người tham thiền phải biết thân là gốc DÂM.

Người xưa nói: “Do dâm dục mà chánh tánh mạng. Ái dục làm nhân, ái mạng làm quả. Dục nhân ái sanh, mạng từ dục có”. Lời Phật rõ ràng đâu dám trái nghịch.

Người hành đạo phải đề phòng dâm như đề phòng lửa, đề phòng ái như đề phòng giặc. Lửa không đề phòng thì bị thiêu đốt thành tro. Giặc không đề phòng thì bị cướp hết của cải. Thật rất

quan hệ đến sanh mạng và tài sản của chúng ta. Mạng tức là pháp thân huệ mạng. Tài tức là thất thành công đức tài. Không phải là việc nhỏ vậy!

Lúc tham thiền đắc lực, có người hỏi: “Đã được đắc lực thì đâu cần gì phải phòng”. Thế nên biết, công phu đắc lực không phòng dâm mà dâm tự thanh tịnh. Có niệm phòng dâm thì khó làm công phu. Người trung hạ dụng công tham thiền phải cẩn mật phòng dâm, phạm dâm đâu chỉ phạm một lần mà còn tái phạm. Có niệm phòng dâm chưa được gọi là công phu đắc lực, nhưng nếu phạm dâm thì bị gọi là người tội lỗi của pháp môn.

Hình thái của phòng dâm là ba nghiệp chưa động, đã đủ tâm dâm bại ác “Cửa thân và miệng” khởi ra thì đã tràn trề dâm dục. Thấy nữ sắc, động tâm dâm, lỗi có thể tha thứ, thấy nam sắc (*người đồng phái*) động niệm dâm thì khó thoát khỏi tội nặng. Có người cố chạm thân thể, có người hôn môi, có người tặng nhau đồ vật, có người hứa hẹn riêng tư, có người dâm nơi cửa miệng, có người dâm ở bàn tọa (*hậu môn*) có người bị cưỡng bức dâm, có người yêu nhau dâm, chỉ có tội đồng phái với nhau mà dâm là nặng nhứt, đồng với tội thất nghịch bị phán xử ở địa ngục A Tỳ chịu tội bốn đại kiếp. Tăng cùng với người nữ dâm bị xử tội đọa A Tỳ một đại kiếp. Cùng với người đồng phái dâm bị đọa A Tỳ bốn đại kiếp.

Người thế gian nói: “Vạn ác, dâm đứng đầu. Trăm thiện hiếu đứng trước” huống là tăng sĩ ư? Thế gian một chồng một vợ là chánh dâm, không có lỗi. Nếu một giờ, nửa khắc có hai vợ là tà dâm, có lỗi. Nếu một vợ một chồng là chánh dâm không lỗi. Nếu người vợ có hai chồng là tà dâm, có lỗi. Tăng Sĩ giữ giới, tà dâm, chánh dâm đều phải trì cho thanh tịnh. Nếu có chút không thanh tịnh, nếu nhân duyên đến sẽ bị tội ở chốn tam đồ.

Nếu muốn trì giới dâm thanh tịnh, không chút vi phạm, chỉ có một pháp tham thiền là trừ sạch hết. Sao vậy? Vì ngay lúc tham thiền, tuyệt tướng nhân ngã thì còn vật gì là vật dâm? Tham thiền được thấu thì đoạn được mạng căn sanh tử, không những dâm căn, dâm chủng đều bật, mà cả đất để gieo giống dâm cũng triệt để bỏ luôn. Bạc tiểu thì thành La Hán, bạc trung thì thành Bồ-tát, bạc đại thì thành chư Phật vậy.

34. RẤT DỄ

Người tham thiền phải biết pháp nào là pháp rất dễ hành, pháp nào là pháp rất khó hành. Nếu không biết rành về khó dễ thì rốt cuộc bị sự khó dễ chuyển. Sao vậy? Tất cả các pháp thế gian chẳng phải học ba năm, năm năm thì không thể xuất sư. Làm một thiên văn chương còn phải mất mười năm nghiêng bút mới có thể đạt đến địa vị văn nhân. Ngoài ra, bất cứ nghề nghiệp nào cũng phải học mới biết. Ăn cơm là rất dễ còn phải mất thời gian tám phút, mười phút. Đi ỉa là còn phải mất thời gian hai đến ba phút. Duỗi tay rất dễ còn phải mất thời gian một cái duỗi. Động chân rất dễ cũng phải mất thời gian của một cái động. Người đời thường nói: Học Phật rất dễ song cũng có thời gian tương đương. Lại nói: Niệm Phật rất dễ, đến lúc thọ dụng phải niệm đến sau khi chết còn khó liệu được có sanh tây phương hay không? Tất cả mọi sự học Phật,

không có gì dễ bằng tham thiền. Có người tham một ngày được ngộ, có người tham một giờ được khai ngộ, có người vừa tham vừa ngộ, có người mới dự bị tham mà ngộ, có người không tham mà ngộ. Mục đích rất dễ đạt, một phen ngộ liền liễu, liễu tức là thành Phật.

Hoặc có người không chân thật tham thì ngộ chậm, người chân thật tham thì lập tức ngộ. Tại sao thế? Tất cả pháp thế gian có học mới biết, không học không biết, duy chỉ có một pháp tham thiền này không học cũng có thể có, không học cũng có thể biết. Tất cả sự học đều hướng về thế gian học, chỉ có tham thiền là hướng về tự tâm học. Tâm của loài người cùng loài chẳng phải người (*phi nhân*), tâm của hữu tình, vô tình đều đồng một tâm, tham và tạo chẳng ra ngoài một tâm của đương nhân. Tham thì thành Phật, tạo thì thành chúng sanh. Tham thì không tâm, tạo thì có thân. Tham thì không cả hữu tình và vô tình, tạo thì nghiệp quy về chúng sanh luân chuyển. Phải biết tâm tham thì lâu ngày dần dần không. Tâm tạo thì lâu ngày dần dần có. Không thì thành chư Phật. Có thì thành chúng sanh. Thế nên biết tất cả mọi việc chẳng hỏi đến tâm, chỉ riêng một Pháp tham thiền này không thể rời tâm.

35. THẬT TỐT

Người tham thiền trước tiên phải biết lựa chọn pháp lợi độn, pháp tốt xấu, pháp lợi thì ngộ tâm, pháp độn thì lo làm việc thế gian. Pháp tốt là tham thiền, pháp xấu là tạo nghiệp. Người tu hành rất cần phải thận trọng chọn lựa đường đi, một bước đầu tiên đừng để sai lầm, cho nên đi đứng vạn dặm quan trọng ở một bước đầu tiên. Như nhà của ta ở hướng Bắc mà bước đầu tiên lại đi về hướng Nam, dẫu cho ông có đi suốt bao nhiêu năm cũng không có thời tiết đến nhà, càng vội vã đi, càng khó đến nhà. Bỗng gặp người tham thiền quen hỏi: “Ông đi đâu mà vội vàng như lửa đốt vậy, bộ lạc đường rồi sao? Người đi đường đáp: “Chính vì muốn đến nhà, tôi đã đi suốt ba mươi năm rồi mà vẫn còn ở giữa đường, lòng nóng như lửa đốt”.

Người tham thiền hỏi: “Ông có thật muốn về đến nhà chăng?”

Đáp: “Thật muốn”.

Người tham thiền bèn dạy cho pháp tham thiền, người ấy ngồi xuống nhắm mắt, tâm chẳng tưởng đến con đường, cũng chẳng tưởng đến nhà. Giây lâu bỗng nói: “Sống thay! Pháp tham thiền này thật rất là tốt”. Vì sao? Vì con đường của thế gian đi lầm vạn dặm phải trở lui lại vạn dặm mới về được lại chỗ cũ. Còn ở đây ngồi một lát, không cần lùi lại vạn dặm mà lập tức đến nhà, mới biết thiền tông có sự chứng minh: “Đường không rời nhà, nhà tức là đường”.

Người thế gian tuy lạc nhà vạn dặm nhưng cũng chưa ra ngoài cửa một bước. Dù người phi báng Phật mà đâu biết chính mình là Phật vị lai. Dù người phi báng pháp mà đâu biết đại pháp là nói tâm pháp của mình. Dù người khinh khi chư Tăng mà đâu biết chư Tăng tương lai là người ân chỉ dạy ta học Phật. Bất quá người tin thì thành Phật sớm, người phi báng thì thành Phật muộn mà thôi.

Có người hỏi: “Muộn bao lâu mới thành Phật?”. Đáp: Nếu người phỉ báng Tam Bảo là tạo nghiệp A Tỳ. Lấy tám vạn đại kiếp của trời phi phi tưởng là một ngày đêm của địa ngục A Tỳ. Còn các nghiệp khác thì thời gian bị đọa số kiếp ít hơn.

Người hỏi ấy nói: Từ nay về sau tôi chẳng dám phỉ báng Phật, Pháp, Tăng, và phải gấp học Phật Pháp Tăng. Vì sao? Nếu tạo nghiệp ác này, một khi bị đọa không biết đến lúc nào ra. Do đó, chẳng những hôm nay tôi rất hổ thẹn, quyết chí tham thiền, mà còn khuyên người thân thích, kẻ quen biết của tôi và khắp thiên hạ nên thức tỉnh quày đầu, xem thế giới đẹp như trăm hoa sớm nở tối tàn không có gì trường cửu. Vợ đẹp, con ngoan, công danh phú quý đều như giọt sương mai, ngay cả thân này còn không phải của ta, huống là cái gì khác. Chỉ có tham thiền là việc thật tốt. Tại sao thật tốt? Phải biết, tham thiền hể ngộ là đi thẳng vào nhà chư Phật. Bảo ta sanh đông phương, rồi sanh tây phương, ta nhứt định không đi. Ta cùng Phật sánh vai, cùng Phật đồng ngồi. Ở thế gian đâu có cái tốt này. Thật tốt không có gì sánh bằng.

36. TRỰC TIẾP

Người tham thiền một pháp này không động bước cũng có thể liễu. Liễu tức là liễu ngộ đường về nhà. Không đi đường cũng có thể liễu, không gánh gánh cũng có thể liễu, gánh gánh nặng cũng có thể liễu, kẻ ác người thiện cũng có thể liễu, người trí kẻ ngu cũng có thể liễu, làm quan to, làm lão gia cũng có thể liễu, người làm ruộng người buôn bán cũng có thể liễu, gái trai lớn nhỏ cũng có thể liễu, già trẻ nghèo hèn cũng có thể liễu, kẻ gánh phẫn, người bán dưa cũng có thể liễu, người xuất gia, kẻ tại gia cũng có thể liễu, không chịu liễu cũng có thể liễu, chịu liễu lại càng có thể liễu, ăn cơm cũng có thể liễu, ỉa đái cũng có thể liễu, giết người cũng có thể liễu, cứu người cũng có thể liễu, phỉ báng Tam Bảo cũng có thể liễu, kính tin Tam Bảo cũng có thể liễu, đây là hữu tình liễu đạo.

Hư không cũng có thể liễu, đại địa cũng có thể liễu, gạch ngói sỏi đá cũng có thể liễu, cỏ cây rừng rậm cũng có thể liễu, cục bùn cứt chó cũng có thể liễu, đây là vô tình liễu đạo.

Lại hỏi: Hữu tình liễu đạo còn có thể tin, chứ vô tình liễu đạo thật khó tin quá!

Đáp: Tôi nói người tin thì thành Phật, người không tin thì thành chúng sanh. Nếu nói: Không tin vô tình thành Phật, thì hữu tình thành Phật ông có thể tin được chăng? Thử hỏi: Ông là một phần tử hữu tình, ông có thể tin ông thành Phật chăng? Ông nếu ông tin thành Phật thì ngoan không có thể thành Phật. Ông còn không tin ông thành Phật thì cục gạch miếng ngói thành Phật, ông đương nhiên không tin, cũng không có gì lạ! Rõ ràng là Phật, rõ ràng cùng Phật đồng thể, sờ sờ trước mắt mà không tin, sao mà mê chi lắm vậy!

Nếu người biết được mắt thấy là người nào, tai nghe là người nào, thân cử động là người nào, tâm suy nghĩ là người nào, chiêm bao là người nào, nghĩ ra không phải người nào khác mà chính là ta.

Nghi ngại cũng là ta, ta cũng là ta, chết rồi đem chôn dưới đất có thể nói là ta chẳng? Buổi sáng nói chuyện là ta, buổi chiều chôn xuống đất có thể là ta chẳng? Cứ như thế thì nói chuyện là ta, chôn xuống đất không thể nói là không phải ta? Chao ôi! Thật không hiểu nổi! Suy nghĩ tới suy nghĩ lui, việc thế gian không hiểu có thể gác qua một bên, còn việc của chính mình như không hiểu thì tương lai chẳng lẽ bị vùi chôn dưới đất sao? Đâu dám nhận là ta, chẳng lẽ ta ngủ trong đất sao! Việc của ta càng nghĩ đến càng nóng ruột, nghe nói người tham thiền có thể biết, liền chạy đến hỏi: Tương lai tôi chết bị chôn xuống đất, xin hỏi ngài cái gì là tôi?

Người tham thiền này đáp: Ông muốn tìm cái ta thật của ông phải không?

Đáp: Phải.

Người tham thiền mới bảo người kia ngồi xuống nhắm mắt lại, rồi hỏi: Không nghĩ thiện, đừng một lát rồi hỏi: Niệm thiện có chẳng?

Đáp: Không.

Lại bảo: Không nghĩ ác, đừng một lát rồi hỏi: Còn có niệm ác không?

Đáp: Không.

Người tham thiền mới bảo: Thiện ác không nghĩ ngay khi ấy chính là bản lai diện mục của ông.

Người ấy nói: Ngộ rồi! Ngộ rồi! Ngộ rồi! Và khen rằng: Một pháp tham thiền này thật là trực tiếp.

37. MUỐN ĐỘ NGƯỜI

Người tham thiền chưa thuần thực, ngồi chưa quen chân, công phu còn chưa biết dụng, mà tự xưng là thiền sư, tự xưng là liễu thoát, tự nói là khai ngộ, cảm thấy chính mình đã minh liễu, có tâm muốn độ người.

Có người hỏi: “Ông nói ông đã minh liễu, tôi xin hỏi ông một câu: Một ngày ăn mấy chén cơm là ai ăn?

Vị muốn độ người này con mắt trộn đục, đỏ mặt thất sắc, nuốt nước miếng không biết đường trả lời. Nếu hỏi thêm nữa thì không có đất dung thân. Người ấy mới tự nghĩ: “Mình bị người ta hỏi một câu mà không thể mở miệng, may mà người ta không hỏi nữa. Chứ nếu hỏi nữa, chắc mình phải bỏ trốn”.

Tự nghĩ rằng: “Một ngày ăn mấy chén cơm còn không biết ăn cơm là ai? thì mình há chẳng phải là kẻ đại phạm phu sao, mà dám nói độ chúng sanh. Thật là rất hổ thẹn. Phải mau mau đem cái tâm độ người buông bỏ, đem cái việc độ người liệng đi. Trước hết phải chuyên môn đem cái việc lớn của chính mình ra làm cho xong rồi mới tính đến chuyện độ người. Mới bị người ta hỏi làm

không mở miệng được, bây giờ phải nghĩ từ chỗ nào hạ thủ, nghĩ phải đi đến chỗ nào tham thiền mới có thể làm xong một việc này.

Liên quảy gói hành trang đi vào Tông Lâm, vừa vào sơn môn, bị chấp sự quát: Đồ sơ tham! Lại quát: Thằng khốn nạn. Quát đến hồn phi phách tán, rất đáng sợ, thấy như thế nghĩ rằng không biết về sau ta còn phải gặp chuyện gì nữa mà hai chân run rẩy.

Nghĩ rằng: Thấy chấp sự quát: Thằng khốn nạn, quát: Đồ sơ tham, ở đây còn có cho ta mở miệng chăng?

Trụ chẳng bao lâu, theo chúng thỉnh khai thị, thiện tri thức hỏi: “Từ đâu tới” Vừa muốn mở miệng liền bị đánh. Lại hỏi: Từ đâu đến. Đáp: Từ chùa tư đến. Lại hỏi: Là chân đi đến, hay là đầu đi đến. Lại không còn dám đáp. Chợt nhớ lại trước kia có người hỏi ta “Ăn cơm là người nào?”. Ý tứ giống nhau. Rồi chịu đánh chịu mắng không chút từ nan. Một ngày nào đó bỗng liệng đi được cái kiến chấp sai lầm như chấp lầm chiếc giày là con rùa mà đâm ra hoảng sợ, từ đây được chút tin tức, liền khuyên mọi người: “Thiên hạ khổ làm sao ấy, cứ tự chôn vùi trong hàm tình ái, biết đến ngày nào mới được thoát gông xiềng của tình ái. Xin mời tất cả đến Thiền Tông cùng nhau tham thiền liễu thoát sanh tử, thì sung sướng lắm!

38. SỢ QUY CỬ

Người tham thiền trước hết phải có chí giữ thanh quy mới có thể an trụ trong Tông Lâm. Phải biết hai chữ QUY CỬ quan hệ rất lớn, ý nghĩ rất sâu. Sao vậy? Thì giữ nghiêm cẩn mật được thanh quy mới đáng là người tu hành trong Tăng chúng, có một chút sơ sót liền bị đuổi ra khỏi Tông Lâm.

Lại như trời không trước mà thanh, đất không thanh mà trước, đều có quy củ của trời đất. Mây tan thì mặt trời sáng, điện chớp thì sấm nổ cũng gọi là quy củ của không trung, quy củ của nhân gian là mới sanh ra thì non, lớn dần thành trai tráng, bệnh nặng thì chết, nghiệp thức trung ấm đi đầu thai, tái sinh làm người, người không thể biết, tình hình cũng giống như cây cối mùa Xuân thì nở hoa, mùa Hạ ra lá, mùa Thu kết quả, mùa Đông khô tàn, gốc rễ còn ở dưới đất đợi đến mùa Xuân lại ra hoa, người ta thích được như cũ. Quy củ của vật chất như lu hủ, chậu bồn, gạch ngói, đồ vật bằng gỗ cũng đều do quy củ mà thành. Không có quy củ thì đất muốn che trời. Không có quy củ thì khách sẽ khinh chủ. Không có quy củ thì luật pháp Quốc Gia mất giềng mối. Không có quy củ thì nhà mất khuôn phép, không có quy củ thì Tăng không có chỗ nương. Không có quy củ thì tập khí xấu khó trừ. Không có quy củ thì thân tâm không an tịnh. Không có quy củ thì chẳng thể giữ pháp. Không có quy củ thì chẳng thể tham thiền.

Người thích quy củ, ban đầu là người tốt, kế là người thiện, rồi thành người hiền, tiến lên nữa thành thánh nhân. Người sợ quy củ, ban đầu ghét chức sự, kế đến chán Tông Lâm, rồi thoái đạo tâm, tiến tới thêm nữa thành ra người xấu.

Trời đất tuy lớn cũng không thể chạy khỏi thanh quy. Mặt trời mặt trăng tuy sáng cũng không thể trái thanh quy. Gạch ngói sỏi đá y quy củ mà làm. Sấm có quy củ của sấm, chớp có quy củ của chớp. Gió mây tuy đi mau cũng không thể ra ngoài quy củ.

Xin các bạn đồng môn chuyển sợ quy củ thành thích quy củ, hãy nghĩ một pháp quy củ này có biết bao lợi ích mà tự hoan hỷ nói: “Không có quy củ không thể thành Phật Tổ, không có quy củ không thể thành người tốt, không có quy củ không thể thành Hiền thánh, không có quy củ không thể liễu sanh tử.

Thật tâm phát nguyện thì lập từ hạnh bắt đầu từ nay cho đến thành Phật hãy nghe người giảng quy củ thì cuối đầu lễ bái, có người ức hiếp ta, ta cũng lễ bái người ấy, dù đánh chết ta, ta cũng không đánh lại, dù chửi mắng ta, ta cũng không chửi mắng lại. Thà giữ thanh quy mà chết, chứ không phạm quy củ mà sống. Chỉ e rằng lâu ngày lại sợ thanh (quy) quy củ, nên ở trước Phật đốt hương lễ bái phát nguyện: Từ nay về sau nếu con không giữ thanh quy, xin Bồ-tát Vi Đà (*Hộ Pháp*) khiển trách con, làm cho con biến ra bùn đất.

39. THÍCH GIAO DU

Người tham thiền phải có chí sắt đá một phen ngồi ba mươi năm mới có thể hành đạo. Một pháp này, không có tâm lâu dài, không có tâm nhẫn nại, không có tâm hướng thượng, không có tâm kiên cố thì không thể tham thiền. Sao vậy? Như người cọ gỗ lấy lửa càng gấp càng tốt, càng chuyên càng hay, cọ một hơi cho gỗ nóng phát khói, càng dùng mảnh cọ thêm cho đến bật lửa ra đốt gỗ. Lửa cháy gỗ thành tro, tro tàn không còn chuyện gì nữa.

Sự cọ gỗ này cũng giống như tham thiền. Lại như mài gương đồng ban đầu sờ thấy nhám tay, kẻ đó thấy phẳng lì rồi mới đến sạch bụi, bụi sạch thì ánh sáng phát sanh, người chưa biết cách tham thiền, tham thiền đặc lực phải một mạch tham luôn, công phu thâm sâu, biếng trễ một chút liền sanh buồn chán, hoặc nói chuyện với người, hoặc tìm người để nói chuyện, thậm chí còn muốn đi đến nơi khác để đàm đạo hoặc đến núi Cửu Hoa để gặp bạn, hoặc qua núi Phổ Đà để tìm người quen. Tâm giao du hễ động thì cái thân hành đạo cũng theo đó mà động. Nếu phát giác được trước khi niệm chưa động thì có thể không động.

Phát giác niệm là trước tiên phát giác trong tâm có sanh phiền não, phải mau mau ra sức mạnh mẽ đề khởi công phu, đề khởi công phu không ngừng đến khi nào vọng niệm hết sạch mới thôi. Lại phát giác có một chút xíu niệm phiền não động nhẹ liền quở trách rằng: “Đồ quỷ nghiệp chướng, bên ngoài có gì đẹp đâu. Từ vô lượng kiếp trôi lăn trong tứ sanh, lục đạo đến ngày nay thật không biết hổ thẹn sao?

Từ nay về sau lập chí không dòi, dù cha mẹ, sư trưởng, sống chết còn mắt, đều không phải việc của ta. Sự quở trách nặng nề này khiến cho niệm phiền não lập tức tan mất. Tìm bóng dáng của

phiền não, tìm không ra. Quở trách nặng như thế mà vọng niệm vẫn không thôi, tự đánh mình một bạt tai, hoặc đến trước Phật dập đầu sám hối phát nguyện, thì các tâm giao du sẽ hết sạch.

Lúc có niệm ác, niệm dâm, niệm sân, niệm trồn đi nổi lên, phải dùng pháp quở, tự quở trách mình, sau dùng pháp tự đánh mình. Lại dùng pháp sám hối để sám hối tội mình. Dùng cả ba pháp quở, đánh, sám hối này thì được coi như đã biết cách để hành đạo tham thiền. Đã hết cách rồi, ước mong người hành đạo phải gắng sức hành, không nên để cho qui phiền não kéo vào hầm lửa (*địa ngục*). Người tham thiền rất cần phải thận trọng.

40. KẾT BẠN ĐỒNG THAM

Người tham thiền lập chí cao thượng, xa lìa nhân thế, một thân một bóng lấy đạo làm bạn mới là tư cách của người tham thiền. Từ vô thi kiếp đến nay đuổi theo tình ái, tạo ác rất sâu đến nỗi thay đầu đổi mặt không biết bao nhiêu lần, thẳng đến ngày nay lại theo tình dục chuyển nữa, thật là cô phụ Phật Tổ, cha mẹ, sư trưởng, còn mặt mũi nào nhìn người, mà cũng là cô phụ chính mình nữa!

Từ đây lấy đạo làm chí thân, lấy thiền làm bạn hữu. Ngoài ra đều không màng đến mà còn lại tránh xa. Chẳng tránh xa thì không thể thoát hàng ái nhiễm, chẳng chân tham thì không thể tuyệt ổ sanh tử. Nói với người một câu hữu ích còn trái với đạo, huống là nói lời vô ích ư?

Xưa, có mấy người kết bạn với Từ Minh cùng đến tham vấn Tổ Thiện Chiếu ở Phần Dương, vừa đến cửa bị tát một gáo nước lạnh, thì có hai ba người lập tức bỏ đi. Đến chiều tối, Tổ Phần Dương dọn một mâm rượu thịt, mọi người đều im lặng không ăn, chỉ có một mình Từ Minh nghe lời Tổ ăn thì ăn. Sáng hôm sau cả bọn đi hết, chỉ còn một mình Từ Minh ở lại. Tổ Phần Dương nói: “ta dùng một mâm cơm tổng khứ bọn cô hồn, chỉ còn lại có một mình ngươi”. Như vậy, kết bạn đồng tham còn không thể hành đại pháp, đồng liễu sanh tử, đồng khai đạo tràng, đồng hành độ thế. Đâu thể gọi là đồng tham khi bị một chút oan ức, mỗi người tự lo tánh mạng của mình, không còn để ý đến ai khác! Buồn thay! Bất quá là làm náo nhiệt một lúc mà thôi, rốt cuộc chỉ làm phí thời giờ, thật là trái với đạo.

Thời gần đây, người kết bạn đồng tham là do anh mến nhân cách của tôi, tôi thích sự thanh nghiêm của anh, ngày đêm bàn luận rất là hợp ý thì hai người đồng đến trước Phật phát nguyện, hoặc sống chết không rời nhau, hoặc anh chết, tôi chết, hoặc đồng hoạn nạn, hoặc đồng tham thiền. Sau khi phát nguyện, giới điệp của anh tôi thâu, tờ phát nguyện của tôi anh giữ, tình thâm nghĩa hậu, ra vào có nhau. Một khi tán thiền đường, hoặc làm hành đơn thấy anh thân với người khác thì tôi ghen hờn, hoặc anh muốn đi hành hương ở núi, tôi muốn đi hành hương ở biển. Trước thì ngôn ngữ bất hòa, kể đó thì nhân tình thừa thớt, rồi đến anh trả tôi giới điệp, tôi trả anh tờ phát nguyện, thậm chí còn đấm đá nhau. Ô hô! Kết bạn đồng tham như thế chưa đầy một năm. Chao ôi! Sao mà ngu quá vậy!

Tham thiền chính là muốn đoạn tuyệt tình ái, mà đạo còn khó hành huống là nhiễm ô tình ái thì thiền làm sao tham được.

Ước mong người có chí, người hiểu biết đừng làm chuyện ngu như thế, uống phí thời giờ lắm vậy.

41. ĐI VỀ TỤC GIA

Người tham thiền, thân phải xa trần thoát tục, tâm phải cách chợ lĩa nhà, mới có thể làm việc tham thiền. Có một chút sơ sót là chính mình bị lọt vào lưới tình và người khác cũng bị liên lụy.

Người xưa nói: “Ngay lúc dụng tâm, chợt nhớ đến thân thể của cha, thì như dùng dao cắt thân thể cha, lại nghĩ đến nỗi cô đơn của mẹ thì như dùng lửa đốt đầu mẹ”. Nghĩa của câu này như thế nào? Phải biết, tâm thiền thiết tịnh không nhiễm một trần, bỗng đem tình mẹ thân cha để vào trong tâm tịnh thì thâm cảm mến cha mẹ làm cho cha mẹ đau đớn như bị dao cắt, lửa đốt. Cho nên người xưa nhớ con muốn trở về nhà liền cắn ngón tay, đứa con nghe tim đau nhói, trở về hỏi mẹ: “Tại sao tim con đau” Mẹ nói: “Mẹ cắn ngón tay nghĩ đến con về nhà, nên tim con đau nhói mà trở về”. Thế nên biết, tâm nhớ đến cha mẹ ở tục gia còn làm cho cha mẹ cảm thấy đau đớn khổ sở, huống là đường tăng tướng, oai nghi rõ ràng, được người đời kính mến mà không màng đến sự vi phạm oai nghi, không màng đến nỗi thống khổ của cha mẹ ư?

Thời gần đây, có người tham thiền chưa được bao lâu, tục niệm chưa quên, thiền tham đặc ý tất cả đều quên. Bỗng nhiên hơi bê trễ, tục cảnh kéo đến, nhớ cha mẹ mà rơi lệ, tưởng đến tình cảnh thê thảm của con cái mà thương tâm, tình anh em, nghĩa bằng hữu cuộn cuộn kéo đến khiến cho tấm thân thịt này sắp thành thầy chết. Đến nỗi nghĩ rằng: “Không trụ ở đây nữa”. Xin phép xuất viện không cho đi, bèn trốn đi, không dám ra cửa chánh, phải chung lỗ chó mà ra. Một vai vân thù, mệt nhọc khó đi, ngồi xuống nghĩ suy: “Chao ôi! Làm rồi! Làm rồi! Vừa mới dụng công đặc lực cố sao lại trốn đi”. Lúc mới ra ngoài cảm thấy không nên đi nữa. Đến đây tiến thoái chỉ còn ở hang núi chớ không thể trở về Tòng Lâm. Người được nhận là tốt, là người dù sống dù chết chẳng rời thiền đường. Nếu ra ngoài chân trời xa thăm rồi muốn trở lại phát tâm trụ mãi ở thiền đường e rằng đời này không đủ sức làm như thế.

Người tham thiền chẳng những không vọng tưởng đến tục gia mà tăng gia cũng không vọng tưởng nữa thì mới bảo đảm an toàn.

42. THÍCH THƠ KỆ

Người tham thiền muốn liễu sanh tử, thành Phật Tổ phải từ tâm một chỗ mới có đạo để hành. Nếu một nóng mười lạnh, sớm siêng năng chiều lười biếng mà muốn liễu sanh tử thì chỉ là sự đối mình mà thôi. Thói quen của người là suốt một thời gian lâu bất động thì thân cảm thấy buồn bực, hoặc phải thông thả dạo chơi, hoặc mỗi ngày một mới lạ thì thân mới thích thú dễ chịu. Vừa

có vật gì trái với thân, hoặc phải mang nặng thì cảm thấy buồn rầu. Cho nên trong cảnh làm không thể được, không làm cũng không thể được, làm thì thân khó chịu, không làm thì không có cơm ăn, áo mặc. Vậy chỗ ức hiếp thân không ngày nào có. Thật đáng thương thay. Người đời chấp thân là mình, cho nên yêu quý nó. Chúng ta là người hành đạo phải xem thân không phải là mình, thì có cái khổ nào chịu không nổi, có việc nào không làm được. Chúng ta là người học tham thiền lấy đạo làm thân, lấy tham làm tâm, còn không thể lo tròn sự nghiệp chánh yếu của ta thay, huống là rảnh xem sách thế tục, buồn xem sách NHO, thật rất đáng tiếc.

Thường thường, có người thấy bốn chữ NIỆM PHẬT LÀ AI? liền làm một thiên văn chương lớn, hoặc thích ngâm thơ, hoặc ưa làm kệ. Những hành động nhỏ này rất trái với đạo. Dù là văn chương thành gấm, rớt cuộc ta cũng là tăng sĩ. Tăng sĩ thích làm việc thế tục có được chăng? Dẫu thơ cao như Đỗ Phủ, chỉ là thi nhân chứ không phải là tăng sư. Làm kệ hay hơn Đông Pha, gieo vần khéo như Lý Bạch, người đời dùng văn chương thi phú để thi cử làm quan, còn hàng tăng sĩ làm kệ, làm thơ chỉ khiến cho người ta buồn. Ngọn bút vừa hạ dẫu có nhanh chóng như thiên cơ, ý tứ lạ hay cũng đâu sất bén bằng chỗ ngộ, rớt cuộc cũng chỉ là thi tăng. Ngày đêm sáng tác thơ văn, ăn cơm Phật thật là rất uống. Nguồn gốc của bệnh này đều do người tham thiền không biết sanh tử là vật gì? Không biết tham thiền là việc gì? Căn bản còn chưa hiểu rõ mà muốn chân tham thật cứu được sao! Bỏn phận người tu hành là tăng sự nên làm thì siêng năng làm, làm không ngừng nghỉ mới đáng gọi là vị Tăng tốt. Tục sư không nên làm, người khác khuyên ta làm, dù chết ta cũng không làm.

Xin hỏi thiền gia thích làm thơ, làm kệ, làm văn chương, ca phú có biết hổ thẹn chăng? Có biết mắc cỡ chăng? Từ đây phát nguyện suốt đời, siêng năng học làm cao Tăng, chứ không học làm thi Tăng nữa.

43. CẮT CHỨA TIỀN VẬT

Người tham thiền đã biết thế giới không thì thân không, thân không thì tâm không, tâm không thì thi đậu. Chân thật không là chánh hạnh, chánh kiến của người tham thiền.

Vật bên ngoài thân hãy gấp xả bỏ đi, như ruộng đất, nhà cửa, vàng bạc châu báu, các vật quý trọng của riêng mình. Lại còn vợ con của thế tục, chùa tư, am thất của Tăng và vườn tược ao hồ, muôn vật của thế gian huyễn hóa đều phải xả bỏ sạch hết. Vật ngoài thân xả bỏ hết, còn phải xả bỏ tự thân. Các món đồ xinh đẹp thế gian như: Quần áo tốt, giày da, nón đẹp v.v... đều xả bỏ. Cờ bạc, ăn nhậu, hút thuốc, nữ sắc v.v... đều cấm tuyệt. Chỉ có một thân ngoài ra không có một vật. Y phục trên thân đều màu hoại sắc, quần áo hành trang đều rách rưới, vá chằng nhiều lớp, đến nổi đem bỏ ngoài đường cái cũng không ai thèm ngó tới. Lại còn xông mùi hôi thối của mồ hôi chua, thì mới thật là con Như Lai, mới thật là con của Phật. Y phục này gọi là y phục lạ đối với thế gian, cũng gọi là y phục bậc thượng của hàng tăng sĩ. Đây là hành hạnh xả đầu tiên nơi thế gian và nơi thân.

Tâm xả bỏ, là trước tiên xả bỏ nghiệp chướng, kế xả bỏ tập khí ở thân, rồi xả bỏ tâm chấp thân, tiến tới xả bỏ tâm tham, sân, si, ái, tâm ngũ nghịch thập ác, tâm ngã mạn cống cao, tâm ngã mạn tật đố, tâm phiền não thị phi, tâm thiện ác thủ xả, tâm sanh tử Niết Bàn, tâm thành Phật, làm Tổ, tâm thiên đường địa ngục, tâm tứ sanh lục đạo, tâm ông, tâm tôi, đều xả bỏ hết.

Thời gian gần đây có người hành đạo tham thiền, mặc y bá nạp mà bên trong dầu vật thực, đi bát mà thích tiền, thân mặc y rách mà tay đeo nhẫn vàng, đầu đà khổ hạnh mà răng bịt vàng, chân mang giày cỏ mà dây lưng thắt lụa, tình trạng lạ lùng cổ quái. Đó là do chưa thấy suốt thế giới, chưa buông bỏ thân tâm nên mới làm như thế.

Người đại tu hành y phục đã rách, thân tâm trong ngoài đều xả bỏ sạch hết. Nếu thích chất chứa tiền bạc, không xả bỏ vật mình ưa thích thì làm sao có đạo? Phải biết, thế giới nghèo đến hết, thân nghèo đến sạch, tâm nghèo đến không, thấy được con người bản lai (*kiến tánh*) cũng chỉ mới được một nửa, còn phải như người xưa nói: “Năm ngoái nghèo chưa thật là nghèo, năm nay nghèo, nghèo đói khổ. Năm ngoái nghèo còn có đất cắm dùi, năm nay nghèo đến mức dùi cũng không”. Mừng thay! Mừng thay!

44. HÀNH HƯƠNG

Người tham thiền bên ngoài nói không, nói liễu (*ngộ*) mà trong tâm đầy áp sầu lo, một cơn gió nhẹ thổi tới cũng nổi bụi vụn dậm đó là vì gót chân chưa chấm đất. Chỉ được pháp nguyện đi hành hương thánh tích.

Phải biết, việc hành hương có liên hệ với người mới xuất gia. Người mới xuất gia như con chim bị nhốt trong lồng rất khó chịu, hoặc được thầy bảo đi hành hương, hoặc tự mình buồn nên đi hành hương. Có những người lão tham muốn thấy chân dung của các Bồ-tát, nên tính hành hương Ngũ Đài để thấy Văn Thù cầu khai mở trí huệ, hoặc muốn hành hương Cửu Hoa cầu đức Địa Tạng vì sợ dọa tam đồ, núi Nga Mi cao chẳng phải đại hạnh thì khó đến, đường đi Phổ Đà gần, vừa cất bước có thể lên. Thử hỏi: Hành hương thánh tích là vì hoàn nguyện, cầu trí huệ, vì sợ dọa địa ngục, vì được phước báo chăng?

Có một việc hệ trọng không thể làm đến mà chắc chắn không phải là việc hành hương. Hoặc có người chánh thức phê bình, đừng phân sơ tham, lão tham, ai nấy cần phải gấp rút làm cái việc lớn của chính mình, phải lấy việc (*liễu sanh tử*) này làm đại sự. Đại sự không liễu thì động bước liền trái, đụng việc bị vướng mắc. Sao vậy? Dù trải qua ngàn năm nữa, các thánh tích vẫn còn ở thế gian, nếu thánh tích chạy đi mất thì chúng ta mới nên gấp rút đi hành hương chiêm bái.

Chúng ta may mắn được xuất gia, phải nên làm việc lớn của chính mình. Đại sự không rõ thì nóng lòng như lửa đốt, đâu còn lo nghĩ gì đến việc khác. Phải biết mạng người sống chết chỉ trong hơi thở, một hơi thở ra không trở vào thì đã bị luân hồi qua đời khác. Nếu tâm tham thấu, đại sự phát minh, được trí huệ rồi đi hành hương Văn Thù, hành đại hạnh rồi hành hương Phổ

Hiền, vận đại bi rồi hành hương Quan Âm, phát đại nguyện rồi hành hương Địa Tạng. Đây mới đích thực hành hương.

Nếu không hỏi vì việc gì mà xuất gia? Vì việc gì mà đi hành hương thánh tích? Thì suốt một đời xuất gia tu hành chỉ lấy hành hương làm việc suốt đời, trừ việc hành hương này ra thì không phải việc chính yếu của tăng sĩ. Khổ thay! Trong kinh Phật, lời Tổ, tôi chưa từng thấy nghe nói: “Không hành hương thì không phải tăng sĩ, không hành hương thì không phải việc của tăng” mà chỉ nói: Năm hạ về trước chuyên tinh giới luật. Năm hạ về sau học giáo tham thiền.

Xin khuyên mọi người: Không cần lên núi hành hương mà vẫn thấy được ông chủ trong núi. Hãy mau đến cái nguyện chân thành muốn hành hương chuyển thành an tâm hành đạo. Các lỗi bỏ lời nguyện hành hương của quý vị, tôi xin chịu thế cho. Xin quý vị cứ an tâm hành đạo.

45. NHẬP THẤT

Người tham thiền, thiền tham rất lâu mà chưa được công phu, khổ tâm truy tìm mà không có kiến địa (*ngộ*) thêm vào đó là sự phiền phức của quy củ, sự bận rộn của công việc quá nhiều, nghĩ rằng: Thật không thể hành đạo. Muốn thật sự hành đạo, nhưng nhập thất không được.

Một khi vào thất vạn sự đều bỏ, chẳng nghe thế sự, chẳng thấy trần duyên, lập thế không khai ngộ không ra thất, chẳng mãn hạn chẳng ra thất. Chí nguyện vững chắc tinh thần phấn khởi. Sau hai, ba tháng, cơm ăn không no, thân thể khó điều hòa, công khóa hơi sút kém đạo niệm yếu dần, phiền não nảy sinh, trăm thứ không vừa lòng, không trách người hộ thất lỗi thì cũng chê cơm không ngon, canh không ngọt. Một khi đạo niệm lỏng lẻo thì nói: “Ở trong thất ngồi không ăn, núi cũng phải lở, muốn trở về chùa tư giúp việc cho Tổ đình cũng là công đức”, liền nói với người hộ thất “Hãy thỉnh chủ nhân đến đây, để tôi xin ra thất đi hành hương”. Thật không có đạo tâm, không biết hổ thẹn. Lúc muốn nhập thất thì nói nhập thất tốt. Nay muốn ra thất lại nói ra thất thanh nhàn. Chủ nhân không cho ra thất, muốn trốn đi mà không có chìa khóa mở cửa, thì tìm lỗ chó chun ra, chun ra không được thì bắt thang trở nóc nhà, hoặc bắt ghé treo tường trốn đi.

Ngoài ra, còn có người muốn ra thất mà ngại không biết đi đâu, không dám nhìn mặt người nên phải ráng nhập thất. Có người nhập thất để tụng kinh giùm người, có người nhập thất để đã thất giùm người, có người nhập thất để lạy kinh giùm người, có người nhập thất mà tiếp khách trong thất, có người nhập thất mà khâu đệ tử, có người nhập thất để giúp nhà chùa làm duyên pháp. Có người nhập thất mà giảng kinh trong thất. Các việc làm như thế đều không phải chánh hạnh. Nhập thất ba năm chỉ nhọc công vô ích, việc lớn của chính mình chưa hề biết tới.

Nếu người vì đạo mà nhập thất, nhân vì trước kia dụng tâm chệ thì không thanh tịnh, khó hành đạo, khó tiến bộ, nên tìm một cái thất thanh tịnh để chuyên giải quyết việc lớn sanh tử. Đối với việc sanh tử nhập thất chính là lúc ra sức dụng công tốt nhất vì không các điều huyên náo. Tham đến chỗ nhân chẳng biết nhân, ngã chẳng biết ngã, đi đứng ngồi nằm không chút gián đoạn. Đã

không gián đoạn ở nơi đây hành một ngày ngàn dặm, mới thật là người có chí sắt đá không ngợ không ra thất. Bằng không thì thiếu nợ cơm cháo của người.

Than ôi! Người cực khổ hộ thất, nếu hộ ông hành đạo thì có công, còn hộ ông tạo nghiệp thì có tội.

46. Ở NÚI

Người tham thiền thân ở Tòng Lâm là đệ nhất đầu đà, trên có chư Phật hộ niệm, giữa có thiện tri thức khai thị, lại có chúng chấp sự đồng hành. Tập khí không thể còn, nghiệp chướng không thể nổi, ý không thể phóng túng, miệng không thể mở ra. Thêm vào đó mắt thấy đều là đạo nhân, tai nghe toàn là đại pháp. Chúng đồng tham lại là Bồ-tát, lạnh nóng đều có người chiếu cố, đói khát đều có người cung cấp, trà đến thì đưa tay ra nhận, cơm đến thì hả miệng ra ăn. Nếu có tập khí xấu nổi lên thì dùng cây gậy pháp để đánh nó, hoặc có vi phạm thanh quy thì bị quát to để cảnh cáo.

Nếu có thể ba nghiệp thuần hòa, nhất tâm hành đạo, ba mươi năm như một ngày thì dù cho cõi trời Tam thiên tuy vui, sau rồi cũng bị thế gian chuyển. Cái vui học đạo tham thiền của chúng ta tức là quên khổ mà cũng quên vui. Cho đến như có người thỉnh ta làm Quốc sư ta cũng không đi, dẫn làm cho thành Phật, ta cũng không thêm. Sao vậy? Chúng ta ở đây chính là đang làm đại sự thành Phật, người ta mời thành Phật thì đâu có thành Phật được.

Người có chút đạo tâm hãy nghĩ xem: “Người nào có thể ở tại Bát Nhã đường, phát tâm trụ lâu dài không thôi lui, lập chí lấy ngộ làm kỳ hạn thì người ấy đã có đại căn ắt thành đại khí. Nếu có lúc nào đó, tạp niệm che tâm, ngu xuẩn vọng tâm, thì phải quở ta một tiếng: “Cái việc thành Phật, không muốn làm, động bước thành chúng sanh. Thiên đường không muốn lên, địa ngục đâu có gì tốt mà muốn đến!” Nếu tự quở như thế thì ác niệm của mình liền tiêu.

Có người thật không thể hành phục được vọng niệm cho rằng: “Thiền đường tuy tốt, ở núi cũng tốt, miễn không thôi đạo tâm là được. Từ đây lập chí ở mãi trong núi này, cái tâm ở núi này thật tốt. Nhưng sau đó không phát tâm ở núi nữa, vì một phen vào núi sâu lại sợ cộp, ở am thiếu thốn đủ thứ, đói bụng phải xuống núi khát thực, về am thấy vật dụng bị cướp sạch, đau khổ khóc than cho nghiệp khổ của mình. Cuối cùng phải y như cũ, trở lại thiền đường. Có người hỏi: “Sao không ở núi nữa” thì đáp: Tính lại ở thiền đường tốt hơn!

47. KHÁT THỰC

Người tham thiền ăn uống đạm bạc, áo vá cho thân, là đủ lắm rồi. Nếu theo tập quán của thân chuyển thì cơm đạm bạc chẳng muốn ăn. Ăn cơm hầm, mặc áo rách, một niệm muôn năm, thật là làm cái điều khó làm.

Chánh hạnh của chư Phật, chỉ thường là nói suông, chỉ muốn sướng thân thỏa thích, nên tự nghĩ rằng: “Trụ Tông Lâm phải giữ quy củ, ở chùa tư phải niệm Phật tụng kinh, ở núi lại sợ quý, nhập thất thì sợ buồn, không biết tính làm sao, chỉ bằng đi khát thực là giải thoát, không lo âu”.

Từ đây sắm sửa vật dụng đắp y mang bát làm hạnh khát thực. Đi khát thực lại bị chó đuổi sau lưng, cơm vừa muốn ăn chó vồ bẻ bát. Xin được cơm rồi chưa kịp bốc ăn thì bị người mắng la: “Đồ Hòa thượng kiếm cơm”. Nếu đi khát thực thì bị chó cắn, còn không đi khát thực thì đói chết người. Khi đó mới nghĩ rằng: “Trụ Tông Lâm là tốt”. Lại nghĩ Tông Lâm tuy tốt mà ngán quy củ, khát thực cũng tốt nhưng sợ chó cắn. Tính tới tính lui không biết phải làm sao. Bỗng nhiên tỉnh ngộ nghĩ rằng: “Tông Lâm cùng khát thực đều khó làm. Duy có một việc làm được thì tốt cả đời. Đó là việc gì? Ở Tông Lâm làm chức sự, làm thanh chúng, làm hành đơn, thấy những người này thanh cao một đời, tự tại suốt kiếp, dường như hơn ta khát thực. Lúc khát thực, từ sáng đến chiều bụng đói, chó cắn thật hoàn toàn không thành việc của người xuất gia. Lúc trước tôi cho rằng khát thực là thanh cao, là giải thoát, là sung sướng, là tâm không lo âu. Nay tôi đã trải qua một phen khát thực rồi mới biết người ta thì không cung kính, còn mình thì chỉ mất thời giờ mà thôi. Suy nghĩ lại, thà chết đói chứ không đi khát thực nữa. Lấy Tông Lâm làm nhà, lấy Tông Lâm làm chỗ ở, sống cũng ở Tông Lâm, chết cũng ở trong Tông Lâm là đủ rồi.

48. NGÃ MẠN

Người tham thiên hàng ngày tự coi mình như con cháu của thiên hạ, thấy kẻ tục người Tăng đều khiêm nhường cung kính mới là bổn phận của Tăng sĩ.

Chỉ nguyện ta sợ thiên hạ, nguyện thiên hạ không sợ ta, không kính ta. Nếu làm được như thế mới là một Tăng sĩ tốt.

Xin khuyên mười phương, nghìn vạn kẻ tục, người Tăng hãy mau trừ ngã mạn. Phải biết ngã mạn là vật phụ thuộc của tham sân si, cho nên Phật nói: “Tham, sân, si, mạn, nghi là năm điều gốc của địa ngục”. Đúng thay lời này!

Có một phương pháp trừ ngã mạn rất hay, đó là xem nam nữ Tăng tục là cha mẹ quá khứ của ta, và là chư Phật vị lai. Tôi thấy anh thì tôi hiếu thuận như đối với cha mẹ, anh thấy tôi thì anh cung kính như đối với Phật. Anh hiếu thuận tôi, tôi cung kính anh, cả thiên hạ đều làm như thế thì một chữ MẠN này tuyệt chủng.

Ngã mạn là tự cho rằng cả thiên hạ chỉ có một mình ta, cả thiên hạ không ai bằng ta. Tăng thượng mạn là cho rằng kinh Phật, lời Tổ chỉ là giấy cũ, Phật là đồng, gỗ làm thành. Tăng thượng mạn này sau khi chết bị đọa địa ngục A Tỳ. Ty liệt mạn, như là nói: “Quân tử không làm việc hạ tiện, Hòa Thượng trụ trì không nên đi khát thực, lượm giẻ rách v.v... Ty liệt mạn này sau khi chết bị đọa vào Tam đồ khổ.

Tất cả các mạn, mạn nào cũng có ngã. Ngã mạn so với ba độc tham sân si, nó còn độc hơn. Ba độc trước tuy độc mà còn có lúc thôi riêng một cái độc ngã mạn này ở loài người thì mạn người, ở loài quỷ thì mạn quỷ, ở loài súc sanh thì mạn súc sanh, ở chỗ nào thì sanh mạn ở chỗ đó. Ở trong loài người mạn như là kẻ tục hát xướng, nghe qua nói hát không hay. Trong loài quỷ mạn quỷ như đại quỷ khuấy nhiễu người, tiểu quỷ cật đồ nói: “Tôi phá người còn hơn ông”. Trong loài súc sanh mạn súc sanh là như mới thả con heo nhỏ vào chuồng con heo lớn chạy đến cắn một cái. Xét kỹ nếu mọi người coi người khác như cha mẹ, như chư Phật thì mới hết ngã mạn được.

49. ĐA NGHI

Người tham thiền tin chắc một pháp tham thiền này không có nghi ngờ. Có chút hồ nghi thì sanh khinh khi phỉ báng. Ngày nay được một pháp liễu sanh tử. Chư Phật do Pháp này ngộ, Bồ-tát do pháp này ngộ, chư Tổ do pháp này ngộ, chẵn lẽ không cho ta ngộ sao?

Từ đây tử thủ pháp này không tin pháp khác, không hành pháp khác. Dù cho Phật giáng thế nói pháp này không đúng ta cũng chẳng nghi. Bồ-tát nói pháp này không đúng ta cũng chẳng nghi. Thiên hạ nói pháp này không đúng ta cũng chẳng nghi. Bắt đầu từ nay cho đến lúc thành Phật, sống cũng tham thiền, chết cũng tham thiền, ăn cơm cũng tham thiền, đi ỉa cũng tham thiền, biến trâu cũng tham thiền, biến ngựa cũng tham thiền, xuống địa ngục cũng tham thiền, đội bánh xe bằng lửa cũng tham thiền, nằm trên băng lạnh cũng tham thiền, làm nga quỷ cũng tham thiền, làm con thỏ cũng tham thiền, lên trời cũng tham thiền, làm La Hán cũng tham thiền, làm Bồ-tát cũng tham thiền, làm chư Phật cũng tham thiền, thành hư không cũng tham thiền, biến đại địa cũng tham thiền, biến cục gạch cũng tham thiền, làm cục bùn cũng tham thiền, tham thiền cũng tham thiền, không tham thiền cũng tham thiền. Dù cho biến tất cả cũng không rời tham thiền, tất cả tham thiền chẳng rời tất cả. Đến đây tin còn bất khả đắc thì nghi đặt để ở chỗ nào?

Người mới học, theo thầy thì nghi thầy không có đạo, thọ giới thì nghi gạt người, trụ tông lâm thì nghi chịu khổ, ham học thì nghi vô ích, trụ thiền đường thì uống công, học đại pháp thì nghi khó hành, có một chút hồ nghi như thế hạt giống Phật bị đoạn dứt vậy.

Tất cả thế gian bất cứ cái gì cũng không nên nghi, nghi làm tăng trưởng tâm ngu si, càng trái với đạo, Sao vậy? Rõ ràng là Phật, ông lại nghi là quỷ, rõ ràng là Bồ-tát, ông lại nghi là người xấu. Nghĩ xem có đắc tội không chứ.

Duy có đại pháp tham thiền liễu sanh tử, thành Phật Tổ này không nghi thì không đắc lực, không nghi thì không dụng công, không nghi thì không khai ngộ. Cho nên người tham thiền đại nghi, đại ngộ, tiểu nghi, tiểu ngộ, không nghi không ngộ. Cái nghi này không phải là hồ nghi. Hồ nghi thì đọa ác đạo, chánh nghi thì thành chư Phật. Một chữ nghi này là cửa của các điều thiện, mà cũng là cửa của các tai họa. Người tu hành rất cần phải thận trọng.

50. THIÊN VỚI THẾ GIAN

Người tham thiên đừng nghi chỉ có ta mới có thể làm công phu, người thế gian không thể tham thiên, đừng nghi ta có thể thành Phật, người thế gian không thể thành Phật. Các hồ nghi này làm thiên hạ sợ hãi, là khinh khi thiên hạ, sao vậy?

Phải biết lúc chưa có chúng sanh, cũng không có hư không đại địa, cũng không có sum la vạn tượng, già trẻ nam nữ, cũng không có gia đình con cái. Do một niệm đầu tiên bất giác của chúng ta, bỗng sanh sơn hà đại địa, hư không thế gian. Do chúng sanh không liễu ngộ tự tâm, không tu giác tánh, cho nên thường ở thế gian. Chúng sanh một ngày chẳng liễu thì hư không một ngày chẳng không. Chúng sanh thường tồn, đại địa thường tại. Do đó hư không đại địa đều do nghiệp lực chúng sanh làm ra, từ lực chư Phật sở nhiếp, nguyện lực Bồ-tát gìn giữ. Ba sức này nhiếp trì như cái đỉnh ba chân, chỉ đợi chúng sanh nghiệp hết, chư Phật mãn nguyện, Bồ-tát độ tận thì còn người nào ở đại địa, còn người nào nói hư không! Đại địa trụ ở địa nào. Hư không trụ ở không nào? Đại địa có địa để trụ vì chúng sanh nghiệp chưa xong, hư không có không để trụ, vì chúng sanh nghiệp chưa hết.

Phải biết, trước có chúng sanh rồi, sau mới có hư không, đại địa, rồi mới có đến chư Phật, Bồ-tát. Một cái có thì tất cả đều có, một cái không thì tất cả đều không. Thế nên mười phương tất cả chúng sanh vì chẳng liễu ngộ tự tâm nên đồng bị luân chuyển. Tất cả chúng sanh tham thiên ngộ đạo, một liễu thì tất cả đều liễu, thì đâu có hư không đại địa chẳng liễu. Như nhân có người mới có phòng ốc, người tất chúng sanh, phòng ốc tức hư không đại địa. Nếu muốn khử bỏ hư không đại địa, trước tiên cần phải khử bỏ người. Người khử bỏ thì hư không đại địa đồng khử. Đến đây thì đâu còn thế gian. Thế nên thiên hạ, người nào cũng có tâm, người nào cũng có tánh, muốn thấy tự tâm, không tham thiên thì không thể thấy, muốn thấy tự tánh, không dụng công thì không thể thấy. Vì thế tự mình tu công đức nhỏ như ngôi sao trên trời, khuyên người tham thiên công đức to như mặt trăng trên trời. Anh khuyên tôi ngộ tâm, tôi khuyên anh ngộ tâm, xứ này khuyên xứ khác ngộ tâm, xứ khác khuyên xứ này ngộ tâm, khuyên nhắc lẫn nhau thì không có gì đồng liễu ngộ.

Người cả thế gian lúc Mê thì nhận lầm huyền thân này là thân của mình, nhận lầm khách sạn là gia đình của mình. Một mai tắt hơi, thân chết, chẳng những gia đình không phải của ta, mà chính thân này cũng không phải của ta. Từ xưa đến nay, không có một người nào đập vỡ cửa mê, nhảy vọt ra ngoài. Khổ thay! Khổ thay! Cứ nhận là định lệ từ xưa mà không dám ra khỏi cái cửa thế gian mê này một bước. Do đó chư Phật chèo thuyền từ trong biển khổ, Bồ-tát hưng đại nguyện ở nhân gian, độ một người liễu một người, tuần tự độ, tuần tự liễu, sẽ có một ngày độ hết, liễu hết.

51. THẾ GIAN NGHI

Người tham thiền không luận là người thể gian hay xuất thể gian. Có người hỏi: “Cái gì là thể gian? Cái gì là xuất thể gian. Người tại thể gian nghĩ ta: “Tại sao muốn làm Tăng sĩ để làm gì?”. Người xuất thể gian nghĩ người thể gian: “Tại sao muốn làm người tục để làm gì?”

Có người hỏi: “Chẳng lẽ người tục là thể gian, Tăng sĩ là xuất thể gian?”. Chẳng phải vậy, người thể gian không tu tự tâm nên gọi là người thể gian. Tăng sĩ liễu ngộ được tự tâm, nên gọi là người xuất thể gian.

Thể gian và người xuất thể gian lấy gì làm chuẩn để phán định? Người thể tục mà thấy bốn tâm mình ngộ tự tánh mình, giáo hóa mọi người, ấy là người xuất thể gian. Tăng sĩ không ngộ tự tâm, không thấy tự tánh, chuyên về tư lợi, đó là người thể gian. Tóm lại, nhiễm trần lao là thể gian, thoát trần phược là xuất thể gian. Quyết định lấy sự liễu sanh tử hay không làm chứng cứ. Liễu tức là xuất thể gian, chưa liễu tức là thể gian.

Lại nghĩ: Người thể gian từ sáng tới chiều, chỗ ở là nhà, lấy thân làm mình, đây là cái lý thể gian không dời đổi từ xưa đến nay.

Đáp: Anh xuất gia, tôi xuất gia, thế giới sẽ thành trống không, ruộng không người gieo trồng, cơm cũng không có người ăn, há chẳng thành tiên thiên hỗn độn sao? Nếu quả thật thiên hạ đều xuất gia thì con cái ai nuôi, công việc ai làm, chắc chắn là không có lý này. Nếu như thế thì việc trời đất nhật nguyệt, việc hư không đại địa, gạch ngói đất đá sao? Mở mắt ra thấy toàn là Hòa thượng, Hòa thượng này từ đâu ra đây? Lúc này chẳng còn là thể gian của tục, mà thành ra thể giới của Tăng. Kiến giải này, không phải thời nay mới có, mà e rằng người xưa cũng có nghĩ như thế. Kiến giải cũng đâu có lạ gì!

Ví như có một thế giới đất bằng vàng ròng, nhà bằng thất bảo, lúc bụng đói tham thiền một khắc liền no, và không cần phải ỉa đái. Lúc thiếu y phục, nghe tiếng thuyết pháp một khắc thì thân thể ấm áp không cần phải mặc y phục, cũng không cần cởi y phục. Nước thơm trong ao phun lên tất cả mặt đất đều thơm. Vàng ròng chất đồng bên đường không ai thềm lấy. Giả sử có cái thế giới tốt đẹp như thế, chúng ta đều đi qua thế giới này ở hết, thì cái thế giới ta ở trước kia phải trống không. Vậy thế giới kia ai chường quản, gia đình ai coi sóc, con cái ai nuôi dưỡng. Chúng ta đến cái thế giới tốt đẹp này rồi thì cái thế giới kia phải hoại, phải không, phải liễu.

Lại có người nói: “Cái thế giới kia, ta còn để ý đến nó nữa để làm gì? Chúng ta ở thế giới khổ kia chịu khổ, huyền hóa vô thường sợ muốn chết, tam tai, bát nạn sợ muốn chết, có người ăn buổi sáng phải lo buổi chiều, có người tiền của dư ăn dư để, có người nghèo muốn chết, có người giàu muốn chết. Mừng thay! Hôm nay chúng ta đến chỗ bất sanh bất diệt là quê nhà của chúng ta thật giàu sang, hưởng thọ biết bao sung sướng còn gì sung sướng cho bằng!

Xin hỏi: Trước kia anh sợ thế giới này trống không, sợ người hết, sợ người thể gian đều thành Hòa thượng, sợ thế giới diệt, hôm nay tôi bảo anh trở lại thế giới anh ở trước kia, một bước anh cũng không chịu đi. Người thể gian phải đến khi đó, mới biết lời tôi nói không sai.

52. ĐẠI CHÍ

Người tham thiền trước tiên phải lập đại chí xung thiên, đại chí xuất cách, đại chí xuất thế, đại chí thành Phật. Người không có đại chí thì việc gì cũng không thể làm, việc gì cũng không thể thành tựu. Nhưng chí có chí hướng thượng, có chí hướng hạ, người tu hành rất cần phải xét kỹ. Bằng không, sẽ bị người ta chê rằng: “ông ăn cơm mà không có một chút chí hướng, còn mặt mũi nào sống ở thế gian”.

Phải biết, tâm chí là tâm ban đầu của lúc chưa ra tay hành động. Người phát tâm làm việc chưa lập chí vững chắc thường bỏ cuộc giữa đường. Người chí không cao thượng, hoặc người không có chí thường bị thất bại, do đó biết sự quan hệ của chí rất sâu xa.

Thế nào là đại chí xung thiên? Là người thế gian chưa từng thấy qua việc làm cùng các hành vi tốt đẹp mỹ mãn như thế, lời nói, sự hiểu biết, oai nghi, sự thật vượt lên trên tất cả mọi người cho nên gọi là đại chí xung thiên.

Thế nào là đại chí xuất cách? Người này ở trong quần chúng, làm bất cứ việc gì cũng không thích lạc thú thế gian, thích tịch tịnh, cho nên phát tâm xuất gia. Biết xuất gia vượt lên trên thế gian, biết xuất gia không phải chí xuất cách thì không làm nổi, đây gọi là đại chí xuất cách.

Thế nào là đại chí xuất thế? Một khi xuất gia, không hành khổ hạnh thì không thành công to. Một việc hành đạo có hai thứ hành là PHƯỚC và HUỆ. Mới xuất gia cần phải trụ Tông Lâm, trước tu gốc phước. Phước là cội gốc thành Phật, phước là cội gốc của thân người, phước là cội gốc của thoát khổ, phước là cội gốc của tu huệ, phước là cội gốc làm duyên để trụ lâu dài, phước là cội gốc kết duyên với người, phước là cội gốc của xuất gia.

Thế nên biết gốc phước là phước điền tối thượng (*ruộng phước hơn hết*). Bất cứ cái gì không tu có thể nói có được, chứ không thể không tu phước. Sao vậy? Vì phước là của cải của tăng sĩ, tiền là của cải của người đời. Người đời bất cứ cái gì không có cũng có thể được, nhưng không có tiền thì không được. Đây gọi là đại chí xuất thế.

Thế nào là đại chí thành Phật? Người tu hành lập chí phải lấy thành Phật làm đại chí. Trước tu phước là đại chí thành Phật, sau tu huệ là đại chí thành Phật, thanh tịnh ba nghiệp là đại chí thành Phật, nghiêm trì thánh giới là đại chí thành Phật, cẩn thận giữ thanh quy là đại chí thành Phật, trụ mãi ở Tông Lâm là đại chí thành Phật. Không nhiễm thế duyên là đại chí thành Phật, chuyên môn tham thiền là đại chí thành Phật, đến khai đại ngộ là đại chí thành Phật. Đây gọi là đại chí thành Phật.

Người thế gian, người xuất thế gian hãy lấy các chí này làm người, lấy các chí này làm việc, nếu có thể làm đến được mới thật là bậc đại thánh ly tục, ly tăng.

53. SỢ NHƠ BẢN

Người tham thiền chuyên ở trên tâm dùng thiền truy cứu tâm, dùng tham truy cứu thiền. Không được tham đắm nơi thân, hễ có chút tham đắm thì có đói khát, đau ngứa, thom thúi, nhơ sạch, ô uế, thanh tịnh, tất cả đều có.

Người trụ thiền đường hoặc người trụ liêu phòng không được sắc tướng, thường yêu thân mình, mà không biết rằng nhục thân này là cái ngục tù bằng thịt, chạy ra khỏi ngục tù bằng thịt này còn không đủ sức, huống là chăm lo ngục tù bằng thịt này thêm xinh đẹp. Sao mà ngu quá vậy!

Danh nghĩa của cái ngục tù bằng thịt này là gì? Nếu yêu thân như châu báu, siêng năng lo vệ sinh cho thân thì cái tâm tốt muốn thành Phật ở bên trong bị thân làm lụy, không thể ra khỏi cái ngục tù bằng thịt một bước. Cái ngục này hoại, lại tìm cái ngục tù bằng thịt khác nhốt mình nữa, bị nhốt lâu ngày không còn muốn thoát ly, chỗ này phải coi đẹp mắt, chỗ kia phải áo mới, chính vì muốn thêm thể diện cho cái ngục tù bằng thịt. Bên ngoài vách tường của cái ngục tù bằng thịt có dính chút bùn nhơ, không lau không được. Phải biết, lấy cứt nắn thành hình người, lấy màu mè sơn phết cho đẹp. Nếu có người đem cứt chó trét cho thân của người làm bằng cứt, thì lật đặt tìm cách chùi đi. Nếu có mùi hôi thúi thì mau mau lấy nước hoa hoặc kem thoa lên, mỗi ngày thoa một lần hoặc hai lần, chỉ cho thơm, chứ không cho thúi, người dính một chút nhơ, vội vàng chùi gấp. Thử hỏi: Bên trong là cứt, bên ngoài cũng là cứt, ở giữa cũng là cứt, toàn thân là cứt làm thành thì còn sợ nhơ làm gì? E rằng cái nhơ đó còn khá hơn thân ông! Thời gần đây có kẻ ngu, trời nực cười áo trong ra nghe cổ áo có mùi hôi, tay sờ xuống nách sợ có mùi hôi. Ngửi thấy mùi hôi của người khác giận nói: “Chẳng biết hổ thẹn, người gì mà hôi nách quá” rồi bịt mũi đi chỗ khác. Thấy người chân chua mồ hôi, liền mắng “Đồ quý, người gì mà chua mồ hôi quá!” Rồi tránh xa ra, bịt mũi nói: Hãy đi rửa chân đi. Người có mồ hôi chua nói: “Anh hãy ngửi thân anh, nách anh, mùi hôi gấp mười người khác, hôi muốn ói”. Bất quá hai người đều là đạo nhân phải nên nghĩ rằng: “Mùi hôi của người bên cạnh, người hành đạo không nên ghét, ghét thì không phải đạo nhân”.

Người sợ dơ sợ thúi bị vị đạo tâm Bồ-tát này dịu dàng khuyên nhủ một phen mắc cỡ đỏ mặt, từ đây không còn dám chê nhơ sợ thúi nữa.

54. BA ĐIỀU THƯỜNG CHẲNG ĐỦ

Người tham thiền trước tiên phải biết đủ. Người biết đủ thường vui, người hay nhẩn tự an. Người đòi tuy nói được mà làm không được. Người hành đạo chẳng những tự làm mà còn dạy người khác làm, thì mới đáng là gương mẫu.

Ba thường chẳng đủ là: Mặc chẳng đủ, ăn chẳng đủ, ngủ chẳng đủ. Áo mặc chẳng đủ thì mùa đông không rét sao? Cơm ăn chẳng đủ thì không phải là thường bị đói sao? Ngủ chẳng đủ thì ban ngày phải buồn ngủ sao? Ba điều thường chẳng đủ như thế chẳng phải.

Thật ra, do vì người tham thiền chỉ cần mặc áo vải thô, ăn uống rau dưa đạm bạc, giữa đêm ngủ một giấc là đủ rồi. Như áo tràng có rách thì vá lại, nếu may áo mới là không phải. Giày màu đen không đẹp, muốn mua giày màu vàng là không phải. Như áo vải thô là được rồi, lại muốn may áo lụa thì không phải. Như ăn cơm, cứ theo chúng đi ăn là đủ rồi, nếu đòi thêm dầu hoặc gia vị là không phải, ăn cơm gạo tẻ không thích, lại muốn ăn mì, ăn bánh thì không phải. Nếu ngủ cứ thức ngủ theo chúng là đủ rồi, lại tìm chỗ riêng lén ngủ là không phải. Giờ ngủ không ngủ, ngoài giờ ngủ lại lén ngủ là không phải. Ban đêm không ngủ, ban ngày lại ngủ là không phải. Ban đêm mười giờ ngủ, ba giờ thức là giữa đêm, ngủ một giấc là đủ rồi. Không ngủ theo giờ giấc lại tự ý ngủ, là không phải.

Như vậy, mặc, ăn, ngủ, ba điều này đáng mặc, đáng ăn, đáng ngủ là đủ. Không đáng mặc mà mặc, không đáng ăn mà ăn, không đáng ngủ mà ngủ đều là tham đủ. Chẳng đủ là y quy củ, tham đủ là y tập khí. Chẳng đủ là ngăn tham, đủ là tăng tham. Cho nên nói: “Biết đủ là phải, chẳng biết đủ là quấy”.

Người chân thật tham thiền chỉ biết có sanh tử, chỉ biết muốn liễu sanh tử, trừ việc liễu sanh tử ra, thân, tâm, thế giới thanh suy được mất đói khát lạnh nóng, chẳng phải chánh hạnh của ta, đâu có thời giờ rảnh mà lo nó đủ hay chẳng đủ. Đủ là việc bên ngoài công phu, chẳng đủ cũng là việc bên ngoài công phu. Chỉ y theo pháp Tòng Lâm đi, y theo pháp Tòng Lâm ngồi, đi đứng ngồi nằm không rời pháp Tòng Lâm một bước. Như có người đi sau lưng ta, đang cầm dao chém ta lúc ấy ta đâu còn màng đến việc gì khác, chỉ lo chạy gấp để bảo toàn tánh mạng. Quỷ la sát sanh tử theo sau lưng ta, ta còn có tâm đâu mà lo ăn, lo mặc, lo ngủ, chỉ lo tham thiền gấp để bảo toàn tánh mạng.

55. THÍCH TÒNG LÂM

Người tham thiền phải biết lấy thiền làm đạo, hành đạo tức là tham thiền. Một đại pháp này ở chợ búa, trần thế không thể làm vì nhân sự rộn ràng, ngày đêm không yên tĩnh, trái với pháp này. ở xóm làng hoang dã không thể làm, vì tiếng người, tiếng thú và nam sắc nữ sắc, tập quán phong tục rất sâu rất nặng nên cũng không thể làm.

Ở chùa tư, am thất, đàn việt tới lui, khách khứa thăm viếng, Phật sự kinh sám, cơm cháo đãi dâng, nên cũng không làm được. Chỉ riêng có A Lan Nhã (*Tòng lâm*) mới chính là chỗ hành đạo.

Tiếng phạn A Lan Nhã dịch là nơi tịch tĩnh, hoặc dịch là chỗ không có người nữ ở, hoặc gọi là đệ nhất đầu đà. Hành một pháp này (*tham thiền*) quyết định phải ở chỗ đầu đà (*tòng lâm*) mới là hành được tốt, mới có thể buông bỏ hết mà hành. Lìa chỗ này (*tòng lâm*) mà hành thì như làm ruộng trên đá, có thể làm được chăng? Có thể thu hoạch được chăng? Bất cứ ở đâu hành đạo mười năm không bằng ở tòng lâm hành đạo một ngày. Như so sánh đi thuyền gỗ với phi cơ. Thuyền gỗ đi một ngày mấy mươi dặm, phi cơ một giờ đi mấy ngàn dặm.

Lại như ở chỗ khác tham thiền mười năm, không bằng ở Tông Lâm tham thiền một ngày. Tại sao vậy? Vì ở tất cả các chỗ khác mỗi ngày tham thiền ít mà lo việc bên ngoài nhiều, dù có chân thật tham cũng bị duyên khác chi phối, thiền cần tịnh mà tâm lại động, cho nên ở chỗ khác tham thiền nhiều năm chỉ trở thành thẳng ngực trăm việc vô tri. Một phen vào trụ tông lâm như nước lóng trong, trong ngoài thanh khiết. Nghĩ rằng: ở chỗ khác tham thiền nhiều năm, chưa có một ngày ngồi yên, nay ở tông lâm mỗi ngày đều thấy công phu, mỗi ngày đều tịch tịnh. Có quy củ để phòng nghiệp nổi dậy và thân biếng trễ. Quy củ không thể thiếu, thiếu thì chẳng những quy củ không được nói tới, mà hành cũng không đúng quy củ. Lâu ngày quy củ lơ lửng, chúng trụ bất an. Người tham thiền phải biết quy củ là gốc của tông lâm. Gốc lập thì đạo sanh vậy.

56. LÀM THỦ LÃNH

Người tham thiền phải biết tông lâm nhờ thanh quy kiến lập, thanh quy nhờ nhân tài kiến lập. Người có tài mới lập thanh quy. Nếu người không có tài cũng lập thanh quy. Vì sao? Dù người không có tài, thanh quy là gốc của nhân tài, đã có gốc ắt không lo chi ngọn.

Phải biết nhân tài xuất phát tại thủ lãnh chánh tri chánh kiến. Một chức thủ lãnh ở trên chức thanh chúng, hành đơn, nói ra trước tiên phải phù hợp với quy củ, kể đó trừ tập khí cho người. Quy củ giảng cũng hay, tập khí trừ cũng sạch, ấy là vị chức sự chánh tri kiến. Chấp sự ngộ tâm làm việc càng tốt. Nếu chưa ngộ thì phải lấy quy củ làm phép tắc vì người làm tiêu chuẩn. Nói chuyện với chúng, không vị tình riêng, không phe không đảng, điều đại chúng, kết duyên với người phù tông cương chính tông lâm, bồi phước huệ.

Điều quan trọng nhất là nhận chức chưa được bao lâu, không y thanh quy vì người, không tông lâm làm trọng, sanh ra trăm thứ tệ đoan, tập khí xấu nổi dậy, hằng ngày không tranh nhân ngã thì cũng nói thị phi. Đại chúng bắt chước thói hư, bạn đồng liêu không học được điều tốt. Chẳng màng đến nhân quả, tự làm mất nhân cách của mình. Do đó, nhân tâm ngày càng đi xuống, tông lâm mỗi ngày một suy. Đại pháp liên hệ với chức sự, thanh quy được thực hành bởi mọi người. Người trên tập khí xấu rần rần thì kẻ dưới cũng buông lung phóng túng.

Xin khuyên các vị thủ lãnh, các vị thủ lãnh là người chịu trách nhiệm về sự thanh suy, chấp sự là người bảo hộ tông lâm. Nếu không thể làm hưng thịnh thì cũng không nên làm bại hoại. Sao vậy? Đã lãnh làm chức sự làm điều gì trước tiên phải suy xét kỹ càng, có chút sơ sót thì nhân quả cũng đi theo đấy. Phải đem hết tánh mạng yêu thích Tông Lâm, dù chết cũng không bỏ nhiệm vụ. Chánh pháp trụ lâu ở đời, trước tiên phải nhờ người trường cửu. Nếu người không trường cửu thì pháp làm sao có thể trường cửu. Ở tông môn chịu khổ suốt đời làm chức sự. Phát nguyện đời sau làm thủ lãnh chức sự cho tông môn nữa.

Người làm chức sự trước tiên phải có tâm sắt đá, dù bị oan ức to bằng trời, hạnh của ta cũng không dời, dù có muôn phần cực khổ, tâm ta càng vui mừng. Mượn hương hoa thường trụ (*nhà chùa*) bồi phước huệ cho mình. Hằng ngày bất cứ chỗ nào cũng tự bồi đại phước cho mình và

cũng làm cho người khác bồi đại phước, tự tu đại huệ và cũng làm cho người khác tu đại huệ, chính là phước huệ song tu, mình người đều lợi vậy.

57. LÀM HÀNH ĐƠN

Người tham thiền không nên cố chấp, sợ làm việc không đáng. Phải biết ăn cơm mặc áo, đi ỉa, đi đái, thượng điện, quá đường, đi làm ruộng v.v... há không phải là làm ở trong động sao? Các công việc có thể khỏi được sao?

Nếu được báo công tác, hoặc báo hành đơn (*hành đường*) người tham thiền này nổi nghiệp sân lên nói: “Tôi đến tông lâm để hành đạo, chứ không phải để hành đơn”. Một phen nổi phiền não lên, có người cuốn gói bỏ đi, có người đến chức sự xin đi, có người nhờ người khác xin giùm, có người mắng chức sự. Tỳ kheo xấu tính như vậy, thanh quy không cho ở chung. Sao vậy? Lúc mới tới tông lâm thì nói: “Người trụ tông lâm, bảo làm thì làm, bảo thôi thì thôi. Chẳng được tùy tiện theo ý mình!” Lại nói: “Táng mạng giao cho long thiên, sắc thân giao cho thường trụ (*nhà chùa*) đi đứng ngồi nằm đều theo lệnh của chức sự, không được vi phạm một mảy may. Vi phạm một chút là phạm pháp Tông Lâm. Phạm thì bị đuổi đi. Vì Tông Lâm thuở xưa có thanh quy nghiêm khắc như thế nên không ai dám vi phạm. Gọi đến liền đi, đi chậm còn bị phạt.

Trụ tông lâm làm hành đơn, trước tiên phải học như khúc cây, cục bùn, khúc cây muốn dựng đứng thì dựng, cục bùn muốn đắp lên vách thì cứ đắp, bỏ xuống hầm cầu thì cứ bỏ, thấy đều vâng theo, không dám chống trái một chút. Người như thế là của báu trong chúng tăng, là đại pháp khí không bao lâu sẽ làm bậc thầy gương mẫu của người.

Phải biết, Tuyết Phong làm phạn đầu (*nấu cơm*), Quy Sơn làm điển tọa, trong thiền đường thì tọa thiền, ngoài thiền đường thì thiền tọa. Gia phong của Cổ Đức đến nay chưa suy đồi. Nghĩ lại, ta là người gì mà không biết hổ thẹn!

Lại nữa VĂN THÙ, PHỔ HIỀN, QUAN ÂM, ĐỊA TẠNG là đại hành đơn của Đức Phật. Kế đến Tu Bồ Đề, Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, A Nan Đà là tiểu hành đơn của Đức Phật. Chư Phật, chư Tổ từ hành đơn mà vào, từ hành đơn mà ra, chưa có một người nào không chịu khổ, không chịu oan ức mà có thể xuất đầu được. người xưa nói: “Muốn được ngồi trên đầu muôn người, trước tiên phải đi dưới chân muôn người”.

Người tham thiền, nếu chỉ lo tham thiền mà sợ lao động, đó là trồng sâu hạt giống hư thối của Nhị Thừa, trên không thể thành Phật, dưới không thể độ chúng sanh. Phật Tổ quả trách, đạo nhân không ưa. Trong động mà tham thiền được mới được gọi là chân thật tham thiền.

58. THIỀN ĐƯỜNG

Người tham thiền quyết phải trụ ở thiền đường thì danh nghĩa mới phù hợp với sự thật. Bằng không, thì thành ra ông thầy chạy theo thế tục.

- Thiền đường là mẹ chư Phật
- Thiền đường là thất (*nhà*) Tổ sư.
- Thiền đường là cái lò đúc lớn.
- Thiền đường là chỗ trụ của người tham thiền.
- Thiền đường là hang pháp của pháp thân.
- Thiền đường là cây đèn huệ của huệ mạng.
- Thiền đường là chỗ xuất thân của chư Phật.
- Thiền đường là chỗ ngộ đạo của chúng sanh.
- Thiền đường là nơi hành pháp.
- Thiền đường là chủ của thanh quy.

Chư Phật và chúng sanh chỉ cách một thiền đường, lục đạo, tam đồ chỉ lìa một thiền đường.

Vô biên sanh tử rất sợ thiền đường.

Vô thượng Niết Bàn rất thích thiền đường.

Ba tạng, mười hai bộ phận kinh điển đều từ thiền đường sản xuất.

Một ngàn bảy trăm công án cũng từ thiền đường sản xuất.

- Chư Phật từ thiền đường sản xuất
- Chư Tổ từ thiền đường sản xuất
- Chư Đại Bồ-tát từ thiền đường sản xuất
- Thiện tri thức xưa nay đều từ thiền đường sản xuất
- Luân hồi sanh tử được giải quyết xong tại thiền đường
- Tam giới, cửu hữu KHÔNG cũng tại thiền đường
- Hư không đại địa trụ tại thiền đường
- Ngồi đá, sỏi gạch ngủ tại thiền đường
- Nam nữ lớn nhỏ mê mất thiền đường
- Tất cả chúng sanh quên mất thiền đường
- Xuẩn động hàm linh tự lầm thiền đường

Bốn ngọn núi lớn có thánh tích danh tiếng ầm náo tại thiền đường (*Bốn ngọn núi lớn danh tiếng là bốn thánh tích nổi tiếng ở Trung Hoa*).

- Ngũ Đài Sơn chỗ Văn Thù ứng tích - Nga Mi Sơn chỗ Phổ Hiền ứng tích - Phổ Đà Sơn chỗ Quan Thế Âm ứng tích - Cửu Hoa Sơn chỗ Địa Tạng ứng tích.

Đi hành hương các thánh tích chưa ra khỏi thiền đường. Kẻ tục cũng có thiền đường. Người tăng cũng có thiền đường. Nói về sự tôn quý của thiền đường, sự cao thượng của thiền đường, thì thiền đường tôn quý bậc nhất, cao thượng bậc nhất, không có gì so sánh được.

Mỗi khi có người thể tục đi quanh thiền đường một vòng cũng tiêu được vô biên nghiệp chướng, thêm được nhiều tuổi thọ.

Xưa ở chùa Cao Mân, có một người quê quán ở Hà Bắc làm nghề bán đậu hủ, có tiền dư thường cúng miếu thổ địa. Một hôm ông ta đem một trăm miếng đậu hủ đến thiền đường cúng chúng tăng. Vị chấp sự dắt ông ta đi quanh thiền đường ba vòng, ngồi thiền một cây hương. Trong lúc tịnh ông ta bỗng nhớ lại việc ăn thịt chó. Bình thời món gì ông ta cũng không ưa, chỉ ưa thịt chó. Ông ta ở thiền đường một giờ liền sám hối: Dù chết cũng không ăn thịt chó nữa. Ông ta trở về nhà vài năm sau mất. Ông ta bị dắt đến trước Diêm Vương, Diêm Vương quát to: “Người mau biến thành chó”. Phán quan tra lại sổ thiện ác thấy ông ta ăn thịt chó mấy mươi lần, chỉ ở thiền đường Cao Mân đi ba vòng, ngồi một cây hương.

Diêm Vương lại nói: “Các thầy ở thiền đường tương lai đều là Phật. Diêm Vương tôi còn cầu các thầy cứu. Thôi! Hãy thả hẩn về dương thế cho phước thọ thêm ba mươi năm”. Ông ta liền trở về nhà, quan tài sắp đặt nắp, mọi người kinh hải bỏ chạy, người chết nói to: “Các ông đừng sợ, tôi sống trở lại thế gian trong ba mươi năm nữa, các ông nếu không tin, Diêm Vương bảo tôi đầu thai làm con chó của nhà họ Triệu hồi hôm sanh ra một con chó bị chết tức là hậu thân của tôi, mời các ông đi xem. Mọi người cùng kéo nhau qua nhà họ Triệu. Họ Triệu đem con chó chết chỉ cho mọi người xem. Mọi người mới tin.

Thiền đường rất hay, đi đi ngồi ngồi, thoát được thân chó, còn thêm sống lâu (*đại thọ*). Xin mời thiên hạ đều đến trụ thiền đường, có lẽ nào không được giống như ông ta.

Đoạn công án này tuy nghe người xưa truyền lại đến nay, song đâu có sai ngoa. Buồn thay! Sao người chẳng tin?

59. CHÁN GIẢNG KHAI THỊ

Người tham thiền, lúc hành bát nhã thiền, nếu có lúc công phu bê trễ biếng nhác, đường lối chưa rõ, tâm truy cứu dụng không khởi, vọng tưởng buông chằng xuống, cần phải thỉnh ban thủ là người đã từng đi qua rồi hướng dẫn đường lối. Vì thế, muốn đi đường dưới núi trước tiên phải hỏi người đã từng đi qua thì đi không bị lạc đường, công phu mới tiến bộ được.

Người làm ban thủ là cha mẹ pháp thân của thiên hạ, ắt phải coi các sư ở thiền đường là con chur Phật, là con đáng Đại hùng thì mới hết trách nhiệm cha mẹ pháp thân. Thấy người đi lạc đường thì chỉ cho họ. Thấy người dụng công phu sai lầm thì sửa lại cho đúng. Thấy người thất thường

thì điều chỉnh lại cho họ. Thấy người đói khát thì nghĩ đến họ. Trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ đi theo các sư, ra vào lui tới, nếu thấy người buông lung thì quở họ, thấy người sơ tán thì rầy họ, thấy người phạm quy củ thì cảnh cáo họ, thấy người làm loạn chúng thì đánh họ. Đánh hết xen nhau theo quy củ xưa lời cảnh cáo sách tấn tu hành là khuôn phép lớn từ xưa đến nay chưa có bớt một chút xíu nào. Vị ban thủ cần phải thấy qua trước rồi bây giờ dạy người thực hành là điều ta đã thực hành qua.

Biết rõ đánh hết là pháp khí liễu sanh thoát tử, là kiên chùy của quy củ nghiêm túc, là cái búa để đốn tình, là cái dao để cắt ái, có thể vài búa vài dao làm cho hạt giống tình, cội gốc ái bay đi mất. Người nếu không tình là thánh nhân, nếu dứt được ái là hiền nhân. Phải biết tình ái là gốc sanh tử, là rễ thế giới. Người muốn cầu liễu thoát, chẳng phải thiên đường thì không có chỗ nào khác để liễu, chẳng phải ban thủ thì không có người nào khác giúp mình liễu. Thế nên biết thiên đường và ban thủ là cha mẹ pháp thân vậy.

Ban thủ đã là cha mẹ của người tham thiền trong thiên hạ thì điều giảng, điều làm của vị ban thủ đều là thầy của người học.

Giảng khai thị, không nên giảng kinh điển, giảng công án, giảng việc ngoài chùa, việc quốc gia. Chẳng được giảng công phu của chính mình, công phu ngoại đạo. Ngay lúc giảng khai thị chẳng được cử tội người. Phải biết pháp ngữ của tông môn, chẳng được có lời thị phi, lời giận giận, lời nói chơi, lời đùa cợt. Nếu giảng như thế thì có tội lỗi. Nếu đến phiên mình giảng nói, mà không có lời để giảng, thà không giảng, cũng không bị sỉ nhục. Nếu không giảng công phu, lại giảng sai về đường lối tu hành, thì có tội.

Lại chẳng nên đến phiên mình giảng thì sanh phiền chán. Một niệm phiền chán bị dọa làm con trần lớn.

Xưa có một vị tôn giả vào núi thấy một con trần lớn quần quanh thân Ngài. Tôn giả nói: “Ngươi hãy buông ra, ta đến động của ngươi ngồi một lát”. Con trần hóa làm một ông già đến thưa: “Con không phải là người, mà là con trần vừa quần Ngài đó”. Tôn giả hỏi: “Ngươi làm nghiệp gì, có biết chăng?” Con trần thưa: “Không biết”. Tôn giả nói: “Đời trước của ngươi ở tông lâm làm ban thủ, lúc giảng khai thị chợt sanh một niệm tâm chán, đã bị dọa làm thân con trần mấy ngàn năm”. Ông già nghe nói, ror lệ, liền hướng về Tôn giả quỳ lạy chí thành sám hối, qua bảy ngày sau con trần được thoát xác sanh làm người.

Dù cho một ngày giảng mười lần, tám lần cũng không sanh một chút chán nản. Quan trọng lắm! Nếu sanh tâm chán nản bị dọa làm con trần. Thật đáng sợ vậy!

60. CHÁN NGHE PHÁP

Người tham thiền toan nhờ Hòa Thượng ban thủ khai thị mới có công để dụng, mới biết đường lối. Nếu ít nghe khai thị hoặc không chịu nghe khai thị thì tinh thần tham thiền mỗi ngày một bê

trễ, lâu ngày không tiến tới được. Chẳng mong tiến tới, lại gặp duyên khác lôi cuốn thì chắc chắn thối lui ngay.

Riêng một con đường tham thiền này, các đường khác không thể so sánh được. Ở thế gian, con đường văn phú, con đường học hành, biết một có thể biết hai, biết cái này có thể biết cái khác, biết cạn có thể nhìn biết sâu, biết nhỏ có thể so sánh để biết lớn. Hễ học rồi có thể không học nữa, cho nên học có thể hành, không học cũng có thể hành.

Chỉ có người tham thiền như người mù từ thuở sơ sanh, nhờ người mắt sáng dẫn dắt, chỗ nào cũng không biết, một chút cũng không thông. Đã bị mù ngay còn lúc ở trong thai mẹ, khi được sanh đã là người mù. Một hôm, muốn mời người mù trở về nhà, ông ta chẳng quen đường đi, ta dắt dẫn giùm ông ta. Hãy xem người mù này có thể rời người dẫn dắt chẳng? Có thể rời được cây gậy chẳng? E rằng vừa buông tay, không rơi vào hầm thường kiến, cũng sa vào hố đoạn kiến. Người đời mù mắt phải nhờ người dắt. Người học tham thiền con mắt tâm (*tâm nhãn*) chưa sáng cần người chỉ đường, chỉ một bước đi một bước, chỉ nửa bước đi nửa bước, không chỉ thì không đi được. Người được chỉ tức là nghe khai thị. Hôm nay nghe vị ban thủ này khai thị, không hiểu. Ngày mai nghe vị ban thủ kia khai thị, không hiểu. Lại nghe Hòa Thượng khai thị, lại không hiểu nữa. Đáng thương ba cái không hiểu. Tâm của cái người này lại bị cái nghiệp trôn đi che lấp rồi. Cứ nghĩ trôn đi, sắp trôn ra ngoài, bị người bắt về hỏi: Tại sao ông trôn đi. Đáp: Tôi vì đại pháp mà đến đây, thiện tri thức giảng một câu tôi cũng không hiểu, e không có duyên với đại pháp nên tôi trôn đi. Vị chấp sự khuyên: “Trụ lâu ngày ắt có duyên với pháp, tham lâu ngày ắt có duyên với thiền, đâu phải sáng gieo giống mà chiều thu hoạch được?”

Xưa có một vị tăng chán nghe pháp, nghe thiện tri thức giảng thì sanh phiền chán, đời sau bị dọa làm thân chồn. Mấy ngàn năm sau vị thiện tri thức ấy lại gặp người trước kia chán nghe pháp bị dọa làm thân chồn, bảo: “Dã hồ ly tinh! ần náo nơi đây làm gì? Sao không biến thành người, làm Hòa Thượng trụ thiền đường liễu thoát sanh tử đi! Tốt hơn!”.

Con chồn này nghe đến lời giảng khai thị thuở xưa nói, tác động cái nhân đã gieo trồng từ kiếp trước, liền thoát thân chồn làm người, y xưa xuất gia làm Hòa Thượng. Hãy nghĩ xem! Chán nghe ban thủ giảng khai thị một niệm tâm chán, chuyển thân biến thành hồ ly tinh, về sau gặp lại người khai thị thuở trước, thoát thân dã hồ ly tinh lại làm Hòa Thượng.

Thử nghĩ lại xem! Dù cho bất cứ ai khai thị, giảng nói cũng không còn dám sanh một chút tâm chán. Sao vậy? Chán nghe người khác khai thị bị quả báo thân chồn. Về sau, gặp lại vị ban thủ khai thị mà ta chán giúp cho ta thoát thân chồn. Thuở trước chán ông ta, ngày nay bị làm thân chồn, được vị ban thủ bị ta chán này giúp ta thoát thân chồn. Trước chán ông ta, bây giờ lại mến ông ta. Muốn được không chán và không có cái yêu mến của ngày hôm nay rất đáng sợ này thì phải sửa lỗi.

61. CẢI HỐI LỖI TRƯỚC

Người tham thiền không có lỗi. Hàng ngày trong bất cứ lúc nào cũng tham, bất cứ chỗ nào cũng tham, làm bất cứ việc gì cũng tham, không còn có chỗ để tạo tội lỗi.

Tại sao nói có lỗi? chẳng phải vậy. Rất chẳng phải vậy!

Trái lại, chẳng biết từ vô lượng kiếp đến nay đã tạo tội ngũ nghịch, thập ác còn hơn núi Tu Di, khiến cho ngày nay tham thiền không lên, đạo hành không tốt, thì nói có lỗi không phải là sai vậy. Chư Phật diệt độ đã lâu rồi, chúng ta còn ở chỗ này nói về lỗi, đến đây nói không có lỗi thì càng sai hơn nữa.

Lỗi có hai thứ lỗi là tiểu cái hối và đại cái hối. TIỂU CÁI HỐI là hễ nói ra một lời là lỗi, động chân một bước là lỗi, buông lung là lỗi, ngồi không là lỗi, đi không là lỗi, đứng không là lỗi, nằm không là lỗi, mặc áo là lỗi, đi ỉa là lỗi, đi đại là lỗi, có lỗi là lỗi, không lỗi là lỗi những cái lỗi cực nhỏ này đều gọi là có lỗi.

Ngũ nghịch, thập ác, phạm trai, phá giới, khinh hủy Tam Bảo, phỉ báng Đại thừa, làm nhơ tăng già lam, phá phạm hạnh của người, các thứ lỗi lớn này chỉ nói là đại ác. Ác với lỗi cũng có chút phân biệt.

ĐẠI CÁI HỐI là một niệm trước lỗi, giác nó liền không. Chánh giác rõ ràng thì liễu triệt để không gì chẳng liễu. Công còn chẳng nói, có lỗi gì để nói ư?

Người muốn được hiện đời không tạo tội lỗi, chỉ có một pháp tham thiền, làm đến nơi đến chốn thì công bất khả đắc, lỗi bất khả đắc. Vì sao? Người tạo ác, ác từ tâm khởi, nếu đem hai chữ tham thiền phủ lên tâm, người ác chỉ thấy tham thiền, không thấy tâm ác. Vậy làm cách nào để phủ lên? Người ác đâu thể tham thiền. Không đúng! Mặc người ác cầm đao, ta cứ tham thiền, mặc người ác trộm cướp, ta cứ tham thiền. Chỉ cần làm đến chỗ người ác, ta không ác, chẳng những ta không ác mà còn thêm tham thiền nữa. Như vậy, pháp của người ác không thi hành được, tâm của người ác làm sao khởi được! Người ác ở thế gian không bao giờ ác với chính họ. Nếu cả thế gian đều là người thiện hết thì người ác này hạ thủ vào chỗ nào. Chỗ có thể hạ thủ là người thiện, chẳng lẽ cầm đao chặt tảng đá, chém khúc cây sao?

Ồi! Trước không tạo nhân ác, nay không cảm quả ác, như trước kia chưa giết người thì bất cứ lúc nào cũng không có người giết ông. Được đời đời, kiếp kiếp không sát sanh, trộm cướp, dâm dục thì thẳng đến thành Phật không bao giờ có sát sanh, trộm cướp dâm dục.

Lỗi lớn phải sửa, lỗi nhỏ phải đề phòng. Không đề phòng cũng là lỗi rồi vậy.

62. KHÔNG BAO GIỜ TÁI PHẠM

Người tham thiền như có lỗi xấu đã sám hối rồi, không tái phạm nữa mới có lợi ích. Nếu buổi sáng trả tiền, buổi chiều vay nợ thì đến bao giờ mới trả xong.

Như một lỗi lớn chọc âm xuất tinh (*thủ dâm*) ban đầu không để ý đến tội lỗi, chỉ muốn khoái lạc. Nếu người dùng tay mình chọc âm một lần thì sau khi chết bị đọa vào địa ngục Đại khiêu hoán một lần. Một lần như vậy trải qua thời gian bằng tuổi thọ của trời Đâu suất là hai nghìn năm, tính theo nhân gian phải trải qua một vạn bốn nghìn bốn trăm vạn năm. Nếu thủ dâm hai lần thì lại thọ thêm một vạn bốn nghìn bốn trăm vạn năm nữa ở địa ngục Đại khiêu hoán. Đền tội xong lại bị đọa vào địa ngục Hàn băng rất khổ.

Cách thọ khổ ở địa ngục Đại khiêu hoán như thế nào? Kẻ tội nhân dùng tay mình chọc âm xuất tinh để được khoái lạc, một khi đến địa ngục ấy thì có chố lửa bằng sắt đến cắn dương vật của người ấy. Người ấy lấy tay đuổi chố, tay liền bị đốt cụt. Không đầy nửa khắc, hai tòa hắc sơn lớn từ xa nhập lại ép như cái trục nghiền. Tòa hắc sơn này nghiền qua, tòa hắc sơn kia nghiền lại, tội nhân kêu trời khóc rống không có người cứu. Một lần như thế phải chịu một vạn bốn nghìn bốn trăm vạn năm. Lại tùy theo người ấy dùng tay chọc âm xuất tinh mấy lần thì phải chịu tội mấy lần.

Đã biết chọc âm xuất tinh bị đọa địa ngục thì phải lập tức phát nguyện lập thế sửa lỗi. Mười ngày, tám ngày quên cái khổ địa ngục Đại khiêu hoán nghĩ đến khoái lạc lại chọc âm nữa, lại phát nguyện lập hạnh, lấy dây trói tay lại, đứng dậy phát thế.

Có người sợ thân buông lung ngồi mãi không nằm, có người trì chú đều để khỏi phạm lỗi này. Chẳng phải cố tâm dùng tay chọc âm thì tội nhẹ, phải đề phòng lỗi nhỏ ấy, đề phòng lâu ngày thì không còn lỗi nữa.

Có người thích ngó nữ sắc thích cùng người nữ giao thiệp qua lại, đều phạm tội đọa địa ngục Đại Viêm Nhiệt. Người sợ tội thì phải cải hối. Cải hối rồi sau lại phạm, phạm rồi lại cải hối, Diêm vương, Phán quan tính một đời của người ấy tội cải hối tội tái phạm chắc không phải là việc nhỏ. Một ngày nào đó chết rồi đi thẳng vào địa ngục như hòn đá rơi xuống nước, không còn chỗ nào khác, cứ thẳng một mạch đi thẳng chỗ thọ tội. Thật đáng thương xót! Hưởng thụ khoái lạc chỉ nhất thời mà phải chịu tội gấp nghìn vạn lần. Hãy suy nghĩ đi! Địa ngục khổ sở, nghĩ đến thì sợ nhưng chẳng mấy chốc, tại sao lại quên phứt đi? Vì sao không khăn cấp ghi nhớ trong lòng? Đáng thương người cả thế gian là quấy nước để ngừng sôi, hoặc nước trong nồi đang sôi tội múc một gáo nước lạnh đổ vào tạm thời có thể không sôi chốc lại sôi nữa, thật tổn công mà không biết bao giờ mới xong. Sao không rút củi dưới đáy nồi, chỉ tốn công một lần, không còn tổn công nữa.

Biện pháp rút củi dưới đáy nồi chính là tham thiền. Tham thiền đắc lực đến chỗ sâu xa, chẳng những nước không thể sôi mà cả nồi cùng lửa đồng thời sạch hết. Há chẳng khoái sao?

63. CHUYÊN MÔN

Người tham thiền bền giữ một pháp, chuyên môn ra sức hành trì không cho có một chút tản mạn. Dẫu mười hai phần chuyên môn tu học khó đạt đến mục đích hướng là tản mạn mà được ư?

Như người ở thế gian học nghề thợ mộc, sau khi thợ giáo với thầy, hàng ngày cầm búa đeo chập thì bị ăn đòn. Mười ngày, tám ngày bị đòn một lần, chịu không nổi, kiếm cớ xin nghỉ, hoặc tìm cách trốn đi. Về nhà lại bị cha mẹ đánh đòn, chửi mắng. Không về nhà thì bụng đói, không biết phải làm sao. Thôi thì đi học hớt tóc để kiếm cơm ăn. Một khi đến tiệm hớt tóc, chủ hoặc bảo nấu nước trà, hoặc móc lỗ tai, làm hơi nặng tay, lỗ tai người ta chảy máu, bị người ta mắng, lại bỏ nghề hớt tóc. Đi học hết nghề này đến nghề kia để kiếm cơm ăn, cho đến già một nghề cũng không thông thạo, rốt cuộc thành lãng tử.

Cũng như người học Phật nghe nói trì chú đắc thần thông, liền buông bỏ thân tâm trì chú, chưa đầy một năm, chỗ này thấy thần, chỗ kia sợ quỷ, liền tự suy nghĩ rằng mình thiếu căn cơ hành đại pháp này. nghe người khuyên: “Tốt nhất là niệm A Di Đà Phật, không có gì tốt hơn lúc sống một câu danh hiệu Phật, sau khi chết chín phẩm liên đài”. Đây là biện pháp đến nhà của ta, dẫu chết cũng không thay đổi, dẫu chết cũng lấy niệm Phật làm hạnh. Chí hướng này thật cao quý, ngay hôm ấy bắt đầu to tiếng niệm Phật. Niệm Phật được một năm, nửa năm, vì có chuyên môn mà không có chuyên hạnh, lại nghe người nói đi hành hương Ngũ Đài chiêm bái VĂN THÙ sẽ được mở thông trí huệ, tức thì vọng niệm mỗi lần lên bèn quên tuột cái chân hạnh niệm Phật dù chết cũng không thay đổi. Lại đi chỗ này tìm gióng gánh, đến chỗ kia kiếm túi hương, một vai vân thủy. Đi dọc đường chợt nhớ: “Ta phải phát nguyện niệm Phật đến chết, ngày nay lại đi hành hương thánh tích”. Tự hạn chính mình không có tâm thường hằng, than thở mãi không thôi.

Người chân thật tu hành nếu làm như thế thì không bao giờ thành đại khí (*người hữu dụng lớn lao trong Phật pháp*) được.

Giả sử tham thiền lại còn thêm một tầng nữa là phải chuyên môn tham, niệm động không hình, tu học không tướng, chuyên tại câu thoại đầu, sửa một văn phòng, kê một cái giường cao, trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ, mặc áo, ăn cơm, đi ỉa, đi đái ở tại đây ba mươi năm không ngộ không thôi, mới có phần tương ưng.

Nếu người tham thiền không có tâm lâu dài, không có chí bền thì khó hành đạo vậy. Sao vậy? Thế gian học chẳng chuyên môn, kết cục thành lãng tử.

Xuất gia tu chẳng chuyên môn, rốt cuộc thành phế nhân. Lãng tử và phế nhân không quan trọng, mà tham thiền chẳng thông chính là vùi chôn chính mình. Vì “Bỏ lai diện mục” trụ ở trong thiền, cho nên không tham không được.

64. NHẤT TÂM

Người tham thiền quý ở tại nhất tâm, nhất hạnh mới có thể làm xong đại sự. Như tâm chẳng nhất thì là hai tâm. Hai tâm tức là lìa sự tham thiền. Các việc thế gian chẳng cần thiết nhất tâm, chỉ cần nhận chân chịu khó học, không sanh biếng nhác thì sự việc có thể thành.

Riêng một pháp tham thiền, chẳng những hai tâm chẳng thể tham mà nhất tâm còn là dùng tâm, thẳng đến chân tham thì nhất tâm bất khả đắc. Nếu khả đắc thì chẳng phải là chân tham vậy.

Tham thiền cần phải nhất tâm để làm gì? Vô thi bất giác chỉ do nhất niệm mà thành vọng tâm. Trước vọng tâm tức là nhất tâm, nhất tâm, nhất niệm tên khác mà thể đồng. Cho nên ban đầu là nhất niệm, nay chỉ nhất tâm. Nhất tâm là từ trong tâm tán loạn mà làm thành nhất tâm. Vọng tâm tạo sanh tử. Nhất tâm dùng sanh tử. Chúng ta ở trong vọng niệm chịu đủ thứ khổ sở, tâm ấy càng khổ càng loạn. Loạn tâm tạo nghiệp, cảm quả báo muôn mối trải qua số kiếp nhiều như cát bụi còn không được nghe danh tự “NHẤT TÂM”. Ngày nay được đến địa vị nhất tâm tham thiền, chẳng tham tức là loạn tâm, tham tức là nhất tâm, mới biết có danh tự “NHẤT TÂM”. May thay! May thay.

Bắt đầu tham thiền chỉ có một mạch tham thẳng đi dùng hỏi nhất tâm, loạn tâm vì sao? Trong vọng niệm mới nhất tâm, tham lâu thì thành nhất tâm. Trong nhất tâm nói loạn tâm, hễ nói thì thành loạn tâm. Vì thế cứ lo tham, không cần hỏi, hỏi tức là vọng. Tất cả loài người và loài chẳng phải người (*phi nhân*) hiện tại đều đang sống trong vọng tâm. Người nào biết được rằng ta ở trong vọng tâm là không tốt. Ta phải giải quyết xong cái vọng tâm này mới tốt. Do vọng tâm mà có nhân luân hồi, do vọng tâm mà có nhân sanh tử, do vọng tâm mà có nhân thế gian, do vọng tâm mà có quả biển khổ.

Ai là người thật biết vọng là gốc khổ, và con đường phản vọng quy chân, hễ hành liền giải quyết xong? Đó là câu thoại đầu vậy.

Chẳng phải nhất tâm thì chẳng thể tham thiền.

Chẳng phải nhất tâm thì chẳng thể hành đạo.

Chẳng phải nhất tâm thì chẳng thể khởi nghi tình.

Chẳng phải nhất tâm thì chẳng thể liễu trần cảnh.

Chẳng phải nhất tâm thì chẳng thể không thế gian.

Chẳng phải nhất tâm thì chẳng thể hết phiền não.

Chẳng phải nhất tâm thì chẳng thể thấu thấy nghe.

Chẳng phải nhất tâm thì chẳng thể thoát tập khí của thân.

Chẳng phải nhất tâm thì chẳng thể trừ vọng tưởng.

Chẳng phải nhất tâm thì chẳng thể ngộ chân tâm.

Tâm của nhất tâm không danh tướng, không nương gá, không trong ngoài, không giới hạn, không bờ bến. Sức của nhất tâm hơn sức Phật, công của nhất tâm hơn công Phật. Sao vậy? Chẳng phải nhất tâm thì chẳng phải thành Phật, chẳng phải nhất tâm thì chẳng thể thành Bồ-tát. Đạo của nhất tâm chẳng phải là cạn cợt. Nếu người niệm Phật, niệm đến nhất tâm, được sanh tây phương ngồi an ổn trên tòa sen báu. Nếu người tham thiền, tham đến nhất tâm, minh tâm kiến tánh, con ba ba trong lu không thể chạy mất được.

65. NHẤT HẠNH

Người tham thiền chỉ hành một hạnh tham thiền là đầy đủ nghìn hạnh, muôn hạnh. Nếu một chân bùn, một chân gai, một chân trên trời, một chân dưới đất, một chân chánh đạo, một chân tà đạo, một chân tinh tấn, một chân biếng nhác, một chân để trống, một chân để suông qua. Nếu quả nhiên gót chân chấm đất thì đó là mỗi bước đều đúng. Bằng không, đừng việc chỉ trở ngại, mỗi bước đều sai.

Nhất tâm nói ở trước, chẳng phải các tâm thì không thể qui về một tâm ấy. Nhất hạnh ở đây, chẳng phải các hạnh thì không thể qui về một hạnh này.

Một chữ HẠNH là cửa của các điều thuận. Một chữ HẠNH cũng là cửa của các tai họa. Người thể gian, xuất thể gian, có người mở mắt hành, có người nhắm mắt hành, có người hướng thượng hành, có người hướng hạ hành. Hễ có thân đều là gốc của hành. Do đó, đầu hành thì đánh lễ, chân hành thì động, động thành quấy, hành lại càng quấy hơn. Mắt hành thì thấy sắc, tai hành thì nghe tiếng, mũi hành thì ngửi mùi, lưỡi hành thì nếm vị, thân hành thì chạm xúc, ý hành thì duyên pháp, đến đây muốn quay đầu lại hành thì khó lắm!

Do có thân này hành trong các đường mà có lục đạo:

1. Chẳng phải thân hành trì giới, bồi phước thì không thể sanh thiên đạo.
2. Chẳng phải thân hành nhân nghĩa đạo đức thì không thể sanh nhân đạo.
3. Chẳng phải thân hành bố thí mà ưa tức giận đấu tranh thì không thể sanh A-tu-la đạo.
4. Chẳng phải thân hành phá giới hủy báng thì không thể sanh địa ngục đạo.
5. Chẳng phải thân hành tham lam xên tiếc thì không thể sanh ngã quỷ đạo.
6. Chẳng phải thân hành ngu si xuẩn ngốc thì không thể sanh súc sanh đạo.

Chúng sanh trong lục đạo này thật đáng thương xót. Tai hại là do cái hành này. Con người tuy có thân, nhưng nếu thân không hành thì lục đạo toàn không. Từ đây chẳng oán hận có thân, mà chỉ oán hận vọng hành (*làm bậy*).

Hoặc có người hỏi: Tôi đã có cái thân máu thịt này rồi, đâu thể ngồi hoài, ít nhiều gì cũng phải hành mới đúng, chứ ngồi lâu sanh nhọc.

Đáp: Chẳng phải vậy!

Đáng tiếc người cả thế gian chỉ lo hướng ngoại hành, không có một người nào quay đầu lại hành.

Nếu có một người lớn tiếng nói: Thiên hạ đều hướng ngoại hành khiến cho loài người đầy mặt đất, súc sanh đầy hư không, làm sao dừng lại?

Tôi nay khẳng khái nói với thiên hạ rằng: Một mình tôi quay đầu lại hành, tức là hồi quang phản chiếu hướng vào thân của mình tìm cái tự kỷ chân thật, lúc tìm gọi là “Việc dưới gót chân”, cũng gọi là “việc bồn phận”, cũng gọi là “việc liễu sanh tử” cũng là “làm cái việc thành Phật”.

Thiên hạ hỏi: Tại sao ông biết tôi hướng ngoại hành?

Người hướng nội đáp: Mời ông hành theo tôi.

Thiên hạ nghe mà không dám đáp thẳng nói: Cái hành này của ông chẳng phải thân hành, xem ra dường như tâm hành.

Tôi khuyên thiên hạ biết được tâm hành, tôi dám bảo đảm thiên hạ đều là chư Phật. Sao vậy? Chỗ tâm hành diệt chính là đạt cái thể của chư Phật vậy.

66. CHÂN THAM THẬT CỨU

Người tham thiền cần nhất là phải chân tham thật cứu thì tham thiền mới có phần đắc lực. Nếu cứ theo thái độ cũ, chẳng những không thể khai ngộ, lâu ngày còn khiến công phu dần dần diệt mất.

Thật chẳng phải là việc nhỏ!

Người tham thiền trước tiên phải biết tham thiền sâu chẳng phải là công phu ba năm, năm năm. Trước tiên cần phải từ chỗ thích nổi vọng tưởng chẳng cho nổi vọng tưởng thích nói cười, chẳng cho nói cười, thích mặc đẹp, chẳng cho mặc đẹp, thích ăn ngon, chẳng cho ăn ngon, thích giữ thể diện, chẳng cho giữ thể diện. Phải biết cái thích đó là nghiệp thân của ta, từ vô thi kiếp đến nay nhiễm cái tập quán đại ác này, vừa ý thì vui, nghịch ý thì giận. Ngày nay chẳng cho nó thích, đó là đạo nhân nhẫn tâm chặt đứt cái tập khí từ vô thi của thân. Rất cần phải lưu tâm, dụng ý từng giây từng phút mới có thể trừ được chút ít.

Bằng không thì hôm nay trừ tập quán, ngày mai nhiễm tập quán lại còn nặng hơn.

Từ chỗ đầy cả thân là tập quán xấu ác, từ từ nhận tâm quả trách các tập quán xấu ác ấy. Có một tập quán, liền quả trách, có nửa tập quán cũng liền quả trách. Cách quả trách ra sao? Như một niệm dâm nổi dậy, phải mau mau nhẫn tâm quả nó một tiếng. Quả một tiếng nó chẳng chịu thôi, thì quả nữa, chừng nào niệm dâm chấm dứt mới thôi. Phải biết một tiếng quả này, là niệm đầu chẳng theo niệm dâm. Một tiếng quả này tức là chánh niệm rầy tà niệm.

Hàng ngày, đối với tất cả tâm ác, niệm ác trái với đạo, phải mau mau quở một tiếng. Một tiếng quở liền dẹp xong, bớt được rất nhiều chuyện. Như đi nghìn dặm, vạn dặm, vạn vạn dặm đường, một bước đầu nếu sai, phải liền quở nó một tiếng. Bước sai thu hồi, tức là đi đường chánh. Xét ra chỗ sai là ngay từ một bước đầu sai mà không quở, đợi đến sai nghìn dặm, vạn dặm mới biết là sai đường thì uổng phí nhiều ngày giờ và khổ nhọc.

Lại như lửa là tánh dữ không có một chút vị tình, đụng nhằm thì nó đốt ngay. Giả sử như một đóm lửa trên que diêm, ngón tay có thể bóp tắt. Thế mà đợi đến khi nó đã đốt cả đống cỏ ta thì khó mà dập tắt. Lại như niệm dâm sắp nổi dậy, quở một tiếng liền dứt. Nếu không dùng một tiếng quở này thì trước động niệm dâm. Kế động thân dâm, rồi động việc dâm, lại thọ quả báo của dâm. Hãy suy nghĩ xem! Quả báo đau khổ địa ngục ức vạn nghìn năm của tội dâm, chỉ vì thiếu một tiếng quở khi niệm dâm bắt đầu nổi dậy. Một tiếng quở này có thể dẹp niệm dâm, có thể khỏi sanh tử, có thể thoát luân hồi.

Phải biết, một tiếng quở này đạt thẳng đến mục đích chân tham thật cứu.

Mục đích là cái gì? Là chúng ta chấp có, quở một tiếng “CÓ” bất khả đắc, quở một tiếng nữa “KHÔNG” bất khả đắc. Đây gọi là công phu chân tham thật cứu. Làm được công phu đến chỗ tắt cả niệm ác sắp nổi dậy liền quở chính là tương ưng với tham thiền. Nhưng mà mãnh lực của một tiếng quở chỉ đề phòng ngăn dứt niệm ác. Lại quở nữa, là đề phòng niệm ác không nổi dậy, mà không phát sinh chỗ một tiếng quở đặt đề ở chỗ nào? Niệm ác lại là chỗ nào? Rốt cuộc cũng chưa phải là mục đích ngộ triệt đề. Ngộ triệt đề chỉ có tham thiền phát ngộ. Bất cứ cái nào cũng đều bỏ triệt đề, đến đây chẳng những niệm ác không, mà niệm thiện cũng không, thì một tiếng quở đặt đề ở chỗ nào?

67. GIỮ ĐƯỢC LÂU DÀI

Người tham thiền, công phu làm đến chẳng đánh mất, chẳng tẩu tác, chẳng gián đoạn mới được gọi là công phu giữ được lâu dài.

Sao vậy? Ngay lúc đề khởi câu thoại đầu nghi tình trong suốt, niệm không tán loạn, hôn trầm, thấy không có vọng vi tế, dù thấy sắc nghe tiếng, công phu vẫn còn, đây gọi là chẳng đánh mất, là chẳng bị thanh sắc chuyển đi vậy.

Trong suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ sáng sửa rõ ràng tinh chuyên tham cứu từ sáng đến chiều chưa có một phút nào có chút xao lãng, đây gọi là chẳng tẩu tác.

Tâm tâm nỗ lực tham, niệm niệm sâu xa thâm vấn, không có niệm chẳng tham, không có tâm chẳng tham, có tâm thì tâm tham, có niệm thì niệm tham, hữu tâm thì hữu tâm tham, hữu niệm thì hữu niệm tham, vô tâm thì vô tâm tham, vô niệm thì vô niệm tham. Chỉ biết có tham không biết chẳng tham, đây gọi là chẳng gián đoạn. Đây là công phu thành Phật. Ba điều này được như vậy, chính là công phu giữ được lâu dài. Công phu tức là tham thiền vậy.

Chỗ hành như thế, người ngoài thấy dường như khó hành. Làm đến công phu như thế mới có chút phần thành Phật. Nghĩ ra thật khó quá! Tôi xin lấy một thí dụ hỏi các ông: Như người thể gian phát tâm làm ruộng, thân ở trên ruộng, tâm ở trên ruộng, việc làm ở trên ruộng, có lẽ nào không phải miệng nói đến ruộng, thân làm việc ruộng, tâm nghĩ đến ruộng. Cho đến rú ông ta đi xem hát rất hay, ông ta bận lo việc làm ruộng không có một giờ nửa khắc ngưng nghỉ để đi xem hát. Có người hỏi: Ông lo làm ruộng, sao mà khổ quá vậy? Người làm ruộng đáp: Không lo làm ruộng không có cơm ăn. Lo làm như thế còn chưa đủ ăn, đâu có thể không lo làm được! Lại hỏi: Thân ông có thể bận làm, chứ tâm ông đâu có bận làm, tâm đã thanh nhàn, mời ông niệm Phật nhé! Người làm ruộng đáp: “Thân tâm đều nhọc mệt, đâu có tâm rỗi rảnh để làm việc khác”. Hỏi tiếp: “Việc khác so với việc làm ruộng còn tốt hơn, sao ông không làm? Người làm ruộng nghiêm nghị đáp: “Người làm ruộng chỉ biết làm ruộng, chẳng hiểu đến việc khác, chẳng mong muốn làm việc khác”. Do đây có thể suy ra tất cả các việc khác, không cần phải nhiều lời.

Người làm ruộng vì thân tâm của người ấy đều ở trên ruộng, năm nay lo làm, sang năm lo làm, lo làm lâu ngày thuần thực càng thêm thuần thực, thân tâm giữ được lâu dài, đây gọi là sự giữ được lâu dài của người thể gian.

Cho nên cho mặc ai nói có việc khác tốt hơn làm ruộng vạn phần, người ấy cũng không muốn làm, vì chỉ tính chuyện việc này mà không tính chuyện việc khác.

Người tham thiền chúng ta cũng như người làm ruộng kia, hạ thủ công phu thân tâm đều nhọc mệt, lâu ngày không bê trễ mới có thể ngộ. Buồn thay! Người đời dùng cái tâm không được lâu dài, thọ cái thân không được lâu dài. Làm cái việc không được lâu dài, trụ cái chỗ không được lâu dài, tu cái nhân thể gian, cảm cái thân thể gian, nhẫn chịu cái báo thể gian, rốt cuộc không có cái chỗ mục đích giữ được lâu dài. Chỉ có người chân thật tham thiền trước tiên ở trong thanh sắc sớm chiều thay đổi mà tham, kẻ đó ở trong chớp nhoáng, huyễn hóa, bọt nổi, bóng trong gương mà tham. Do cái niệm của tham lâu dài, cái tham của niệm lâu dài mà tham chẳng thể mất niệm, niệm chẳng thể bỏ tham, niệm cùng với tham, tham cùng với niệm giữ được lâu dài.

Thế nên biết, hư không chẳng lâu dài, niệm này mới lâu dài. Tham và niệm kết chặt mới có thể giữ được lâu dài. Trước do cái tham lâu dài, rồi lại quên cái niệm lâu dài. Nếu có thể đem sự giữ được lâu dài đập vỡ tham và niệm thì chẳng những tham bất khả đắc, mà ngộ cũng bất khả đắc.

68. KIÊN CỐ

Người tham thiền, hàng ngày tâm chẳng kiên (*bền*) thì không thể thường tham, lực chẳng có (*chắc*) thì không thể trụ lâu.

Thế nên biết, một pháp tham thiền, người ta không dễ gì biết. Tại sao?

- Thiền là một tờ giấy mỏng, đập vỡ liền không.
- Thiền như bụi đóng trên gương, lau sạch liền thấy.

- Thiền như nắm tay không, mở ra liền xong.
- Thiền là lõi cây chuối, lột hết bẹ thành không.
- Thiền là mây mù trong hư không, quét đi liền mất.
- Thiền là hoa đẹp mùa xuân, gió thổi liền rụng.
- Thiền là băng giá mùa Đông, gặp hơi nóng liền tan thành nước.
- Thiền là cây đuốc, hễ dập thì tắt.
- Thiền là đại địa đêm tối, mặt trời lên liền sáng.
- Thiền là vọng tưởng của chúng sanh, hễ tỏ ngộ liền hết.
- Thiền là thật chẳng rõ ràng, hễ nghi liền ngộ.
- Thiền là không mê, không ngộ, người chứng mới biết.

Thế nên biết, thiền này là một hạt giống của chúng sanh và Phật người ta chẳng dễ gì thấy, chẳng dễ gì biết. Nhân vì hạt giống này được sự dinh dưỡng, của thương ghét mừng giận của thân tâm như đất, nước, cho đến tận đến đời vị lai chẳng thể tận. Nay muốn thu hạt giống, nhổ gốc rễ, hạ nhánh lá, lấy hoa quả đồng thời đều không muốn được không chúng sanh, trước tiên sẽ tham thiền. Thiền tức là hạt giống của chúng sanh và Phật. Tham là khí cụ để nhổ hạt giống.

Hạt giống được nhổ bật ra thì tự chúng sanh, tha chúng sanh tiêu diệt hết, không còn sót.

Lại thiền như căn bản chương, chương trừ hết thì thành Phật. Phải biết chư Phật và chúng sanh chỉ cách một niệm của đương nhân. Niệm tức là thiền vậy.

Hãy nghĩ xem! Phật của chư Phật còn chẳng biết chỗ nào chẳng Phật. Chúng sanh của chúng sanh thật ở trong niệm của chúng ta, chẳng lẽ ngay cái vọng tưởng này của chúng ta cách chư Phật không xa sao? Chẳng phải vậy! Gần còn bất khả đắc, xa lại càng bất khả đắc. Căn cứ theo đây mà nói chẳng lẽ ta là chư Phật, chư Phật là ta sao? Cũng chẳng phải.

Chúng sanh và Phật tuy chẳng phân biệt, nhưng ở giữa bị ngăn cách bởi một chữ THIÊN. Nếu đập vỡ được thiên quan (*cửa ái thiên*) thì mới thật là không ngăn cách. Vậy chỗ ngăn cách giữa ta và Phật là một chữ THIÊN, chúng ta cần phải nhận cho rõ.

Ngày nay ở trên thiền tham, ngày mai ở trên thiền tham, tham cứu lâu ngày đạt đến mục đích kiên cố bất thoái, thẳng đến đập vỡ thiên quan. Phật bất khả đắc, chúng sanh cũng bất khả đắc. Lại tiếp tục khổ tu đến chỗ chúng sanh khả đắc. Phật cũng khả đắc, tận hư không, khắp pháp giới mười phương Phật Tổ, đại địa gạch đá đều thành vĩnh đắc. Hai chữ VĨNH ĐẮC này rất kiên cố. Hư không tuy không mà chẳng thể gọi là chân không. Đại địa tuy thật mà chẳng thể gọi là Vĩnh thật. Hữu tình tuy hữu mà chẳng thể gọi là vĩnh hữu. Vô tình tuy vô mà chẳng thể gọi là vĩnh vô. Duy có Vĩnh đắc tự đắc, tự đắc kết cuộc thành ra quy về VÔ SỞ ĐẮC.

Tôi xin khuyên mọi người hãy có tâm đều có thiền. Hãy có thiền đều có quan (*cửa ai*), hãy có quan thì phải nhận chân mà gấp tham, huyễn tham thì không phá được quan. Gấp tham, trường cửu tham, kiên cố tham, lâu ngày đập vỡ được tâm quan của mỗi người. Tâm quan tức là thiền quan vậy.

69. ĐẮC LỰC

Người tham thiền đến chỗ đắc lực quên thân tâm, quên thế giới, trên chẳng thấy trời, dưới chẳng thấy có đất, thấy núi chẳng phải là núi, thấy nước chẳng phải là nước. Đây là chỗ công phu đắc lực.

Công phu làm đến chỗ đắc lực chưa biết là chỗ nào? Muốn biết chỗ nào đều quy về chỗ đắc lực. Đã đắc lực thì quên chỗ, lúc quên chỗ thì đều chẳng nhớ, chỉ biết mãnh liệt tham, chẳng biết lực. Biết lực tức đắc, đắc lại thất. Đắc mà lại thất thì lực ở chỗ nào? Một mũi tên BIẾT đâm thẳng vào xương, phải mau nhổ mũi tên (*BIẾT*) này ra, nắm lấy thiền lực khiến cho công phu luôn luôn không ngừng. Công phu luôn luôn không ngừng, chẳng hỏi đắc lực hay không đắc lực. Công phu một mai làm thành công, sau khi thiền quan bị phá vỡ cũng đừng thôi nghỉ. Thử hỏi: Thiền quan đã bị đập phá vỡ rồi, tại sao chẳng thôi nghỉ? Cái lỗi thôi nghỉ chẳng phải nhỏ, vì trên phụ chú Phật, dưới bỏ chúng sanh. Nếu làm hạnh Bồ-tát Đại Thừa thì phải mau bỏ Tiểu Thừa mà cứu chúng sanh.

Chúng ta nếu chẳng tham thiền thì không thể nào ngộ đạo. Nếu chẳng tham thiền thì tự kỷ rất khó chiều cổ tự kỷ. Nay đã khai ngộ, thống thiết nghĩ đến chúng sanh đau khổ, nhớ lại ta cũng đồng là người phàm như chúng sanh chẳng dè đạt đến mục đích độ chúng sanh. Đã có khả năng độ chúng sanh, phải biết chúng sanh khổ. Chẳng biết chúng sanh khổ, chẳng thể ban vui. Muốn được khả năng ban vui, trước tiên phải vận đại bi làm đến mục đích lòng từ hay ban vui, lòng bi hay cứu khổ, mới là tâm Bồ-tát, đoạn dứt hạt giống Nhị Thừa. Thật được như vậy, mình người đều lợi, đâu mất công phu đắc lực. Nhân vì lúc tham thiền tuyệt nhân ngã, quên ăn ngủ, dứt thân sơ, lìa ồn náo, xa trần cấu, cắt đứt dây ân ái buộc ràng, đoạn tâm niệm thế tục, mới có thể thuận tâm vừa ý làm đắc lực công phu. Nhưng nếu chẳng ở trong chỗ đông đảo ồn ào kinh nghiệm qua thì chẳng những không có năng lực độ người mà chính việc độ mình cũng hãy còn mờ昧.

Mừng thay! Ngày nay là lúc ta độ hết tự tánh chúng sanh, nếu không phải được đến chỗ lực lượng của công hạnh chân thật thì chẳng phải là công to. Có lực lượng này mới có thể đập vỡ thiền quan sanh tử. Thiền quan đã phá vỡ rồi, mau mau lo độ chúng sanh mới xứng đáng là con của Phật.

70. TÁN TÂM DỤNG

Người tham thiền, một niệm thiền, một niệm vọng. Lúc ở tại một niệm thiền, cái niệm này hể đến trên thiền thì nhìn bốn phía không có cửa, gọi không người đáp, kêu không người ứng, niệm này qua niệm kia lằng xằng không ngừng, trụ trên thiền như lửa đốt thân, mới kêu là khó chịu.

Nghĩ rằng: “Đem tôi đến chỗ này để làm gì? Trên chẳng thấy trời, dưới chẳng thấy đất. Lại chẳng thấy có một người giáp mặt với tôi”, hận nói: Cái này là thiền gì mà từ vô lượng kiếp đến ngày nay ở đâu tôi cũng đều đến rồi, mà chưa thấy cái chỗ này.

Như người mới đến văn phòng tối, xòe tay không thấy tay, tối đến mức không thể động bước chân, dừng lại nửa khắc dường như có chút ánh sáng nhỏ đáng thương kẻ đại ác tạo sanh tử này, khách sáo gọi nó là niệm đầu. Dem nó nhốt chặt vào một văn phòng tối, mới ban đầu thấy là phòng tối, thật không muốn ở, đung bên này nhảy qua bên kia, nhảy một hồi, ngừng nghỉ một lát, phòng tối dần dần thấy có ánh sáng, ngó chỗ này, nhìn chỗ kia, chẳng thấy vật gì cả, đập một chân nhảy được ra ngoài. Vui thay! Sung sướng thay! Vô cớ đem ta nhốt vào một cái thiền quan đen tối, mới ban đầu thì hoàn toàn đen tối, kể đó thì có một chút ánh sáng, lại không có một người nói chuyện với ta, thật buồn quá! Nay bắt tri bắt giác nhảy được ra, nghĩ rằng: “Sau này không chịu đến chỗ đen tối như vậy nữa”.

Đây là một hiện trạng của một niệm thiền.

Một niệm vọng nghĩa là vừa bị cái thiền đen tối này nhốt một lát thì nhảy ra ngoài, chỗ này gãi đầu, chỗ kia gãi chân, lại mừng rỡ, lại duỗi lưng, làm cho cái thân thịt này khi thì bảo hương khi thì đi tiêu, đi tiểu, khi thì quay đầu lại không thấy vị chấp sự, ở bên cạnh thì lén cùng người nói vài câu chuyện riêng. Hể thấy chấp sự thì nhắm mắt lại. Bị người ta thấy trách: “Ông đừng có phóng túng, ông lén lút nói chuyện riêng đã bao nhiêu lần rồi, tưởng người ta không biết. Ngoài mặt làm ra vẻ người tốt, bên trong thật là người xấu”. Lại nghe thiện tri thức khai thị nói: “Làm người còn phải trong ngoài chân thật, chẳng nên bên ngoài theo, bên trong nghịch”. Vị thiền nhân này then đỏ mặt.

Lại đến lúc tọa hương, vừa ngồi xếp bằng để làm sinh hoạt tham thiền nghĩ rằng: “Người nghi ta đi đứng nằm ngồi chẳng rời tham thiền, ta cảm thấy có nhiều lúc trong tâm không có câu thoại đầu. Thật rất hổ thẹn, nghĩ rằng: “Từ nay về sau, dù cho loạn động như thế nào cũng quyết nắm câu thoại đầu, loạn động không cho rời công phu” cho nó loạn động, đây là một niệm vọng, vọng tức là tán tâm rồi vậy.

71. HỮU DỤNG TÂM

Người tham thiền ở trong tán loạn tham thiền chẳng phải vọng tưởng đánh mất công phu, thì là công phu đánh mất vọng tưởng.

Sao vậy? Ngay lúc muốn dụng công, vọng tưởng ùn ùn kéo đến. Cái niệm biết vọng tưởng đã nổi lên vọng tưởng chẳng ít. Nếu đã biết là vọng tưởng rồi mà còn muốn bỏ vọng tưởng, còn muốn diệt vọng tưởng nữa thì vọng tưởng ấy nổi thêm vô minh. Vì sao?

Từ số kiếp vô thi đến nay đều do vọng tưởng ta tạo nên hư không đại địa, tạo nên gạch đá cỏ cây, tạo nên tất cả vạn vật, tạo nên mười phương Phật Tổ, chúng sanh. Người là câu thoại đầu lạ, ta không nên cho người đặt chân vào chỗ của ta. Vì trong nhà ta, người lạ được mời đến, trước là khách, sau muốn chiếm chỗ của ta, kể đến muốn người trong nhà ta thuận theo hẳn, hôm nay lại còn dám muốn diệt cả chủ nhà nữa, đâu có lý như thế. Cả thế gian, tất cả thiên đường, địa ngục đều là do ta khổ cực từ từ làm ra. Câu thoại đầu này, người to gan lớn mật, trước ta đãi người làm khách, hôm nay người chuẩn bị diệt ta. Lực lượng của ta bị người trừ khử chẳng ít, hiện tại thấy người từng bước, từng bước chạy đến chỗ ta ngủ toan muốn biến ta thành tội tớ của câu thoại đầu, đến nỗi phải nghe lời người chỉ huy.

Việc này sức mạnh, không còn có cách nào chạy thoát. E rằng càng chạy lại càng đến trong nhà người ta mà chạy. Tốt lắm! Ta thấy người vì muốn chiếm chỗ của ta mà phải chịu khổ một thời gian khá lâu, chỉ bằng bây giờ ta làm đứa bé ngoan của người cho rồi, ta chỉ biết một mực vâng lời.

Xin khuyên người tham thiền chỉ cần giữ chặt thiền quan chẳng sợ cái ác la sát vọng tưởng này, dù nó có bản lãnh làm cho người cao hơn Phật Tổ mà thành tội quá A Tỳ, ngày hôm nay ta tham câu thoại đầu, ngày mai ta tham câu thoại đầu, tham lâu ngày được đến chỗ công phu vĩnh cửu bất thoái bèn đem tâm can của la sát vọng tưởng nhỏ bỏ ra ngoài. Duy cái người đại ác này là vọng tưởng, chư Phật nó chẳng sợ, chỉ sợ thanh kim cương vương bửu kiếm này là câu thoại đầu. Sao vậy? Mong người tham thiền xem kỹ, vọng tưởng làm nghiêng ngả trời đất, thật kỳ lạ lắm, hễ đề khởi câu thoại đầu thì chân nó không dám động, nếu đề khởi một lần nữa, nó không có chỗ ẩn thân, nó sợ hãi thành ra như kẻ ngốc. Ngoại trừ câu thoại đầu ra, dù cho có bản lãnh như thế nào muốn làm cho vọng tưởng dừng lại một chút cũng chưa từng có. Xin mọi người ở thế gian hãy thí nghiệm xem, đến đây ra tay dụng công, chỗ nào cũng là chỗ đắc lực, không có chút ngăn trở, chính là hữu dụng tâm.

72. VÔ TÂM DỤNG

Người tham thiền tham đến ngoài chẳng biết có thể giới, trong chẳng biết có thân thể, giữa chẳng biết có thức tâm, tham được thiền như thế còn chưa đạt đến mục đích vô tâm. Sao vậy? Công phu tham đến vô tâm là tham thẳng, không ngó lại, không tư lự, không phân biệt, không tha niệm, không tự niệm, không hữu niệm, không vô niệm, không có niệm tham, không có niệm chẳng tham, mới thật là công phu vô tâm.

Có người hỏi: Tôi thường nghe người của Thiền Tông nói: Thế gian dễ nhất không gì bằng tham thiền. Tôi nói chỉ có tham thiền là khó nhất. Vì sao? Hôm nay nói tán tâm dụng công, ngày mai

nói hữu tâm dụng công, lại nói vô tâm dụng công, rồi nói chân tâm dụng công. Lại nói: “Tìm tâm trọn bất khả đắc”. Lại nói: “Tâm không thì đậu về”. Lại nói: “Tâm không tất cả không”, dường như đây là một tâm, kia một tâm, thật làm cho người ta chóng mặt không biết phải dụng cái tâm nào mới tốt, tợ hồ khó hơn mọi việc ở thế gian.

Đáp: Mời ông đi từ Dương Châu đến Hoa Châu, đi thẳng là như vậy. Thử hỏi một câu này nói xong, có thể đi đến liền chẳng? Phải hỏi lại ông: Từ Dương Châu đi, từ cửa nào ra? Ngoài thành có thái bình chẳng? Tiền lộ phí có đủ chẳng? Đi đường thủy hay đi đường bộ? Sông Tam Xoa có bến dò chẳng? Chỗ Lục Thiểm có quán nước để uống trà chẳng? Phố Bát Lý có tiệm cơm để ăn cơm chẳng? Ở Tứ Lý ít phố, có phải đến Hoa Châu ăn cơm trưa chẳng? Xin hỏi từ Dương Châu đến Hoa Châu đường dài không bao nhiêu mà còn trải qua nhiều việc. Điều nói ra có nhiều chẳng? Nếu cho rằng một đoạn đường ngắn này nói có nhiều tình trạng, thì từ trong tâm nghiệp chương của phàm phu nói đến trong tâm chư Phật, có thể vạn vạn năm e rằng nói cũng chẳng hết.

Hôm nay người tham thiền là phàm phu, từ thiền tham đến trong tâm chư Phật, tại sao nói về tâm nhiều, nói về việc nhiều, là vì sợ người chưa thông thiền ý, đâu có quái lạ gì!

Ngày nay dụng đến công phu vô tâm, hàng ngày thấy nghe hay biết rõ ràng phân minh, mà chẳng cùng với thân tâm, thế giới có một chút xú niệm. Có một chút xú niệm thì thành hữu niệm.

Hữu niệm có thân tâm. Vô niệm đều là vô tâm, nhưng còn chưa quên một niệm tham thiền, đây gọi là vô tâm dụng.

73. CHÂN TÂM DỤNG

Người tham thiền từ tâm tán loạn tham đến hữu tâm, chỉ có tâm tham thiền không có tâm vọng tưởng. Lại từ hữu tâm dụng đến vô tâm. Vô tâm là không tất cả tâm thế giới, thân tâm, đến đây Miên Mật không chút gián đoạn. Như người cọ gỗ lấy lửa, hễ thấy có nóng cần phải thêm miên mật thì lia bóng dáng thức tâm, chỉ có công phu, không còn có tri kiến về công phu, đây gọi là chân tâm.

Đường lối của chân tâm như cọ gỗ có khói, chắc chắn có bật ra lửa. Biết rõ khi có khói ắt có lửa, không lửa thì khói từ chỗ nào ra. Thế nên biết khói cùng lửa chẳng lia gang tấc, có chút gián đoạn thì lửa tắt, khói theo đó mà diệt mất. Như người làm đến công phu chân tâm dụng chẳng phải là việc thường đâu! Chân tâm dụng này chẳng phải như người mới tham thiền cạn cợt quen miệng hay nói: Tham thiền phải chân tâm tham, phải thật sự tham, phải chân thật tham v.v... rất là khác xa nhau. Như một người ở trong cái ổ vọng tưởng tham, một người ở bên pháp thân tham, đủ thấy khác xa nhau một trời một vực. Đến địa vị chân tham này, trên nhân là chân tham, trên quả là chân ngộ, chư Phật hộ niệm, Long Thiên ủng hộ. Công phu đến lúc vô tâm còn cảm động Thánh hiền gia hộ, huống là chân tâm của sau vô tâm ư?

Trong phần Phù Tông Thuyết (*tức tham thiền phổ thuyết quyền thượng*) tuy có chỉ chỗ sâu xa rõ ràng, song vẫn e rằng người tham thiền hiện nay chán sâu mà lấy cạn. Vì thế, tôi trình bày thêm để cho người căn khí hơi lớn, chưa có thể gánh vác pháp khí đại ngộ, thường đến chỗ này thôi nghỉ được hiểu. Chỗ thấy ở nơi này rất gần giống với ngộ, cũng có thể nói huyền, nói diệu cũng có thể tự thừa đương vậy, cũng có cơ phong chuyển ngữ, nhướng mày trợn mắt, giơ nắm tay, dựng ngón tay, chấp tay cúi đầu, ho khạc, quơ tay, biết đau biết nhức.

Nhưng chỉ là ở ngoài cửa nhìn vào nhà, thấy được chút ít ở mặt tiền, còn bên trong thì không thể thấy hết, cho nên gọi là người ở ngưỡng cửa, hoặc gọi là người nhận bóng sáng ở đầu cửa, hoặc gọi là người được chút ít cho là đủ, còn cách xa vậy.

Nhị Thừa được chút ít cho là đủ, có mười tám món thần thông biến hóa bay đi trong hư không tự do tự tại, chẳng còn thọ thân đời sau, đã xưng là A LA HÁN, người này có thể sánh bằng ư?

Chân tâm dụng là chân nghi dụng. Chân nghi dụng thì chân ngộ nhập. Từ đây mới biết, tham là chánh tri, nghi là chánh hạnh, danh nghĩa và sự thật đều chân, ắt khai đại ngộ. Người xưa nói: “KHÔNG NGHI KHÔNG NGỘ”. Nghi là nhân của ngộ, ngộ là quả của nghi.

74. HỘ CHÁNH PHÁP NHÃN TẠNG

Người tham thiền ngộ pháp này ra hoằng pháp, chẳng bao giờ nên hoằng pháp khác, pháp khác là pháp thế gian từ nhân gian cho đến phi phi tưởng thiên đều gọi là thế gian. Hoặc thế gian này cùng thế gian kia cũng gọi là thế gian. Người ngộ tâm là xuất thế gian. Người chưa ngộ tâm là thế gian.

Như tham thiền kiêm trì chú, chỉ làm cho chú không linh nghiệm, thiền cũng khó thông, mỗi chân đạp ở một chiếc thuyền kết cuộc phải trật chân rơi xuống nước. Rơi xuống nước tức là luống công vô ích vậy.

Có người niệm Phật, đi nửa cây hương, tham thiền ngồi nửa cây hương. Niệm Phật sắp thuần thực, tâm có thể quy nhất, bỗng bị thiền làm hỏng mất, khiến cho niệm Phật chẳng thành khối được. Tâm tham thiền tha thiết, niệm có thể tinh thuần, mà chưa quên một câu Di Đà thì chân nghi rốt cuộc chưa thành phiền.

Có người ngồi tham thiền, đi niệm Phật. Có người hành tham thiền, ngủ trì chú. Có người dùng tham thiền cầu mưa. Có người dùng tham thiền cầu tạnh. Có người dùng tham thiền hoàn nguyện. Có người dùng tham thiền cầu phước huệ. Rốt cuộc chẳng phải là chánh nhãn lợi người, cũng chẳng phải là chánh nhãn hành đạo.

Đại pháp của Phật lấy minh tâm làm chủ thể, lấy chuyên môn làm chánh hạnh. Như Tôn giả Châu Lợi Bà Đà Đà sanh ra làm người không ra gì, xuất gia không biết một chữ, không biết một việc, không biết gì hết. Phật dạy ngày niệm hai chữ CHỖI QUÉT làm công phu. Tôn giả nhớ chữ

CHỖI thì quên chữ QUÉT, nhớ chữ QUÉT thì quên chữ CHỖI. Ôm ấp lâu ngày một câu CHỖI QUÉT không đầy ba năm, Ngài thành đại A LA HÁN.

Phải biết, tâm là loạn, pháp là nhứt (*một*) muốn được nhứt tâm phải dụng nhứt pháp. Một pháp trì lâu ngày, tâm kia dần dần chuyển loạn thành định. Dù dụng pháp nào cũng phải chuyên môn trì lâu dài, thân có thể chết, pháp không thể mất, tâm có thể đổi dời, pháp không thể đổi dời. Nếu có thể đem định pháp trị loạn tâm này, loạn tâm lâu ngày ắt y pháp mà định. Do đây tham câu thoại đầu ngộ tâm, niệm A DI ĐÀ PHẬT cũng có thể ngộ tâm, trì chú cũng có thể ngộ tâm, xem Kinh cũng có thể ngộ tâm. Nhưng mà pháp ngộ tâm có gián tiếp, có trực tiếp. Trực tiếp là ngay nơi tâm mà truy cứu tâm, cho nên ngộ tâm dễ. Gián tiếp là tại nơi cảnh mà truy cứu tâm, hoặc tại pháp khác mà truy cứu tâm, cho nên ngộ tâm hơi khó. Khó dễ là ở tại chỗ chuyên môn hay không? Nhất tâm hay không? Nhất pháp hay không? Nhiều tâm hay không? Nhiều pháp hay không? Lợi căn hay độn căn?

Do đây biện biết, người có thể hành một pháp này suốt đời chẳng hành pháp khác, chẳng sanh niệm khác thì thật là người lợi căn, nếu hành một pháp này ba năm, năm năm, lại hành một pháp kia, sanh một tâm kia thì suốt đời dù hành bao nhiêu pháp cũng không bao giờ đắc pháp.

Người hành đạo chỉ biết hận Phật pháp, mà không một người nào biết tự trách lấy mình. Đau đớn thay!

75. PHÁT TÂM RỘNG LỚN

Người tham thiền được khai đại ngộ phải phát đại tâm. Đại tâm là gì? Như phát nguyện độ người, phải phát nguyện độ hết mười phương chúng sanh, đây là đại tâm.

Lại nghĩ chúng sanh khổ mà phát tâm Bồ Đề. Hễ độ người không nên lựa chọn oán thân, bỉ thử, nam độ nữ cũng độ, người ác, súc sanh cũng độ. Cách độ như thế nào? Thấy người già trẻ, nam nữ thì rơi lệ tâm nghĩ: “Các người là cha mẹ quá khứ của tôi, tương lai các người nhất định thành Phật”. Tôi liền lau nước mắt, kính lễ trong lòng.

Thấy trâu ngựa chim muông thì buồn thương mà nói: “Các người tạo nghiệp gì mà phải thọ báo thân này. Tôi là con của các người. Các người là cha của tôi. Tôi làm sao báo hiếu các người”. Than thở như thế rồi, liền thống thiết phát đại nguyện: “Nguyện các người sớm trở vào loài người, tôi sẽ thuyết pháp cứu các người”.

Thấy núi song đất đai, gạch đá cỏ cây, cục bùn, miếng ngói, thâm nghĩ rằng: “Người trụ vào loại này để làm gì? thuở xưa có cục đá biết nghe pháp, người gỗ biết khóc than. Người là người nào? Tôi là người nào? Đợi có ngày tôi thành Phật, các người đều nghe pháp âm của tôi, đều được tôi giáo hóa.

Có hai người đánh lộn thì can ra, không đủ sức can thì khuyên họ thôi đánh lộn. Có người té xuống nước thì tìm cách vớt lên, chứ không nên nhảy đại xuống nước cứu vớt. Người làm như

thế bị gọi là tâm của Bồ-tát ngu ngốc. Trước hết phải xét lấy mình, rồi lo đến người khác, mới thành lợi cả hai. Có bé con bị người ta đánh, thì ôm lấy đứa bé, đưa lưng mình chịu cho người đánh. Có người cần ngón tay thì cho ngón tay, có người cần não tủy thì cho não tủy. Có người cần cái khổ thì cho cái khổ. Có người nhờ ta gánh đồ giùm thì ta liền gánh giùm. Đây là đại tâm cứu khổ, khổ tâm độ người.

Có người bảo ta phá giới, ta không chịu. Người kia ép buộc ta, thì ta chặt đầu ta cho họ. Có người mời ta giúp họ làm việc trộm cướp, ta không chịu. Có người thỉnh ta đãi đằng người khác uống rượu, ta không chịu. Đạo Bồ-tát thì chịu làm, phá giới thì không chịu làm. Ép ta làm, thì chặt đầu ta thì được, chứ phá giới thì không bao giờ được. Thật ra do người hành đạo ở đời mặt pháp tâm tuy rộng lớn mà hạnh chưa kiên trì, ý từ bi lớn mà không biết xét nên làm hay không nên làm. một ngày kia, chợt quên thánh giới, độ người trái lại hại người, người giữ giới bỗng phạm đại giới.

Lại, đại tâm là chẳng cảm quả báo phạm phu, chẳng tu nhân Nhị Thừa, đại tâm này mới được gọi là chân thật đại tâm, mới là đến chỗ tận cùng vậy.